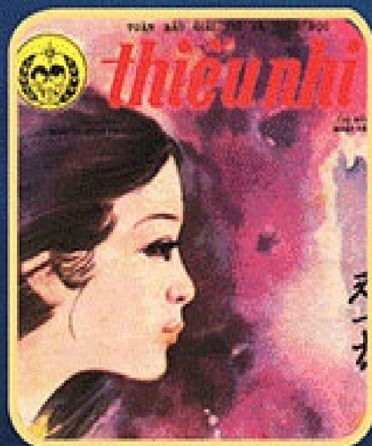
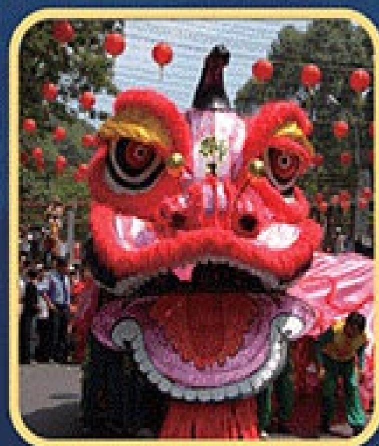
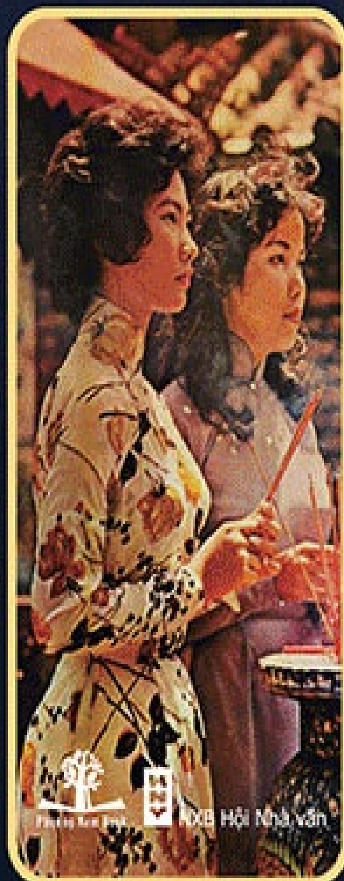





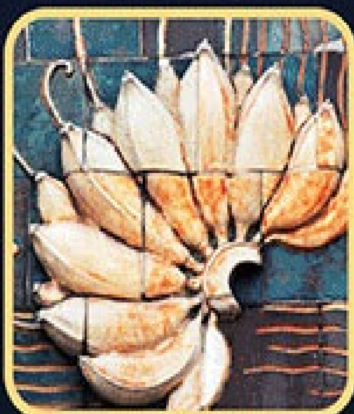
PHẠM CÔNG LUẬN

SÀI GÒN

chuyện đời của phố








PHẠM CÔNG LUẬN

SÀI GÒN

chuyện đời của phố






NXB Hội Nhà văn

Đôi khi tôi vẫn tự hỏi, mối tơ duyên giữa tôi và Sài Gòn bắt đầu từ khi nào? Từ cái Tết đầu tiên tôi theo ba mẹ vô Sài Gòn ăn Tết với gia đình bên nội, hay từ thuở ba tôi còn là một thiếu niên thường xuyên trốn học đi xem phim ở rạp Văn Cầm, Phú Nhuận. Hay xa xăm hơn nữa, từ năm 1941, khi chàng trai trẻ - là ông nội tôi - lặn lội từ Quảng Bình vô Sài Gòn làm cậu chạy việc cho các bà phước ở dòng tu kín sau Nhà Bưu điện Thành phố, ít lâu sau lại trở thành anh bồi của một gia đình người Pháp trên đường Catinat với mức lương 40 đồng bạc Đông Dương?

Dù thế nào, tôi với Sài Gòn hẳn đã có duyên, trước khi tôi về làm dâu một gia đình miền Nam lâu đời.

Nhưng có một điều lạ lùng, đó là càng ngày tôi lại càng cảm thấy mình không phải là "người Sài Gòn".

Đó là một cảm giác hơi khó lý giải, bởi đối với tôi, khái niệm "người Sài Gòn" không hề được đóng trong một cái khung nhỏ hẹp nào. Không cần bạn phải sinh ra ở Sài Gòn, chỉ cần bạn cảm thấy mình là người Sài Gòn thì bạn chính là người Sài Gòn. Thế thôi!

Vậy thì tại sao sau nhiều năm sống trong lòng thành phố mà tôi vẫn chưa cảm thấy Sài Gòn thuộc về mình, và ngược lại?



Ảnh: Alex Lapuerta Mediavilla

Đó là vì càng tiếp xúc với những thế hệ tiếp nối từng sinh ra, lớn lên và thậm chí chưa bao giờ bứt mình khỏi mảnh đất này trong suốt vài thế hệ thì tôi lại càng nhận ra rằng cái chất Sài Gòn của người Sài Gòn không dễ nắm bắt như những từ ngữ mà tôi thỉnh thoảng vẫn đọc đâu đó.

Có lẽ chính vì vậy mà nhiều năm qua tôi vẫn luôn tự hỏi: cuối cùng thì linh hồn Sài Gòn nằm ở đâu? Vẻ đẹp của vùng đất này? Cái tinh thần cốt lõi của người Sài Gòn nằm ở đâu? Ở lối sống đô thị phóng khoáng của những năm trước 1975 hay vẻ lịch lãm duyên dáng vẫn còn đọng lại trong những hồi tưởng về thời thuộc địa? Hay chính là lối sống vội vã náo nhiệt và luôn biến đổi của thời hiện tại?

Những câu hỏi đó, có thể nói là tôi đã tự trả lời được khi đọc xong bản thảo của tập sách này. Không hẳn là một tập tản văn hay sách ảnh, càng không mang tính nghiên cứu, nhưng **Sài Gòn - Chuyện đời của phố** lại chứa đựng rất nhiều hình ảnh, cảm xúc, đồng thời đầy ắp những tư liệu mới lạ.

Bất kể sự e dè lẽ ra phải có khi nhận xét về tác phẩm của "người nhà", tôi phải thừa nhận đây là một cuốn sách về Sài Gòn có giá trị và đáng đọc.

Tác giả không phải là nhà văn mà là một nhà báo. Vì vậy độc giả sẽ gặp phải đôi chút bất lợi, nhưng bù lại, được tận hưởng khá nhiều phần thưởng từ điều đó.

Bạn sẽ không tìm thấy những câu viết ngọt ngào về một "Sài Gòn chợt mưa chợt nắng" hay "những con đường có lá me bay". Không có những quán cà phê sang trọng và lãng mạn. Những cảm xúc không được bày ra trên câu chữ mà chỉ lẩn khuất đâu đó giữa những câu chuyện kể.

Đúng vậy, cuốn sách này đầy ắp những câu chuyện kể.

Với sự tò mò cố hữu và kinh nghiệm 30 năm làm báo, tác giả đã ghi lại được nhiều câu chuyện thú vị nhằm trả lời cho những câu hỏi mà chính bản thân anh, cũng như không ít người sinh sống ở Sài Gòn nhiều năm từng thắc mắc: người được đặt tên cho Ngã ba Ông Tạ là ai? Họa sĩ ký tên Duy Liêm trên những bìa nhạc tờ được yêu thích trước đây đã sống và làm việc như thế nào? Lịch sử một gia tộc đã và đang sống ở Sài Gòn suốt nhiều đời nay?... Câu trả lời được ghi lại qua những cuộc gặp gỡ và trao đổi với các nhân chứng cụ thể chứ không chỉ nhờ tra cứu sách báo. Chính điều đó tạo nên giá trị về mặt tư liệu cho cuốn sách.

Và có thể, bạn sẽ nhận ra rằng người Sài Gòn không chỉ là những người đã ra đi, hay trở về, mà còn là những người ở lại và chưa bao giờ rời xa.

Người Sài Gòn, không chỉ là giới thượng lưu thường xuất hiện quanh những đoạn đường sang trọng khu quận Nhứt, mà còn là phần đông bình dân sống trong những con hẻm nhỏ ở Đa Kao, Thị Nghè, Phú Nhuận hay Chợ Lớn...

Người Sài Gòn, không chỉ là các nghệ sĩ nổi danh thong dong tụ tập trong quán cà phê thời thượng, bàn chuyện thi văn nhạc họa, hay những cô gái xinh đẹp dạo phố trong tà áo lụa, mà còn là những con

người không xuất hiện trước đám đông, chỉ lặng lẽ âm thầm dâng tặng đời mình cho thành phố này qua mấy thế kỷ thăng trầm.

Người Sài Gòn không cống hiến tài năng hay công sức của mình cho thành phố như một lý tưởng. Họ cống hiến một cách tình cờ vì đã làm việc tất phải làm đến nơi đến chốn.

Người Sài Gòn, họ không màng thổ lộ cho ai hay mình yêu sâu đậm ra sao và nhớ da diết thành phố của mình như thế nào.

Người Sài Gòn, không để ý đến việc bạn viết "Sài Gòn" hay "Saigon", cũng không quan tâm bạn nói giọng miền nào, miễn hiểu nhau là được.

Người Sài Gòn không nhất thiết bắt bạn phải gọi đường phố theo tên mới hay cũ, miễn sao tìm thấy nhà là được.

Bởi với họ, chẳng có gì phải cực đoan.

Với những người Sài Gòn mà tôi biết, nếu có điều gì cực đoan thì đó chính là nghĩa khí. Đất Sài Gòn ưa chuộng những con người đàng hoàng và có nghĩa khí. Có nghĩa khí là sống làm sao để những người mà mình xem trọng không coi thường mình. Có nghĩa khí là dám nói dám làm. Dám làm dám chịu.

Càng hiểu sâu về một Sài Gòn không nằm trên bề mặt của những bảng tên đường hay nhà hàng quán xá thì tôi càng thấy Sài Gòn giống một kim tự tháp, nếu đứng từ xa bạn chỉ nhìn thấy cái chóp nhọn, phần cao nhất nhưng có diện tích nhỏ nhất. Chỉ khi đến thật gần, thậm chí bước vào bên trong, bạn mới nhận ra phần chân đế của nó rộng lớn chừng nào. Nếu chúng ta nhìn Sài Gòn và chỉ thấy đỉnh cao lấp lánh ở ngay trước mắt, nghĩa là ta còn chưa đến đủ gần.

Giống như phần chìm của một tảng băng, chính cuộc sống lặng lẽ trong dân gian lại chứa đựng cái chất Sài Gòn đậm đặc nhất. Bắt nguồn từ tấm linh hồn của đất Gia Định thuở xa xưa, nó vẫn đang âm thầm chảy như một mạch nguồn mạnh mẽ của đời sống Sài Gòn hôm nay, dù không dễ vẽ nên hình hài và cũng không mấy ai nhận thấy.

Chắc chắn có một chút dáng dấp của "chất Sài Gòn" ấy trong cuốn

sách này. Sự phong phú của các chi tiết cũng như giọng kể có chút lan man đời thường đôi khi khiến ta lạc lối. Không trau chuốt về câu chữ, nhưng bù lại, chất liệu thực tế ngồn ngộn bên cạnh những tấm ảnh hay tranh minh họa cũ, mới được sưu tập công phu, khiến cho việc đọc sách giống như bạn đang ngồi trong quán cà phê đầu hẻm, vừa nhìn cuộc đời trôi qua vừa nghe một người già kể những câu chuyện xưa nay, dắt dây nhau theo một cách khó ngờ. Trong đó, có người lạ và có cả người quen, có chuyện hấp dẫn, có chuyện lê thê. Nhưng chắc là không hề nhàm chán.

Ít nhất, nếu bạn cũng giống tôi.

Tôi không phải là người Sài Gòn. Dù giữa tôi và Sài Gòn có một mối tơ duyên.

Tôi không hiểu hết Sài Gòn. Dù tôi đã sống với Sài Gòn rất nhiều năm tháng. Chính vì lẽ đó mà tôi luôn muốn lắng nghe, lắng nghe, những câu chuyện đời thường của phố. Kể cả khi tôi biết rằng, thực ra thì Sài Gòn có nói gì đâu, chỉ có tôi - một người từ nơi khác đến - mới thường gán cho Sài Gòn những cái nhãn “thế này” hay “thế nọ”.

Sài Gòn có nói gì đâu.

Vài thế kỷ đã trôi qua trên mảnh đất này, và Sài Gòn chỉ âm thầm sống.

Đặng Nguyễn Đông Vy

Lời Ngỏ

Khi sắp hoàn tất cuốn sách này, tôi đọc được một tập sách nhỏ nhan đề **Những xóm bình dân trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn** xuất bản đúng 60 năm trước. Tác giả cho biết Sài Gòn lúc đó chỉ có khoảng 1,6 triệu người, trong đó xấp xỉ 1 triệu dân lao động sống dưới mức nghèo khổ. Phần lớn dân nghèo sống chen chúc trong các xóm bình dân như khu Bàn Cờ, xóm Cầu Muối, xóm Vĩnh Hội, xóm Lách, xóm Sở chữa lửa, xóm Chợ Đũi và xóm Đình Phú Thạnh... Họ sống rất gần trung tâm thành phố hoa lệ nhưng vẫn ở trong căn nhà lá hay vách ván, không có nhà vệ sinh riêng, hẻm ngõ thì bùn lầy nước đọng, điện câu nhờ, nước câu nhờ hay xài nước giếng.

Tác giả tập sách xưa đã đặt câu hỏi cho 55 gia đình: Nếu hòa bình trở lại trên đất nước, họ sẽ ở lại đất Sài Gòn hay quay về quê hương?

Trong hoàn cảnh đó, chỉ có 10 gia đình được khảo sát tỏ ý muốn ở lại, trong khi 31 gia đình mong mỏi trở về nguyên quán. Số còn lại đang lưỡng lự chuyện ở hay về.

Xóm nhỏ nơi tôi sống thuộc vùng Phú Nhuận, nằm trong khoảng đường từ Đình Phú Nhuận đi tới chợ Lò Đúc mà cuốn sách có nhắc. Ba tôi, khắc khoải giữa cuộc sống đô thị tất bật, đã luôn mơ đến ngày về quê cũ, nơi từng được gọi là Nông Nại Đại phố trên sông Đồng Nai. Những tâm sự của ông bên chén rượu Ngũ Gia Bì với mấy ông bạn gốc Bắc, gốc Quảng Ngãi trong xóm đều giống nhau, mơ ước về cuộc sống êm đềm bên con sông quê hương mình.

Nửa thế kỷ đã trôi qua, chúng tôi lớn lên, chứng kiến cuộc sống dần thay đổi. Nhà cửa ai nấy đã khang trang hơn, điện nước đầy đủ, trẻ nhỏ được đi học đàng hoàng. Suốt thời gian dài đăng đẳng đó, không có mấy người trở về quê cũ trừ khi hoàn cảnh bức bách lắm.

Sài Gòn đã tìm cách giữ họ lại, những cư dân cũ. Hay họ đã tìm cách làm cho cuộc sống quanh họ tốt dần lên. Qua bao biến động, có lúc đến nỗi phải bỏ nước ra đi, nhiều người dân Sài Gòn có gốc gác tứ xứ khi từ

nước ngoài quay về Tổ quốc vẫn nghĩ mình là dân Sài Gòn, chứ ít khi nhắc đến gốc gác xa nữa. Dù không là nguyên quán, Sài Gòn đã chính là quê hương của họ để quay về.

Tôi tin hầu hết con cháu của 45 gia đình trong cuộc khảo sát khi xưa, đã từng lưỡng lự muốn ở lại hay rời Sài Gòn về quê, nếu sau 1975 không ra nước ngoài sinh sống thì có lẽ vẫn đang sống trên mảnh đất đô thị này. Bởi vì không dễ gì bỏ Sài Gòn ra đi nếu anh đã từng sống ở đây.

Ở Sài Gòn lâu năm, dễ thấy khi người ta vỗ ngực xưng tên, có thể tự hào mình là "dân Cầu Muối", "dân khu Mả Lạng", "dân hẻm Cây Điệp", "dân chơi Cầu Ba Cẳng" hay "dân Xóm Mới", "dân Thủ Thiêm"... Không mấy ai xưng mình là "dân Sài Gòn" như một niềm tự hào, như một thứ giá trị. Người lục tỉnh khi nói về Sài Gòn, cũng chỉ gọi là "thành phố": đi thành phố, về thành phố... Và ai đó lìa bỏ quê nhà để lên Sài Gòn sống, khi quay về cố hương có thể bị, hay được gọi là dân "Sè ghềnh" rồi. Thực ra, cũng không có gì là quan trọng!

Nên có chút bất ngờ khi giá trị "người Sài Gòn" bây giờ càng lúc càng được bàn luận và đề cao nhiều như vậy, chẳng khác gì các niềm tự hào khác, như người Hà Nội, người Cố đô...

Sài Gòn, bây giờ là Thành phố Hồ Chí Minh, lâu nay và sau này vẫn sẽ là một nơi tụ hội để sinh sống, làm việc, vui chơi, tìm kiếm cơ hội thành công và trốn lánh những hệ lụy nặng nề của cuộc sống từ những nơi khác, để có thể làm lại cuộc đời. Có những giá trị cũ của Sài Gòn đã mai một, nhưng những giá trị mới vẫn đang hình thành và lớn dần. Cũng có những thứ kệch cỡm lố lăng cũ mất đi, thay vào đó là những thứ tương tự về tính chất, chỉ khác cách biểu hiện. Nhưng rất nhiều điều căn bản đã được giữ lại, ai cũng biết nên chẳng cần kể ra...

Khi xem những tấm ảnh cũ ghi lại hình ảnh người dân đi lại trên đường phố Sài Gòn năm 1961, năm tôi sinh ra ở Phú Nhuận, tôi thấy lòng nao nao. Năm đó, má tôi rời bỏ căn nhà êm ấm của tuổi thơ được dựng lên từ nhiều đời của dòng họ Nguyễn ở vùng Khánh Hội, quận 4 để về Phú Nhuận sinh sống. Ba tôi xa quê Cù lao Phố, hòa nhập từ lâu vào cuộc sống Sài Gòn trong công việc thư ký Hiệu buôn Kim Phát ở

chợ Bến Thành. Lúc đó, ông ngoại tôi, thư ký của văn phòng Sở Hỏa xa Đông Dương trên Đại lộ De la Somme (đường Hàm Nghi bây giờ) vừa mất không lâu.

Trong mấy tấm ảnh đó, người Sài Gòn hiện ra thanh lịch nhiều và lam lũ cũng lắm. Số đông trên đường phố vẫn là người làm công ăn lương, buôn thúng bán bưng, phu khuân vác, đạp xích lô và đánh giày. Tất cả phảng phất hình ảnh những người thân của tôi đang kiếm sống mỗi ngày.

Người thanh kẻ lịch được chụp ảnh trên đường phố trung tâm, đại diện cho một tầng lớp nhỏ trung lưu trở lên. Họ góp phần giữ tính cách của người Sài Gòn trong kinh doanh buôn bán và gìn giữ nếp sống lịch lãm nhưng không quá xa hoa, biết hưởng thụ nhưng có óc thực tế, vừa phải. Nhưng giới cần lao, đông đảo hơn mới chính là những người giữ lại các giá trị quan trọng như “kiến nghĩa bất vi vô dõng giả”, “trọng nghĩa khinh tài”, ghét thói “coi đồng tiền to như bánh xe bò” hay “làm ăn chụp giựt không có trước sau”... Họ lặng lẽ sống trong các xóm nhỏ, ban ngày ra đường kiếm sống, tối nằm nghe cải lương hay tin chiến sự. Họ sống giản đơn, sẵn sàng giúp nhau, đùm bọc nhau khi người cùng xóm gặp chuyện bất trắc. Họ là lực lượng chính khi muốn thay đổi cuộc sống bất công... Họ vô danh, nhưng sẵn sàng thể hiện sự chính trực của mình khi có chuyện trên đường, thể hiện quan điểm của mình trong một tiệm nước hay tiệm hớt tóc...

Vì những điều được trải nghiệm trong suốt mấy chục năm sống trên mảnh đất chôn nhau này, tôi luôn thấy tò mò về Sài Gòn, thành phố gắn bó cả đời mình. Những vẻ đẹp của một bức tranh từng mê mải ngắm nhìn, giai điệu âm thanh từng nghe thấy, một ngôi nhà đẹp vẫn thường qua lại, một địa danh hay tên người gợi nhiều điều gần gũi, thúc giục tôi tìm hiểu như một hành trình tìm lại những cảm xúc hồi mới lớn, và thành những câu chuyện kể.

Những người già trên bảy mươi hay tám mươi tuổi, đang sống ở Sài Gòn hay đã xa xứ từ lâu, kể cho tôi nghe những câu chuyện xưa lắc mà với họ như vừa mới đây. Chỉ là những câu chuyện cũ, không hề thể hiện chút gì tự hào quá mức, nhưng trong đó có hào khí, tích tụ từ cuộc sống dám làm dám chịu, lạc quan yêu đời, biết làm ăn giỏi giang và từng

vượt qua thất bại để tồn tại.

Tất cả những điều đó làm nên cuốn sách này, kết nối qua những bài viết từ những góc nhìn riêng hạn hẹp, với mong muốn nhỏ là cùng với bạn đọc lưu giữ thêm một chút ký ức về Sài Gòn, thành phố thân thương này, những ký ức mà khi viết ra được, chỉ mong sẽ không bị chìm lấp như bao vẻ đẹp đã mai một dần ở thành phố này.

Phạm Công Luận

Phú Nhuận, 2013

Trong quá trình thực hiện cuốn sách nhỏ này, chúng tôi đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ về tư liệu, hình ảnh từ nhiều nguồn trong nước và hải ngoại. Xin trân trọng cảm ơn các quý vị, thân hữu đã dành thời gian để tiếp chuyện, trả lời thư, đọc và góp ý bản thảo:

Nhà nghiên cứu **Lý Lược Tam**, tức Lý Tân Thới (Chợ Mới, An Giang)

Nhà nhiếp ảnh **Đinh Tiến Mậu** (Quận 3, TP.HCM)

Họa sĩ **Nguyễn Văn Tuyền** (Thủ Dầu Một, Bình Dương)

Họa sĩ **Phạm Cung** (Phú Nhuận, TP.HCM)

Ông **Trần Duy Sĩ** (Hoa Kỳ) và gia đình họa sĩ Duy Liêm.

Họa sĩ **Phi Mai** (Hoa Kỳ)

Gia đình họ Nguyễn ở Ngã tư Bình Hòa (Bình Thạnh, TP.HCM): Bà **Nguyễn Thị Gấm**, ông **Nguyễn Văn Luận**, em **Nguyễn Ánh Ngọc**. Đặc biệt cảm ơn ông **Nguyễn Hữu Danh** (Hoa Kỳ).

Gia đình cụ **Nguyễn Khánh Đàm**, đặc biệt là anh **Nguyễn Lương Dân** (Hà Nội)

Anh **Phan Anh Tấn** (Hội An, Quảng Nam)

Tác giả





Nét thanh lịch của thiếu nữ Việt trong mẫu quảng cáo nữ trang của cửa hàng Harmacie Centrale số 153 đường Catinat (nay là Đồng

Khởi), đăng trên tập san Xuân Việt Nam - Quý Tỵ - do Thư xã Đẹp Sài Gòn và Nùng Sơn thư xã Hà Nội xuất bản năm 1953.

Đường Lê Công Kiều nằm trên một góc khuất ở quận 1 và có thể tin rằng nhiều người sinh ra ở Sài Gòn vẫn chưa từng đến, dù nó rất gần chợ Bến Thành. Con đường nhỏ, lề hẹp, êm đềm vì không có mấy xe cộ. Đi trên đường Lê Công Kiều, dễ hoài nhớ con phố Tô Tịch ở Hà Nội, yên tĩnh và lặng lẽ dù sát bên phố Hàng Bông sầm uất.

Những người sống ở con phố này vẫn nhớ ngày một vị Tổng thống tóc vàng đến từ đất nước hùng mạnh nhất thế giới đi dọc con phố để xem chợ đồ cổ bày dọc vỉa hè và trong các tiệm nhỏ. Tấm ảnh chụp ông Clinton trên phố vẫn còn gài phía trong tủ kính của dì Tám tóc bạc bày trên vỉa hè gần đường Nguyễn Thái Bình, sát bên mấy cái chung trà Arita, Noritake còn lại từ thập niên 1970, vốn dành cho sĩ quan Mỹ mua về làm quà sau khi mãn nhiệm. Chuyến đi dạo ngắn ngủi của ông đã góp phần tạo nên thương hiệu cho con phố nhỏ này.

Dù nhiều bài báo cho rằng có tới tám mươi phần trăm số tiệm ở phố Lê Công Kiều bán những món gốm sứ hay tranh pháo giả cổ, giới sưu tầm cổ vật và yêu thích mỹ thuật vẫn xem đây là thiên đường của mình, bất kể việc họ từng nếm trải cảm giác “khi vò chín khúc, khi chau đôi mày” trước một món cổ vật thứ thiệt nhưng quá đắt tiền, hay một món gieo đầy hoang mang nhưng đã lỡ tiền trao cháo múc.

Cổ vật luôn thu hút, nhưng những món phỏng cổ, giả cổ cũng có sức hấp dẫn vì đa dạng và được chế tác tinh xảo. Có thể thấy dấu ấn văn hóa khắp thế giới trên đồ bày bán ở đây. Đồ cổ Trung Hoa luôn ngự trị như một ông vua không ngai - nhiều nhất vẫn là dòng đồ non đầu thế kỷ 20 thời mạt Thanh - đặc biệt là sứ xanh trắng vì vẻ đẹp trong trẻo nhưng thu hút, lộng lẫy nhưng chân phương. Thỉnh thoảng, có thể bắt gặp gốm, sứ phương Tây lạ mắt, tuyệt đẹp như đồ Wedgwood xanh lam nhạt với những chi tiết chạm khắc tinh tế hay gốm Nhật Bản Imari, Satsuma đầy màu sắc.

Đồ gỗ xưa ở đây không bày ngồn ngộn như khu bán đồ gỗ trên đường Pasteur đối diện café Terrace, nhưng lại có những món tinh túy

nhất, được cẩn ốc xà cừ đẹp nhất, thường chỉ đặt trong một góc kín khuất dành cho khách quen xem. Tủ Huế được giao dịch riêng, vừa chạm lộng vừa cẩn xà cừ, có khi cẩn ngà, giá lên nhiều trăm triệu một cái tủ chia ô. Bộ bàn ghế Louis đầu thế kỷ 20 với những chi tiết chạm khắc đậm chất Nam bộ với trái điều, khổ qua, mít hay sầu riêng... lưu lạc từ những ngôi nhà xưa cùng niên đại với Huỳnh Phủ ở Bến Tre hay nhà cổ Bình Thủy, bàn bạc nhanh chóng qua điện thoại và xem hàng tại nhà.



Một thế giới xưa cũ ngồn ngộn phơi bày, bàn toán Chợ Lớn và đèn *măng-xông* Đức, dọc tẩu hút thuốc phiện và máy hát dĩa than đá. Nó kích thích những người hoài cổ từng chìm đắm trong những trang sách về văn hóa hay đã từng biết về một quá khứ huy hoàng của cha ông.

Dăm ông về hưu xách tiền bán đất mua liền một loạt đồ sứ ký kiểu từ triều đình Huế đặt bên Tàu thế kỷ 18, 19 và có khi là "tân ký kiểu", miệng lẩm nhẩm như đang ngà ngà say, đọc dăm câu thơ *"Mó rận luận chơi thời sự, ngả lừa mừng thuở thái bình"* hay bài Tam Thai Thính Triều, Phong Kiều Dạ Bạc... và mơ màng chuyện tham gia triển lãm với

danh hiệu "Nhà sưu tầm cổ vật". Vài người săn lùng tranh Thành Lễ trước 1975, và rước về được bức sơn mài rất đẹp "dội khẩu" từ năm Mỹ đánh Irac, có chữ ký Thành Lễ còn tươi mới.

Đường Lê Công Kiều "xuất khẩu" niềm vui, sự hiếu kỳ, nỗi đam mê và vẻ đẹp ngất ngây. Ở đó có đủ "người tốt, kẻ xấu và tên vô lại" như trong một bộ phim cao bồi. Và nhân vật thứ ba thì luôn luôn có nhiều ở đây, ngồi đâu đó nơi quán cà phê cóc phía cột đèn góc Lê Công Kiều - Nguyễn Thái Bình hay cà phê Bảo tàng Mỹ thuật bên đường Phó Đức Chính, luôn quan sát những người nho nhã mới lân la ra phố. Họ sẽ dẫn dắt, nhận mua giúp và bày vẽ một số dấu hiệu nhận dạng đồ cổ ở cấp thấp nhất cho đến khi con mồi mắc bẫy ở những món đồ khủng mới sản xuất, nhưng được phủ một lớp thời gian giả mạo "tưởng như trăm năm" bằng các kỹ thuật độc đáo.

Tuy nhiên cũng đừng nên bi quan. Bà Sáu H. - một người bán vỉa hè, cánh cửa nhập môn cho người mới chơi - sẵn sàng trao đổi dăm ba câu dù có chua chát nhưng có thể giúp người mới đến tỉnh táo lại. Và hai mươi phần trăm chủ tiệm còn lại - đa số thích trông mặt bắt hình dong khách mới ra "Kiều" (một cách gọi con phố này) để không mất thời giờ với những người vô bổ và ít tiền - luôn thẳng thắn "phán" về giá trị món đồ một cách rạch ròi. Mặc dù không dễ nhận ra họ khi bạn ra phố với tâm trạng đầy hoang mang và nghi ngờ, nhưng tin tôi đi, khi đã kết thân với một người chủ tiệm nằm trong số này, cuộc sống của bạn sẽ thú vị hơn rất nhiều khi có dịp vừa uống ly cà phê nóng buổi sáng cuối năm vừa nhẩn nha nói về vẻ đẹp của một bộ ấm chén ký kiểu hay cái dĩa Celadon Nguyên với màu xanh ngọc hút hồn.

Đã lâu rồi, đường Lê Công Kiều thưa vắng những phụ nữ tay đeo túi xách đựng dăm món đồ lam Huế mua từ đất Bình Định, được cho là từ quân Tây Sơn đưa về sau khi ra Thăng Long cùng Vua Quang Trung. Họ mang đến đây nhiều ấm trà tuyệt đẹp tuy có chút sứt mẻ ở đầu vòi, miệng ấm nhưng giá rất khủng. Từ đây hình thành một lớp người săn lùng ngồi uống cà phê đầu đường Nguyễn Thái Bình từ sớm để canh mua những món đồ đẹp, trước khi người bán chào mời các chủ tiệm mạnh vốn. Có lúc nổi lên ở phố Lê Công Kiều cơn sốt mua cổ vật vớt từ các con tàu chìm vài trăm năm trước, đồ Khang Hy ở Vũng Tàu, đồ Minh phố ở biển Bình Thuận, sứ Ung Chính nhà Thanh ở vùng biển Cà

Mau, đồ Chu Đậu thời Trần ở cù lao Chàm. Đây là dòng gốm sứ mậu dịch nên số lượng nhiều, được các mối lái từ miền Trung, miền Tây mang ra bán. Trừ những món đồ độc có số lượng ít, đa phần đồ biển có giá vừa phải nên giới chơi cổ vật gom được khá nhiều món có tuổi, như tách và ấm trà Ung Chính, dĩa Chu Đậu hình chim hoa hoặc dĩa lớn Minh phố...



Ảnh: Nguyễn Đình

Đó là thời gian vui vẻ đầu những năm 2000, người chơi có đồ đẹp để mua hằng tuần, không sợ gặp phải đồ giả. Dần dần đồ cạn kiệt do cuộc thu gom của các đại gia và nhà nước tăng cường chống thất thoát. Thị trường Lê Công Kiều im ắng và uể oải với đồ sứt mẻ, non tuổi.

Cơn sốt gần đây nhất là đồ Biên Hòa với chủ lực là dòng đồ Trường Mỹ nghệ Biên Hòa trước thập niên 60 với những món lên tới ngàn đô, thu hút cả giới chơi cổ vật từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Đây là một xu hướng mới nhưng dễ hiểu khi dòng đồ cổ Tàu cạn kiệt vì được người Trung Quốc qua thu gom, hoặc đã vào nhà người chơi nhưng mấy ai bán ra, và giới chủ tiệm đã phải sang Thái Lan, Campuchia mua về bán

lại cho dân sưu tầm Việt. Đồ Biên Hòa thuần Việt lên ngôi là điều đáng mừng, nhưng vẫn là một xu hướng chơi mới cần có thời gian chiêm nghiệm.

Tôi đi ngang qua phố Lê Công Kiều từ những năm 80 để sửa máy ảnh ở tiệm Phạm Thê rất nổi tiếng ở đây. Lúc đó đồ cổ không bán rầm rộ. Những năm cuối 1990, đầu 2000 có thể nói là thời hoàng kim của chợ đồ cổ Lê Công Kiều khi kinh tế khấm khá, khách du lịch đến nhiều và các cuộc triển lãm cổ vật ở bảo tàng đã kích thích người ta tìm về cổ vật như một thú chơi cao cấp.

Bây giờ đường Lê Công Kiều im ắng hơn, và ngồi trong quán cà phê ngó ra đường phố, tôi mới nhìn sâu con phố nhỏ này. Dãy phố vẫn còn một ít nhà xây kiểu Tây từ thời còn mang tên đường Reims trước 1945. Đâu rồi nhà in Thạnh Thị Mậu, nơi học nghề của danh ca Sáu Thoòng “chuyên trị” vọng cổ một thời? Và đâu là tòa soạn báo Đại Việt tập chí (tập, không phải tạp) ở nhà số 5 của cụ Hồ Biểu Chánh những năm 1940, nơi cụ làm việc hàng ngày và có lần hứng chí mời anh em tòa soạn đi ăn ở đường Pellerin (Pasteur) gần đó. Thấp thoáng hình bóng cụ Phan Khôi lúc làm báo ở Sài Gòn xưa, năm 1924, tay cắp cặp, lơn tơn ghé vô nhà người quen rủ đi uống trà Bạch Mao hay Kỳ Chưởng.

Con phố bán đồ cổ này không hề được nhắc trong mấy quyển sách viết về thú chơi đồ cổ của cụ Vương Hồng Sển, nhưng có thể đây là con đường mà tên cụ được nhắc đến nhiều nhất từ những đồ đệ tự nguyện của cụ.

Lê Công Kiều, một con phố độc đáo và có khi là độc nhất ở Việt Nam, luôn bị nghi ngờ, có khi dè bỉu, nhưng vẫn luôn hấp dẫn như một huyền thoại, không ngừng làm gạch nối từ quá khứ đến hiện tại trong mắt khách vãng lai. Dù sao, nó vẫn là một trong những con phố đậm chất Sài Gòn nhất để nhớ về, cho những ai từng biết nó, khi đã xa Sài Gòn.



Cụ Vương Hồng Sển tiếp khách phương Tây đến thăm Cụ và bộ sưu tập. Ảnh chụp lại tại nhà Cụ Sển trên đường Nguyễn Thiện Thuật, Bình Thạnh.

Trong muôn vạn bàn chân chen phố thị

Ai thừa giờ nhớ một kẻ đi xa...

(Nguyễn Nam Trân)

Năm cùng tháng tận, chỉ còn dăm ngày nữa là Tết, người Sài Gòn thấy chộn rộn trong lòng một nỗi man mác khi nghe có gió chướng se lạnh thổi về. Xe bán dĩa nhạc có gắn loa đẩy vào các hẻm, nỉ non những bài hát xưa cũ lại khơi dậy cảm xúc mới, tưởng chừng như chìm sâu từ lâu trong cuộc sống lầm lụi.

Sài Gòn thay đổi nhanh đến nỗi không kịp giữ lại những sắc màu làm nên chính nó. Đã phảng phất hình ảnh một góc Singapore ở Phú Mỹ Hưng, một góc Paris ở đâu đó quận Nhứt hay một khu phố thương mại sáng choang không kém Âu Mỹ.

Giới trẻ nao nức về chúng, nhưng khi ra nước ngoài, ngụp lặn trong các khu thương mại lớn, ngoái lại nhìn thành phố của mình, họ tìm thấy được điều gì ở Sài Gòn để mà nhớ nhung?

Tết sắp đến, sao tôi luôn nghĩ đến những người già. Nhớ ông Sơn Nam khi còn sống. Ông nhắc đến một câu chuyện khi mới về Sài Gòn kiếm sống sau 1954. Trong những ngày ông chưa có việc làm, vợ ông lên tìm và bảo:

"Con bé ở nhà tội nghiệp, tôi dắt nó đi chợ. Đi ngang một cái tiệm có bán radio, nó đưa tui mấy đồng xu nói: Má ơi, con có tiền để dành, má mua cho con một miếng radio để Tết nghe cải lương".

Người cha tha hương thấy lòng se thắt trong cảnh ăn đong kiếm tiền gửi về cho vợ con ở quê nhà.

Sài Gòn xưa cũ với vẻ hào nhoáng chỉ nằm trong ký ức của tầng lớp trung và thượng lưu. Những người nghèo chăm chỉ kiếm sống lang thang trên hè phố, ăn cơm rabiot (lâm vố) tức cơm thừa của lính Pháp được xào lại. Và họ cày cục kiếm tiền mướt mồ hôi sôi nước mắt.

Những ngày giáp Tết thời tuổi nhỏ, theo ba đi lấy hàng ở Chợ Lớn, tôi thường thấy thấp thoáng những người đi bán dạo đồ "lạp vị". Đó là món ăn mùa đông bên Tàu nhưng mấy chục, mấy trăm năm qua sống ở xứ nhiệt đới, người Hoa vẫn thèm nhớ hương vị quê hương. Ông chệt già, cao lòng khòng kiểu vóc người Quảng Đông bán hàng xâu vịt lạp, lạp xưởng gan, hay ba rọi phơi khô. Ông bán cả cải bẹ trắng phơi khô dùng để nấu canh. Một tay ông xách giỏ mây đựng đồ bán, tay kia ông cầm đùi vịt giơ cao. Vịt lạp có khi là nguyên con vịt ướp phơi khô, mở banh ra rất hấp dẫn. Có khi chỉ toàn đùi vịt ướp mật ong phơi khô, giá cao hơn nguyên con vịt. Lạp xưởng gan màu đen, nhẩn nhẩn khó ăn nhưng béo, là miếng gan heo nhét miếng mỡ, phơi khô hay miếng gan nhét bên trong khúc ruột già. Loại này về ăn ngay, để lâu sẽ hôi dầu. Loại đồ ăn bán dạo này dành cho giới bình dân, như nhà tôi, chứ không mấy khi ba tôi bỏ tiền mua đồ lạp vị ở mấy tiệm nổi tiếng hơn như tiệm Xảo Ích ở góc Nguyễn Trãi hay ở khu Đèn Năm ngọn, Soái Kình Lâm.

Đi ngang qua khu Đề Thám, khu ngã tư quốc tế đầy khách du lịch

Tây ba lô mà xưa kia dày đặc Tòa soạn báo tư nhân, tôi còn nhớ bà bán hột vịt lộn to lớn vẫn vung tay qua lại khu vực này. Bà này có chiều cao đáng nể, to lừng lững như một ông Tây với kích thước một mét chín, đã vậy trên đầu còn đội một cái thúng cao nghệu đựng hột vịt lộn và bì cuốn đã làm sẵn. Hai tay bà vung vẩy theo nhịp đi, miệng rao mà ai cũng cam đoan nghe đúng là *"Ai... vật lộn không!!!"*. Bà đi trước ông bán bánh tráng kẹo với giọng rao khàn khàn *"Ai... chén kiểu không!!!"*. Còn buổi chiều, một ông đẩy cái xe bán *Chí mà phũ* (Chi ma: mè. Phũ: nát) hay *Lục tàu xá* (đậu xanh nấu bột báng). Họ nấu bằng đường tán, ngọt thơm và không trộn bột vào chè như bây giờ.

Nhưng đáng nhớ là những thiếu phụ người Tàu Thường Phước. Má tôi, dì tôi khi còn trẻ có se lông mặt chỗ họ trong những dịp nghỉ ngơi sau buổi chợ. Một bác sống ở Sài Gòn thuở đó kể rằng ở Trung Quốc có một huyện gọi là Thường Phước, thuộc tỉnh Quảng Đông có nhiều phụ nữ không chồng. Từ đầu thế kỷ 20, sau các biến động bên đó, họ tràn qua Sài Gòn sinh sống. Nghề chính của cộng đồng nhỏ này là đi làm thuê giúp việc nhà và giữ con nít cho giới nhà giàu, nhiều nhất là nhà mấy ông Tây... Họ là những người giúp việc chuyên nghiệp, sạch sẽ và trung thực, luôn mặc một kiểu trang phục giống nhau là áo xẩm dài gần đầu gối. Chỉ có những người giàu có ở Sài Gòn trước 1954 mới có thể mướn họ, ngoài dân Tây là số viên chức Việt làm cho Tây hay giới thương gia.

Về già, các bà Thường Phước không đi làm thuê nữa mà sắm một cái rương nhiều ngăn bằng thiếc có mặt kiếng thủy tinh để đi bán dạo. Đây là gánh hàng xén mà họ gọi là *"Hàng phá quải xí"* (Hàng hóa quải thị - hàng hóa gánh ra chợ). Họ chỉ lang thang đi bán vào buổi sáng, chiều nghỉ. Bên trong những ngăn tủ của họ là kem đánh răng, gương lược, kim, chỉ, vòng đá cẩm thạch... Khi đi bán, họ bận áo vải đen dài.

Do cùng hoàn cảnh tha hương, cùng số phận phụ nữ không chồng lạc loài kiếm ăn xứ người, họ gắn bó thương yêu nhau như ruột thịt. Họ hùn nhau mua một dãy phố trên lầu gần ngã tư Nguyễn Tri Phương – Trần Phú (Nguyễn Hoàng cũ), gần khu tẩm liệm Nhà thương Quảng Đông (nay là bệnh viện Nguyễn Tri Phương) và ở chung với nhau. Phía mặt tiền nhà, họ cho đúc hai chữ "Phát chân" như muốn thể hiện phương châm sống và làm việc cả đời của họ...

Ngoài nghề chính là bán tạp hóa lúc tuổi xế chiều, các bà Thường Phước còn nghề phụ là se lông mặt cho những phụ nữ thích làm đẹp quanh khu vực giáp quận Nhứt và quận 5. Khi hành nghề, họ có một cục phấn dùng thoa lên mặt khách hàng cho nổi lông mặt, dùng sợi chỉ kéo căng ra và rà trên da mặt. Sợi chỉ khi kéo căng hay chùng sẽ tự xoắn lại và cuốn đi lông tơ trên mặt khách. Cứ thế, họ sống quanh quẩn trên đường phố giữa hai quận phồn thịnh nhất Sài Gòn cũ, cho đến lúc già yếu, qua đời trong sự chăm sóc của những người đàn bà Tàu đồng hương, không mơ gì có lần về lại cố quốc.



Có những buổi trưa, đi qua phố là một ông đi chiếc xe đạp sừng trâu, mang theo một ống sáo thổi te te, loại ống sáo thẳng chứ không phải ống sáo ngang. Ai cũng biết đó là ông chuyên thiến heo. Một ông khác chưa thấy mặt đã nghe tiếng trống lắc tùng tùng của ông. Lão nhân này luôn mặc đồ đen, vai gánh một cái thùng vuông bằng gỗ. Đây là ông thợ nhuộm. Khi có khách, ông nấu thuốc nhuộm trong cái thùng có vỏ ngoài bằng gỗ bọc một thùng thiếc bên trong. Ông có hai cái cây bằng gỗ để trộn quần áo, xong dùng hai cây đó vớt ra để vắt đồ sau đó bỏ ra thau để xả. Nước nhuộm từ thảo mộc, luôn có mùi dễ chịu, không gắt

nồng và sặc mùi hóa chất độc hại như bây giờ.

Khi đến thăm bảo tàng tượng sáp ở Singapore tái tạo hình ảnh cuộc sống của người lao động thuở đảo quốc giàu có này đang tìm đường phát triển, tôi xúc động như thấy lại chính những người tha hương kiếm sống trên đường phố hay sông rạch Sài Gòn. Với thúng mủng quang gánh, nét mặt chân chất và cam chịu, họ lưu thông hàng hóa đi các nơi, nhận phần lợi về mình rất ít. Họ đông đảo nhưng âm thầm, đan dệt, tạo nên từng ngày cuộc sống thịnh vượng của đô thị.

Tất cả như các nhân vật của đèn kéo quân, đi diễu hành trên sân khấu cuộc đời rồi biến mất ở góc khuất của chiếc đèn. Và khi họ quay lại, chỉ trên một mảnh ký ức hiếm hoi của ai đó.



Khách thương hồ mang hàng hóa về Sài Gòn. Đến lúc nào đó, họ lên bờ và ở lại, thành công dân trên mảnh đất này, như một điều tự nhiên. Ảnh: Nguyễn Đình



Đó là một căn biệt thự xưa rất đẹp nằm trên đường Nơ Trang Long, gần giáp đường Trần Quý Cáp, quận Bình Thạnh. Từ ngoài nhìn vô, nhà xây theo kiến trúc Tây phương kiểu thuộc địa với hành lang quanh nhà, nền cao, sảnh đón khách phía trước là nơi giao nhau của hai bậc thang uốn cong đi vào từ hai bên nhà. Vách tường nhà loang lổ qua thời gian, lấp ló những ô gạch men trang trí hình kỷ hà. Một hàng rào cây dày đặc che bớt những đôi mắt tò mò nhìn vào nhà. Thỉnh thoảng, có dáng một ông cụ bận đồ bà ba màu nâu đi chầm chậm qua lại bên trong, có khi mở cánh cửa gỗ nhìn ra ngoài rồi đóng lại.

Dì Út của tôi, nay đã hơn bảy mươi tuổi, nhớ lại những năm cuối thập niên 1950, vẫn có vài người đàn ông xách súng đến rủ cha chồng của dì đi săn bắn trên rừng Lộc Ninh, Hớn Quản. Họ là những người con của ông Lê Minh Tri, chủ nhân căn nhà đó từ gần trăm năm trước. Con cháu cất nhiều căn nhà gần nhau sống trên khu đất dài cả ngàn mét của ông Tri, kéo từ ngã ba Trung Thành (Nơ Trang Long - Trần Quý Cáp) cho đến tận cầu Băng Ky.

Lúc đó, nhà của ông Lê Minh Tri, được xây cao trên nền đất đắp từ

hàng ngàn xe bò chở đất, là căn nhà tráng lệ, đẹp đẽ nhất ở khu vực Ngã Năm Bình Hòa. Gia đình này được truyền tụng là giàu có nhất vùng, nhà xây kiểu phương Tây từ đầu thế kỷ 20 trong khi các nhà khá giả khác gần đó như nhà ông Bang biện Nguyễn Văn Chỏi vẫn làm nhà gỗ ba gian.

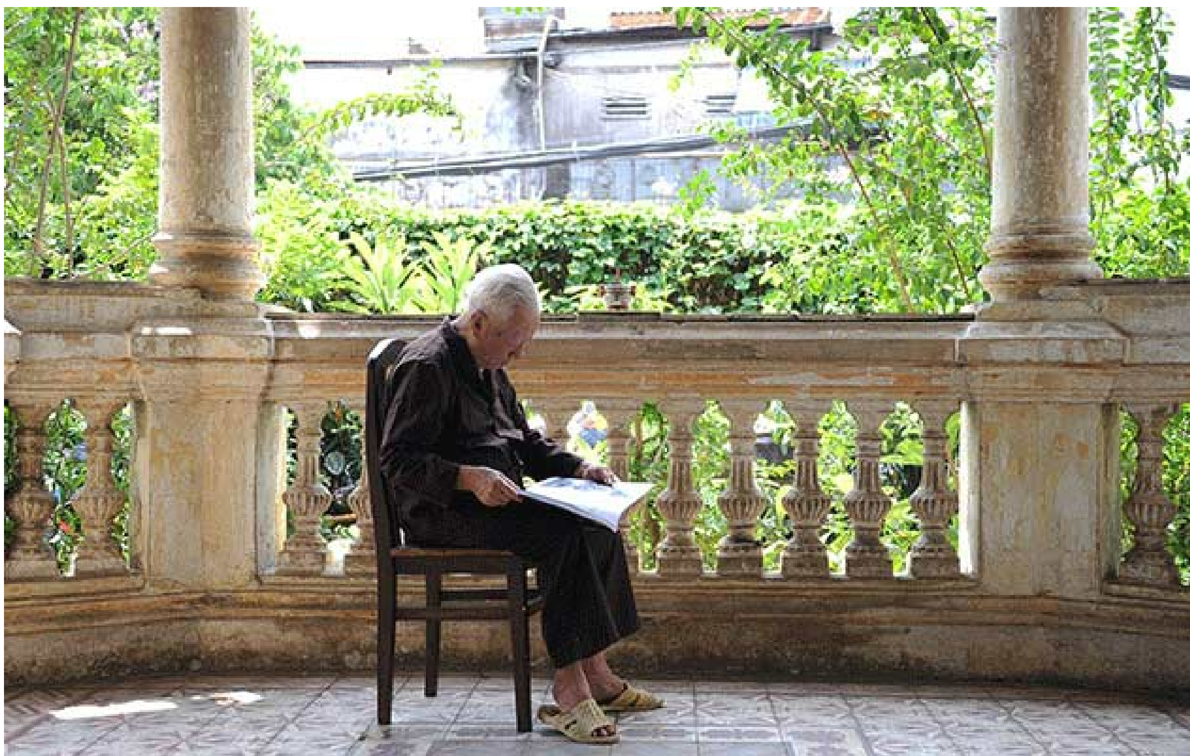
Giữa sáng mùa hè năm 2013, ông Lê Thành Công, tức Sáu Nhỏ, hiện là chủ nhân ngôi nhà, tiếp tôi ở phòng khách nhìn ra khoảnh vườn nhỏ tiếp giáp mặt đường Nơ Trang Long.

Ông Sáu sinh năm 1931, tức 82 tuổi nhưng vẫn được hưởng phước là sống với mẹ ruột cho đến khi bà mất vài năm trước đây, thọ tới 103 tuổi. Ông nói: "Nhất phá sơn lâm, nhì đâm hà bá . Đó là nghề mang lại sự khá giả, nhưng không kéo được lâu vì rất nghiệt. Ông nội và cha tôi làm nghề khai thác lâm sản, có lúc hưng thịnh nhưng cũng có khi lao đao vì tranh chấp với những người có chức quyền thời Pháp thuộc và chế độ cũ đến nỗi suýt phải tù tội. Đến đời tôi thì không theo nghề đó nữa, có lẽ nhờ vậy mà còn giữ được căn nhà. Những đồng nghiệp của ông, cha tôi hầu như đều khánh tận, sạt nghiệp".

Ông Sáu còn nhớ lúc lên bảy tám tuổi, tuy là con nhà có của nhưng vẫn phải ăn mặc giản dị với quần ngắn, áo bà ba trắng đi học ở trường Tổng. Mỗi ngày, ông ra trước nhà đứng đợi xe bò, xe ngựa đi qua và xin quá giang đến trường. Gần đó là một cái hồ tắm và vui chơi của lính Pháp, xây hàng rào kín mít và không cho người Việt bén mảng tới. Có lần mẹ của ông phát hiện có cướp vào nhà, bà sợ hãi nên la thật to và lính Tây đang giải trí ở hồ bơi vác súng chạy đến khiến cướp sợ chạy mất. Ban ngày, chung quanh mát mẻ với cây cối xanh um, gần đó còn có vườn cao su và cái nghĩa địa lớn được đồn đại là rất nhiều ma. Tuổi thơ của ông đầy ắp chuyện ma, từ chuyện kể của anh cắt cỏ cho gia đình, rằng vẫn nghe tiếng hú từ khu mồ mả của người Tàu sau nhà, cho đến câu chuyện rất nhiều người tin là thỉnh thoảng có một cô đúng giờ Ngọ lại xuất hiện, ngoắc xe ngựa đi, luôn im lặng cúi đầu suốt chuyến đi, tóc xõa dài che mặt và trả bằng tiền vàng mã khiến mấy người xà ích không ai dám hỏi câu nào.



Lớn lên, ông Sáu chứng kiến bao nhiêu thăng trầm của thời cuộc từ căn nhà này, có lúc ông và cả gia đình phải rời xa nó. Do là căn nhà lớn và kiên cố trên con đường đi từ Bà Chiểu, thủ phủ Gia Định tới khu Đồng Ông Cộ, hết lính Nhật rồi tới lính Pháp mấy phen chiếm giữ ngôi nhà này để đóng quân kiểm soát một cửa ngõ vào Sài Gòn và ngăn chặn du kích từ Đồng Ông Cộ đánh ra. Sau khi Pháp rút, nhiều năm gia đình ông vẫn chưa về được ngôi nhà, khi lính Cộng hòa trưng dụng. Sau năm 1975, gia đình ông mới trở về sống trên căn nhà của ông cha từ đó đến nay.



Như mọi người già còn tỉnh táo, ông Sáu sống vui bằng cách ôn lại dĩ vãng đã qua. Ông nhắc lại món phở bò thật ngon mà bây giờ không thấy ai nấu kiểu như vậy nữa. Đó là món phở từ chiếc xe đẩy đậu bán ở chợ Tân Định đầu năm 1950 của một người Bắc, phở bò tái chín thơm ngon nấu với cà chua và rau răm.

Ông nhớ nhất cây mai vàng trước sân nhà, vươn cao qua hàng rào. Cây lão mai, gốc to, hoa vàng dày đặc tuyệt đẹp mỗi độ xuân về và Tết nào cũng vậy, nhiều lượt người đến nhà ông, chỉ xin chụp ảnh với cây mai vàng. Vài năm trước, cây mai bị mục ruỗng từ bên trong và chết.

Nghe đến chuyện cây mai, tôi nhìn lên trần nhà. Ngôi nhà bên ngoài đẹp đẽ nhưng nhìn kỹ đã có những mảng tường nứt phải vá lại bằng xi măng. Trần nhà nay đã rụng lớp xi măng, lộ ra sườn gỗ cũng đã mục, tưởng chừng có thể sớm sập bất cứ lúc nào. Trong nhà không còn mấy đồ nội thất mang dáng dấp của một thời phong lưu xưa kia. Ông Sáu cho biết do đang đợi xác định quy hoạch lộ giới con đường trước mặt nên gia đình vẫn chưa thể bắt tay vào sửa chữa lại. Căn cứ vào hiện trạng ngôi nhà, việc đó sẽ ngốn rất nhiều tiền của nếu muốn phục chế cho đàng hoàng.

Khi bước ra khỏi cánh cổng, đọng lại trong tôi là cảm giác tiếc nuối và bâng khuâng. Một di tích vẫn còn rất đẹp, nhưng với những điều bất cập hiện nay, liệu còn có thể giữ được nguyên vẹn, dù tôi biết gia đình ông Sáu rất mong muốn điều ấy. Dường như có những mảnh linh hồn của đất Gia Định xưa dần mai một, khó mà giữ lại được trong xã hội tưởng chừng hiện đại nhưng xô bồ, thiếu cái nhìn sâu xa về duy dưỡng văn hóa này.









Ảnh trong bài: Nguyễn Đình.



Căn nhà ngang độ bốn mét. Mặt tiền đá rửa, cầu thang đá mài. Giữa nhà, bộ sa lông gỗ gõ đỏ đóng theo kiểu hộp đơn giản, ngồi hơi ngả ra phía sau. Gạch bông mỗi cạnh hai tấc, hoa văn màu nâu đỏ, trầm lạnh nhưng sang trọng. Trên tường là bức sơn mài của hãng Trần Hà ở Bình Dương vẽ bầy nai thơ thẩn dưới những gốc cây tùng. Cái ti vi cửa lùa đứng vững chãi trên bốn chân đặt bên phải. Cuối phòng khách là bức tường ngang che cầu thang, kê sát tường là cái tủ buýp phê bằng cẩm lai cửa kính lùa, hai cánh cửa hai bên xoáy tròn những vân của gỗ Nu. Trên tủ đặt cái bình bông gốm Biên Hòa vẽ hình những cô gái áo dài tha thướt đi lễ lăng Ông Bà Chiểu và cái máy hát dĩa.

Chủ nhà đặt cái dĩa hát lên mâm và cho kim xoay. Tiếng hát Phương Dung nghe như nức nở: *"Mười năm mơ kết mây thành hoa trắng... mây vỡ hoa tan tàn giấc mơ hoa"*. Anh bảo: *"Từ khi quá tuổi bốn mươi tôi lại thích nghe những bài hát bị gọi là sến, mà ông Sơn Nam gọi là thứ Vọng cổ tân thời này. Nó làm tôi nhớ rất nhiều..."*

Căn nhà tôi đang ngồi không nằm trong một khu dân cư cũ ở khu Ngã Năm Bình Hòa, khu xóm Gà hay chợ Đa Kao. Nó mới mọc lên dăm năm ở một khu đất mới vốn là đất trồng hoa ở Gò Vấp. Nhưng khi ngồi vào chiếc ghế cũ kỹ, một cảm giác êm đềm của thời thơ trẻ sống ở Sài Gòn hơn bốn mươi năm trước trở lại. Nó gợi nhớ những căn nhà hồi xưa được xem là khá giả vì "nhà lót gạch bông, mái bằng, tường đá rửa...", từ những bức tranh lạ treo trên tường không hề giống mớ lịch tờ lòe loẹt mà những nhà nghèo treo đầy tường từ dịp Tết. Chủ nhà pha trà ướp hoa lài, rót vào những cái tách Arita trắng in hình bông hồng đỏ nhạt đặt trên cái dĩa cùng bộ.



Ảnh: Đức Trí



Ảnh: Cristian Kerekes

Chủ nhà vốn là một Việt kiều đã sống nhiều năm ở nước ngoài. Lâu nay, dù không phải là người chuyên chú chuyện sưu tầm, nhưng anh thích dành thời giờ rảnh lang thang chợ đồ cổ Lê Công Kiều. Ngày chủ nhật, anh ra uống cà phê sớm ở góc đường, lẳng lặng nghe những "chuyên gia" và lắm "nhà sưu tập" bàn tán, dẫn dắt người khác vào trận địa mê hồn này. Xong cử cà phê, anh đi dọc con đường với lòng háo hức không kém những lần anh đi mua *yardsales* ở nước ngoài.

Anh nhanh chóng nhận ra trên con phố này có rất nhiều cửa hàng chưng thứ đồ giả cổ khá trâng tráo và bày những bức tranh sơn mài mới toanh nhưng vẫn khẳng định chắc chắn là tranh Thành Lễ. Anh thích thú nhìn cái ghế xoay bằng gỗ, lưng tựa có gắn thêm miếng gỗ tựa đầu có thể đưa lên hạ xuống. "Đây là cái ghế hớt tóc. Hồi nhỏ, tôi bé quá, ông thợ hớt tóc phải đặt ngang trên thành ghế một miếng gỗ để ngồi cao lên mới hớt được." Anh ngắm nghía những cái đôn voi Biên Hòa. Nó mới quá và không gợi cảm chút nào. Dăm món đồ đồng khá quen thuộc. Thú vị nhất là khi anh phát hiện và mua được mớ tượng gỗ Phi Luật Tân. Hồi xưa gần nhà có một ông thầu khoán thường nhập về những tượng này để trang trí cho những căn nhà mới xây. Khi chủ nhà khui thùng ở ngoài sân, anh đứng bên hàng rào mê mẩn nhìn, thèm có được bức tượng con gấu đang bắt cá hay tượng một nông dân vác quầy chuối. Sau này, anh thấy thỉnh thoảng có vài cái tượng cũ giống như vậy được bày bán với giá không mắc trên vỉa hè đường Lê Công Kiều, có sứt mẻ chút ít nhưng vẫn có thể trưng bày được.



Ảnh: Đức Trí

Đó là những tháng anh bận rộn xây và trang trí nhà. Khi về nước, anh mang theo một số món trang trí như đèn bàn Tiffany, tượng đồng theo phong cách Art Nouveau và dăm cái dĩa Majolica mà anh thích. Nhưng sau đó anh cất hết vào tủ. Từ đó bắt đầu một cuộc săn lùng đồ đạc nhẩn nha nhưng quyết liệt. Trong tầm ngắm là những món đồ trang trí nhà những năm 1960, 1970 của Sài Gòn. Phần xây dựng căn nhà, anh tìm được ông thợ già còn nắm kỹ thuật làm đá mài, đá rửa để hướng dẫn thợ thi công. Phần gạch bông, anh phải đặt riêng một công ty chuyên làm gạch bông theo kiểu xưa để xuất sang Pháp.

Tất cả tạo nên vẻ đẹp của nội thất ngôi nhà mà tôi đang ngắm nhìn. Nó không gợi cảm giác cũ kỹ và cũng không quá trầm lắng cổ xưa như bầu không khí trong một căn nhà rường dày đặc chi tiết. Chung quanh tôi là những chi tiết đơn giản, những đường thẳng và xiên của bàn ghế, chất mộc mạc của gốm Biên Hòa, tranh Thành Lễ với gam màu nâu điểm vàng. Cái đèn măng sông Đức treo lơ lửng với cái chụp trắng tinh. Tất cả tạo nên cảm giác thanh thoát, giản dị khá dễ chịu. Trong không

gian đó, anh bạn chủ nhà vẫn còn phong độ nhưng đuôi mắt đã chớm có những nếp nhăn, ngắm nghía mãi cái vỏ dĩa hát bằng giấy bìa in hình những ca sĩ vang bóng một thời nay đã ở tuổi sáu bảy mươi.

Nhiều khi tìm lại một giấc mơ tuổi nhỏ chỉ bằng vài tháng dạo chơi tìm kiếm và bằng một số tiền không lớn, không phải là mắc mỏ lắm khi người ta xây một mái nhà bình yên cho mình.



Ảnh: Đức Trí

Những người sống ở Sài Gòn cách nay trên dưới nửa thế kỷ đều nhớ tranh của họa sĩ Lê Ngọc Trung tức Lê Trung. Ông chuyên vẽ tranh thiếu nữ và cô nào cũng giống cô nào, với cái đẹp mỡ màng của thiếu nữ sông nước miền Nam, hơi đậm đà ở vóc dáng, ngực nở eo thon, mắt to đen ướt rượt và sáng long lanh, môi trái tim dày mọng và lông mi dày đen cong vút. Có người bảo đó là nét đẹp của diễn viên Thẩm Thúy

Hằng. Giới bình dân thích nét đẹp này lắm dù nó hơi siêu thực, khó kiếm. Do độ thu hút rộng rãi, tranh của Lê Trung ngự trị trên bìa báo Xuân miền Nam trước 1960. Hết Tết, cái bìa diễm lệ đó được dán trên vách cho có vẻ "sang trọng" đến khi nó úa vàng vì khói bếp hay màu thời gian mà vẫn chưa bóc ra.

Tuy nhiên, đến đầu thập niên 1960, tuy bìa báo Xuân có tranh Lê Trung vẫn còn được ưa chuộng, nhưng một khuynh hướng mới đã bắt đầu ló dạng và lớn dần lên, là bìa báo Xuân đăng ảnh màu của các nghệ sĩ sân khấu, ca nhạc, điện ảnh.

Lúc đó, phong trào tân nhạc, điện ảnh và sân khấu cải lương đang phát triển ở miền Nam, thu hút nhiều trai thanh gái lịch tham gia. Đã vậy, kỹ thuật in ấn phát triển, các thiết bị máy ảnh, phim màu từ nước ngoài nhập về nhiều hơn nên tạo thuận lợi cho khuynh hướng này, kéo dài cho đến 1975. Khuynh hướng đăng ảnh nghệ sĩ trên báo chí, nhất là dịp Tết, mạnh đến nỗi, trong bài viết của thi sĩ Đông Hồ trên tạp chí Sáng Dội Miền Nam số Tết Nhâm Dần năm 1962 có nêu rằng: "Sách mà dám cho phát hành vào dịp áp Tết là nguy hiểm lắm, cũng bằng tự giết mình, vì sách sẽ bị bao nhiêu mỹ nhân của tranh bìa, tranh phụ bản đè tràn, chôn ngập mất..." (bài Chuyện câu đối Tết giữa kinh thành Sài Gòn, trang 10)



*Tranh của Họa sĩ Lê Trung in trên báo **Phụ Nữ Diễn Đàn** giữa thập niên 1960.*

Thời đó, tuy có nhiều người chụp ảnh nghệ sĩ nhưng các báo lớn ở Sài Gòn chỉ tập trung vào hai tiệm uy tín là tiệm Bình Minh đường Bùi Thị Xuân, quận Nhứt của đạo diễn Lê Dân học từ bên Pháp về. Tiệm thứ hai là Photo Viễn Kính của ông Đinh Tiến Mậu ở số 277 Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu), quận 3.

Có người còn nhớ ảnh của hai nghệ sĩ Thanh Nga và Thanh Thúy trên bìa tờ báo Xuân Dân Tộc 1961 do tiệm Bình Minh chụp. Nghệ sĩ Thanh Nga lúc đó mới mười chín tuổi, còn ca sĩ Thanh Thúy cũng chỉ mới mười tám. Tên của Thanh Nga đã nổi như cồn từ tám năm trước đó và vừa mới được đưa lên bảng hiệu thành Đoàn Thanh Minh - Thanh Nga. Còn Thanh Thúy chỉ vừa xuất hiện tại phòng trà Việt Long của Đức Quỳnh vào cuối năm 1959 nhưng nhanh chóng nổi lên với giọng hát liêu trai và được ca ngợi bằng các mỹ danh như *Tiếng Hát Lúc Không Giờ, Tiếng Hát Khói Sương*. Chọn hai ca sĩ này làm bìa báo trong lúc sáng danh như vậy, chính là chiêu thu hút độc giả khôn

ngoan của các chủ báo.



Ông Đinh Tiến Mậu, chủ Photo Viễn Kính nổi tiếng nay vẫn còn khỏe mạnh và đang sống ngay căn nhà cũ. Ông cho tôi xem những bìa báo và Lịch Xuân mà ông đã chụp suốt những năm đó. Với máy ảnh hiệu LINHOF của Đức, ông dùng chụp ảnh tại studio và chụp ngoại cảnh tùy theo yêu cầu của chủ báo hay nghệ sĩ. Lúc này, hãng Kodak có một đại lý bán phim chụp ảnh tại đường Tự Do (nay là Đồng Khởi) nên ông có chỗ cung cấp phim đen trắng để chụp ảnh hằng ngày.

Đến gần Tết, nhu cầu chụp ảnh màu tăng lên, ông lấy thêm phim dương bản Ektachrom để chụp bìa báo Xuân. Trước Tết hơn một tháng, các báo ông thường cộng tác như Phụ Nữ Ngày Nay, Phụ Nữ Diễn Đàn... đã bắt đầu đặt hàng chụp ảnh bìa. Vốn quen việc chụp ảnh nghệ sĩ, ông chỉ cần hẹn và chuẩn bị phim ảnh nên công việc khá nhanh chóng. Đó là những đợt chụp tuy khá bận rộn vất vả nhưng vui và đáng nhớ.

Cuối năm 1967, chuẩn bị cho báo Tết năm Mậu Thân 1968, ông cùng một nhà văn lên Đà Lạt chụp ảnh nghệ sĩ Thanh Nga làm bìa báo Xuân Tia Sáng. Điều ông nhớ nhất, dù đang là nghệ sĩ nổi tiếng hàng đầu, nghệ sĩ Thanh Nga làm việc rất nghiêm túc. Cô luôn đến đúng hẹn, rất chịu khó tạo dáng để chụp. Khi tạm nghỉ, cô nói chuyện vui vẻ và gần gũi với mọi người trong nhóm.



Ảnh: PCL

Giống như những lần trước chụp ở studio, cô thích bận áo dài nền nã với nhiều màu sắc. Giọng nói của Thanh Nga vang, sang trọng nhưng dịu dàng. Đi theo cô là một người giúp trang điểm.

Giống như Thanh Nga, nghệ sĩ Bạch Tuyết là một nghệ sĩ khá nghiêm túc trong công việc. Cô cư xử dễ chịu, không làm cao, sẵn sàng đi chụp ngoại cảnh khi có yêu cầu. Cô thích chụp tranh phim (có kết cấu như truyện tranh với chất liệu là những bức ảnh chụp diễn viên đang diễn xuất).

Khi chụp ảnh trong studio thì rất thuận tiện với máy có chân chống, đèn pha... nhưng khi ra ngoại cảnh thì khó khăn vì đang lúc chiến tranh, kiếm chỗ vắng vẻ mà an ninh thật khó. Lúc đó, nơi lý tưởng là khu Suối Lồ Ồ ở Dĩ An gần Biên Hòa. Bức ảnh nữ nghệ sĩ Thẩm Thúy Hằng bận áo tắm đăng trên Lịch Xuân 1967 báo Phụ Nữ Ngày Mai đã được chụp ở đây, phía sau là con suối nhòe nét.

Ngoài báo Xuân, các tờ báo còn tranh thủ dịp Tết ra Lịch sách hay

Lịch tờ để bán. Những năm như vậy, ông Mậu rất bận rộn. Năm 1966, ông chụp hàng loạt ảnh cho Lịch báo Phụ Nữ Ngày Mai với ảnh của Minh Hiếu, Ngọc Hương, Kim Loan (sau đổi tên Mộng Tuyền), Kim Nga... Bộ ảnh này chụp trang phục tự do. Đến 1967, báo này ra bộ ảnh táo bạo hơn với các nghệ sĩ mặc áo tắm và bức ảnh Thẩm Thúy Hằng nói trên làm bìa. Bên trong là ảnh diễn viên múa Thu Thủy, nghệ sĩ Bạch Tuyết, Ánh Hoa, Tuyết Nhung, Kim Tuyến... mặc áo tắm một hoặc hai mảnh.

Một thời đã qua. Khi nhìn lại các tờ báo Xuân, ông Mậu nhớ lại thời trẻ làm việc hăng say của mình. Ông vẫn nhớ nét đẹp rực rỡ của ca sĩ Minh Hiếu, mệnh danh là Liz Taylor của Việt Nam, vẻ đoan trang dịu dàng của Thanh Nga, sang trọng của diễn viên Kiều Chinh, tươi tắn của ca sĩ Thanh Lan, nét bốc lửa của ca sĩ Diễm Thúy. Các nam ca sĩ hầu như không hề lên bìa báo Xuân, nhưng họ thường đến chụp ảnh tại studio của ông. Nghệ sĩ Út Trà Ôn cao to, phong độ. Nghệ sĩ Hùng Cường vui tính, dáng điệu hào hoa. Các ngôi sao xinh đẹp ngày xưa đã luống tuổi, dấu ấn thời gian phủ trên nhan sắc. Nhiều người không còn nữa. Chỉ còn lại hình ảnh của họ, trong những tấm ảnh đen trắng, dăm tờ lịch cũ mà ông còn lưu lại.







Ca sĩ Diễm Thúy



Ca sĩ Hà Thanh   Nghệ sĩ Thanh Nga



Ban hợp ca Thăng Long   Đệ nhất danh ca cổ nhạc Út Trà Ôn



Nghệ sĩ cải lương Thành Được, giọng ca vọng cổ đỉnh cao của sân khấu miền Nam.



Nghệ sĩ cải lương Thanh Tú



Nghệ sĩ Hùng Cường, một tài năng bao trùm các lĩnh vực cải lương, tân nhạc và điện ảnh miền Nam

Ban Hợp Ca Thăng Long

Bức ảnh này được ông Đinh Tiến Mậu chụp tại studio Viễn Kính. Bối cảnh chỉ là hai giàn đèn, một bục gỗ đặt nằm ngang. Cách bố trí kẻ đứng người ngồi bên hai chiếc đèn cao thấp tạo nên nhịp điệu cho bức ảnh. Ba nghệ sĩ, là ba anh em ruột, đều có vóc dáng cao ráo khá lý tưởng. Thái Thanh bận áo vạt dài chứ chưa cao lên gần đầu gối như thập niên 1970. Hoài Trung, Hoài Bắc gây ấn tượng với phong thái gentlemen trong những bộ vest được may rất khéo, đồng hồ dây da, giày cột dây mũi nhọn, tay áo cài khuy manchette, tóc chải ngược (kiểu tóc Tango thịnh hành trước đây chăng?) lộ vầng trán cao, sáng đẹp.

Khi nhìn bức ảnh này, tai tôi như vẳng tiếng ngựa hí trong bản Ngựa phi đường xa, tiếng ngân dài bất tuyệt trong bản Ô mê ly của Hoài Trung Phạm Đình Viêm. Giọng ca Thái Thanh, với tiếng ca trong vắt cao vút trữ tình là giọng ca duy nhất xứng đáng với từ Diva, không thể tranh cãi được. Nhạc sĩ Phạm Đình Chương tức Hoài Bắc, với chất giọng "trầm ấm và dội sâu", "hơi nhừa nhựa như phảng phất men rượu và khói thuốc"[1], tuy chỉ viết hơn 50 ca khúc nhưng tài năng có thể sánh ngang với những nhạc sĩ nổi tiếng nhất với nhiều bài tuyệt hay như Người đi qua đời tôi, Nửa hồn thương đau, Đêm cuối cùng, Ly rượu mừng... và Trường ca bất hủ Hội trùng dương. Thành lập từ thời kháng chiến chống Pháp, sau đó vào Sài Gòn, ban Thăng Long đã "tạo một luồng sinh khí mới cực kỳ phong phú và tràn ngập tinh thần sáng tạo"[2]. Đến đầu thập niên 1960, ban Thăng Long cùng với ban kịch Dân Nam là hai nhóm biểu diễn nghệ thuật nổi như cồn và thu hút dân Sài Gòn nhiều nhất.

Sài Gòn tự hào từng có ban hợp ca sáng chói từ những người gốc Bắc xa quê hương, góp phần quan trọng tạo nên diện mạo một âm nhạc của Sài Gòn. Và tôi tin họ đã luôn yêu quý Sài Gòn trong suốt cuộc đời họ.



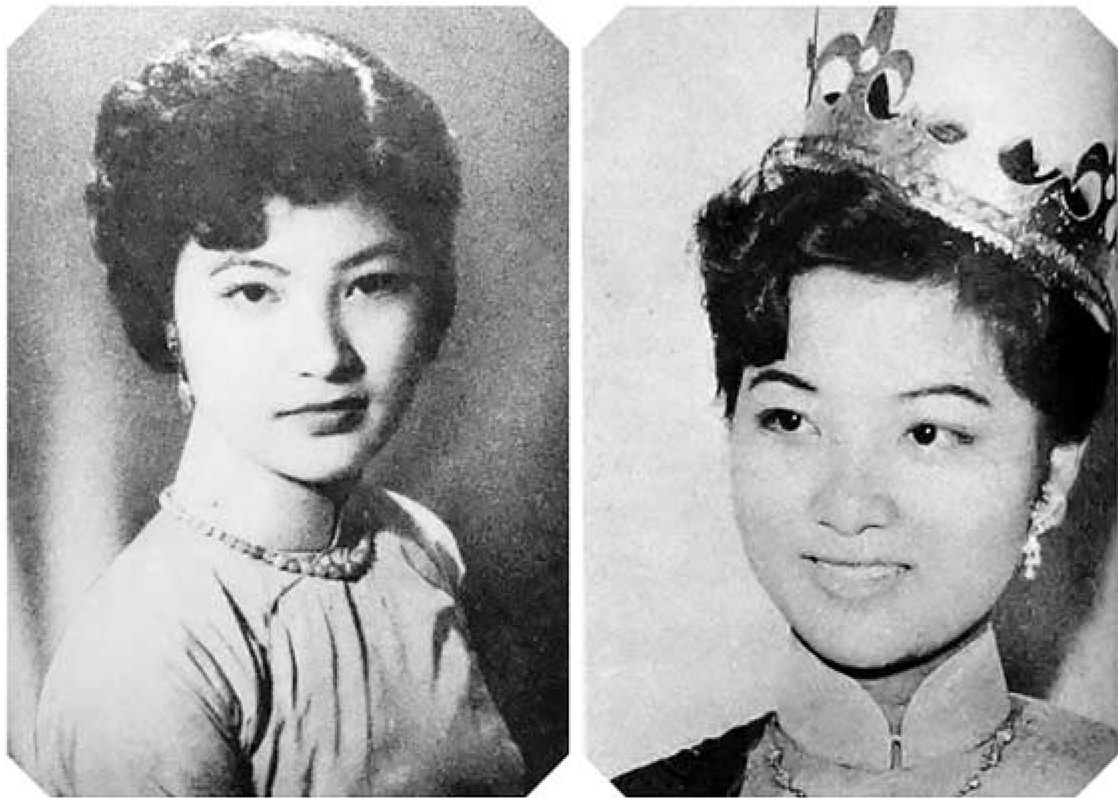
Một Cuộc Thi Hoa Hậu

Năm 1960, báo Phụ Nữ Ngày Mai ở Sài Gòn có tổ chức cuộc thi Hoa hậu bằng hình ảnh. Báo này do ông Nguyễn Đức Khiết làm chủ nhiệm, đứng ra tổ chức nhằm mục đích tuyển lựa hình ảnh một thiếu nữ Việt duyên dáng và ăn ảnh nhất. Người dự thi phải gửi về tòa báo hai ảnh bán thân 6x9 phía sau ghi rõ họ tên, biệt hiệu và tuổi, kèm theo phiếu dự thi. Ảnh dự thi được đăng báo, độc giả gửi phiếu bầu chọn về.

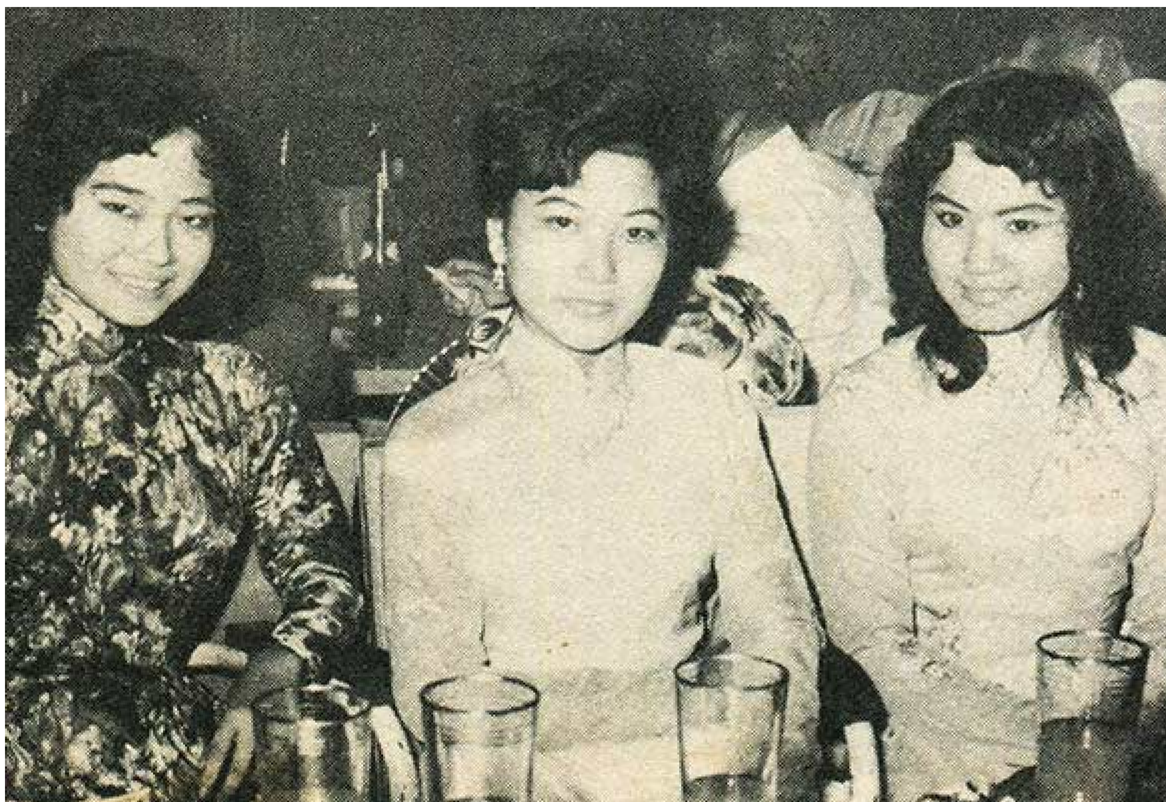
Tối ngày 1 tháng 9 năm 1960, vương miện đã được trao cho các thí sinh đoạt giải tại Câu lạc bộ Báo chí Sài Gòn. Người được giải cao nhất là cô Nguyễn Thị Kim Sang, 17 tuổi, nữ sinh lớp đệ Tam (lớp 10 ngày nay) trường Huỳnh Khương Ninh, Đa Kao. Cô được tặng một huy chương vàng trị giá 12.000 đồng. Cô Mộng Yến, 19 tuổi, nữ sinh lớp đệ Nhị trường Nguyễn Văn Khuê trúng giải nhì với huy chương vàng trị giá 5.000 đồng. Cô Mai Xuân Phượng, nữ giáo viên ở Phan Thiết, 19 tuổi, giải ba huy chương vàng trị giá 3.000 đồng.

Theo bài báo tường thuật cuộc thi này, Hoa hậu Kim Sang phát biểu khiêm tốn *"Em rất hân hạnh và sung sướng nhận Giải thưởng Hoa hậu Phụ nữ Ngày Mai. Em biết đây là một sự may mắn cho riêng em vì còn nhiều chị em khác vì lý do nào đó không gửi ảnh dự thi"*.

Nhìn lại bức ảnh thiếu nữ Sài Gòn xưa hơn 50 năm trước vẫn thấy nét đẹp hiện đại bên cạnh vẻ thùy mị. Mũi cao, lông mày đã tỉa gọn, áo dài cổ cao. Các cô đạt giải đều có học, tự tin, tượng trưng cho lớp phụ nữ Sài Gòn mới của nửa sau thế kỷ 20.



Hoa hậu ảnh báo ***Phụ nữ Ngày Mai****, cô Nguyễn Thị Kim Sang*.



*Xuân Phượng, Kim Sang, Mộng Yến (từ trái qua). Ảnh: Văn Mười, báo **Thế giới tự do** năm 1960, không rõ số*

Giai Nhân Một Thuở

Có lần đến Thượng Hải, sau mấy ngày rảo quanh khu Phố Đông và các trung tâm thương mại, tôi rút ra kết luận rằng số phụ nữ xinh đẹp ở đây chiếm tỉ lệ cao so với các thành phố mà tôi từng ghé qua ở Trung Quốc. Với mày cong, mắt hơi xếch, da trắng hồng, họ như từ tranh Tố nữ Tàu xa xưa bước ra. Chân họ cao và bắp chuối thon thả, khác với đôi chân có bắp chuối tròn lẳn mà tôi thấy khá nhiều ở các cô gái bên Nhật. Đó phải chăng là nét đẹp phổ biến của con gái Thượng Hải? Anh phiên dịch bảo "Là dân Thượng Hải, nghĩa là có thể mang gốc gác ở đâu đó trên khắp Trung Hoa. Anh đừng mơ tìm thấy nhiều gái đẹp ở Tô Châu hay Hàng Châu như trong câu "Trên có thiên đàng, dưới có Tô - Hàng". Thượng Hải đã thu hút những người xinh đẹp nhất về đây cả rồi".

Quả đúng như vậy, các cuộc di dân trên khắp thế giới đã phá vỡ tính

nhất quán về phong tục, cách sống trong cư dân từng khu vực. Những đô thị phồn thịnh thường thu hút người tài giỏi, sáng láng, trẻ trung và xinh đẹp từ mọi miền. Bởi thế khi bàn về nét đẹp của các giai nhân trên đất Sài Gòn, một đô thị với tuổi đời chỉ hơn 300 năm, thì đừng so sánh nét đẹp người Sài Gòn với người vùng khác mà phải hiểu đó là giá trị tổng hợp từ nhiều vùng miền tạo nên.



Ảnh: thiếu nữ Sài Gòn trên bìa 4 tạp chí Sáng Dội Miền Nam số Tết Nhâm Dần 1962.

Thanh niên Sài Gòn thường xuýt xoa khi ngắm nét đẹp quý phái của các bạn gái xứ Huế có họ Công Tằng, Công Huyền dù khi đến nhà họ chơi, nghe cô nói chuyện với ba mẹ thì hoàn toàn không hiểu nổi một câu. Con gái Bắc sống dọc đường Lê Thánh Tôn, Quận Nhứt, khu Ông Tạ hay xứ Bùi Chu Phát Diệm dọc đường Lê Văn Sĩ duyên dáng kiểu con gái Bắc và tất nhiên không phải cô nào cũng như trong thơ của Nguyễn Tất Nhiên "nhớ điêu ngoa nhưng giả bộ ngoan hiền..." . Người đẹp khu dệt vải ngã tư Bảy Hiền, quận Tân Bình thì giọng vẫn đặc sệt Quảng Nam, gò má hơi cao, mặt hơi vuông làm ngẩn ngơ học trò nam

Trung học Nguyễn Thượng Hiền gần đó.

Tuy là nơi quần tụ, nhưng những đặc điểm phóng khoáng của vùng đất mới cũng hình thành những nét chung của người đẹp trên đất Sài Gòn. Khác với nét đài các của thiếu nữ Hà Nội hay vẻ thùy mị thướt tha của con gái Huế, những thiếu nữ Sài Gòn luôn gây ấn tượng bởi sự trẻ trung và tự tin.

Nhiều người cho rằng dù có mặc áo dài thướt tha, họ vẫn đi đứng uyển chuyển, chân bước dài, hai tay vung vừa phải. Họ đi nhanh nhưng dáng vẫn mềm mại, nữ tính. Nét riêng đó có thể hình thành từ cuộc sống nhộn nhịp của Sài Gòn từ khi chuyển mình thành Hòn ngọc Viễn Đông cuối thế kỷ 19.



Cũng có thể do thời tiết Sài Gòn không có mùa lạnh để mà co ro, lặng lẽ hay trầm ngâm trên đường đi. Cuộc sống xô bồ nơi thị thành khiến họ thoải mái và tự nhiên.

Tuy vậy, đừng đánh giá sai lầm về họ nếu chỉ nhìn bề ngoài. Những thiếu nữ Sài Gòn xưa có thể ngồi ăn hàng ngoài đường rất hồn nhiên

nhưng cử chỉ không hề suồng sã. Họ cũng có thể ăn mặc thoáng mát với quần short, áo không tay hay jupe ngắn nhưng không có nghĩa là chơi bời buông thả. Họ có thể không ngại chạy thử một loại xe mới, đánh tennis, bơi thuyền, thậm chí tham gia một trận đá bóng nhưng không hề tỏ mình là "có cá tính". Họ dễ bắt chuyện nhưng không dễ làm thân, rất cởi mở vui vẻ khi làm quen nhưng không dễ "cưa đổ" như nhiều chàng tưởng bở.



Giới trẻ học đường cách nay bốn mươi năm bảo nhau "con gái Bắc xinh học Trưng Vương, con gái Nam đẹp học Gia Long (nay là Nguyễn Thị Minh Khai)". Các cô học trường Tây như Regina Pacis, Regina Mundi, Marie Curie đa số nhà khá giả, nhiều cô là con cái địa chủ Tây Nam bộ, nói tiếng Pháp như gió, dạn dĩ và ăn mặc rất chic, nhảy đầm một cây. Giới trẻ Sài Gòn ngắm nhau khi bát phố ngoài đường Lê Lợi, Tự Do mỗi chiều cuối tuần, nhưng dễ nhất vẫn là ở những buổi giao lưu văn nghệ các trường vào dịp giáp Tết.

Lúc đó, mỗi trường đều làm nội san Xuân in bằng máy quay Ronéo, xong đóng tập đem bán gây quỹ tặng các bạn nghèo. Những nữ sinh

xinh xắn và có tài ăn nói được chọn để lập nhóm đi bán nội san ở các trường khác. Khoảnh khắc đó thật vui khi đang giữa mùa mát trời ở Sài Gòn, các cô gái xinh bất ngờ vào lớp khiến bầy trai trẻ ngồi chộn rộn. Nhan sắc Sài Gòn được nhận diện ngay từ thời đi học và sau nhiều năm, rất nhiều người còn nhớ những lúc như vậy.



Người đẹp vì lụa. Sài Gòn cũng có lụa Hà Đông để làm dịu cái nắng nhiệt đới như Nguyên Sa nói (không hiểu thứ lụa này từ đâu ra khi đất nước đang chia cắt?). Tuy nhiên, vẻ đẹp của Sài Gòn trước hết từ tà áo dài. Áo dài những năm 50, 60 không hề bị nhẹ thể như bây giờ. Các ca sĩ thời thượng nhất vẫn thích trình diễn trong bộ áo dài. Áo dài đi làm, đi dạo phố Bonard (Lê Lợi) hay Catinat (Đồng Khởi). Áo dài đi mua hàng siêu thị Nguyễn Du giữa những năm 1960.

Màu sắc nào dường như cũng có pha thêm màu trắng cho dịu đi. Trang điểm vừa phải vì ai trang điểm đậm sẽ bị quy là giao du với lính Mỹ hay bán ở Snackbar (nơi ăn chơi). Mắt kẻ viền ở mí trên, đánh bóng với màu xanh, nâu hay tím nhạt.

Và lúc này có thêm một sự cách tân nữa khi các cô mặc áo dài với

quần tây may ống thẳng, rồi lại với quần xéo bằng hàng mềm, rất tốn vải vì xếp xéo để cắt. Diện và tha thướt hơn thì may bằng hàng mouseline mỏng, có lót bằng vải đen hay trắng. Mãi sau 1975, mốt áo dài bận với loại vải này vẫn được chuộng, có điều nó quá mỏng khiến bọn nam sinh cấp 3 chúng tôi phải sững sờ khi nhìn thấy các cô giáo mặc lên lớp (!).



Khoảng giữa những năm 1960, các mốt thời trang khác như jupe hay mini jupe và các thứ váy đầm cập nhật nhanh chóng. Nhiều người nước ngoài đã ngỡ ngàng khi thấy thời trang Sài Gòn theo sau phương Tây chỉ một vài tháng. Và với mode, con gái Sài Gòn chấp nhận cái mới nhanh chóng rồi sau đó tự gạn lọc và tìm cách tạo nét riêng chứ không thích mặc giống nhau hay na ná nhau. Đối với họ, trời đất đủ rộng để không cần bó hẹp vào sở thích của tập thể.

Hình ảnh người đẹp Sài Gòn còn gắn với hình ảnh chiếc xe. Có thể những năm 1950, nhóm xe Mobylette hay các loại xe của Đức như Goebel, Puch hay Sachs chưa làm được chuyện này vì dáng cứng, hợp với đàn ông. Đến giai đoạn sau, chiếc Vespa của Ý dù do đàn ông cầm lái vẫn tạo nên vẻ đẹp của... các cô khi họ được các đấng hào hoa chở

trên yên sau (như trong phim **Kỳ nghỉ hè ở Roma** do Gregory Peck và Audrey Hepburn đóng). Chiếc Vespa của Ý màu xám và của Pháp hiệu A.C.M.A màu vàng gọn nhẹ, kiểu dáng thanh tú và có bánh xe sơ cua để vi vu từ Sài Gòn ra tắm biển Vũng Tàu mà chẳng cần đi ô tô. Lúc đó, các cô ngồi sau xe luôn ngồi một bên, hai tay ôm eo người chở. Dáng ngồi chéo đầy nữ tính vừa nhu mì vừa thể hiện nét đẹp hình thể rất rõ. Sau này, khi Honda Nhật nhập vào miền Nam, các cô bận áo dài đi làm cưỡi honda dame dành cho phụ nữ, đôi chân khép phía trước dễ dàng và tà áo được vắt lên phía trước để không nhăn. Trời nắng nên luôn đeo kính mát, găng tay trông rất sang, và nhiều cô cài băng đô khiến khuôn mặt sáng lên, tóc gọn đi.

Nhưng được ca ngợi vẫn là dáng các cô đi Vélo Solex. Nguyên Sa viết:

“Sài Gòn phóng solex rất nhanh.

Đôi tay hoàng yến ngủ trong gants.

Có nghe hơi thở cài vương miện.

Lên tóc đen mềm nhung rất nhung...”

Hình ảnh đó lay động trái tim nhiều chàng trai Sài Gòn thời ấy, và vẫn còn nguyên vẹn trong ký ức họ cho đến ngày nay.



Nữ diễn viên điện ảnh Kiều Chinh với vẻ đẹp trong trẻo và quyến rũ. Bà nằm trong số diễn viên ít ỏi có vai diễn trong phim truyền hình Mỹ và điện ảnh Hollywood. Trong đó, nổi bật là vai diễn trong phim ***The Joy Luck Club*** *(Phúc Lạc Hội) của Wayne Wang (1993).*

Ảnh trong bài: Nhiếp ảnh gia Đinh Tiến Mậu



Ca sĩ Minh Hiếu có nét đẹp phảng phất diễn viên điện ảnh Mỹ Liz Taylor. Theo ông Đinh Tiến Mậu, cô Minh Hiếu có nét đẹp nổi trội nhất trong số nữ nghệ sĩ ông đã chụp chân dung.



Nghệ sĩ Thanh Nga



Ca sĩ, diễn viên điện ảnh Thanh Lan



"Minh tinh điện ảnh" Thẩm Thúy Hằng

Sách Đẹp

Cách nay mấy năm, qua trang web bán sách xưa ở Pháp, tôi mua được cuốn *Tân bản L'Art à Hué* in năm 1930. Sách được đóng bìa cứng, gáy đóng bằng da trừu mịn màng theo kiểu xưa, giấy in trắng ngà, dày, cứng cáp và in ấn hình ảnh sắc sảo. Điều khiến tôi vui là phía trong bìa sau còn dán tờ hóa đơn màu hồng của Nhà Morin Frères d' Annam rất nổi tiếng (kinh doanh chính là khách sạn ở Huế và Đà Nẵng đầu thế kỷ 20). Hóa đơn ghi rõ sách được mua tại Huế vào 20 tháng 1 năm 1942 theo chi phiếu số 153 với giá 5,5 đồng bạc Đông Dương. Bên cạnh hóa đơn có dán nhãn tên nhà đóng sách Nguyen – Van – Chau, địa chỉ là 159 phố Douaumont Saigon (nay là đường Cô Giang, quận 1) cùng một địa chỉ khác ở Phnôm Pênh. Quyển sách được xuất bản ở Huế, trôi dạt sang Pháp và cuối cùng đã trở về chính quán của mình, sau nửa thế kỷ

tha hương có lẽ.

Được xuất bản chính thức 2 lần, năm 1919 và năm 1930 (gọi là Tân bản – Nouvelle Edition), cuốn *Nghệ thuật Huế* là một trong những đặc san chuyên khảo nằm trong bộ *Tập san Đô thành Hiếu cổ* (Bulletin Des Amis Du Vieux Huế)[3]. Quyển sách này đến nay vẫn được giới chơi sách săn lùng cùng với quyển *Musée Khai Dinh* (Bảo tàng Khải Định) là một sách chuyên khảo khác cùng nơi xuất bản. Trong quyển *Thú chơi sách,* Vương Hồng Sển kể lại một câu chuyện mà ông cảm thấy đau lòng. Ông có đủ các quyển Đặc san của bộ báo là hai quyển nói trên, cùng quyển thứ ba là *Khảo về nha phiến* (L' Opium). Do rất thích ba cuốn này nên ông đóng bìa đỏ có mạ vàng cẩn thận. Đến năm loạn lạc 1945, khi ông chạy vào làng Hòa Tú ở Sóc Trăng, lính Tây bắn phá khiến cả nhà lại chạy vào rừng.

Đến khi quay trở về, tủ sách của ông bị lục phá tơi bời, sách bị nông dân xé lấy giấy để hút thuốc. Ông khổ tâm nhất là khi thấy mấy thanh niên tá điền mang theo túi da còn rành rành tựa ba cuốn sách mà ông cưng nhất nói trên.

Dù sao, khác với bộ *Kỹ thuật của người Annam* của Henri Oger in trên giấy dó vô cùng hiếm hoi, bộ *Nghệ thuật Huế* không đến nỗi hiếm. Nó có mặt trong một số tủ sách nổi tiếng ở Huế, Sài Gòn. Ấn bản đầu tiên năm 1919 khó tìm trong nước nhưng vẫn có thể tìm ở các nhà buôn sách hiếm nổi tiếng trên thế giới, nhất là ở Pháp.

Đọc bản dịch sang tiếng Việt của quyển Nghệ thuật Huế (Nhà xuất bản Thuận Hóa), chúng ta bắt gặp bài thơ của V. Muraire khá cảm xúc, có những câu:

"Giữa các màu xanh cổ, cẩn xà cừ ngà voi

Một ông quan thất vận đọc lại pho sách cũ

Ông ngâm nga thời qua, thời oanh liệt ngày trước"

Bài thơ mở đầu thật cuốn hút, báo trước nội dung hấp dẫn của quyển sách. Quả thật, nó có nhiều bài viết hay về nghệ thuật Huế và tranh vẽ có ích cho ai nghiên cứu hay muốn tìm hiểu về nghệ thuật Huế trong

kiến trúc và mỹ thuật đầu thế kỷ 20. Hầu hết bài viết đều của Linh mục Léopold Cadière và có duy nhất một bài do người khác tên là Edmond Gras viết.

Bản in 1930 của tôi có 222 phụ bản bên cạnh 167 trang viết (bản 1919 chỉ có 157 trang viết). Đầu trang sách là lời đề tặng của tác giả gửi tới ba nhân vật: cựu Toàn Quyền Đông Dương Albert Sarraut, lúc đó đang là Bộ Trưởng Bộ Thuộc Địa, Vua Khải Định và M.J.E. Charles, cựu Công Sứ ở Trung Kỳ.

Về nội dung, mở đầu là bài *Mỹ thuật ở Huế* nêu cái nhìn tổng quan của L.M Cadière. Sau đó là bài về *"Thành phố, nhà cửa, bàn ghế, hàng thêu..."* của E. Gras. Tiếp theo có các bài của ông Cadière bao gồm *"Các mô típ trang trí có tính hình học", "Mẫu chữ Hán", "Tĩnh vật", "Hoa và lá, cành và quả", "Động vật", "Điêu khắc" và "Phong cảnh"*. Các hình vẽ được thể hiện tỉ mỉ, màu sắc từng bức tranh rất đẹp, từ hơn chín mươi năm qua vẫn đủ hấp dẫn người xem, tạo được ấn tượng mạnh mẽ về sự tinh tế của nghệ thuật chạm khắc, hội họa thời nhà Nguyễn qua bàn tay nghệ nhân xứ Huế và cả nước tập trung về kinh đô đầu thế kỷ 20.

Theo nhà văn Sơn Nam, cuốn *L'art à Hué* là tư liệu chuẩn mực về kiểu thức, thiết kế họa tiết trang trí cho các chùa chiền lăng tẩm của cả Sài Gòn và đất Nam bộ thời bấy giờ.



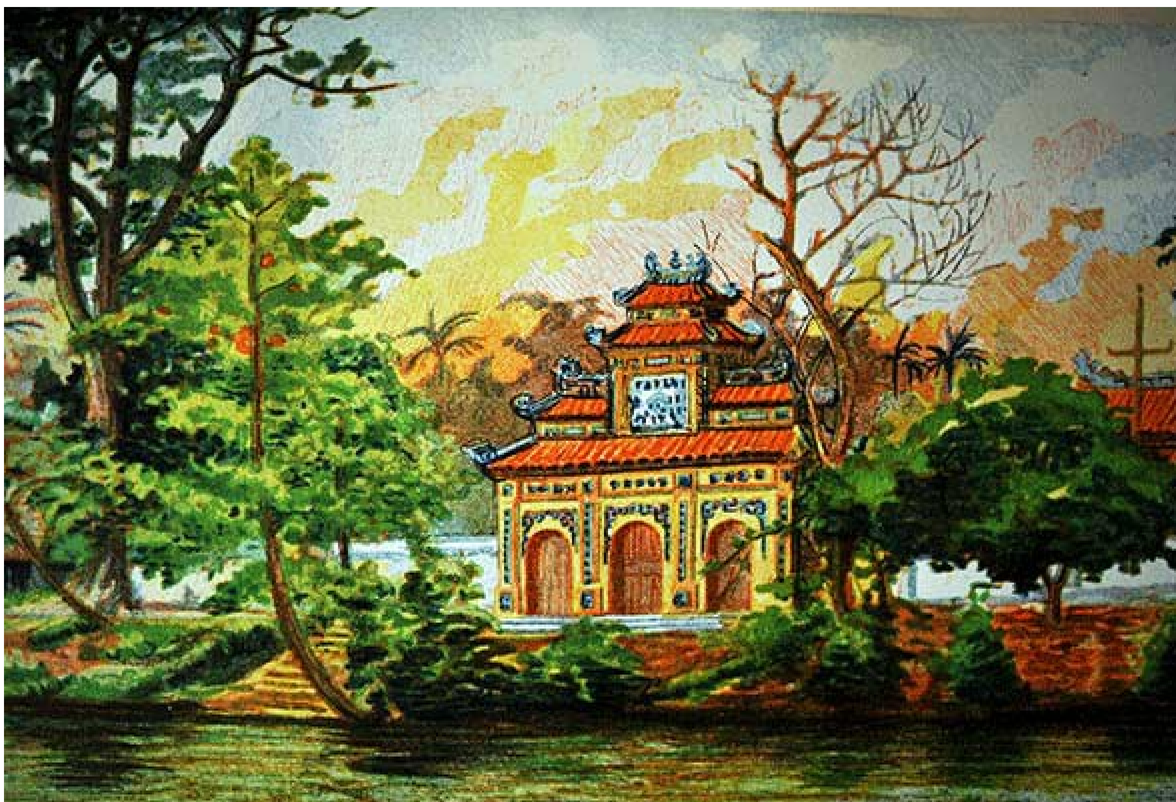



L'Art
à Hué





Bìa và các trang minh họa trong L'art à Hué . Phía trên là nhãn hiệu nhà đóng sách Nguyễn Văn Châu ở đường Cô Giang, quận 1, nổi tiếng từ trước năm 1945.



*Tranh minh họa trong cuốn **L'art à Huế***



Chú thích:

[1] Theo Hồ Trường An.

[2] Theo Hồ Trường An.

[3] *Tập san Đô thành Hiếu cổ* do một số quan cai trị người Pháp, các giáo sĩ và các giáo sư, cả Pháp lẫn Việt viết. Chủ đề các bài trong Tập xoay quanh Cố đô Huế xưa cũng như Triều đình nhà Nguyễn. Tập san ra được đúng 31 năm, từ 1914 tới 1944 và trở thành tài liệu nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới. Nhà xuất bản Thuận Hóa những năm gần đây đã dịch sang tiếng Việt một số tập.

Thời Trung Cổ ở phương Tây, sách đã bắt đầu được đóng một cách tỉ mỉ, tính mỹ thuật cao nếu qua tay một nghệ nhân giỏi. Các nhà sưu tầm sau này săn lùng chúng trong các cửa hàng sách hiếm, các phiên đấu giá và họ xem chúng là bảo vật. Họ sưu tầm những bìa sách đóng cho các vua chúa hay những người chơi sách nổi tiếng của một giai đoạn lịch sử, sưu tầm sách trang trí đẹp, những sách có chữ ký, những cuốn sách đóng bằng da dê thuộc (maroquin) hay da cừu thuộc (vélin), bìa bằng gỗ hay da in hình nổi, bìa sơn hay khảm, bìa làm theo những hình thức đặc biệt, sách đựng trong hộp hình trái tim... Có người tiêu phí những món tiền khổng lồ để mạ vàng và trang trí bìa sách bằng da dê.

Ở Việt Nam chắc chắn chưa có một ngành đóng sách đạt tới mức tinh tế và cao cấp như vậy. Người Pháp sống ở Việt Nam trước 1954 có nhu cầu bọc sách bằng bìa da chắc cũng chấp nhận trình độ đóng sách đủ để bảo quản cuốn sách chắc chắn trong khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, hơn là đòi hỏi mức độ mỹ thuật điêu luyện như ở chính quốc của họ. Giới đóng sách mua da nhập từ nước ngoài, mua da thuộc của người Hoa trong Chợ Lớn để phục vụ cho khách đóng sách đa số là dân Tây và những người Việt có học, hoặc đang làm việc cho Pháp.

Tôi tìm thấy vài dòng quảng cáo trên trang 6 tờ báo Nông Cổ Mín Đàm năm 1915: *"Nhà Đóng sách J. VIẾT-LỘC & CIE ở đường d"Ormay, số 61, Saigon. Lê văn Ngàn kế vị. Kính cùng chư quý vị đặng rõ, kể từ ngày 15 tháng sáu langsa, chúng tôi mới làm hùn thêm đặng lo tấn tới và mở mang cuộc đóng sách và cuộc buôn bán thuở nay của mấy thầy Viết-Lộc và Công-ty.*

Vậy xin trong lục châu (lục tỉnh?) cùng châu thành Saigon Chợ lớn tưởng tình anh em chúng tôi trước sau cũng vậy mà giúp sức cho người nam ta cho tấn tới theo đường thương mãi."

Người Pháp mở đầu việc mua vải thổ cẩm trên Đà Lạt, Ban Mê Thuột về bọc sách. Vải thổ cẩm có sợi chỉ nổi, nhiều màu, tạo sắc thái lạ

tuy không bền bằng da. Những thợ đóng sách lớn tuổi ở Sài Gòn nhận xét người Pháp thích đóng sách bìa da, mạ chữ vàng, làm gân kỹ lưỡng. Những người Mỹ ở Việt Nam trong suốt thời gian trước 1975 không chú trọng việc này.

Đâu còn mấy dấu vết của nghề đóng sách xa xưa ở Sài Gòn!



Ảnh: Derrick Neill

Nhà Nguyễn Văn Của, một nhà in nổi tiếng về in và đóng sách mỹ thuật của Sài Gòn xưa được nhắc nhiều, cũng không còn lại gì ngoài cái tên và chút vết tích bên ngoài trên tầng áp mái của tòa nhà này (mặt tiền nhìn ra đường Nguyễn Du ngó thẳng qua hông Bưu điện Thành phố) còn hàng chữ nổi "Nguyễn Văn Của" nay đã bị che khuất bởi các bảng hiệu. Nhà in này là phần nối theo cửa hông Nguyễn Du của bót Catinat cũ...

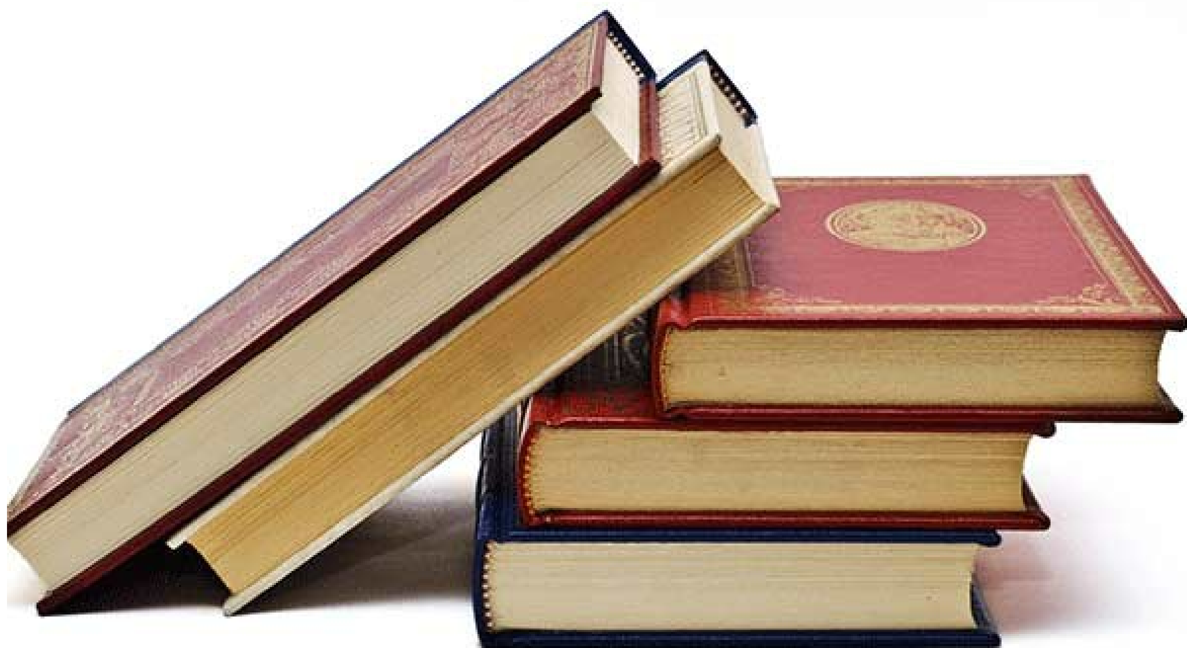
Trước 1975, Sài Gòn đã nhập bìa simili giả da nên hầu như không có mấy chỗ đóng bìa da như khoảng thời gian thập kỷ 40, 50 trở về trước. Nhưng trước đó, sách có bìa bọc gấm và da cừu đã quen thuộc với giới

chơi sách rồi. Thời Pháp thuộc, nhà đóng sách Nguyễn Văn Châu ở đường Cô Giang quận 1 đóng nhiều loại này cho người Pháp và giới đọc sách Việt có tiền. Có quyển bọc toàn da, có quyển chỉ bọc gáy và bốn cạnh vuông bằng da, chừa lại bìa bằng carton. Sau nửa thế kỷ hoặc hơn, bìa nhiều quyển sách không hề suy suyển bởi thời gian, chữ mạ vàng phai không đáng kể, không bị xộc xệch do được may kỹ. Đóng bằng da đương nhiên là mắc tiền, chỉ dành cho sách quý.

Đầu năm nay, tôi gặp được bà Trần Thị Hai, còn gọi là Bà Hai Công Lý, năm nay đã 87 tuổi, một người mà giới xuất bản, chơi sách từ thời trước 1975 đều biết tiếng. Bà là em họ ông Nguyễn Văn Châu, chủ cơ sở đóng sách Nguyễn Văn Châu nói trên, gọi mẹ của ông bằng cô ruột. Bà và chồng làm việc cho ông Châu từ trước 1945. (Ông Văn Thơ, một chủ hiệu đóng sách có tiếng trước kia ở đường Phan Thanh Giản, nay là Điện Biên Phủ cũng từng làm việc cho ông Châu).

Ông Nguyễn Văn Châu được gọi là Paul Châu, dân Công giáo và Paul là tên Thánh. Thời gian làm việc với ông, bà Hai Công Lý nhớ là đã đóng rất nhiều sách cho các bác sĩ, y sĩ người Pháp, Tây đầm đủ cả từ Nhà thương Grall, nay là Bệnh viện Nhi đồng II... Họ chơi sách kỹ, thích làm gáy sách lưng cong bọc simili hay da bò, có nổi gân.

Sau 1954, công việc làm ăn của ông Châu khó khăn, ông về Giáo xứ Bùi Môn ở Hóc Môn sinh sống, tiếp tục làm nghề đóng sách độ nhật và mất tại đó trước 1975. Phần bà Hai cùng chồng mở cửa hiệu ở góc đường Lê Hồng Phong - Nguyễn Trãi và đóng sách, bế hộp cho các hiệu thuốc Nhành Mai - Võ Văn Vân.



Ảnh: Angel Simon



Bà Hai Công Lý, chủ cơ sở chuyên đóng sách bìa cứng cho ông Khai Trí.



Dụng cụ đóng sách. Ảnh: Stillkost



Anh Võ Văn Rạng, thợ đóng sách ở quận 3 được giới chơi sách xưa Sài Gòn tín nhiệm.

Đầu thập niên 1960, gia đình bà Hai may mắn có cơ hội thay đổi cuộc sống từ nghề đóng sách. Ông Nguyễn Hùng Trương, chủ nhà sách Khai Trí lớn nhất miền Nam chọn gia đình bà để giao việc đóng toàn bộ sách bìa cứng cho các cuốn sách và bộ báo có giá trị của Nhà sách Khai Trí, còn bìa mềm do một cơ sở khác đảm nhận. Các bộ Tự điển lớn, bìa cứng như tự điển Nguyễn Văn Khôn, báo bộ đóng tập... đều do gia đình bà Hai đóng.

Ông Nguyễn Hùng Trương có một nhà kho lớn chứa sách đặt trong con hẻm 193 đường Công Lý (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa) gần nhà sách Khai Trí trên đường Lê Lợi. Để thuận lợi công việc, ông tặng cho gia đình bà Hai một căn nhà dài 22 mét, bề ngang rộng 4 mét sát bên cái kho đó và giao chìa khóa kho để quản lý, tiện ra vào lấy sách đem đóng. Ông Nguyễn Hùng Trương đã không chọn nhầm người. Gia đình bà Hai luôn chu toàn công việc, rất kỹ lưỡng, chuyên cần, lại đúng hẹn nên rất được tin cậy. Ông bà yên tâm nuôi tám người con nhờ nghề này và

từ đó, giới làm sách gọi bà là Bà Hai Công Lý.

Con trai bà Hai, anh Lê Hoàng Vân theo nghề của gia đình từ nhỏ cho đến gần đây mới thôi nghề. Một người bạn của anh là Võ Văn Rạng ở đường Lê Văn Sĩ, quận 3 từng đến học nghề của gia đình bà Hai nay trở thành người đóng sách bìa cứng được cộng đồng sachxua.net, nơi tập họp giới chơi sách có uy tín nhất Việt Nam tin cậy và giới thiệu cho nhau khi muốn đóng bìa để bảo quản sách quý.

Bác Thân, một độc giả mê sách ở Sài Gòn lại có cách riêng của mình để làm đẹp quyển sách, khi nghề đóng sách đẹp đã mai một dần. Trước 1975, có người nhập da cừu từ nước ngoài về để bán làm khăn lau xe hơi. Do xé ra từ mảng da lớn nên mỗi miếng da thường không có khổ ngay ngắn, mỗi cạnh vài tấc. Sau khi lau một thời gian, miếng da sờn lớp lông mịn nên người ta bỏ đi, có người nhặt nhạnh đem bày bán ở vỉa hè đường Pasteur, gần Quán nước mía Viễn Đông khu chùa Chà Và. Bác Thân mua về giao cho tiệm đóng sách. Tiệm chiều khách, nhận miếng da, cắt theo khổ sách và bọc sách rất đẹp. Họ nhận luôn cả những miếng gấm mà bác cắt ra từ quần áo cũ may bằng gấm Thượng Hải, Hồng Kông óng ả, để bọc bìa sách tạo vẻ đẹp rất phương Đông và cổ điển, hợp cho loại sách về văn hóa.



Ảnh: Đức Trí

Nghề đóng sách ở Sài Gòn, theo *Tự điển phân loại nghề nghiệp Việt Nam* quyển 2 (Bộ Lao Động VNCH 1973) trang 183, là nghề có mã số 9-26, bao gồm đóng sách và tạp chí bằng tay hay bằng máy đóng sách. Họ lắp khuôn chữ hay hình vào cần in, nung nóng cần in, đặt giấy sáp hóa học lên vị trí ấn định, ép cần in lên giấy sáp hóa học (giấy sáp có màu sắc khác nhau như vàng, bạc...)

Nhà đóng sách Văn Thơ góc Điện Biên Phủ, gần Hai Bà Trưng là tiệm đóng sách mạ chữ vàng trên gáy và bìa sách rất đẹp. Bộ chữ dùng bằng đồng.

Theo ông chủ hiện nay, là con lớn cụ chủ cũ đã mất, trước đây bộ chữ đồng nhập ngoại rất sắc sảo và chịu nhiệt cao nên chữ in rất đẹp, hiện nay, bộ chữ bằng chì, kém chịu nhiệt nên chữ khó đẹp bằng trước kia. Sách vừa đóng xong thường được đặt một miếng giấy carton bên trong cuốn sách. Có lẽ để trong quá trình keo dán khô dần, sách không bị căng kéo từ phía gáy.

Kinh nghiệm của ông Vương Hồng Sển nêu trong cuốn *Thú chơi sách* là cần chọn màu sắc bìa phù hợp với nội dung quyển sách, nội dung buồn thì bìa nên trầm sâu, không thể lòe loẹt vui tươi. Ông Sển than là không phân biệt nổi các thứ da đóng sách, có lẽ do điều kiện xã hội lúc đó (và cả bây giờ) không có mấy ai có nhu cầu đóng sách đẹp nên nghề đóng sách không phát triển, nguyên liệu nhập không nhiều và đa dạng, làm sao mà có để so sánh, đánh giá.

Có một quan niệm phổ biến trong giới chơi sách ở Việt Nam. Đó là khi mua một quyển sách dù cũ hay mới, họ thích có một ấn bản càng nguyên vẹn càng tốt. Họ không thích sách đóng bìa vì cho rằng chỉ có sách bị hư gáy hay rách bìa mới phải đóng lại bìa.

Trong khi đó, với giới chơi sách phương Tây, theo *Quyển sách, nghề xuất bản và nghề bán sách* do Lê Thái Bằng dịch từ phần Le Livre tập 18 bộ *Bách khoa toàn thư Pháp*, Viện Đại học Huế xuất bản năm 1962 thì *"chín phần mười trước khi được bày vào tủ của một người sưu tập sách khó tính, sách phải qua tay người thợ đóng bìa lại"*.

Có lẽ nghệ thuật đóng sách thủ công nguyên thủy là một nghệ thuật hoàn toàn khác với kỹ thuật đóng sách ở ta lâu nay, vừa thô giản, vừa thiếu tinh tế nên làm cuốn sách không nâng cao giá trị mà có khi là ngược lại.



Ảnh: Đức Trí

Năm 1939, có một thanh niên Hà Nội cùng gia đình lên xe lửa xuyên Việt đi từ miền Bắc vào Nam để lập nghiệp. Đến Sài Gòn, anh tìm mua một căn phố ở đường Sabourain, nhìn ra cửa Tây chợ Bến Thành và mở một cửa hiệu bán sách đặt theo tên mình - Nhà sách Nguyễn Khánh Đàm.

Con đường này vốn tấp nập từ khi chợ Bến Thành được xây vào năm 1914. Tên đường đặt theo tên ông Gustave Sabourain, là chủ đồn điền cà phê cao su ở Nam Kỳ đầu thế kỷ 20 và là hội viên, thư ký của Hội Tam Điểm tại Sài Gòn. Từ thập niên 1920, đã có Nhà in Tín Đức thư xã ở số 37-38-39 trên đường này, xuất bản nhiều sách tiểu thuyết lịch sử của Phạm Minh Kiên, Tân Dân Tử... là những tác phẩm của thuở ban đầu trong văn học quốc ngữ Việt Nam, cũng như các truyện *Tàu Thủy Hử, Tam quốc diễn nghĩa, Nhạc phi diễn nghĩa* và các sách tiếng Pháp.

Tuy chỉ tồn tại trong vòng sáu năm, Nhà sách Nguyễn Khánh Đàm có ý nghĩa không nhỏ trong đời sống văn hóa Sài Gòn thời đó. Năm 2010, tại Hà Nội có mở cuộc triển lãm Lịch sử báo chí Việt Nam lần thứ ba, và lần này, cái tên Nhà sách Nguyễn Khánh Đàm được nhắc lại nhiều lần trên các báo đài, với vị thế là Nhà tổ chức triển lãm Báo chí Việt Nam lần đầu tiên trên toàn cõi Việt Nam. Cuộc triển lãm năm 1943 tại Sài Gòn đã giúp người đọc trong nước và cả người Pháp tại thuộc địa biết đến nền báo chí tuy non trẻ của nước Việt. Dù chỉ mới bắt đầu từ năm 1865 với tờ Gia Định báo của Trương Vĩnh Ký nhưng đã nở rộ rất nhiều ấn phẩm từ Bắc chí Nam. Cuộc triển lãm này cũng là chặng dừng chân để tạm tổng kết một chặng đường phát triển của nền báo chí Việt.

Ông Nguyễn Khánh Đàm là em ruột nhà văn nổi tiếng Nguyễn Tuân. Theo anh Nguyễn Lương Dân, cháu đích tôn của ông Nguyễn Khánh Đàm đang sống ở Hà Nội, ông Đàm có tính cách khác với ông anh ruột. Trong khi ông Nguyễn Tuân quảng giao thì ông Đàm lại có tính trầm lặng, ít nói. Vốn là em rể ông Vũ Đình Long, chủ nhà xuất bản Tân Dân, ông Đàm vào Sài Gòn mở Nhà sách với mục đích tạo lập việc kinh doanh ở một thị trường vốn rất sôi động việc đọc, kinh doanh sách báo (tuy vậy đến giờ con cháu ông không rõ liệu công việc này có phải là bình phong để hoạt động cách mạng hay không?). Theo gia đình, ông Nguyễn Khánh Đàm là một nhân vật của ngành kinh doanh sách báo chứ không phải là nhà văn như một vài tờ báo đã đưa tin.

Nhìn vào số hình ảnh ít ỏi còn lại từ gia đình cung cấp, vốn đã hư hao rất nhiều, chúng ta vẫn thấy Nhà sách Nguyễn Khánh Đàm bảy mươi năm trước đã ra vẻ một nhà sách bề thế, hiện đại so với thời bấy giờ qua cách trưng bày. Phía dưới bảng hiệu được đắp nổi bằng thạch cao, bên góc trái ông cho đặt một kệ bày báo từ thấp lên cao. Bên trong nhà sách, ngoài các tủ kệ trưng bày sách phô gáy ra ngoài, có một số sách bày trang bìa trực diện để gây chú ý. Giữa nhà sách là một tủ kệ thấp có khung kính, đặt những ấn phẩm đặc biệt. Theo *Hồi ký Nguyễn Bính, một vì sao sáng* của nhà thơ Hoàng Tấn, đây chính là nơi mà nhà thơ Nguyễn Bính đã bày bán đấu giá tập thơ do chính ông viết tay *Lỡ bước sang ngang*. Trong Nhà sách còn có trưng bày quần áo, có vẻ là đồng phục của học sinh.

Rõ ràng, từ lúc đó, ông Khánh Đàm đã thể hiện cung cách làm ăn

chuyên nghiệp khi trở thành Đại lý phân phối sách báo của Nhà xuất bản Tân Dân vốn đang thịnh với hàng loạt những tờ báo, tạp chí nổi tiếng như *Tiểu thuyết Thứ bảy, Truyền Bá, Ích Hữu, Tao Đàn, Phổ thông Bán Nguyệt san* … Ông lại biết tổ chức sự kiện tạo thanh thế và uy tín như tổ chức triển lãm báo chí, biết cách chọn địa điểm mở nhà sách, bày biện để thu hút người đọc xứ Nam kỳ. Nhà sách này đáp ứng đúng nhu cầu người đọc trong Nam đương thời, ưa chuộng báo chí và văn chương từ miền Bắc vốn đang phát triển mạnh với *Nam Phong Tạp chí, Tri Tân, Tiểu thuyết Thứ bảy, Phong Hóa, Ngày Nay* … cũng như nhiều cây bút mà xứ Nam kỳ rất kính nể như Tản Đà, Nguyễn Bính, Lê Văn Trương cho đến nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Ngoài ra, Nguyễn Khánh Đàm còn mở thêm hai quầy báo (kiosque) ở đường d'Espagne (Lê Thánh Tôn ngày nay) để bán sách báo cho khách vãng lai nữa.

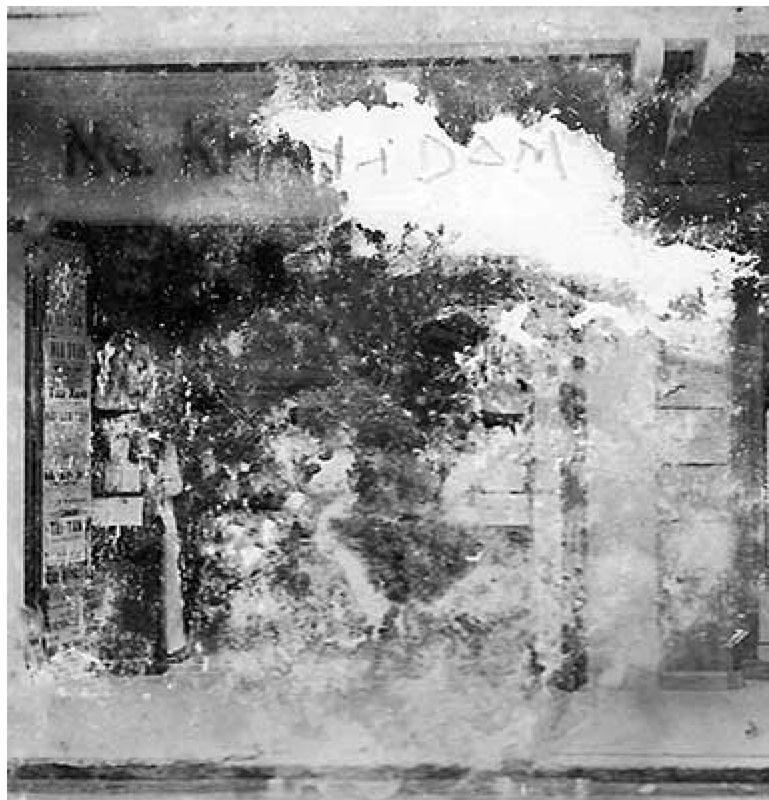
Các yếu tố này giúp việc bán sách báo thời gian đầu phát triển rất tốt. Trong bài *Chuyện câu đối Tết giữa kinh thành Sài Gòn* (trang 10, tạp chí *Sáng Dội Miền Nam* số Tết Nhâm Dần năm 1962), thi sĩ Đông Hồ đã thuật lại lời ông Nguyễn Khánh Đàm kể về chuyện phát hành sách báo bận rộn vào dịp Tết ở Sài Gòn năm 1940 như sau:

"Tôi phải cho dựng thêm hai cái lều bán sách lẻ ở bùng binh trước chợ Bến Thành mà không kịp cung cấp.

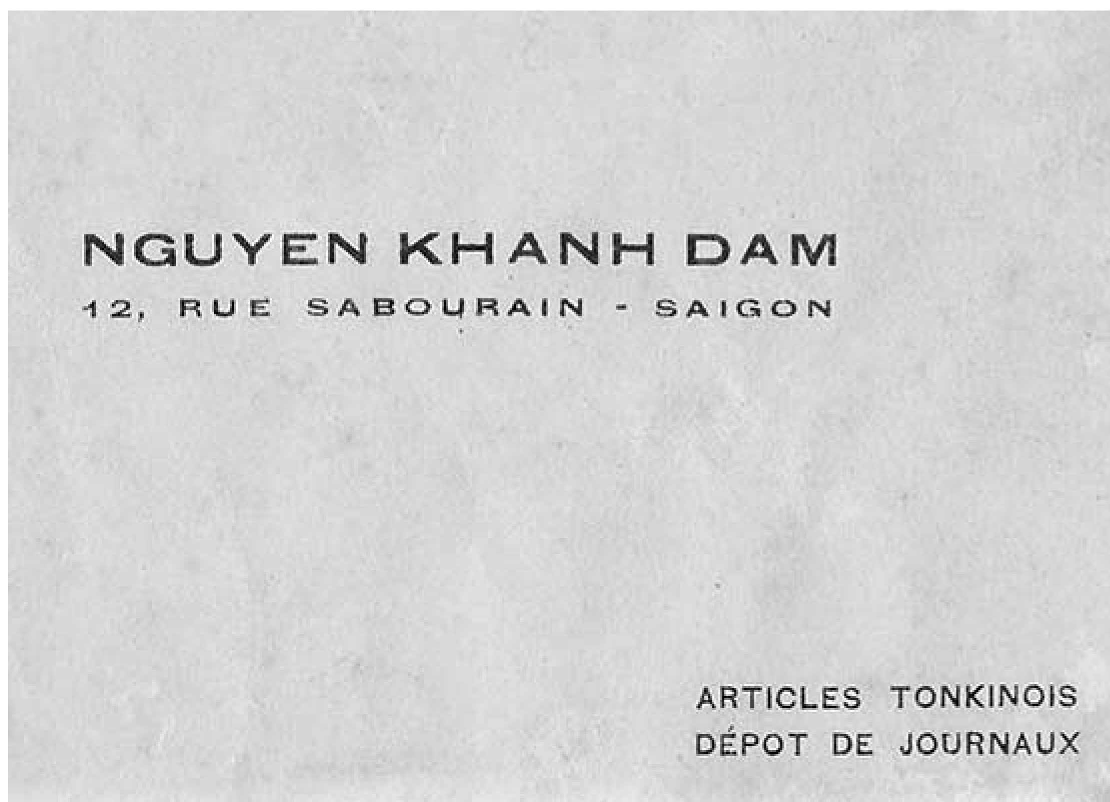
Cứ một bức điện gửi đi Hà Nội đòi thêm báo, thì đồng thời cũng có một bức điện đi Huế đòi gửi thêm sách, có khi sáng một bức, chiều một bức…"



Chân dung ông Nguyễn Khánh Đàm



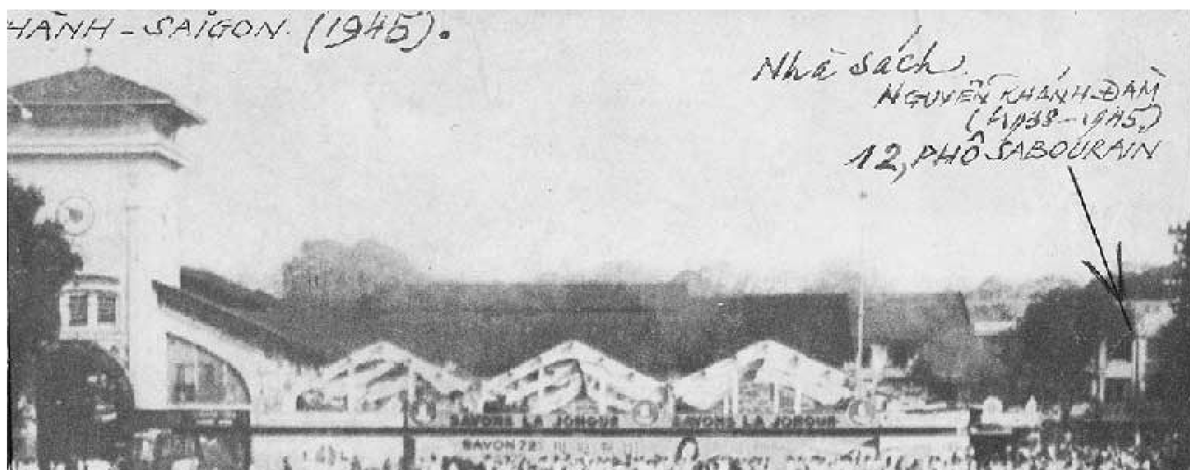
Qua tấm ảnh mờ nhoè này còn thấy mặt tiền nhà sách với cột báo trưng bày bên góc trái



Danh thiếp in tiếng Pháp của ông Đàm hiện gia đình còn giữ được.



Ông Khánh Đàm (phải) cùng ông Cảnh, một người bạn thân thiết trên xe lửa từ Sài Gòn đi Phnompenh năm 1939.



Vị trí Nhà sách Nguyễn Khánh Đàm do chính tay ông ghi chú trên ảnh.

Cuộc triển lãm báo chí Việt Nam lần thứ nhất tổ chức ngay tại Nhà sách đã gây được tiếng vang nên có báo ở Hà Nội phải cử phóng viên

vào theo dõi. Phải đợi đến 23 năm sau, mới có cuộc trưng bày báo chí lần thứ hai diễn ra vào năm 1966, cũng tại Sài Gòn.

Thời gian này, ông Nguyễn Khánh Đàm còn làm được một việc quan trọng cho ông anh của mình, nhà văn Nguyễn Tuân. Ông đã lên tiếng bảo vệ danh dự ông anh khi có kẻ mạo danh anh trai mình đi lừa gạt, mượn danh nhà văn để vay tiền rồi không trả. Thấy đây là vụ việc nghiêm trọng, ông Đàm đã đâm đơn kiện tên lừa đảo này và nay câu chuyện còn được nhiều báo nhắc tới.

Trong sáu năm làm ăn kinh doanh, ông Nguyễn Khánh Đàm được tiếng là thương người. Do Nhà sách lớn nên ông có từ 15 đến 20 nhân viên phục vụ tùy thời điểm. Chỉ huy đội ngũ này là bà Vũ Thị Vân, vợ ông Đàm, chuyên ngồi tại Nhà sách quản lý và lo thu chi để ông tập trung việc tổ chức nguồn sách và phân phối. Nếu có đám cưới mà cô dâu chú rể đều cùng là nhân viên của Nhà sách, hai ông bà sẽ tặng cho một căn nhà để sinh sống. Những năm xảy ra đói kém, ông bà tổ chức nấu cơm đem ra phố phát chẩn cho người nghèo đói.

Năm 1944, ông Nguyễn Khánh Đàm lên Đà Lạt mở thêm hiệu sách thứ hai. Giai đoạn này Đà Lạt đã phát triển cơ sở vật chất như một thành phố với các kiến trúc lớn như khách sạn Langbian Palace, ga Đà Lạt, dinh Toàn quyền... và các cơ sở văn hóa và giáo dục cũng bắt đầu phát triển, một số trường học thu hút học sinh đến từ khắp Việt Nam và cả Đông Dương. Năm 1938, khi nhà ga xe lửa hoàn thành, du khách tìm đến thành phố nghỉ dưỡng này ngày một đông và chỉ đến năm 1944, Đà Lạt gần như là thủ đô của Liên bang Đông Dương khi hầu hết các công sở quan trọng đều chuyển về đây (theo Wikipedia - Lịch sử Đà Lạt).

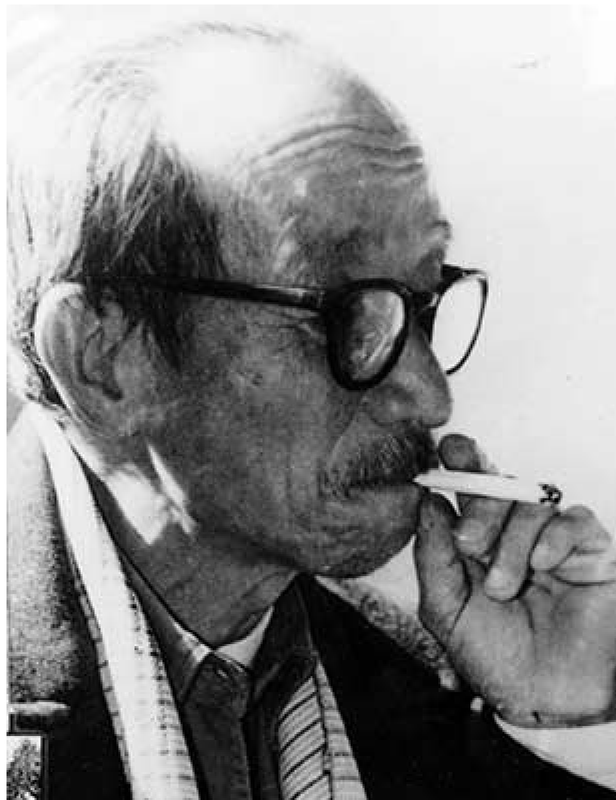
Theo các con ông Đàm đang sống ở Hà Nội, có thể do việc hoạt động bí mật, như truyền bá tư tưởng mới nên ông mới nhắm đến Đà Lạt, và không có ý định ở lâu vì ông chỉ thuê nhà mở Nhà sách, không mua hẳn như ở Sài Gòn.

Năm 1945, ông Nguyễn Khánh Đàm tham gia cướp chính quyền tại Đà Lạt. Nhà sách Nguyễn Khánh Đàm cũng ngưng hoạt động từ đó. Đến năm 1949, ông ra Thanh Hóa và công tác tại Lớp dự bị Văn khoa

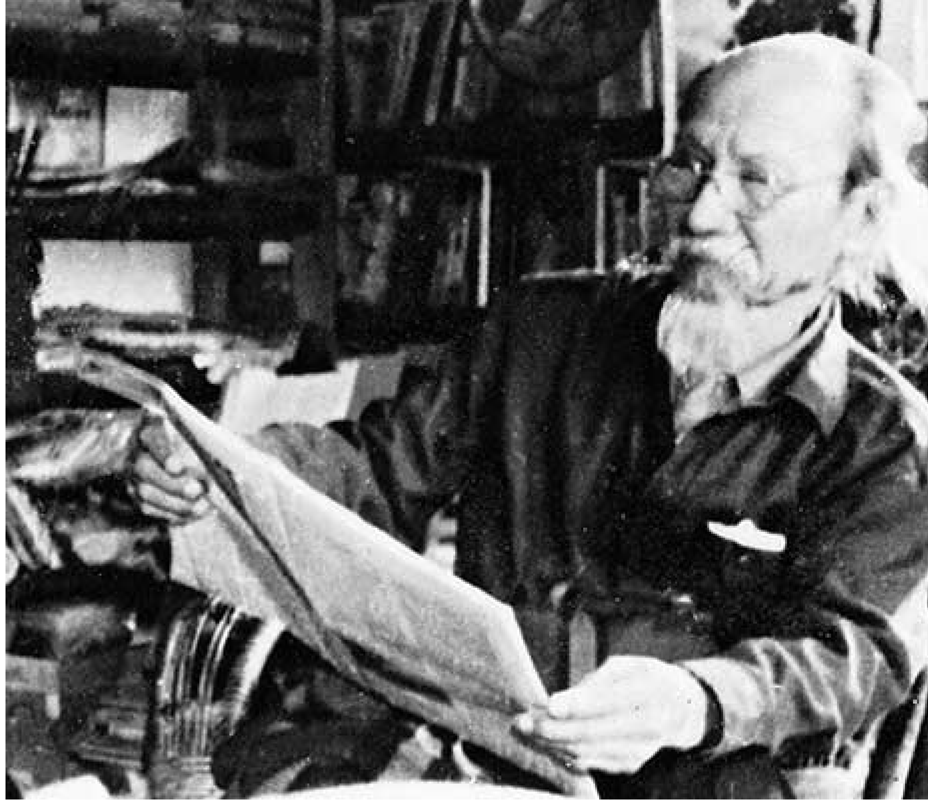
khu IV ở huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Theo bài viết "Lớp dự bị đại học văn khoa khu IV thời kháng chiến chống Pháp" của phó giáo sư Đặng Thị Hạnh thì lớp học khai giảng tháng 9 năm 1949, có Thư ký văn phòng là ông Nguyễn Khánh Đàm bên cạnh hai giáo sư là Đặng Thai Mai và Cao Xuân Huy.

Cùng khoảng thời gian này, ở Sài Gòn, theo Hồi ký Nguyễn Hiến Lê thì căn nhà số 12 đường Sabourain (nhiều bài viết cho là số 14 hay 16 đều không chính xác) đã trở thành trụ sở Nhà xuất bản Phạm Văn Tươi, một nhà xuất bản phát triển rất nhanh và biến thành nơi tụ tập của làng văn làng báo Sài Gòn thời đó.

Sau khi tham gia công tác cách mạng tại Thanh Hóa, ông Nguyễn Khánh Đàm lên chiến khu Việt Bắc và đến năm 1954 thì về tiếp quản Hà Nội rồi sống hẳn tại đó. Năm 1975, ông Nguyễn Khánh Đàm cũng có lúc vào sống ở Nha Trang rồi lại ra Hà Nội cho đến khi mất năm 1985, hưởng thọ 71 tuổi.



Ông Nguyễn Khánh Đàm những năm cuối đời.



Nhà văn Nguyễn Tuân, anh ruột ông Nguyễn Khánh Đàm.

Ảnh trong bài: Gia đình ông Nguyễn Khánh Đàm cung cấp

Từ thuở nhỏ, tôi đã thích lân la chơi với các ông già, nhất là những người từng trải qua một cuộc đời phong phú, nhiều mối quan hệ quen biết và chứng kiến nhiều thăng trầm của nhân gian. Tôi thấy được cá tính chung ở các vị trưởng lão là khoan hòa, thích kể chuyện, nhìn người và việc luôn sắc sảo và độ lượng. Trong số đó, có nhà văn Sơn Nam và ông Lý Lược Tam mà tôi gọi là Chú Tám.

Những năm 1990, thỉnh thoảng tôi đến thăm nhà văn Sơn Nam ở căn phòng bé xíu ông thuê trên đường Phan Văn Trị, Gò Vấp. Căn phòng hẹp, bề ngang khoảng hai mét, một bên để giường xếp, một bên để cái bàn, trên bàn là máy đánh chữ cổ lỗ sỉ mà ông vẫn dùng để gõ bài, ở giữa là lối đi len lách. Nhà văn lừng lẫy gắn với những tập sách in

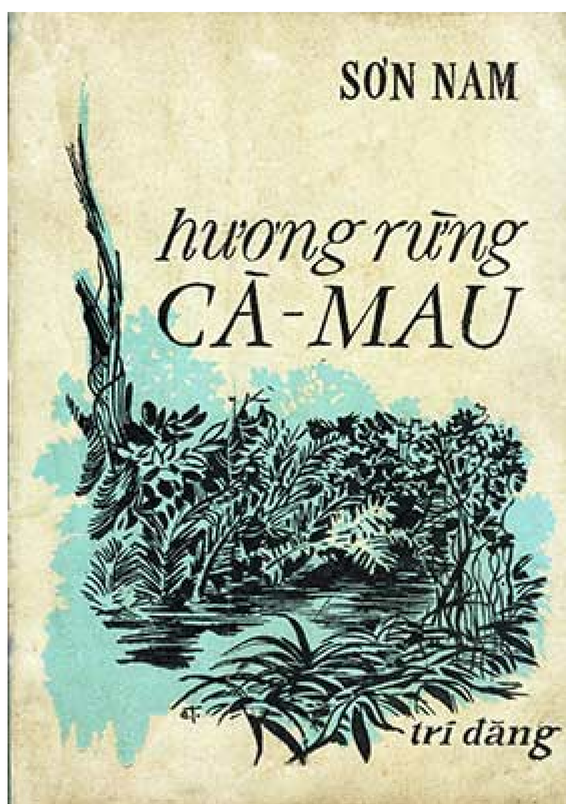
rất đẹp, những bộ phim được giải này, giải kia như *Người tình, Mùa len trâu*, sống giản dị đến mức vô cùng tận. Khi tôi đến, ông chậm rãi khoác vào người cái áo sơ mi, che cái áo thun ba lỗ cũ kỹ. Tôi ngồi xuống ghế, ông vào đề ngay: *"Nè, sống ở Gò Vấp này được à nghen, quận này nằm sát Phú Nhuận, Bình Thạnh nhưng giá cả ngoài chợ cái gì cũng rẻ hơn. Cà phê rẻ, cơm bình dân cũng rẻ. Ở đây sống được"*. *"Chú vẫn ngồi ngoài quán cà phê Nhà Truyền thống?"*. *"Ngoài đó tiện lắm, ai đến đặt bài thì đến đó. Mấy cô làm ở đó tử tế, cho nghe nhờ điện thoại"*. Chắc không chỉ vậy mà ông chọn quán cà phê Nhà Truyền thống quận Gò Vấp làm "văn phòng". Tính phong lưu, ông chọn một quán cà phê nhiều cây kiểng, có cổ thụ. Giá cà phê tất nhiên là rẻ bèo. Mấy lần trước đến tìm ông, đều nghe ông tấm tắc khen cây mai chiếu thủy này đẹp, cây bông sứ Thái Lan kia có gốc rất ngầu. Ông nói về cây kiểng như một ông cụ thong dong, nhàn hạ chơi cây lâu năm.



Minh họa: Phạm Công Tâm

Có tiếng nhạc trong cái máy cassette vẳng ra. Ông nói *"Tui khoái nhạc này!"* Lúc ấy, nhạc không lời của Kitaro mới phổ biến khiến tôi

thầm nghĩ: "Lão nhà văn này cập nhật âm nhạc thế giới nhanh quá". Tiếng nhạc réo rắt như tiếng gió thổi, thác đổ, suối chảy và tôi thấy ông lim dim đôi mắt sau cặp kính trắng, cái tai dày cui, hình dung có gì cổ quái, sần sùi dễ liên tưởng đến lối ví von *"nhà văn Sơn Nam như một thầy Tư tế của đất nước Phù Nam xa xưa từ lịch sử bước ra..."* của ai đó mà tôi không nhớ nguyên văn. Không chỉ thế, tôi còn cảm giác ông như vị Đạt Ma "cửu niên diện bích", thấu hiểu lẽ đời qua bao nhiêu năm chiêm nghiệm, coi nhẹ hình hài tóc râu.



*Cuốn **Hương rừng Cà Mau** xuất bản lần đầu tiên tại Sài Gòn năm 1962, được xem là tác phẩm quan trọng giúp văn chương miền Nam lấy lại sinh lực sau một thời gian dài trầm lắng*

Một người bạn của nhà văn Sơn Nam từng tả cho tôi nghe cảnh nhà văn ngồi viết bài phơi-ơ-tông (Feuilleton), tức bài đăng nhiều kỳ trên cái nhà sàn cất trong sân tòa soạn báo Tia Sáng. Ông thường ngồi xếp bằng như ông Phật, cởi áo sơ mi ra để lộ cái áo thun ba lỗ trên thân hình gầy còm và bắt đầu viết. Trong sổ tay mang theo, nhà văn chỉ ghi tựa bài và câu cuối của cái truyện viết dang dở, và dựa vào đó để viết

tiếp kỳ sau ngon lành.

Theo người bạn đó, ông Sơn Nam chơi với tất cả mọi người, nhưng những năm trước 75, hồi còn ở đường Lý Thường Kiệt không mấy người được ông dẫn về nhà. Thời gian sau này, hầu như ngày nào cũng có người đến chở ông đi đây đi đó. Nhưng thật khó biết rõ bạn thân thật sự của ông Sơn Nam là ai. Tính tình ông hề hà, ăn mặc sao cũng được, ít bộc lộ suy nghĩ, chỉ giãi bày trên trang viết. Chuyện riêng tư càng không mấy khi tâm sự cho ai. Sau 1975, ông Sơn Nam viết nhiều hơn và trong lĩnh vực viết lách, ông rất kỹ lưỡng, tham khảo sách vở rất nhiều. Tủ sách của ông có nhiều sách tiếng Pháp, đa số là sách nghiên cứu về Đông Dương, vài cuốn truyện của Anatole France...

Nhà văn lui cui đến cái tủ nhỏ lôi ra một quyển sách có bìa cứng, bọc trong một bìa láng nữa. Dạng sách nghệ thuật này khổ to, đắt tiền, nhiều hình ảnh, rất được giới nghệ thuật và chơi sách ưa chuộng. Ông khoe sau chuyến đi chơi Thái Lan, mua được quyển này, giá tới hơn bốn trăm ngàn nhưng nó hay quá. Quyển sách có bài viết và rất nhiều hình ảnh về bàn tay của vũ công múa truyền thống Ấn Độ, Thái Lan... mà mỗi dáng bàn tay uốn éo thể hiện một tâm thế hay cảm xúc. Một quyển khác tôi thấy trên giường là tập sách ảnh dày và chắc cũng không rẻ về hình ảnh sông Mê Kông, từ thượng nguồn đổ ra Biển Đông với cảnh người dân sinh sống hai bên bờ.

Ông ở Gò Vấp một thời gian rồi cũng phải quay về mái nhà cũ cho bà vợ chăm sóc sau một cơn bạo bệnh. Khi đến thăm, ông than bị nhũn não. Nhưng khi tôi hỏi "chú còn nhớ con không", ông kể chính xác... quê nội tôi ở đâu.



Tôi tặng ông mấy món quà mọn, trong đó có bốn cái chung uống trà ngư dân vớt ở biển Cà Mau được xác định là đồ sứ sản xuất thời Ung Chính nhà Thanh. Ông nhìn lòng chung có vẽ hình mấy cây hoa cúc bên hàng rào và lẩm bẩm đọc đoạn thơ của Đào Tiềm: *"Thái cúc đông ly hạ. Du nhiên kiến nam sơn..."* (Hái cúc dưới giậu đông, thơ thới nhìn núi nam) và xác định hình vẽ nhắc tới Ngũ liễu tiên sinh Đào Tiềm. Xong ông khoe "hồi trước tui cũng có chơi ít đồ cổ, thích lắm nhưng không có tiền. À, hồi trước ông Vương Hồng Sển có mua lại của tui, nhưng tui mua bao nhiêu ổng mua lại bấy nhiêu à nha, không cho tui lời đồng nào". Rồi ông sung sướng nói: "Mấy cái chung này đẹp, chắc tui ngắm nghía mất khoảng một tuần hoặc hơn à nghen". Ông khoe vừa mới tặng cho Nhà lưu niệm Trịnh Công Sơn ở khu Du lịch Văn Thánh bức chân dung của ông do cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn vẽ. Anh bạn đi cùng tôi buột miệng "Ui chà, bức đó mà chú bán là nhiều người muốn mua lắm, cả ngàn đô". Ông bình thản: "Đó là kỷ niệm giữa Trịnh Công Sơn với tui, để đó hay hơn!".

Nhớ một bữa giỗ năm nào, tôi rước ông về nhà chơi, ăn bữa cơm với ba má tôi. Má tôi lớn hơn ông một tuổi, còn ba tôi hơn ông chục tuổi.

Trông những người già cùng ăn cơm, vui vẻ nhắc lại chuyện Sài Gòn xưa thật vui và cảm động. Sau bữa cơm, ba tôi khai trương ngay cái ống điếu ông tặng. Mùi thuốc Gò Vấp khét nồng. Thế là đề tài lại chuyển sang thuốc rê ở đâu là ngon.

Có lần ông nói với tôi: “Ở đâu không biết, ở Việt Nam mình, nhà văn cần có gốc gác nông thôn, vậy mới có thể hiểu đa số người dân mình sống như thế nào và mới thấy được những vấn đề ở ngay thành thị”.

Khi ông còn sống, mỗi lần đến thăm nhà ông về tôi luôn cảm thấy như mới chia tay một ông chú, ông bác rất thân thương của mình. Mối giao cảm đó như kết tinh từ những truyện ngắn, truyện dài và cả hồi ký của ông mà tôi say mê nhiều năm nay. Lúc nào cũng có cảm giác buồn man mác nhưng sâu thẳm trong từng trang viết của ông, như tâm trạng của một cậu bé trong buổi chiều ba mươi hay khi vừa hết Tết, phải cúng đưa ông bà.

Ông gầy nhom, đầu đội mũ bê rê, miệng lúc nào cũng tươi cười. Ấn tượng mạnh nhất trên gương mặt ông là đôi mắt đen sắc lẻm dưới đôi lông mày bạc rậm rì. Nếu ai chưa biết, dễ nghĩ ông là một thầy giáo về hưu vui tính hay một ông từ giữ chùa, miếu nào đó ở dưới quê.

Ai chở ông dạo phố thì ông đi, không thì đi bộ, xe ôm hay taxi. Xe máy thì chưa hề biết đi, xe đạp thì có tập nhưng bây giờ chắc cũng chưa đi được. Ông kể có lần đi thăm rẫy mía của ông bạn ở Cù lao Giêng, thấy sao nó mênh mông quá nên quyết chí tập xe để tham quan cho dễ dù tuổi đã tà tà năm mươi mấy. Trên con đường làng, ông gồng chân đạp, đạp miết thấy cũng ngon ăn nếu đi hoài đường thẳng tuột. Vậy mà có một thằng nhỏ chăn bò dắt nguyên đàn bò đi qua. Chuyện này vốn nằm trong dự kiến nên chấp nhận luôn, ông bóp thắng cho xe chạy chậm lại. Đàn bò qua rồi ông đạp rấn lên nguyên con bò lạc đàn chình ình hiện ra khiến ông không làm gì kịp. Ông đau, con bò cũng đau và giấc mơ tự lèo lái chiếc xe của ông cũng tạm dừng vô thời hạn.

Thỉnh thoảng tôi lại thấy ông ra chợ đồ cổ Lê Công Kiều mỗi khi từ

An Giang về Sài Gòn chơi. Ngồi dừng chân uống nước bên cái quán vỉa hè tọa lạc sát nắp cống, ông kể chuyện hồi làm gốm đen ở lò Godevi tận An Giang. Về việc này, tôi có xem bài viết thuật lại của ông Huỳnh Ngọc Trảng trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật. Bây giờ, căn nhà của ông gần chợ Mỹ Luông vẫn còn dăm ba cái tượng của một thời làm nghệ nhân. Gốm của ông có nét đẹp riêng, khuôn mặt những bức tượng Lão Tử, Kim Cang, Di Lặc có thần có thái. Ông quý ai thì tặng người đó, riết rồi số tượng đó mai một dần.

Đến nhà ông ở Mỹ Luông, thấy sách và đồ gốm được trưng bày rất tưng bừng. Gốm đen bày chung với gốm Biên Hoà, Lái Thiêu, gốm Tàu và cả gốm Bát Tràng ngày nay. Có cả Ngoạn thạch do chính ông ra tới Khánh Hòa để tìm. Ông kể, ngoạn thạch thường có sau cơn lũ. Dân chơi đá lặn lội ra đó, mong tìm đá núi, đá suối do lũ kéo xuống và thường rủ ông đi. Ông tuổi già, sức yếu hơn nên thường đủng đỉnh đi sau chân họ nhưng có khi tìm được món đồ độc. Trên tường nhà ông có treo cái nón đan bằng tre của tổ tiên ông mang qua từ bên Tàu cách nay cả trăm năm trước.

Ngồi chơi với ông, nghe có tiếng lục lạc gõ lanh canh, thứ chuông đeo cổ con bò. Đó là thông báo xuống ăn cơm của bà Tám. Sống ở quê, ông ngao du như một tiên ông, có khi sắp đến giờ ngọ, ông mới dặn vợ là hôm nay ra ăn cơm ngoài Đình và cứ thế mà đi.

Ông kể có khi ông dừng trước cửa nhà một bà ở Cù lao Giêng và thấy cái bình Óc Eo đẹp quá mà sao bỏ dưới đất quá uổng. Ông cầm lên, đổ nước ra, phủi đất ngắm nghía lớp gốm mộc có từ hơn ngàn năm trước. Bà chủ nhà ra hỏi: “Ông làm gì vậy, cái đó tui để cho mèo uống nước đó!”. Ông năn nỉ xin hay mua lại nhưng bà lắc đầu. Ông xúi bà lấy cái chai nhựa cắt cái đáy cho mèo uống nước. Bà dứt khoát: “Không được, cái này nó nặng không đổ, cái chai nhựa nó nhẹ hều đổ nước hoài”. Ông đành tiu nghỉu, hai tay ôm cái chén đồ cổ bỏ xuống rất cẩn trọng rồi quay đi. Chuyện vậy mà nhớ hoài. Chiều tà, ông ra quán cà phê ngoài xóm và quan sát chợ quê. Cà phê ngàn đồng một ly, uống chung với đá bào. Vậy mà ngồi được vài tiếng đồng hồ. Mấy ông già Nam bộ ngồi chơi với nhau hay chửi thề. Ông bảo: “Ông chủ vựa cá ngoài chợ chửi thề nghe thần sầu, chửi rất bậy nhưng thật ra ổng rất đàng hoàng. Ổng không chửi thì làm sao điều khiển được mấy bà bán cá cùng mấy mụ

mua cá. Mấy bả lộn xộn và dữ lắm, nhưng đàn ông không đánh được mấy bà, nên chỉ có chửi mới giữ được trật tự!". Mấy ông già không ai nhậu nhẹt, ra quán cà phê chỉ uống cà phê hoặc trà đường, vậy mà vui. Đến khuya ở xóm ông, chẳng thấy nhà nào đóng cửa, khóa cửa. Khách đang ngồi chơi với ông tự dưng thấy có một thằng nhóc lạ hoắc ngồi thu lu cạnh mình: "Ủa, mầy ở đâu ra?". "Dạ, con ở bên kia". Nó chỉ đâu đó dãy nhà xa xa. Xóm này chả có gì chơi, con nít thấy người lạ là luông tuồng qua nhà người này chơi người kia chơi vậy đó, chẳng ai la rầy. Dưới nhà ông, chuột chạy rần rần, mèo nhảy ầm ầm, ông bảo: "Chuột nó chạy đi chơi thôi, không sao đâu, nó cũng no rồi, nhà gần chợ mà. Còn con mèo thì nó... đi tuần, nó ngó quanh nhà mình rồi đi qua nhà khác, chả làm bể món đồ nào..."



Ảnh: Nguyễn Đình

Đồ gốm không phải là thứ ông mê nhất nhưng cũng là một trong những đam mê. Đến nhà mấy anh bạn trẻ ở Phú Nhuận, Gò Vấp ông ngắm nghía đồ rồi ngồi chơi, uống trà tà tà bàn chuyện đồ cổ đến độ mấy bận người chở ông đến giục đi ông mới chịu dời gót. Ở đường Lê

Công Kiều, đang uống nước trong quán, nhiều lần ông đột ngột đứng dậy rời bàn nước lúc còn đông đủ, ngao du ngó đồ cổ vỉa hè, từ mấy món nhà bé Châu, sang chỗ chị Nha, rồi qua bà Sáu. Có khi ông lựa một món đất nung, ngắm nghía rồi đánh giá: Cái này hay, đúng là đồ Óc Eo. Ông rành nhiều thứ, nhất là đồ Lái Thiêu vì là sản phẩm quê ông. Hôm nào chợ có đồ Tàu đẹp lại viết rậm chữ Hán, người mua đồ cổ mừng lắm nếu có mặt ông vì ông sẵn lòng đọc và giải nghĩa. Họ không lầm vì nhiều năm trước đó, ông giúp ông Sển đọc và dịch chữ Hán trên mấy món đồ cổ và ông Sển vẫn nhắc đến “chú nhỏ Lái Thiêu” trong sách của mình.

Có lẽ thời buổi này không còn mấy ai tiếp xúc nhiều với ông Vương Hồng Sển như ông Tám. Năm 1972, ông thường lui tới thăm và giúp ông Sển dịch tài liệu hay thơ văn bằng chữ Hán trên đồ sứ cổ. Tuy ham đồ cổ, ấn tượng đối với ông đậm nhất ở nhà ông Sển là cái hòn non bộ trước nhà. Lúc ngắm nhìn nó, ông luôn cảm thấy nhẹ nhàng và thoát tục, cho dù con đường Nguyễn Thiện Thuật ngoài kia luôn rần rần xe cộ.

Qua năm 1973, khi có ông Sơn Nam đến chơi tại Vân Đường Phủ, ông Sển giới thiệu về sự thông thạo Hán văn của ông Tám cho ông Sơn Nam, kể từ đó hai người quen và gặp nhau luôn. Ông Sơn Nam nhiều lần nghe ông Tám kể về quê hương Lái Thiêu, Bình Dương và ông đưa nhiều chi tiết vào trong sách. Có lần ông Sơn Nam nhờ ông Tám đến Thư viện Quốc gia, gặp người thủ thư là chỗ quen biết. Người này cho mượn cuốn sách *Trấn Tây Kỷ Lược* của Doãn Uẩn mà ông Sơn Nam có đánh dấu sẵn một số trang. Ông Tám dịch giúp những trang đó và lưu bản dịch trong cuốn sách để khi nào cần ông Sơn Nam sẽ ghé lấy. Sau này, khi ông Sơn Nam ra cuốn Lịch sử Khẩn hoang miền Nam , thấy trong đó có những bài thơ do ông Tám dịch từ *Trấn Tây Kỷ Lược*. Tuy công xá không có và ông Tám không quan tâm, nhưng thỉnh thoảng nhà văn Sơn Nam lại tặng một món đồ cổ nho nhỏ, là thứ ông Tám thích, như cái chén men Celadon đồ Gò Sành nhỏ xíu có ba chân ở khu chén.

Một lần khác, ông Sơn Nam tặng ông một dĩa sứ Mai Hạc của Tàu với hai câu thơ chữ Hán sau:

Hàn mai xuân tín tảo

Tiên hạc táo chi đầu

Dịch nghĩa:

Hoa mai lạnh đưa tin sớm,

Hạc tiên réo đầu cành!

Cái dĩa này lạ, ông Tám thích vì nó có hai câu thơ chữ Hán, khác với đa số dĩa Mai Hạc thường viết mấy câu thơ bằng chữ Nôm.

Sau khi ông Sơn Nam mất, ông Tám đến thắp nhang cho người bạn già hơn ông năm tuổi và ngồi lại trên cái ghế mây ông Sơn Nam hay ngồi. Ra về, ông xin mang đi cái ghế mây cũ kỹ ọp ẹp này và nhờ tôi đặt thợ làm một tấm đồng có khắc vài chữ để gắn vào lưng ghế, ghi dấu kỷ niệm với ông bạn già cùng lứa.

Tôi quen ông Tám Lý Thân, cũng là nhà nghiên cứu Lý Lược Tam hay Lý Tân Thới hơn chục năm nay, từ lúc ra chơi ở đường Lê Công Kiều. Thật ra, khi ngắm nghía đồ cổ, ông giữ thái độ một nhà nghiên cứu, luôn muốn tìm hiểu đằng sau cổ vật ấy những chứng tích về lịch sử, văn hóa và kỹ thuật gốm hầu như nay đã thất truyền. Ông viết nhiều bài trên báo về văn hóa cổ, thú chơi cổ vật của Trung Quốc, Nhật Bản và đã ra vài quyển sách về văn hoá. Có những câu chuyện thú vị ông Tám biết rõ về cuộc sống Sài Gòn trước kia nhưng "làm biếng viết lại" như lời ông nói, đã cho phép tôi ghi chép lại và thấp thoáng ở một số bài viết trong cuốn sách này.



Ảnh: PCL

Trên tất cả, ông như một ông đồ già vui tính, thích ngao du với thái độ sống thật bình thản, nhẹ nhàng và khoan hòa. Dăm câu chuyện viết về ông, chưa đâu ra đâu nhưng khi hình dung ông với nụ cười hồn nhiên và rất thiền, hàm râu bạc bên mái tóc còn khá đen, có lẽ nhiều người biết ông sẽ cảm thấy thân thiết và gần gũi. Những người như ông, dường như mang đến chợ đồ cổ Lê Công Kiều một tinh thần trong trẻo và nỗi đam mê nghệ thuật sâu đậm mà ông là đại diện, vượt lên những thành kiến về khu chợ rất đặc biệt này. Và bạn có thể nhận ra điều đó, khi thấy ông ung dung đi trên hè phố, vai mang túi vải với nụ cười móm mém trên môi.



Chú Lý Lược Tam đến thăm Sơn Nam khi ông không còn đi lại được. Ảnh: Nguyễn Đình

Khi đến thăm Dinh Độc Lập, người thích mỹ thuật dễ bị thu hút bởi một bức tranh rất lớn tại phòng Trình Quốc thư ở tầng hai. Cho dù chỉ có thể ngắm bức tranh từ xa, sau ba-ri-e che chắn, từng chi tiết của bức tranh hiện lên khá rõ. Đó là quang cảnh đất nước vừa lấy lại nền thái bình từ tay giặc Minh vào thế kỷ thứ 15. Bức tranh sơn mài trên nền nhũ vàng sang trọng, có phong cách thể hiện gần gũi với dạng tranh Byobu của Nhật Bản thời Shogun.

Có thể nói đây là bức tranh có kích thước lớn nhất của nghệ thuật sơn mài Việt Nam, dài 8,8m, cao 4,6m, ghép lại từ 40 bức sơn mài khổ 0,8mx1m. Chi tiết trong tranh dày đặc, có khoảng 15 cảnh sinh hoạt đồng hiện trên tranh. Từ một bức tranh chỉ dành riêng cho quốc khách

thưởng lãm, bức Bình Ngô Đại Cáo nói trên đã đến được với công chúng khi họ vào thăm một nơi trước kia chỉ dành cho chính phủ và quốc khách chế độ cũ.

Bên cạnh những bức họa được trưng bày trong dinh như bức Sơn Hà Cẩm Tú của kiến trúc sư (KTS) Ngô Viết Thụ, bức Quốc Tổ Hùng Vương của họa sĩ Trọng Nội, bức Bình Ngô Đại Cáo có vị trí rất trang trọng trên bức tường chính phòng Trình quốc thư, toát lên từ nội dung niềm tự hào của một đất nước có nền văn hiến lâu đời và xây dựng được nền hòa bình trong độc lập cách nay 6 thế kỷ. Chất liệu sơn ta truyền thống sâu đằm nhưng sang trọng thể hiện quang cảnh rộng lớn, đồng hiện nhiều sinh hoạt của một dân tộc, một đất nước còn đang ngây ngất bởi hào khí chiến thắng. Trong đó, có sự uy nghi của triều đình nhà Lê, khí thế của đoàn quân chiến thắng kiêu hùng trên đường trẩy hội về kinh đô, vẻ tưng bừng của đồng ruộng núi sông, của người nông dân vừa thoát khỏi ách thống trị của giặc Minh. Đó là không khí rộn rã của quê hương bừng bừng sức sống và hy vọng, được thể hiện trong màu vàng nhũ rực rỡ như ánh nắng một ngày đầu xuân, báo hiệu bình minh của dân tộc thời xa xưa.



Bức Bình Ngô Đại Cáo tại phòng Trình quốc thư Dinh Độc Lập. Toàn bộ bàn ghế và các trụ đèn đứng trong phòng đều do HS Nguyễn Văn Minh thiết kế. Ảnh: Đức Trí



Việc thực hiện bức tranh này là một cơ duyên chỉ có một lần trong đời đối với họa sĩ Nguyễn Văn Minh, tác giả bức tranh. Năm 1966, khi đang làm Giám đốc Trung tâm Nghệ thuật và Mỹ nghệ Mê Linh với hơn trăm nhân viên, ông được họa sư Lê Văn Đệ tiến cử đảm nhận việc thực hiện bức tranh có kích thước hoành tráng trang trí tại Dinh Độc Lập vừa xây dựng xong. Ông chỉ có hai tháng vừa vẽ phác thảo vừa thực hiện. Đề tài đặt ra từ KTS Ngô Viết Thụ *"Hình dung quang cảnh một buổi đại lễ tuyên cáo công trạng kháng Minh 10 năm của vua Lê Lợi. Trong đó mô tả các đặc tính đại lễ của Triều đình Việt Nam với những kiến trúc y quang, cờ xí của các triều thần, dân chúng sĩ phu, bô lão... và cảnh hùng vĩ của dãy Trường Sơn làm nền"*. Sau khi thỏa thuận, họa sĩ Nguyễn Văn Minh ký hợp đồng thực hiện trang trí phòng số 4 tức là phòng Trình quốc thư với giá tổng cộng là 2.700.296 đồng. Riêng giá bức tranh có giá trị là 2.000.000 đồng (khoảng 25.000 USD, hối suất năm 1966, theo wikipedia tiếng Việt).

Từ đó, trong suốt thời gian ngắn ngủi hai tháng, họa sĩ Nguyễn Văn Minh cùng các phụ tá đã hoàn thành tốt đẹp công trình để đời này, bao gồm cả thiết kế bộ bàn ghế có tay vịn bằng gỗ phủ sơn mài trong phòng,

tấm thảm len lớn 25 mét vuông, tấm thảm ở chân bàn danh dự và cả những chiếc đèn lớn đặt hai bên bức tranh và quanh phòng.

Năm 1994, họa sĩ Nguyễn Văn Minh về Việt Nam và đến thăm bức tranh Bình Ngô Đại Cáo mà ông thực hiện từ những năm tuổi trẻ. Họa sĩ Phi Mai, đệ tử duy nhất của họa sĩ Nguyễn Văn Minh cho biết lần đó, ông và chị mua vé vào cổng và lên tầng hai để xem lại bức tranh. Họa sĩ Nguyễn Văn Minh ngắm tranh thật kỹ và đánh giá là sau 27 năm, bức tranh đã bị xuống cấp nhiều chỗ. Chiếc bàn đặt phía trước và cặp đèn hai bên tranh vẫn còn. Bộ ghế sofa dọc hai bên căn phòng đã được thay vải bọc sau rất nhiều năm, tấm thảm trải dưới sàn cũng đã thay bằng tấm thảm khác.

Khi biết ông là tác giả bức tranh này, Ban Giám đốc Dinh Độc Lập đã mời ông, họa sĩ Phi Mai cùng KTS Ngô Viết Thụ ăn bữa cơm thân mật. Sau cuộc gặp gỡ đó, năm 2003, những người quản lý Dinh có nêu đề nghị mời họa sĩ Nguyễn Văn Minh phục chế toàn diện bức tranh này. Cân nhắc các chi phí, thời gian đi về giữa Mỹ và Việt Nam, ông yêu cầu một mức thù lao tương xứng. Nhưng việc này đã không được tiến hành.



Họa sĩ Nguyễn Văn Minh là một người Sài Gòn đích thực. Ông sinh năm 1934 tại làng Bình Hòa, một ngôi làng cổ của tỉnh Gia Định nay thuộc quận Bình Thạnh. Năm ông 12 tuổi, cha ông qua đời. Năm 16 tuổi, ông phải rời trường học để phụ giúp mẹ kiếm sống nuôi gia đình. Năm 1954, ông xin được học bổng vào Trung tâm Khuếch trương Tiểu công nghệ năm 1954 và tiếp tục học, tốt nghiệp trường Mỹ thuật Gia Định vào năm 1958. Sau đó, ông liên tục nhận được các học bổng sang Nhật huấn luyện thêm về kỹ thuật tranh sơn mài tại National Industrial Arts and Research Institute ở cố đô Kyoto và Sendai. Đây là một cú hích về nghệ thuật khi ông được tiếp cận với nghệ thuật Nhật Bản, một đất nước giàu truyền thống mỹ thuật và có kỹ thuật sơn mài nổi tiếng trên thế giới.

Năm 1975, ông lìa quê hương cùng với gia đình có tám người con. Trong suốt 30 năm ở Mỹ, ông tiếp tục theo đuổi sự nghiệp hội họa và đạt được không ít thành tựu, có thể yên tâm lo cho cuộc sống gia đình hoàn toàn bằng tài năng và sức lực của mình.

Thập niên 1980, ông mở phòng triển lãm tại Georgetown, tham dự cũng như tổ chức rất nhiều cuộc triển lãm khắp nước Mỹ và Âu Châu.





Ông thị trưởng Jacques Chirac đến xem tranh và ghi sổ lưu niệm

tại triển lãm tranh của HS Nguyễn Văn Minh

Ảnh trong bài: tư liệu của Họa sĩ Phi Mai



Họa sĩ Nguyễn Văn Minh cùng vợ con



Gặp lại bạn bè ở Sài Gòn năm 1999 tại nhà Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Trên chặng đường nghệ thuật, ông đoạt được nhiều giải thưởng như Huân chương Danh dự trao tặng bởi Vatican, Rome, Ý cho bức chân dung của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI (1962), Huy chương Bạc nhận từ quốc tế Triển lãm Mỹ thuật, Rome, Ý (1963), Huân chương Danh dự trao tặng bởi Triển lãm Mỹ thuật quốc tế, Sài Gòn (1964), Huy chương vàng nhận từ Học viện Mỹ thuật, Khoa học và Văn chương, Paris, Pháp (1982) và nhận được lời chúc mừng từ thị trưởng Paris Jacques Chirac, sau này là Tổng thống Pháp, nhân dịp Triển lãm năm 1989 tại Pháp.

Tác phẩm *Cây anh đào nở hoa* của ông đã được mua bởi Oleg Cassini, nhà thiết kế của bà Jacqueline Kennedy. Ngoài ra, ông còn đoạt giải thưởng của Yves St. Laurent với thiết kế chai nước hoa Opium. Biên tập viên Dauphine Vaucluse, Toulon, Pháp đã đánh giá ông là "Ông hoàng sơn mài" nhân cuộc triển lãm ở viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Á Châu ở Toulon, Pháp năm 2001.

Cuộc đời của họa sĩ Nguyễn Văn Minh có chặng đường theo đuổi nghệ thuật khá dài. Đam mê sáng tạo mạnh mẽ và sức sáng tạo dồi dào, ông luôn trăn trở khi đứng giữa trách nhiệm một người cha lo cho đàn

con trên xứ người với những đơn đặt hàng của khách yêu nghệ thuật và mong muốn sáng tác theo ý nguyện của mình. Điều hạnh phúc với ông là tác phẩm của ông luôn được đón nhận và hâm mộ, nhất là giới yêu nghệ thuật nước Pháp (ông có tới 14 lần triển lãm tại Pháp, hầu hết là triển lãm cá nhân).

Tranh sơn mài của Nguyễn Văn Minh thường sử dụng lá vàng và bạc làm nền, nội dung và họa tiết mang tâm hồn Việt, đậm đà chất phương Đông, nhất là những bức tranh cuối đời. Người xem có thể thấy rõ ảnh hưởng của nghệ thuật Nhật Bản trong nhiều tác phẩm của ông.

Trong triển lãm tại Tòa đại sứ Pháp ở Washington (2001) báo chí đánh giá *"Khác với khuôn thước sơn mài cũ của ngành mỹ nghệ Việt Nam, hình thức, bố cục trong tranh của Nguyễn Văn Minh phóng khoáng, sáng tạo, mới mẻ, nên đạt trình độ một tác phẩm nghệ thuật chứ không nằm trong dụng công trang trí bình thường của loại sơn mài kỹ nghệ thường thấy trước đây. Tòa đại sứ Pháp trong phần giới thiệu cho hay tranh ông dù là phong cảnh, chân dung hay tĩnh vật đều tạo được sự hòa hợp giữa màu sắc và kỹ thuật trác tuyệt"* (theo Phạm Điền - RFA).



Irises in foggy morning Sơn mài. 180x120 cm



Autumn Sơn mài. 86x50 cm

Năm 2005, sau một thời gian dài chống chọi với bệnh ung thư, họa sĩ Nguyễn Văn Minh lìa trần trong sự tiếc thương của gia đình, bạn bè.

Chưa thể tổng kết được số tranh ông thực hiện suốt cuộc đời sáng tác của mình. Tuy nhiên, thành tựu hội họa trong suốt 30 năm ở hải ngoại của ông với nhiều thành tích vẫn không được biết nhiều trong nước. Điều đó dễ dẫn tới việc đánh giá di sản nghệ thuật của ông thiếu đầy đủ và toàn diện.

Đối với gia đình và bạn bè, ngoài tất cả những tác phẩm nghệ thuật để lại, ông là một người nhân hậu, khiêm nhường, thương yêu gia đình và gần gũi với mọi người. Trong lời lưu niệm đăng trên Guestbook báo Washington Post, sau lời Cáo phó thông báo tin Họa sĩ Nguyễn Văn Minh qua đời, một người bạn Mỹ viết:

"Khi ông đến thăm nhà, tôi đã chỉ cho ông thấy những tác phẩm

của ông mà tôi có được trong 4 năm ở Sài Gòn, từ 1967-1971, gồm bàn cà phê và bức bình phong hai mặt tuyệt đẹp với những con vịt hoang trong nền vàng lá ở một bên, và một ông già kéo con bò của mình qua khu rừng bên kia. Cho đến giờ, tôi vẫn trân trọng những tác phẩm đó và tự hào với tất cả những người tới thăm nhà.

Nguyễn Văn Minh là một người chân thành, khiêm tốn và người đàn ông lịch thiệp với người khác, bên ông tôi luôn cảm thấy thoải mái. Ông có tất cả đức tính của một người đức độ của thế giới xa xưa đã qua. Ông giống như một giá trị tinh thần xưa cũ. Được bao quanh bởi các sản phẩm của nghệ thuật đầy cảm xúc của ông, tôi sẽ luôn trân trọng những kỷ niệm này" (Allan Wendt).

Những ngày còn nằm trên giường bệnh, ông còn kịp vẽ từng tấm trong số 160 tấm thiệp tặng cho khách đến dự đám cưới cô con gái thân yêu của mình. Có lẽ đó là những tác phẩm cuối cùng mà ông thương yêu dành cho con cái.

Nghệ thuật của ông như là mục đích tự thân, nhưng gia đình mới chính là động lực quan trọng để ông sáng tác mạnh mẽ cho đến khi nhắm mắt bên đàn con đã thành đạt nơi xứ người.



Họa sĩ Nguyễn Văn Minh bên tác phẩm Manhattan. Sơn mài đắp nổi



Tác phẩm Perfumed River . Sơn mài đắp nổi. Khổ 180x120 cm



Tác phẩm vẽ trên lụa



Mother & child . Sơn mài. Khổ 120x80 cm



Lime pot Sơn mài đắp nổi 102x61 cm



Horse & bamboo (2001) Khổ 180x178 cm Hiện lưu giữ tại Bảo tàng Nghệ thuật Châu Á Museum of Asian Arts ở Toulon, Pháp



Wanderer Khổ 120x180 cm Nằm trong Bộ sưu tập của ông Carter Dehaven III, nhà sản xuất phim Exorcist 3



Symphony II (2001) Sơn mài. Không rõ kích thước



Bức tranh cuối cùng họa sĩ Nguyễn Văn Minh vẽ là bản phác thảo

Foggy Mountains*, chuẩn bị cho tấm bình phong lớn trị giá 70.000 USD dài gần 3 mét. Ông vẽ bức này vào mùa xuân năm 2004, chưa tới một năm trước khi mất. Tác phẩm sau đó đã được họa sĩ Phi Mai thay mặt thầy mình hoàn thiện.*

Tranh Gốm Ở Chợ Bến Thành

Năm 1953, trận lũ năm Thìn diễn ra dữ dội, nước lênh láng khắp nơi. Ba tôi đang phụ trách lớp xóa nạn mù chữ ở Biên Hòa cố hoàn tất xong việc dạy dỗ rồi về Sài Gòn. Ông xin vào làm thư ký hiệu buôn của một người Hoa gốc Quảng Đông, chuyên kinh doanh hàng nữ trang xi mạ ở chợ Bến Thành. Lúc đó, cuộc sống đang ổn định, dân Sài Gòn và lục tỉnh thích sửa soạn trang điểm, đồ xi mạ vàng chóe lấp lánh với giá vừa phải là sự chọn lựa khôn ngoan của họ.

Ba tôi kể lại, cuộc sống của ông khi đó đang lên phơi phới. Công việc ổn định, lương cao, chủ ưu đãi hậu hỉ, miễn là nhân viên làm ăn trung thực và kỹ lưỡng. Ông mua ngay một chiếc xe gắn máy hiệu Sachs của Đức, thay cho chiếc xe đạp đi lại hàng ngày. Chợ Bến Thành vừa mới chỉnh trang lại. Mặt tiền tháp đồng hồ ở cửa Bắc vẫn còn đó, nhưng dãy mái ngói nhấp nhô phía trước ở hai bên tháp đồng hồ trong ảnh đã được che chắn bằng các dãy tường dài, một bức cao nhất ở giữa và hai bức thấp hơn ở hai bên. Mỗi mặt chợ ngó ra bốn hướng đông tây nam bắc. Trên ba bức tường mỗi mặt chợ đều có những bức tranh gốm rất đẹp bao gồm bức tranh lớn cao khoảng hai mét, ngang một mét rưỡi. Hai bức nhỏ hai bên có kích cỡ bằng phân nửa bức lớn.





Ảnh: Nguyễn Đình

Khách đến chợ Bến Thành, vốn là chợ trung ương phân phối sỉ và lẻ, khá tất bật. Họ đưa hàng từ các tỉnh về bỏ mối và lấy hàng về phân phối. Phụ nữ đến chợ mua sắm, ăn chè và bún tôm càng, làm móng tay, se lông mặt.

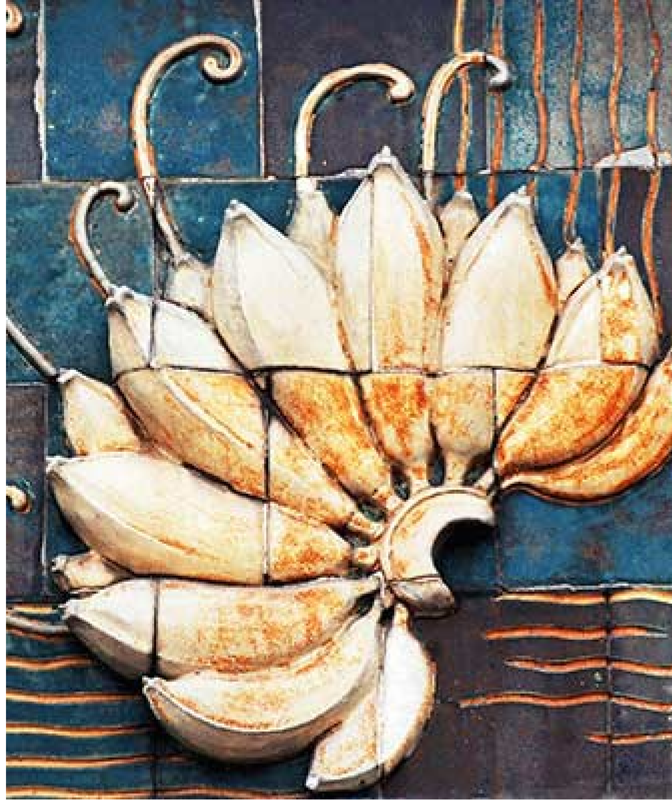
Những ngày trước Tết chợ đông khủng khiếp, gian hàng từ trong chợ tràn ra các kiosk phía ngoài. Không mấy ai để ý những bức tranh gốm đẹp đẽ trên cao ở bốn mặt tiền. Riêng ba tôi, thỉnh thoảng khi hết việc, trước khi lấy xe ra về, đi dạo vòng quanh chợ và ngước mặt lên ngắm những bức tranh. Con bò và con heo nằm dưới đất, con mực và nải chuối, con bò và con ngỗng... những hình ảnh thân thuộc của quê hương Cù lao Phố, do chính những người ở quê hương ông thực hiện sao quá đỗi thân thương. Có khi ông ra quán cóc phía bên đường Tạ Thu Thâu, ngồi ngắm nghía mà nhớ những ngày nước lũ trên sông Đồng Nai. Những bức tranh thân thuộc với cuộc sống hằng ngày của ông, như ngôi chợ nổi tiếng này, suốt một phần tư thế kỷ.

Khi ba còn sống, tôi có mang một bức phù điêu nhỏ và cái bình gốm Biên Hòa về nhà chưng. Ông lấy đôi kính lão dày cộm, xoay cái bình và xem rất kỹ.

Ông kể, khi còn đi làm, ông vẫn thích mua một cái bình gốm Biên Hòa vì mê màu men vàng ngà chuyển sang màu nghệ, và để ngắm những lúc rảnh rỗi. Tuy nó không quá đắt, ông đã không mua cho đến khi bao biến động xảy ra năm 1978, ông chủ người Hoa phải ra đi và ông nghỉ việc.



Ông Lê Văn Mậu (đeo kính, góc trái), tác giả vẽ mẫu cho những bức phù điêu gốm chợ Bến Thành. Ảnh: tư liệu của Nguyễn Minh Anh







Ảnh: Nguyễn Đình

Gốm mỹ nghệ Biên Hòa vào nhà tôi bằng cách như vậy. Cách nay hơn mười năm, khi còn lang thang dạo chơi chợ đồ cổ Lê Công Kiều trong những ngày cuối tuần, tôi biết đồ gốm Biên Hòa với màu sắc đa dạng chỉ thu hút mạnh những người Việt ra chợ nhằm tìm đồ nội thất đẹp mắt, và người Pháp đang sống ở Việt Nam, thích trang trí nhà theo phong cách thuộc địa.

Khi có một số bài báo viết sâu về giá trị dòng đồ này và trưng ra những món đẹp nhất, giới chơi đồ cổ đã bất ngờ. Lâu nay, họ bỏ lửng một dòng gốm mỹ thuật mà từ năm 1925 đã được trường Mỹ nghệ Biên Hòa, cái nôi của nó đưa đi tham dự hội chợ triển lãm quốc tế về mĩ thuật trang trí và công nghệ hiện đại tại Paris. Các loại bình trang trí đẹp mắt, các tượng gốm với nhiều kiểu dáng khác nhau của trường Mỹ nghệ Biên Hòa đã thu hút rất nhiều khách tham quan và được ban tổ chức khen ngợi, tặng huy chương vàng. Qua ba kỳ tham dự triển lãm, trường đã nổi danh trong và ngoài nước. Các hội chợ triển lãm quốc tế sau này đều mời nhà trường tham gia như: Indonesia (1934), Nhật và

Pháp (1937), Réunion và Hà Nội (1938), Sài Gòn (1942).

Và bây giờ, tôi không ngạc nhiên khi dòng gốm này được săn lùng, nhất là những tác phẩm của thập kỷ 1960 đổ về trước. Giới chơi cổ vật từ Nam ra Bắc không ngại sưu tầm cả những món sản xuất ở thập niên 1990, kể cả khi nó bị lỗi lò, bung men. Một dòng gốm bền, tạo hình đẹp và mẫu mã có tính mỹ thuật rất cao. Nó xứng đáng có mặt trên bốn mặt tiền của ngôi chợ lớn nhất và nổi tiếng nhất Sài Gòn, mà thế giới có nhiều người biết đến.



Ảnh: Nguyễn Đình



Bình gốm Biên Hòa



Phương Đông Trên Chiếc Dĩa Tây

Cách nay 84 năm, một người Pháp sống ở Huế, ông H. Peyssonneaux vốn là nhà sưu tầm nghiệp dư đã có lý giải về niềm đam mê của một nhà sưu tầm cổ vật trên một Tạp chí bằng tiếng Pháp xuất bản tại Huế thời đó. Ông tư lự *"Vấn đề khá phức tạp. Ngày nọ bị lôi cuốn bởi một dịp may, hoặc bởi tin đó là vận may, người ta đã mua một đồ vật... để lấp vào chỗ trống trong nhà khi trang hoàng. Người ta cũng nhận thấy một cái bình, tấm lụa, bức tranh nào đó mua theo cách vừa nói thật sự ứng phó được với yêu cầu thẩm mỹ nội thất, trông đẹp mắt... Người ta ước mong mua được một đồ cổ mới. Rồi hai, ba, rồi mười, phó mặc may rủi... người ta tập tành được thói quen mua và trở thành một con người hăng say mua đồ cổ..."* (***Những người bạn cố đô Huế*** - NXB Thuận Hoá, 2001)

Có lẽ tất cả những nhà sưu tầm nghiệp dư hay chuyên nghiệp đều nhận ra chính mình khi đọc những dòng chữ trên. Và tôi nhớ lại thuở mình mới bắt đầu đam mê thú chơi này. Tôi cảm thấy mình đi qua được một chặng đường và thu lượm được nhiều điều lý thú thông qua một bộ sưu tập nhỏ, những cái dĩa gốm phương Tây, xuất hiện tại Việt Nam vào khoảng nửa sau thế kỷ 19. Những chiếc dĩa với cốt xốp, họa tiết in rập xuất hiện nhiều trong các gia đình tầng lớp trên ở Sài Gòn và các tỉnh Nam bộ thời Pháp thuộc.

Rõ ràng, sưu tầm không chỉ là một thú chơi hay một cách đầu tư tiền bạc mà qua đó, có những điều thú vị chờ đợi người chơi. Giới sưu tầm cổ vật đã qua nhiều cơn sốt và đợt săn lùng khác nhau. Thời cụ Vương Hồng Sển còn sống, và mãi cho đến sau này, đồ lam Huế do triều đình nhà Nguyễn ký kiểu tại Trung Hoa lúc nào cũng là niềm ao ước và sau này là cạm bẫy cho người chơi kém sành sỏi. Tượng Chăm, bằng vàng hay đá sa thạch là những món độc, được giới sưu tầm nước ngoài đánh giá cao vì vẻ đẹp và là chứng nhân sự tàn lụi của một thời đã qua. Đồ cổ vớt biển ở Cà Mau (thời Ung Chính nhà Thanh), Bình Thuận (nhà Minh), Quảng Nam (nhà Trần, gốm Việt Chu Đậu) dù có số lượng nhiều nhưng những món độc luôn được săn tìm.

Tuy nhiên, gốm sứ phương Tây ở Việt Nam chưa bao giờ là đối tượng

săn lùng mạnh. Một cuộc triển lãm cổ vật tư nhân tại Sài Gòn năm 2002 chỉ trưng bày một ít cổ vật phương Tây nghèo nàn.

Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại TPHCM trước đây có trưng bày một bức bình phong năm lá rất thú vị, trên đó treo 19 cái dĩa gốm cổ phương Tây thuộc dòng này. Ở giữa bình phong là một bình đựng gia vị của giám mục Bá Đa Lộc. Bình phong có tại đây từ trước 1975, nay không biết có còn không?



Dĩa gốm cổ phương Tây gắn trên một bức tường lăng Kiên Thái Vương ở kinh đô Huế năm 1885.

Cái dĩa Tây đầu tiên tôi tìm được mang hình ảnh rất phổ biến, người Việt thường gọi Tùng-Đình, phương Tây gọi là Willow Pattern (họa tiết cây liễu). Đó là một phong cảnh hữu tình với tòa lâu đài và tán cây liễu bên bờ sông, một cây cầu bắc ngang dòng sông với người qua lại, xa xa là một tiểu đảo có con thuyền đang đi tới. Tại sao có một bức tranh mà đồ sứ Tàu, đồ sứ Nhật và đồ gốm phương Tây đều thể hiện giống nhau dù in hay vẽ tay?



Họa tiết Tùng-Đình trên một chiếc dĩa Tây

Khi tra cứu, nó trình bày một truyền thuyết xưa, tóm tắt như vầy "Ngày xưa, khi Trung Quốc còn được cai trị bởi những vị hoàng đế, một viên quan tên là Tso Ling, sống trong lâu đài nguy nga, nằm bên một cây cầu. Phía trên cầu rủ xuống những cành liễu, Tso Ling là cha của một thiếu nữ đẹp, Kwang-se, và đã hứa gả nàng cho một thương gia giàu có. Thế nhưng cô gái lại đem lòng yêu Chang, viên thư lại của cha nàng. Đôi tình nhân trốn đi, vượt biển để đến một ngôi nhà tranh trên đảo vắng. Người cha giận dữ truy bắt và giết họ, thượng đế thương tình biến hai người thành đôi chim bồ câu." Bạn có thể nhìn thấy đôi chim đang nhìn vào mắt nhau ở phía trên hình vẽ trong chiếc đĩa. Một bài thơ dài của Anh viết về họa tiết này có những câu như sau:

"Trên chiếc dĩa bình thường bạn thấy đôi chim câu. Bay cao trên bầu trời. Đó là linh hồn của Chang và Kwang-se. Được kết giao mãi mãi trong tình yêu" . Người ta cho rằng có vẻ như câu chuyện này sinh ra từ họa tiết nhiều hơn là ngược lại. Dù trên thực tế thì 9/10 câu chuyện đời Thanh có sự xuất hiện của một ông quan xấu và một cô gái đẹp.



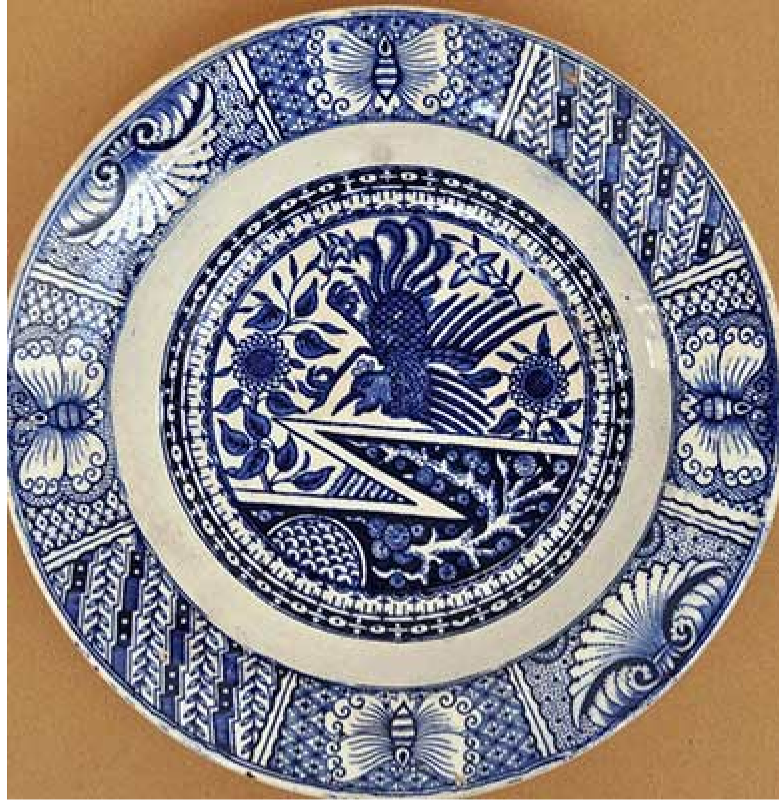
Đến chiếc dĩa thứ hai, tôi bất ngờ nhận ra nó cùng loại với chiếc dĩa Anh mà ông H. Peyssonneaux có nhắc tới. Dĩa thể hiện phong cảnh người chèo đò bên bờ sông, trên sông là một ghe nhỏ có hai người, tiếp theo là cây cầu, một bãi cỏ với cừu đang gặm cỏ, phía sau là các tòa nhà. Dĩa có nhãn hiệu W.Adams.

Đến giờ, các lái đồ cổ thỉnh thoảng xuất hiện ở phố đồ cổ Lê Công Kiều, trong túi là những chiếc dĩa rất già men hiệ u Wild Rose Cochran Glasgow, Staffordshire, Ridway... Và chúng ta không khỏi thắc mắc vì sao đồ gốm phương Tây, nhất là đồ Anh lại xuất hiện nhiều như vậy ở Việt Nam? Theo tác giả trên, đầu thế kỷ 19 đã có sự du nhập quan trọng các hàng hóa Tây phương nói chung, hàng hoá Anh quốc nói riêng vào các cửa biển Trung Hoa, Siam, Ấn Độ, và từ các cửa biển này, hàng hóa đã đi vào Annam bằng những con đường khác nhau... Hoàng đế Đại Nam với số tiền lớn đã ra lệnh mua tại Batavia (nay là Jakarta) nhiều đồ vật sang trọng và cầu kỳ... mỗi khi ghe thuyền của vua từ các hải cảng Trung Hoa hay Ấn Độ trở về đều có mang theo các đồ gốm của người Anh.

Ở một đoạn khác, ông cho biết *"Các đồ gốm này xuất phát từ các nhà sản xuất của nước Anh được mang sang bán tại Á Châu, cho các nước Ấn Độ, nước Trung Hoa đã gây yêu thích đối với các quan Annam chỉ huy thuyền bè và các người Annam đại diện chuyên chở hàng hóa khi các người đã trông thấy được nó tại các hải cảng Bangkok, Quảng Đông, Thsiouen, Singapour, Batavia…"*

Và đó là câu trả lời vì sao họa tiết được in chuyển họa (transfer printed) trên những cái dĩa chúng tôi có lại đa dạng và thật lý thú. Bạn có thể thấy những con rồng được họa sĩ vẽ rất kỳ cục với mỏ đại bàng, đầu lưỡi hình mũi tên. Những con long mã lắp ghép thô thiển với bốn chân khác nhau của giống hươu, ngựa, hổ và… hạc, thân hình thì phần trước có vẩy, phần sau là lông mịn. Những con phượng hoàng trông buồn cười với đầu gà, đuôi ngắn ngủn loe hoe vài sợi lông.

Những chiếc dĩa khác, không kém thú vị với những thứ trái cây nhiệt đới như sầu riêng, măng cụt, mít. Có cả con bướm to xứ nóng, lá dừa và một cành lá như là lá me. Quày chuối với những trái bám theo nhỏ xíu như lông trên lưng con nhím. Dường như họa sĩ tại các lò gốm ở châu Âu lúc đó đã không có nhiều tư liệu khi vẽ mẫu, đặc biệt là những linh vật chỉ có trong truyền thuyết Á đông.













Với mong muốn được thị trường châu Á chấp nhận, họ đã cố gắng

tạo nên những hình tượng trong khả năng vừa phải của mình.

Tuy vậy, các tòa lâu đài lại được vẽ khá chính xác như đền Taj Mahan, Ấn Độ hay một số kiến trúc khác cũng được mô tả khá tỉ mỉ.

Nói chung, ở các họa tiết, hình ảnh đời sống và văn hoá phương Đông thể hiện rất nhiều. Đó là hình tượng người cưỡi voi, người Mãn Thanh có tóc đuôi sam, lâu đài kiểu Trung Hoa, các bảo vật như quạt ba tiêu, bình hoa, cuốn thư, chậu cây trên đôn sứ, cá chép hóa rồng...

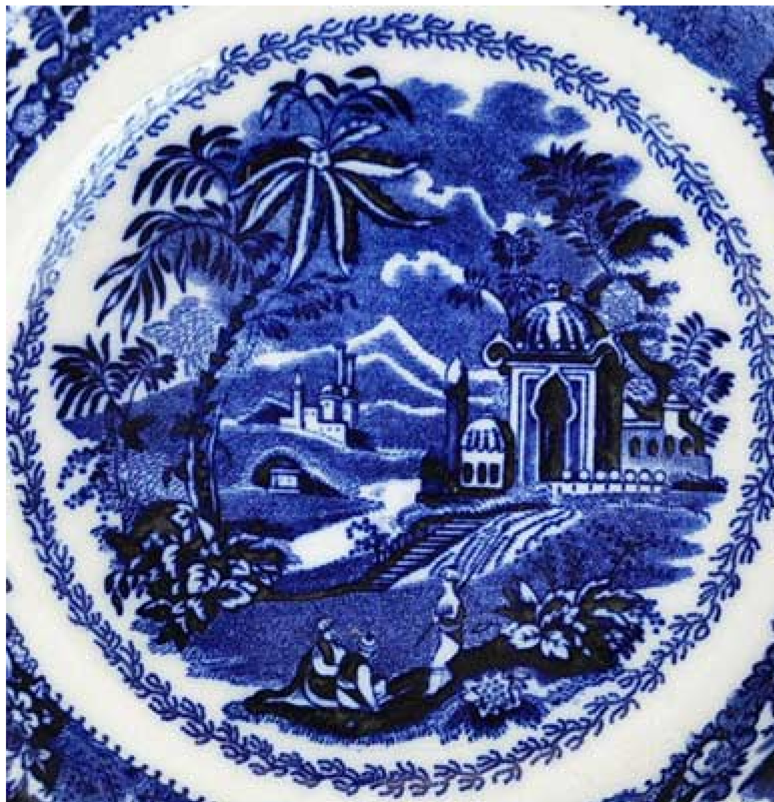


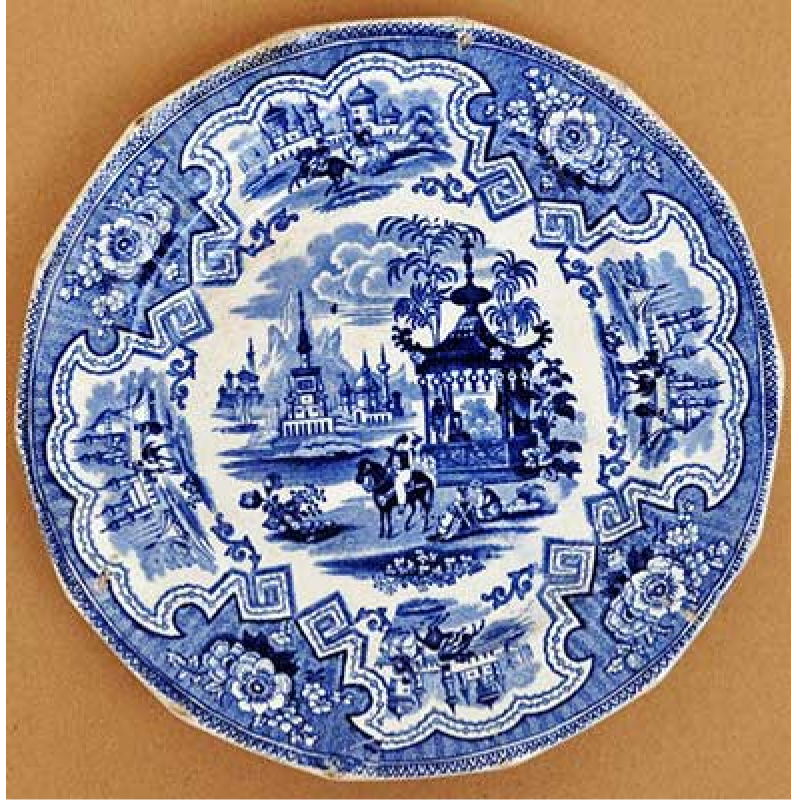












Ở khía cạnh khác, tôi nhớ đến một cái dĩa của Pháp, trong đó thể hiện Trúc lâm thất hiền (bảy vị hiền minh trong rừng trúc) một hình tượng khá phổ biến trong văn hóa phương Đông. Từ mẫu vẽ của họa sĩ phương Tây cuối thế kỷ 19 thể hiện, cả bảy ông đều... mũi cao, miệng móm, cằm vểnh như các ông Tây thứ thiệt dù bận áo tay dài phương Đông phất phơ.



Qua đó, chúng cho ta biết hoạt động ngoại thương ở một khu vực sôi động của thế giới cách nay hơn trăm năm, và những yếu tố khác về mỹ thuật, văn hóa và sự giao thoa giữa hai thế giới Đông - Tây... Và không chỉ thế, hình dáng và công dụng của những chiếc dĩa với đủ hình dạng, hình oval to đủ để đặt một con heo sữa quay, dĩa sâu và trẹt lòng với các kích cỡ khác nhau trong một bộ chén dĩa hoàn chỉnh thể hiện phong cách ẩm thực phương Tây ăn sâu vào đời sống miền Nam và Sài Gòn. Những gia đình sống xa hoa, những buổi tiệc nói toàn tiếng Tây ở Chợ Lớn giữa những người Việt với nhau trong *Một tháng ở Nam kỳ* của Phạm Quỳnh. Tất cả đã tàn lụi theo năm tháng, chỉ còn lại những chiếc dĩa gốm còn đẹp, màu xanh cobalt rưng rức và trong đường men nứt nẻ còn dư vị những buổi tiệc xa xưa, khi miền Nam còn có tên gọi là Cochinchine.



Phải chăng đây chính là cảnh chùa Thiên Mụ ở Huế?

Một Người Sài Gòn Làm Gốm Raku

Cách nay gần 20 năm, khu vực hồ Con Rùa buổi tối còn buồn tẻ, chỉ có một góc đông vui sáng đèn với hai quán mì Vịt tiềm chuyên bán cho giới nghệ sĩ và dân đi chơi đêm ở đường Trần Cao Vân, sát góc Công trường quốc tế. Mùa Sea Games 1995, dân hâm mộ bóng đá chạy rần rần ngang khu vực này, hết mùa, lại vắng lặng từ sau 8 giờ tối.

Khách đi chơi đêm ở Sài Gòn không thể không ngạc nhiên với một gallery nhỏ luôn sáng đèn cho tới chín giờ tại khu vực đó. Phòng tranh mang tên Clay Gallery. Những thứ sang trọng được chưng trong phòng tranh làm từ đất sét nung tráng men óng ánh, rất lạ lẫm trong mắt người Việt. Khách du lịch Tây, Nhật ghé qua, mua vài món đựng trong hộp giấy cứng, ngắm tranh của Hồ Hữu Thủ, Đinh Cường, Nguyễn Lâm... Họ lặng lẽ đứng xem phòng tranh như ở trong một ốc đảo lạc lõng giữa Sài Gòn, chưng một thứ gốm nghệ thuật óng ả và cao giá

trong suy nghĩ của những người Việt trung lưu đã từng chưng gốm Biên Hòa hay Thành Lễ trước đó. Khái niệm gốm nghệ thuật còn chưa thịnh hành ở một đất nước vừa thoát khỏi khó khăn.

"Đó là những mơ mộng của tôi khi mới về Việt Nam" - Khưu Đức, chủ nhân Clay gallery và cũng là tác giả của những tác phẩm gốm trong đó - kể lại. Năm 1975, chàng cựu học sinh trường Trang trí mỹ thuật Gia Định rời đất nước và tiếp tục học hai năm ở trường Cao đẳng Mỹ thuật Bắc Virgnia về Mỹ thuật Thương mại và ngành Gốm. Lúc đó anh không ngờ rằng, sự thích thú với chất liệu đất sét qua lửa nung sẽ đưa anh trở về sống trên quê hương mình.

Trước đó, Khưu Đức đam mê chất liệu sơn mài với gam màu trầm sâu và matière óng ả đầy mê hoặc. Anh cộng tác làm tranh với họa sĩ Nguyễn Văn Minh, người đã làm bức tranh sơn mài lớn *Bình Ngô Đại cáo* trong dinh Độc Lập, tại phòng tranh của ông ở George Town, Washington D.C. Nhưng ở Mỹ, sơn ta (lacquer) do có độc tố nên bị cấm, họa sĩ Nguyễn Văn Minh muốn có sơn để vẽ phải tìm cách mua từ Nhật. Sau sáu tháng, Khưu Đức đành phải từ bỏ đam mê của mình vì khó khăn đó. Nhận thấy gốm Raku của Nhật với gam màu và matière rất gợi chất liệu sơn mài, anh quyết tâm theo học riêng về bộ môn này. Sau đó, anh hiểu lý do anh chọn gốm Raku không đơn giản như vậy.

Đó là một dòng gốm nổi tiếng của Nhật xuất phát từ Triều Tiên. Có tài liệu ghi nhận rằng Ameya, cha của Raku Chojiro, được cho là người đã giới thiệu kỹ thuật chế tác men tam thái lần đầu tiên tại Nhật Bản. Những món tam thái kiểu Nhật này, tuy vậy, chưa được gọi là Raku. Danh từ này chỉ xuất hiện sau khi Raku Chojiro quen biết với bậc thầy trà đạo Sen Rikyu (1522-1591), và chính ông này đã đề nghị Chojiro làm những chén trà dành riêng cho một nghi lễ thưởng trà do ông làm chủ. Có thể nói, khởi nguồn của gốm Raku là chế tác một chén trà riêng lẻ cho nghi lễ trà đạo. Và kỹ thuật này được lưu truyền gìn giữ trong gia đình Raku, suốt 15 đời làm gốm cho tới nay tại Nhật.

Bên cạnh những tác phẩm đa dạng kiểu dáng, do thấm nhuần tinh thần của gốm Raku hiện đại, Khưu Đức đã thực hiện nhiều ấm trà bằng kỹ thuật này. Dù khởi nguồn của đồ Raku chỉ là chén trà thô mộc, Khưu Đức say mê tạo dáng ấm trà vì bản thân ấm trà đã mang một dáng dấp

gợi ý cho sự thư giãn tinh thần, lắng chìm trong suy tưởng. Và cũng vì gốm Raku phản ánh rõ hơn bất cứ loại gốm nào cái tinh thần của wachiba , một thể thức trà đạo do Sen Rikyu chủ trương, trộn lẫn cái "không" của Thiền và cái "có" của Lão.

Trong chế tác ấm trà, Khưu Đức trung thành với kỹ thuật gốm Raku gốc, cho phép anh gửi gắm tâm hồn ý tưởng của mình vào mỗi sản phẩm trong suốt quá trình cho đến thành phẩm cuối cùng một cách xuyên suốt, trực tiếp và riêng biệt. Các ấm trà của anh đa dạng kiểu dáng, phá cách vì không phải mang gánh nặng sử dụng đúng công năng dù là cao cấp, có khi là dáng kim tự tháp, dáng tròn cổ điển như một ấm Nghi Hưng, có khi méo mó đến oằn oại. Matière trên thân gốm là kết quả kỹ thuật hun khói hoặc sốc nhiệt. Và những yếu tố khác dưới bàn tay tài hoa của anh, tạo nên sự độc đáo của Raku hiện đại, vừa mang nét thâm trầm, vừa có ánh kim loại. Cuối cùng, anh hiểu rằng tinh thần thiền của phương Đông mới là điều chính yếu quyến rũ anh, sau gần 20 năm sống ở xã hội phương Tây.

Năm 1992, tác phẩm của anh được nhận cùng lúc Năm giải tuyên dương danh dự từ Hiệp hội Gốm bang Virginia. Từ đó, anh tự tin đi theo con đường mình chọn. Các gallery ở Mỹ từ Virginia, Maryland, Washington D.C quan tâm và mua, trưng bày tác phẩm của anh. Kết hợp với chuyên môn đang làm là trang trí nội thất, anh nhận được nhiều hợp đồng trang trí và dùng gốm Raku như một chất liệu tạo hình tại các nhà hàng, khách sạn lớn... Anh trở thành Hội viên Hội Nghệ thuật Gốm Virginia Hoa Kỳ và ISC (International Sculture Center) từ 1993.



Khưu Đức bên cạnh các tác phẩm gốm được giải Tuyên dương danh dự từ Hiệp hội Gốm Virginia năm 1992

Đó là lúc tâm thức quê hương trong anh trỗi dậy. Xuất thân từ một gia đình khá giả, anh có một người cha tha thiết muốn con đi theo con đường công chức như ông, lương cao, sống ổn định và thoải mái. Nhưng con người nghệ sĩ trong anh đã từ chối chuyện đó. Cha anh mất năm 1973 khi Khưu Đức vẫn miệt mài bên giá vẽ.

Năm 1993, khi biết mẹ đã già yếu, anh quyết tâm rời bỏ cuộc sống tiện nghi và đầy thuận lợi cho việc sáng tạo bên Mỹ, về Việt Nam mở phòng tranh Clay, sống chung nhà với ông anh và thường xuyên thăm viếng mẹ già, giờ đã tin là con mình có thể thành đạt theo con đường rất riêng. Thời giờ còn lại, anh ở riết góc sân nhà ông anh, nặn và nung gốm trong cái lò nhỏ.



Sài Gòn những năm đầu thập niên 1950, còn thấy tấm bảng cà phê Givral góc đường Bonard và Catinat (nay là Lê Lợi và Đồng Khởi). Anh Khưu Đức còn giữ lại kỷ niệm một chuyến đi chơi cùng ba mẹ khi còn bé thơ.

Tôi biết Khưu Đức từ những ngày đầu tiên anh về Việt Nam hai mươi năm trước. Lúc đó, chúng tôi đi lang thang khắp Sài Gòn trên xe máy, cùng nhau ăn những món ăn của đất Sài Gòn thuở thanh niên của anh: Cơm Bà Cả Đọi ở cái hẻm đường Nguyễn Huệ, tô cháo huyết vỉa hè Lê Lai với ngón tay cô bé bưng cháo luôn cắm vào cháo nóng, và tô hủ tíu Nam Lợi đường Tôn Thất Đạm. Anh nói: "Khi xa Sài Gòn, tôi nhớ nhất là hồi còn trẻ ngồi uống cà phê nhìn lá me bay lất phất như mưa. Và đến giờ vẫn thấy buồn buồn khi hôm nào Sài Gòn có một màu xám trong mùa bão rớt". Anh mua cái nhà ở gần con kinh có bóng dừa tuốt miệt Gò Vấp, cũng chỉ vì nhớ những ngày lang thang đi vẽ hồi còn trẻ. Ở đó, trong những buổi tối tĩnh lặng, anh chiêm nghiệm rằng hình như mình toàn rời bỏ khi đang lúc sống sung túc nhất, để theo nỗi đam mê nghệ thuật của mình.

“Bây giờ, mỗi khi trở về Mỹ thăm gia đình, tôi lại nhớ Sài Gòn, nhiều nhất không phải là lá me nữa mà là bầu không khí ồn ào, lộn xộn. Nó không làm tôi khó chịu, mà thấy thân thương, không thể chối bỏ”.

Gốm của Khưu Đức giúp anh sống nhẹ nhàng ở Sài Gòn vì chúng luôn nằm trong những gallery của các khách sạn tên tuổi như Caravelle, Sofitel... Mỗi món là một tác phẩm nghệ thuật độc bản có chữ ký và khách chủ yếu là người nước ngoài. Sở hữu một ấm trà Khưu Đức không nhẹ nhàng, điều đó có thể trái với tinh thần Raku. Nhưng rõ ràng nghệ thuật phải có giá của nó.

Raku, là cách người Nhật đọc chữ Lạc, trong tiếng Hán có nghĩa là hạnh phúc. Phải chăng, tinh thần đó đã cuốn hút Khưu Đức từ đầu, như một linh cảm về hạnh phúc mà anh tưởng đã mất từ lúc ra đi qua xứ người?





Ảnh: PCL



Các tác phẩm gốm Raku tại Clay Gallery. Ảnh: PCL





Những Tờ Nhạc Rời

Sau Tết Mậu Thân 1968, cuộc sống trong cái hẻm nhỏ mà gia đình tôi ở co lại vì lo lắng. Đó là không khí của xóm nghèo trong chiến tranh với đủ thứ lo về chuyện cơm áo, sống chết. Buổi tối trong xóm, không có gì giải trí ngoài giọng ca vọng cổ buồn nẫu ruột trong mấy tuồng cải lương trên radio. Trên nền không khí nặng nề đó, mấy anh em nhà tôi có một niềm vui lớn mà đến hơn bốn chục năm nay còn nhắc lại với nhau. Đó là lúc chị Tư tôi, nữ sinh trường Hoài An gần ngã tư Phú Nhuận mang về một xấp giấy rất dày khổ to, với những bức tranh tuyệt đẹp phía ngoài. Đó là những tờ nhạc rời gấp đôi. Ngoài bìa nhạc có vẽ tranh, bên trong là ca khúc có lời và dòng nhạc. Đây là phần quà của một thầy giáo dạy nhạc, thưởng cho chị Tư khi chị tham gia văn nghệ của trường và có giải.

Anh em tôi xúm lại xem và mừng rỡ thấy có nhiều ca khúc hay lâu nay chỉ nghe trên radio. Đó là những bài như *Về bên bếp hồng* của Xuân Tiên, *Múc ánh trăng vàng* của Hoàng Thi Thơ, *Bên cầu biên giới* của Phạm Duy... Cả mấy anh em nghêu ngao hát theo tiếng đàn guitar của ông anh cả. Kể từ đó, mỗi buổi tối sau giờ học là những giờ phút vui khi tụ lại hát hò, kể cả những đêm cả xóm cúp điện.

Những tờ nhạc này hấp dẫn hơn nữa khi Nhà xuất bản chọn một bức tranh đẹp vẽ theo nội dung lời hát để in ngoài bìa. Những bản nhạc xưa của nhà xuất bản Tinh Hoa - Huế do họa sĩ Phi Hùng vẽ, bút pháp hiện thực bằng màu nước in một màu rất mềm mại. Những bản nhạc ra sau này của nhà xuất bản Tinh Hoa Miền Nam, An Phú có bìa từ tranh của họa sĩ Duy Liêm, là những bức tranh lập thể tuyệt đẹp in bốn màu. Sau nữa là tranh của họa sĩ Kha Thùy Châu...

Gia đình tôi vẫn còn giữ được những tờ nhạc rời này, vượt qua bao lần dọn nhà, xây nhà. Những tờ nhạc như một kỷ niệm đẹp, giúp tôi với tuổi lên tám lần đầu được tập hát nhạc hay, ngắm được những bức tranh đẹp, như những bài học cảm nhận nghệ thuật đầu tiên của cuộc đời.



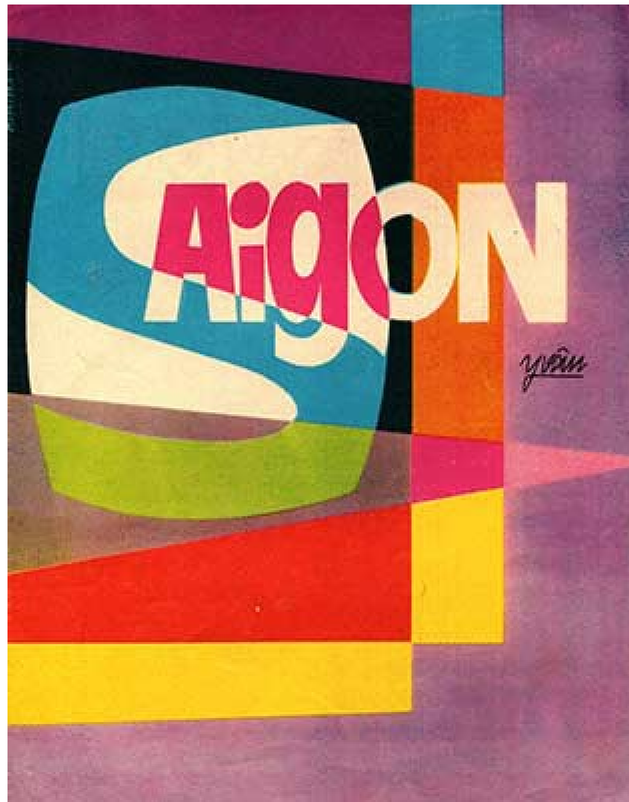
Họa Sĩ Của Đại Chúng

Sài Gòn có nhiều họa sĩ tên tuổi được báo chí nhắc đến, nhất là từ thập niên 60 trở về sau. Tranh của họ hiện diện trong các cuộc triển lãm sang trọng, các phòng khách lộng lẫy. Nhưng trong cuộc sống đời thường, có lẽ số người biết và thích tranh của Duy Liêm, một họa sĩ vẽ theo trường phái lập thể và chủ yếu vẽ tranh để in trên bìa nhạc và tạo mẫu sơn mài, lại là con số lớn.

Duy Liêm, một tài năng nghệ thuật riêng lẻ, đứng hẳn một góc đời và vẫn còn lấp lánh trong ký ức nhiều người Sài Gòn khi hồi tưởng về cuộc sống một thời ở thành phố này cách nay ngoài bốn mươi năm. Có người từng ví ông như là Katsushika Hokusai của Việt Nam vì cùng có sự nghiệp sáng tác đồ sộ, tuy tầm cỡ khác nhau nhưng đều gắn bó với đời sống của dân tộc mình và ảnh hưởng tới nền nghệ thuật đương thời.

Họa sĩ Duy Liêm, tên thật Trần Duy Liêm, sinh năm 1916 ở xứ biển Phan Thiết. Hai đấng sinh thành của ông được khá nhiều người Phan

Thiết thời đó biết đến là ông Trần Duy Hinh, một nhà tư sản và bà Trương Thị Hạnh, nữ hộ sinh có tiếng trong vùng. Ông Duy Liêm có một người em là Trần Duy Chánh từng là diễn viên chính trong phim “Trọn với tình”, một bộ phim xuất hiện ở giai đoạn còn non trẻ của phim truyện Việt Nam vào thập niên 1930.



Từ hồi còn trẻ, Duy Liêm đã bộc lộ khuynh hướng nghệ sĩ rất rõ. Ông vào Sài Gòn nhập học Trường Dạy vẽ Gia Định (Ecole de Dessin) tại khoa Hội họa trang trí và tốt nghiệp năm 1937. Không chỉ thích mỹ thuật, ông còn thành thạo rất nhiều loại nhạc cụ như Violin, Accordeon, banjolin, guitar và cả đàn tranh…

Sau một thời gian sống với gia đình tại Phan Thiết, bản tính nghệ sĩ đã đưa ông tham gia hoạt động du ca và lang bạt khắp nơi. Ông còn hưởng ứng phong trào Tân Việt Nam của giới trí thức giữa thập niên 1940. Phong trào này có sự tham gia của các ông Đào Duy Anh, Phan Anh, Vũ Đình Hòe, Nguyễn Văn Huyên…

Tại Hội An năm 1946 Duy Liêm gặp ca sĩ Cẩm Vân, tên thật là Phan Thị Dục, em họ Giáo sư Phan Ngô và lập gia đình với bà. Từ thời điểm

1946, chiến tranh chống Pháp lan rộng khắp đất nước. Đang ở Bình Định, Duy Liêm ra Quảng Ngãi. Lúc đó, Việt Minh đang nắm chính quyền. Họa sĩ Duy Liêm đảm nhận việc vẽ giấy bạc tín phiếu cho cơ quan in tín phiếu Liên Khu V ở An Lão, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định trong khoảng thời gian 1947-1948 và sinh cô con gái đầu lòng đặt tên là Nga vào năm 1948. Năm 1949, ông chuyển sang làm cho Sở thông tin của Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến Liên khu V, ông Nguyễn Duy Trinh. Từ 1950 - 1951, ông gia nhập Trung đoàn 802 Quân Y, liên khu 5, xã Nghĩa Hành, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi và tham gia ban văn nghệ với những nghệ sĩ nổi tiếng như Nguyễn Đỗ Cung, Lê Trọng Nguyễn.



Họa sĩ Duy Liêm (trái) cùng bạn bè ở Quảng Ngãi. Ảnh tư liệu của họa sĩ Phạm Cung.

Nhờ có thể chăn nuôi gà vịt, trồng trọt, gia đình ông Duy Liêm sống ổn định. Sau một thời gian tham gia đoàn văn nghệ Liên khu V, Duy Liêm trở về đời sống dân sự. Tuy vậy, cuộc sống dần khó khăn hơn vì gia đình đã có thêm cô con gái tên là Mỹ vào năm 1951. Năm 1952

chiến tranh lan rộng ra khắp Liên khu V. Ngoài chuyện bị Tây ruồng bố, còn có người dân tộc thiểu số từ trên Tây Nguyên đòi tự trị đánh xuống. Cuộc sống ở Quảng Ngãi đầy cơ cực, người chết đói nhiều, cả hai năm Quảng Ngãi không có lấy một giọt mưa.

Năm đó, Duy Liêm cùng vợ và bạn là Đinh Lân (anh của thi sĩ Đinh Hùng) đưa hai con ra Hội An sống với gia đình ông Bùi Cam là bác họ của bà Duy Liêm.



Họa sĩ Duy Liêm (góc phải) trong chiến khu khoảng năm 1949. Giáo sư Tôn Thất Tùng (thứ 7 từ trái qua) đang tươi cười tay chống hông.

Sau 1954, ông Phan Ngô quyết định vào sống ở Sài Gòn, gia đình ông Duy Liêm cùng vào theo. Ở Sài Gòn, ông Phan Ngô mở trường học lấy tên là Tân Phương ở khu Xóm Gà, Gia Định và trường Văn Hiến ở đường Trần Quang Khải. Cũng từ thời gian này, nhạc sĩ Lê Mộng Bảo được ông Tăng Duyệt là Giám đốc Nhà xuất bản Tinh Hoa - Huế phái vào Sài Gòn mở chi nhánh Nhà xuất bản Tinh Hoa, gọi là Tinh Hoa Miền Nam và mời Duy Liêm vẽ bìa nhạc cho Nhà xuất bản này. Đồng thời ông vẽ bìa nhạc và bìa sách cho các Nhà xuất bản khác như An

Phú, Minh Phát, Phạm Văn Tươi, Diên Hồng, Sống Mới, báo Phổ thông của Nguyễn Vỹ, Nhà xuất bản Ly Tao của Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ và tạp chí Sáng Dội Miền Nam...

Cho đến 1956, ông Duy Liêm kéo theo "đệ tử" Phạm Cung, làm *maquettes* tranh sơn mài, các vật dụng sơn mài, thảm cho hãng Thành Lễ với tư cách là họa sĩ chánh. Đây là hãng mỹ nghệ danh tiếng nhất miền Nam thời đó, có sản phẩm được giải nhất Hội Chợ Paris và các nơi khác trong nhiều năm liên tục. Và ở đây có thể nói Duy Liêm đã góp phần quan trọng tạo nên tên tuổi của Công ty này. Sau hai năm làm ăn khấm khá, ông Duy Liêm mua một căn nhà ở khu cư xá Kiến Thiết đường Trần Quốc Tuấn, gần cầu Hang, Gò Vấp.

Với sức sáng tạo dồi dào, họa sĩ Duy Liêm miệt mài vẽ nhiều tranh cho bìa nhạc và sáng tác mẫu cho tranh sơn mài. Tác phẩm của ông với tính chất là tranh mẫu được in hay vẽ lại trên tranh sơn mài nên được phổ biến khắp nơi, có mặt trong nhiều gia đình từ 1937 đến 1990, tạo nên thị hiếu thẩm mỹ vô cùng rõ rệt cho người thưởng ngoạn.



Duy Liêm (góc trái cửa vào) đưa khách tham quan xưởng làm tranh sơn mài ở Công ty Thành Lễ



Tổng thống VNCH Ngô Đình Diệm giới thiệu bức tranh Nhạc sầu của họa sĩ Duy Liêm cho vị quốc khách từ một nước Đông Nam Á.



Họa sĩ Duy Liêm trong một buổi họp mặt giới văn nghệ sĩ (thứ 5 hàng đứng từ trái sang). Ông Vương Hồng Sển là người đứng thứ 8

Hình ảnh trên các trang 161-164 thuộc tư liệu của gia đình họa sĩ Duy Liêm

Ông không vẽ nhiều tranh sơn dầu và lụa nhưng có những bức tranh lụa được nhắc tới như Giấc Hè , Du Xuân , Hái sen . Bức sơn dầu tựa đề Nhạc Sầu được Giải nhất Đông Nam Á năm 1954 tại Exposition ở Manille và được mua bởi Tổng Thống nước ấy. Theo trí nhớ của bà Duy Liêm hiện đang sống tại Mỹ, lúc sinh tiền ông Duy Liêm có nhắc đến một bức tranh sơn dầu lấy tên Chài lưới rạng đông đã đoạt giải thưởng cao nhất về hội họa tại Tokyo khoảng thời gian 1938 – 1939 và có nhận được thư khen của Nhật hoàng.

Sau năm 1975, họa sĩ Duy Liêm tuy đã lớn tuổi vẫn tiếp tục vẽ tranh tạo mẫu cho cơ sở sơn mài Vietnam Export từ năm 1976. Khi ông Quân, Giám đốc cơ sở này ra nước ngoài, ông Duy Liêm tiếp tục vẽ tranh tạo mẫu cho hãng tranh thêu Thu Hà và cho Công ty sơn mài Lam Sơn nổi tiếng một thời.



Họa sĩ Duy Liêm trên đường Tự Do (nay là Đồng Khởi), Quận 1, khoảng năm 1958.

Năm 1994, họa sĩ Duy Liêm từ trần.

Ông Phạm Cung cho biết trước 1975 tranh lập thể của Duy Liêm rất được ưa chuộng. Nét vẽ của Duy Liêm độc đáo, không nhầm lẫn với bất cứ họa sĩ nào, sinh động và lột tả được tâm trạng nhân vật trong tác phẩm, tạo được cảm xúc cho người xem bằng các nét vẽ gẫy khúc rất riêng biệt…

Nhưng Duy Liêm sống lặng lẽ như người ở ẩn, không tham gia triển lãm, không thích tiếp xúc với đám đông và ít la cà kết bạn với giới báo chí, nên không mấy khi được nhắc đến.

Trong cuốn sách *Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại*, nhà phê bình nghệ thuật Huỳnh Hữu Ủy đã xếp họa sĩ Tạ Tỵ và Duy Liêm vào một nhóm. Theo Huỳnh Hữu Ủy, sau 1954 cho đến các năm 70, Duy Liêm đã rất thành công với *"Lập thể Duy Liêm"* trong đại chúng, xâm nhập mạnh mẽ vào cuộc sống hằng ngày của mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt là minh họa trên các bìa nhạc của những nhạc sĩ nổi tiếng như Phạm Duy, Hoàng Thi Thơ, Phạm Đình Chương… và vẽ nhiều mẫu tranh cho hãng Thành Lễ với tư cách là họa sĩ chính.

Ông Huỳnh Hữu Ủy dẫn bài viết về Duy Liêm của ông Nhất Uyên trên báo Thế kỷ 21 số tháng 5.93, phỏng định Duy Liêm đã để lại một số lượng rất lớn từ 40.000 đến 50.000 tác phẩm từ sơn mài, sơn dầu, lụa, gốm, thảm và khẳng định đó là một công trình đồ sộ không mấy người đạt được. Theo ông Huỳnh Hữu Ủy, bên cạnh *"tiếng nói của Tạ Tỵ có tiếng vang trong một mức độ cao thuộc các tầng lớp trí thức, các giới hoạt động Văn hoá nghệ thuật" thì họa sĩ Duy Liêm "đưa được tiếng nói mới mẻ của nghệ thuật hiện đại trên bề rộng, đến với quần chúng khắp nơi"*. Và ông khẳng định *"Chính ở điểm này, chúng ta phải công nhận một cách rất khách quan là họa sĩ Duy Liêm đã có công rất lớn trong việc nâng cao và hiện đại hoá cảm quan thẩm mỹ của đại chúng Việt Nam "*.

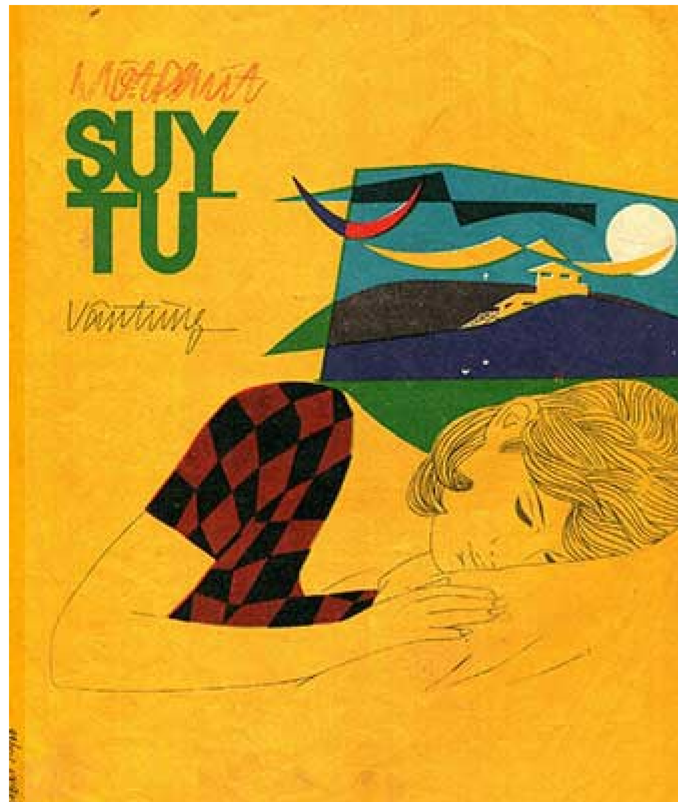
Ông bà Duy Liêm có chín người con, đều thừa hưởng tài hoa âm

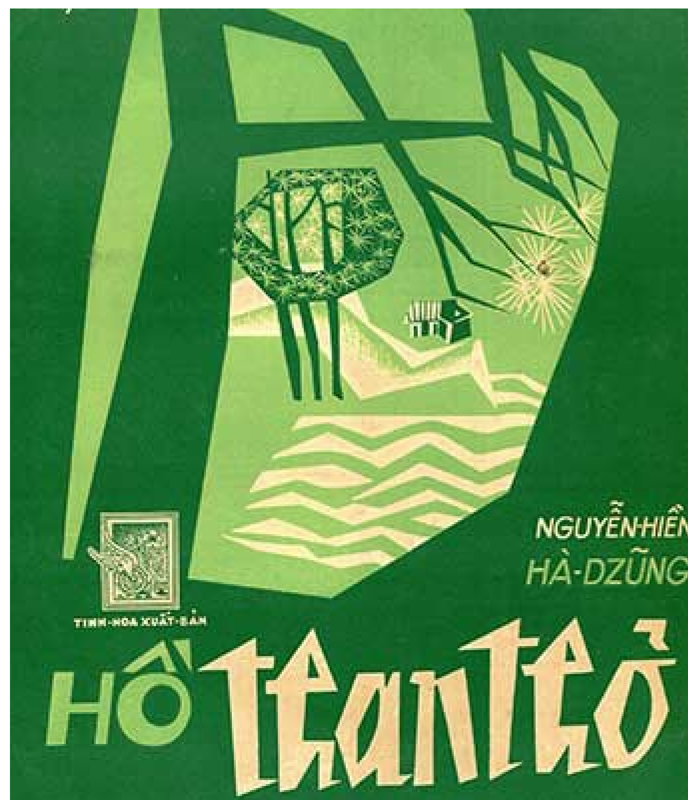
nhạc và mỹ thuật của cha mẹ, thành đạt ở nước ngoài trong các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau như tâm lý học, kiến trúc, tài chính và nghệ thuật hoạt họa... Hầu hết đều thích vẽ tranh, chơi nhạc và dạy đàn.

Trong một bài viết cách nay khá lâu, họa sĩ Phạm Cung cho rằng Duy Liêm là một tài năng đã bị lãng quên. Điều đó có phần đúng, bởi bản tính khép kín cũng như những đánh giá thiển cận cho rằng tranh của ông đa số gắn liền với mục đích thương mại nên báo chí đương thời và sau này hầu như rất ít viết về ông. Tuy nhiên, ký ức về tranh Duy Liêm trên tác phẩm sơn mài, bìa nhạc và bìa sách của người sống ở Sài Gòn trước 1975 luôn âm ỉ sống, mặc dù có thể họ không biết tác giả. Họa sĩ Duy Liêm, họa sĩ tiên phong đầy tài năng của trường phái hội họa lập thể tại Việt Nam, góp phần làm nên giá trị tinh thần của đời sống Sài Gòn những năm tháng chưa xa lắm... không hề bị lãng quên.

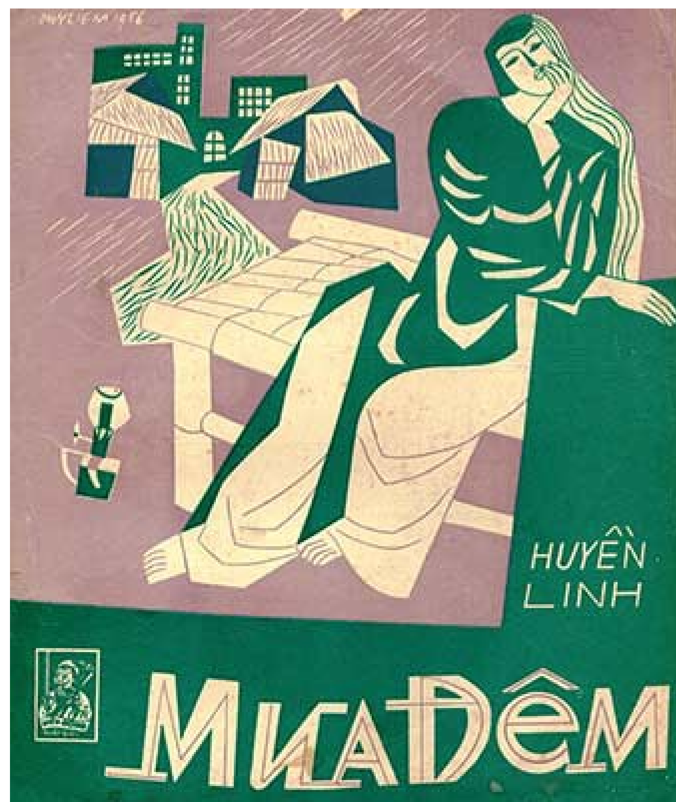


Bìa nhạc tờ do họa sĩ Duy Liêm vẽ


SUY TƯ
vân tùng


NGUYỄN-HIỀN
HÀ-DZŨNG
TINH-HOA XUẤT-BẢN
HỒ TRĂN TRỞ


HOÀI-LINH
HẸN EM
MÙA
THANH BÌNH

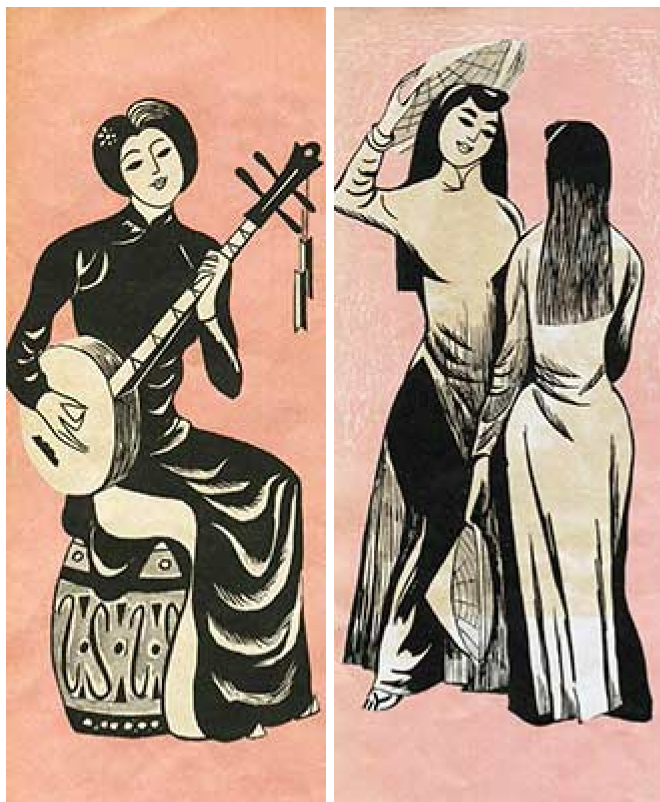

HUYỀN
LINH
MƯA ĐÊM


Mức Ánh
HOÀNG
THI-THƠ
TRĂNG VÀNG


CANH
THÂN
XUÂN NGHẸC




SAIGON
PHÚC LINH
MUÔN MÀU



*Minh họa của Duy Liêm trong tạp chí **Sáng Dội Miền Nam** năm 1962*





Tranh gốm ghép Thành Lễ thực hiện từ mẫu vẽ của Duy Liêm. Khổ

39x57,5 cm Sưu tập của bà Nguyễn Thị Lê.







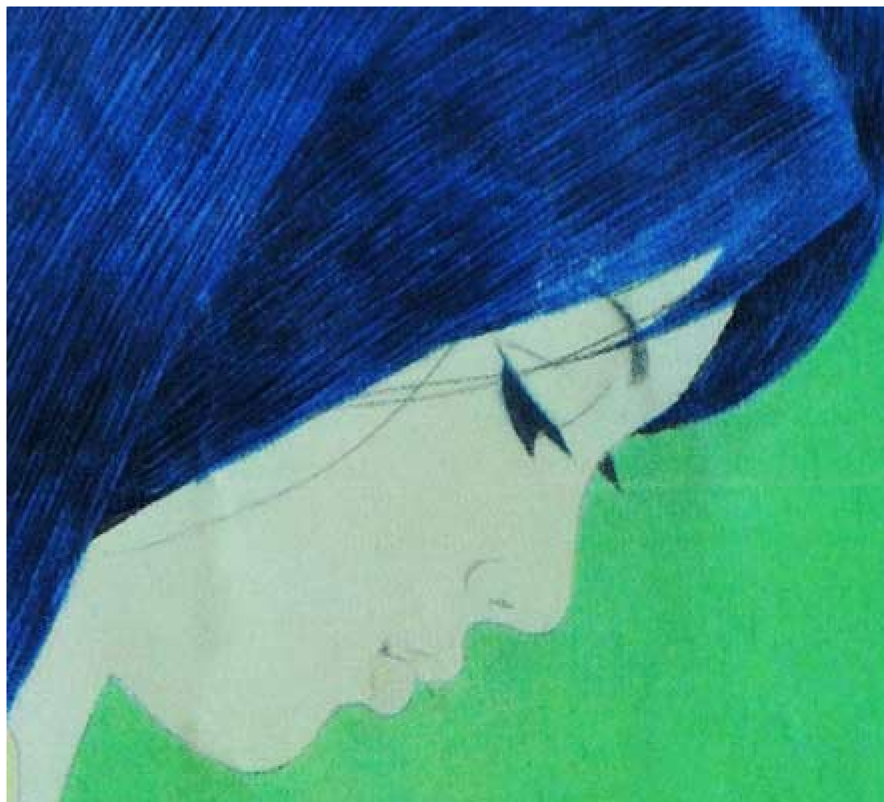


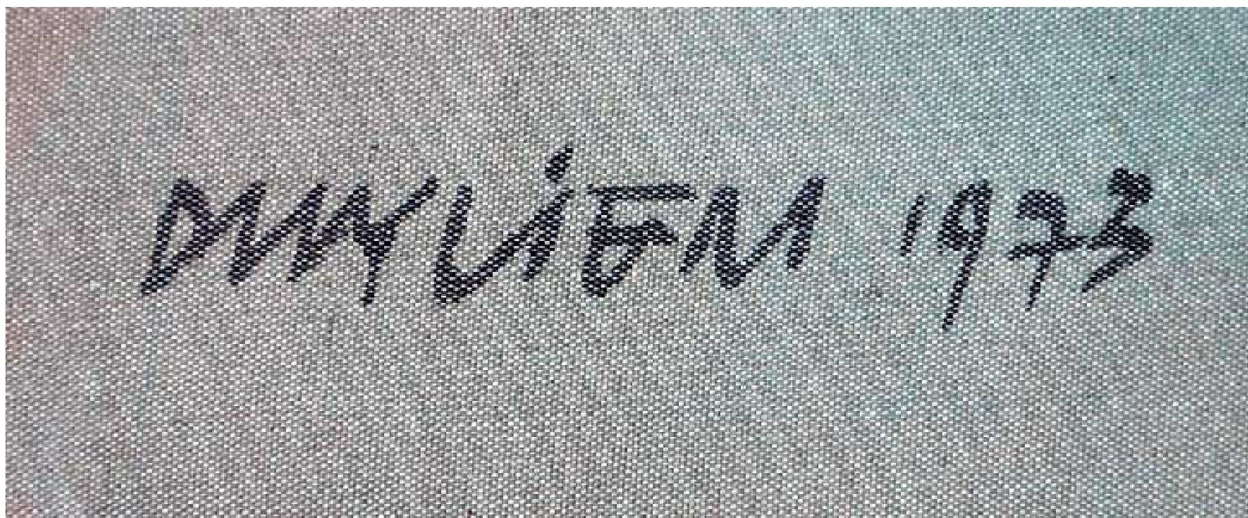
Mẫu phù điêu gốm do họa sĩ Duy Liêm thiết kế cho hãng Thành Lễ. Hai phù điêu góc trái và phía dưới thuộc Bảo tàng Mỹ thuật TPHCM. Hai phù điêu còn lại nằm trong bộ sưu tập của anh Nguyễn Đức Huyên. Ảnh: Nguyễn Minh Anh.











Hình tượng thiếu nữ xuất hiện rất nhiều trong tranh của Duy Liêm, thường có đôi mắt nhìn xuống, trầm lặng và buồn. Hai bức tranh lụa thuộc sưu tập của anh Nguyễn Đức Huyên.

Sơn Mài Thành Lễ, Quá Khứ Vàng Son

Trong một dịp tình cờ, chúng tôi xem được một trang lịch trong bộ lịch in màu năm 1962. Bộ lịch có tên là *Công nghệ Việt Nam* do một cơ quan nước ngoài bỏ vốn ra in. Tờ tháng Hai in hình nữ ca sĩ Kim Chi bên cạnh một chiếc chén, dĩa và ly chân cao bằng sơn mài cẩn trứng do nhà Thành Lễ sản xuất. Lòng tô và dĩa màu vàng nhũ. Họa tiết cánh trúc đơn giản nhưng sang trọng trên nền trứng cẩn trắng ngà rất hài hòa. Những sản phẩm mỹ nghệ cách nay gần 50 năm thật tinh tế và không thua kém bất cứ sản phẩm mỹ nghệ cao cấp hiện nay.



Đó là một sản phẩm nhỏ tiêu biểu của hãng Thành Lễ, một công ty sản xuất hàng mỹ nghệ cao cấp khét tiếng của miền Nam trong suốt hơn 30 năm trước 1975. Đây chính là công ty thành công nhất trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất, được bày bán ở hai con đường sang trọng bậc nhất Sài Gòn lúc đó là Tự Do (nay là Đồng Khởi) và Hàn Thuyên. Tên tuổi của công ty vượt ra khỏi biên giới nước Việt thời chia cắt.

Theo *Nguyệt san Quản trị xí nghiệp* số tháng 10 năm 1972 xuất bản tại Sài Gòn, đến thời điểm đó, hãng Thành Lễ đã có những thành tích như sau:

Huy chương vàng Hội chợ Quốc tế Munich 1964

Huy chương bạc do Bộ Kinh tế (Nam Việt Nam) trao năm 1968.

Bằng cấp danh dự Hội chợ Paris 1969

Huy chương và Bằng cấp Danh dự Hội chợ Paris 1970

Huy chương vàng Hội chợ Kỹ nông công thương Sài Gòn 1970

Ngoài ra, sản phẩm của Thành Lễ đã tham gia các cuộc triển lãm sơn mài tại Pháp (1952), Thái Lan (1954), Philippin (1956) và Hoa Kỳ (1959).

Đến nay, Việt kiều các nước, nhất là từ Pháp và những người thích nghệ thuật trong nước vẫn tìm mua các sản phẩm của Thành Lễ. Họ trưng bày trong nhà như để tìm lại một không khí êm đềm và thịnh vượng của đô thị Sài Gòn trước đây. Lúc đó, ít người chơi tranh hay trang trí nhà bằng tranh sơn dầu. Dân trung lưu trở lên của Sài Gòn và các tỉnh lỵ mua được bức tranh sơn mài Thành Lễ, đôn voi, bình gốm Thành Lễ hay thảm len Thành Lễ đã cảm thấy đủ để tạo nên vẻ sang trọng của ngôi biệt thự hay căn phố của mình.



Chân dung ông Nguyễn Thành Lễ.



Họa sĩ Nguyễn Văn Tuyền. Ảnh: Đức Trí

thành lễ
THUDAUMOT

les plus connus
des Ateliers d'art
au Vietnam.

thành lễ

présente
ses plus récentes créations.

PANNEAUX
et
PARAVENT
en laque

Réf. 215 — Panneau en laque noire et mate, décor en coromandel : "Retour du mandarin au village natal".

Technique de Laquage d'un Article

Avec armatures en Teck et surfaces planes en contreplaqué Okoumé, l'article en bois à laquer doit passer par plusieurs opérations :

Entoilage. — Il est entièrement revêtu de toile fine imbibée de laque brute, résine d'origine purement végétale.

Mastiquage. — Après une semaine de séchage, l'ensemble est mastiqué avec un composé de plâtre et de laque brute, puis une deuxième couche de mastic est déposée au bout de la deuxième semaine.

Ponçage et laquage. — Alors, on procède au ponçage avec des os de seiche et de la pierre-ponce sur toutes les surfaces ainsi mastiquées. Ensuite, on commence le laquage proprement dit, en passant sur les surfaces mastiquées la première couche de laque préalablement préparée (c'est-à-dire broyer la laque brute dans un récipient de fer, mélangée avec une certaine proportion de colophane). On doit laisser sécher chaque couche de laque pendant une semaine environ en atmosphère humide et chaude, puis on procède au ponçage de cette couche ; ainsi de suite on répète l'opération jusqu'à la onzième couche. Après cette couche, on passe la douzième (spécialement préparée) bien cuite, bien fine, bien tamisée, bien noircie par l'oxyde de fer.

Vient enfin la dernière opération de ponçage, cette fois avec de la poudre de charbon très fine et du lait de chaux. Il faut alors polir et repolir sans cesse avec la paume de la main jusqu'à ce que la surface soit devenue brillante.

Les créations en laque de Thanh-Lê se font en couleur noire, rouge, crème, bleue, verte et marron.

Réf. 191 — Vase à fleurs en céramique laqué rouge, décor Bambou en or laminé, avec socle en bois laqué. Hauteur 45cm.

Ensembles Mobiliers

en bois de teck traité et contre-plaqué laqués en noir ou couleurs (rouge, ve suivant les méthodes artisanales ancest les décorations :

en cloisonné : décor d'après esquisse, av tation de nacre, de feuille d'or et d'ar

en coromandel : gravure du motif du dé directement sur la laque.

en relief : décor dessiné en or en feuilles de laque noire ou en couleur.

Les Meubles d'Art Thanh-Lê ainsi conçu tent sans inconvénient toutes les intem

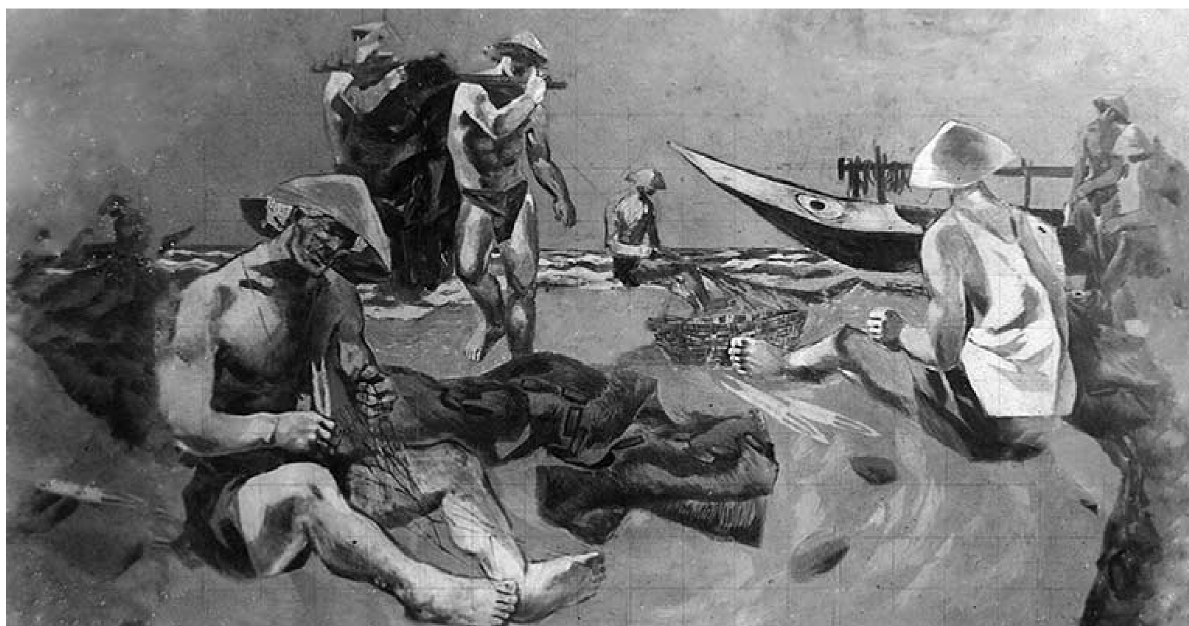
Réf. 105 — Bahut laqué noir, décor "4 Saison en nacre incrusté.



Thái tử Sihanouk, Cambodia thăm Công ty Thành Lễ vào đầu thập niên 1960 và xem họa sĩ Ba Tuyền vẽ tranh sơn mài. Góc trái là họa sĩ Lưu Đình Khải, hiệu trưởng trường Mỹ thuật Gia Định



Một mẫu rất phổ biến của sơn mài Thành Lễ. Ảnh thuộc tư liệu của họa sĩ Nguyễn Văn Tuyền



Bản vẽ mẫu sơn mài của họa sĩ Thái Văn Ngôn. Ảnh thuộc tư liệu của họa sĩ Nguyễn Văn Tuyền

Tuy nhiên, nói riêng về tranh sơn mài là sản phẩm chủ lực của Thành Lễ, cần phân biệt có hai loại. Một loại bán rộng rãi trong showroom với logo có chữ Thành Lễ và loại kia là tranh cao cấp, làm theo Hợp đồng đặt hàng của khách trong và ngoài nước. Theo họa sĩ Phạm Cung có thời gian phụ họa sĩ Duy Liêm là họa sĩ chánh tạo mẫu tranh cho hãng Thành Lễ, loại tranh cao cấp được xác định bằng một logo vẽ phía sau tranh có hình con rồng, phía dưới là chữ Thành Lễ nằm vắt ngang và dát bằng vàng 4 carat. Các giải thưởng nói trên thuộc về loại tranh cao cấp này.

Một chiều cuối năm 2008, chúng tôi may mắn gặp lại lão họa sĩ Nguyễn Văn Tuyền, thường gọi là bác Ba Tuyền tại Bình Dương, quê hương của công ty Thành Lễ. Sinh năm 1924, có lẽ bác là họa sĩ hiếm hoi làm việc lâu nhất cho Thành Lễ (từ 1943 đến năm 1975) còn sống. Những họa sĩ cùng làm việc cho công ty là ông Hai Sù, Châu Văn Trí, Ba Ai, Bảy Dậy, Năm Châu (điêu khắc), Nguyễn Tấn Tam, Nguyễn Văn Tám, Thái Văn Ngôn, Duy Liêm, Trần Văn Nam, Trần Văn Sáu (sáng

tác mẫu sơn mài), Ngô Từ Sâm (vẽ lụa), Văn Thọat, Lương Định Tánh (vẽ bàn ghế), các nghệ nhân Bảy Giáp, Sáu Miền, Hai Long (cẩn ốc), Sáu Sa (vẽ men gốm)... hầu hết đã quy tiên.

Theo bác Ba Tuyền, tiền thân của Thành Lễ là xưởng "Thanh & Lễ" do hai ông Trương Văn Thanh và Nguyễn Thành Lễ hợp tác sáng lập năm 1940. Đến đầu những năm 60, ông Nguyễn Thành Lễ tách ra riêng, lập nên xưởng Thành Lễ. Từ đó, bắt đầu một quá trình sản xuất và kinh doanh đủ tạo dựng một tên tuổi không phai mờ.

Bác Tuyền nhớ họa sĩ Thành Lễ sinh năm 1919 tại Long Xuyên, học chuyên về sơn mài và chạm trổ, tốt nghiệp trường Mỹ thuật Thủ Dầu Một khoảng năm 1940 (có tài liệu cho là năm 1938), trước bác Tuyền hai khóa. Khi tách ra, xưởng sơn mài Thành Lễ đặt tại Bình Dương có 12 họa sĩ, 2 nghệ nhân vẽ kiểu, 20 người mộc, 60 người chuyên về sơn, 4 thợ chạm, 1 thợ cẩn xà cừ. Xưởng sản xuất Thành Lễ được xây dựng khá quy mô ở Bình Dương.

Bên cạnh xưởng chế tác là phòng trưng bày được trang trí rất đẹp. Ở đây trưng bày đa dạng sản phẩm từ các bức bình phong lớn, đề tài phong phú từ đề tài lịch sử như Hai bà Trưng đánh đuổi quân Hán, trận Đống Đa, Bạch Đằng Giang, các tích Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên, cảnh đẹp Việt Nam như sông Hương núi Ngự, chùa Thiên Mụ, Tháp Chàm, cảnh sinh hoạt nông thôn và hình ảnh người nông dân, hình ảnh hoa lá chim muông... Ngoài ra, còn có các sản phẩm khác như vật dụng gia đình phủ sơn mài mang tính mỹ thuật cao như bình hoa, bàn ghế, tủ và các món đồ trang trí khác.



Tranh sơn mài cẩn xương và ngà của Công ty Thanh & Lễ, tiền thân Hãng Thành Lễ sau này. Sưu tập của ông Nguyễn Trọng Cơ. Ảnh thuộc tư liệu của họa sĩ Nguyễn Văn Tuyền

Năm 1962, Thành Lễ mở xưởng dệt thảm len và sáp nhập các cơ sở

thành xưởng sơn mài – lò gốm – thảm len Thành Lễ. Từ vài chục công nhân ban đầu, sau xưởng có đến 500 công nhân làm việc. Bác Tuyền cho biết từ thời đó, Thành Lễ đã tổ chức kinh doanh và tiếp thị rất có bài bản. Ông Thành Lễ giỏi tổ chức, có tài năng chuyên môn và biết thu hút nhiều người giỏi từ các nơi như trường Mỹ thuật Gia Định, Mỹ nghệ Biên Hòa và Mỹ nghệ Bình Dương. Các họa sĩ dưới trướng ông có nhiều người giỏi, từng đoạt các giải thưởng hội họa uy tín. Xưởng Thành Lễ đã sáng tạo nhiều mẫu đẹp, giàu giá trị nghệ thuật. Nhiều mẫu mã chỉ dùng một lần cho một tác phẩm nên giá trị nghệ thuật cao và là sản phẩm độc bản.

Theo các tài liệu, ông Thành Lễ rất ghét các mẫu mã làm theo kiểu rập khuôn, luôn yêu cầu các họa sĩ không bắt chước mẫu có sẵn mà phải liên tục sáng tạo cho tới khi đạt tới giá trị nghệ thuật mới đưa vào sản xuất. Bù lại, ông có chế độ lương và thưởng cao nên các họa sĩ làm cho ông sống thoải mái bằng đồng lương. Riêng một mình họa sĩ Ba Tuyền trong suốt hơn ba mươi năm đi làm có thể ung dung nuôi bảy người thân gồm cha mẹ, vợ và bốn người con đang ăn học.

Ông Thành Lễ thường đi nước ngoài nghiên cứu sưu tầm mẫu mã đáp ứng thị hiếu khách hàng, nhất là khách hàng châu Âu. Trong quá trình định hướng phát triển, ông tập trung sản xuất tác phẩm mang tính nghệ thuật cao, phối hợp các nghệ thuật nắn tượng, trang trí, hội họa, điêu khắc. Màu sắc sản phẩm chú trọng giá trị thẩm mỹ, trang nhã và đẹp, nhiều sản phẩm mỹ nghệ đạt đến giá trị nghệ thuật cao.

Nhờ tham gia nhiều hội chợ quốc tế và liên tục đoạt giải, sản phẩm của ông tạo tiếng vang tốt. Dù vậy, ông không chạy theo lợi nhuận mà luôn đề cao chất lượng. Ở mặt hàng sơn mài chủ lực, ông dùng nguyên liệu tốt nhất như ván ép En Kounmé nhập ngoại, ván gỗ Teak (Giá tị) hoặc Gõ đỏ, Bời lời. Trong sơn mài, nguyên liệu chính là sơn Nam Vang có độ bóng và màu sắc có vẻ đẹp riêng.



Tượng sơn mài cũng là mặt hàng thu hút của hãng Thành Lễ do tạo hình đẹp, nước phủ sơn mài rất bền vững qua thời gian

Sản phẩm trưng bày tại hội chợ quốc tế nếu được đặt mua, ông không vội giao hàng mà đợi đến 6 tháng sau khi xuất xưởng mới giao, sau khi theo dõi chất lượng tranh hay món đồ có bị biến dạng bởi thời tiết của xứ người không. Nói chung, ông không coi trọng sản lượng mà chỉ quan tâm đến chất lượng, không hề khoán sản phẩm để đạt năng suất cao mà chỉ coi trọng sản phẩm đủ đẹp hay chưa. Có lẽ do vậy, sản phẩm ở đây luôn cao giá hơn cơ sở khác nhưng vẫn đắt khách.

Cũng theo bài báo trên tờ Nguyệt san Quản trị xí nghiệp, không tính đến doanh thu trong nước, đến năm 1972 Thành Lễ xuất cảng mỗi năm với doanh số 100.000 Mỹ kim, là con số đáng kể thời bấy giờ (giá một lượng vàng lúc đó là 200 USD), sản phẩm chủ yếu xuất qua Pháp và Tây Đức. Lúc đó, sản phẩm của Công ty giá vẫn cao hơn hàng cùng loại của Nhật hay Đài Loan vì chất lượng cao, hoàn toàn làm thủ công và dùng nguyên liệu tốt nhất từ nước ngoài. Tiềm năng xuất cảng rất tốt

nhưng ông Thành Lễ phải từ chối nhiều đơn hàng vì vấn đề quan trọng nhất là thiếu nhân công do tình trạng bắt lính thời gian đó. Tuy vậy, ông đã hướng tới việc mở thị trường sang Hoa Kỳ, xây dựng xưởng tại khu công nghiệp Biên Hòa với 2000 nhân viên. Kế hoạch này bị đình trệ từ Tết Mậu Thân và đã không thành vì Thành Lễ ngừng hoạt động từ năm 1975.

Những công trình sang trọng nhất của Sài Gòn trước 1975 đều đặt tác phẩm Thành Lễ như phòng ăn dinh Gia Long với tranh sơn mài, khách sạn Caravelle cũng có tranh Thành Lễ. Theo trí nhớ của bác Ba Tuyền, năm 1966, dinh Độc Lập được khánh thành ngoài sự hiện diện của hai bức tranh của họa sĩ Thái Văn Ngôn là người của Thành Lễ, còn có một tấm Thảm len của xưởng Thành Lễ dài 40 mét phải hơn 40 người khiêng, khi đưa đến phải dùng xe rờ mooc dài mới tải nổi. Khách sạn nổi tiếng Majestic cũng đặt một bức cửa lùa chạm thủng mang tên "Đám cưới xưa". Ngoài ra, nhiều khách quốc tế khi đến Sài Gòn đã được giới thiệu đến tham quan xưởng Thành Lễ. Bác Ba Tuyền còn giữ tấm ảnh thái tử Sihanouk (Campuchia) thăm xưởng và đặt hàng vào những năm 60, như một kỷ niệm quãng đời làm việc.

Theo họa sĩ Phạm Cung, làm việc tạo mẫu tại công ty Thành Lễ trước kia, có lần khoảng đầu thập niên 1960 bên Nhật đặt tới 3 ngàn bức tranh sơn mài các kích cỡ về Phan Bội Châu, người phát động phong trào Đông Du đầu thế kỷ 20. Làm xong một số lượng tranh rồi, họa sĩ Phạm Cung tìm được bức ảnh cụ Phan đang chống gậy trong thời kỳ "Ông già Bến Ngự" cuối đời ở Huế. Bức tranh được làm thử một tấm và khi phía Nhật thấy được, họ quyết định thay đổi mẫu mã cũ, làm tiếp số tranh còn lại từ mẫu này. Ông Cung nhớ lại, tranh làm hoàn toàn bằng gỗ dầu chứ không bằng ván ép như thông thường, khổ lớn nhất là 80x120cm. Qua đó, chúng ta hình dung được vai trò của cụ Phan trong tâm thức của người Nhật.

Sau 1975, ông Thành Lễ cùng gia đình sang sống ở Pháp, đất nước đã kết nạp ông vào Hội Mỹ thuật quốc gia. Trong một bài viết trên trang mạng Hồn quê, tác giả Bích Xuân cho biết *"Tác phẩm sơn mài Thành Lễ được treo tại những danh thự như Tư dinh Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon, tư dinh vua Hassan II tại thành phố Ifrane (Maroc), lâu đài Tổng Thống Pháp Charles de Gaulle tại Colombey les*

II Eglises (La Boissery), OMS (Organisation Mondiale de la Santé) tại Thụy Sỹ...”

Hơn ba mươi năm trôi qua, dù được khẳng định giá trị trong suốt hơn nửa thế kỷ, tên tuổi Thành Lễ dường như vẫn chưa vượt qua được cái nhìn coi nhẹ hàng mỹ nghệ dù cho nó đạt tới mức nghệ thuật nào. Năm 1960, Sài Gòn tổ chức Cuộc triển lãm Mỹ thuật quốc tế lần thứ nhất, bên cạnh tác phẩm của các tên tuổi nổi tiếng thì tác phẩm sơn mài của Công ty Thành Lễ cũng được mời trưng bày và sau đó, có ngay bài phê bình trên tạp chí *Bách Khoa* số 141 ra ngày 15 tháng 1 năm 1962. Tác giả cho rằng tác phẩm sơn mài Thành Lễ lạc lõng, *“có lẽ nên dành cho những cuộc triển lãm riêng về đồ tiểu công nghệ”*. Không thấy nêu lý do.

Năm 2009, trong cuốn *Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại* tổng kết quá trình mấy chục năm theo dõi mỹ thuật miền Nam trước và sau 1975, khi nói về nghệ thuật sơn mài Việt Nam, sau khi nêu thành tựu của các họa sĩ trẻ của trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đưa sơn ta vào hội họa, nâng một chất liệu quý trước đây chỉ dừng ngang mức mỹ nghệ lên vị trí đáng nể trong đời sống mỹ thuật trong và ngoài nước ở giai đoạn 1930-1932, tác giả Huỳnh Hữu Ủy viết: *“Vài người gốc miền Nam tốt nghiệp từ trường Mỹ thuật Hà Nội như họa sĩ Nguyễn Văn Long đã mang về phổ biến những kết quả mới này ở trường Mỹ nghệ Thủ Dầu Một...*

...Ngành sơn mài phát triển rộng, nhân dân thị xã Thủ Dầu Một và các vùng lân cận hầu hết chuyên sống bằng nghề sơn mài. Từ những hàng mỹ nghệ gia dụng nhỏ đã phát triển ngày càng lớn hơn, sản xuất được nhiều mặt hàng có giá trị kinh tế cao như tủ, bàn, bình phong các loại tranh trang trí gây được sự hấp dẫn ở nhiều nơi, xuất khẩu qua các nước Tây Âu, Bắc Phi, Trung Đông, Mỹ... chiếm được nhiều Huy chương vàng tại hội Chợ quốc tế.

Thành công khá lớn của xưởng Mỹ nghệ Thành Lễ trước đây là một chứng cứ điển hình, tuy nằm ngay tại trung tâm Sài Gòn nhưng thực chất là đặt căn cứ trên vùng Thủ Dầu Một, các mặt hàng hầu hết đều do nghệ sĩ sơn mài của trường Mỹ nghệ Thủ Dầu Một đảm trách, hoặc nếu không thì cũng là những người thợ có ít nhiều có liên hệ hay nằm

trong ảnh hưởng của trường này.

Với đà phát triển đó, thế hệ những nghệ sĩ sơn mài mới, tài hoa, đam mê, năng nổ, đã đưa nghệ thuật sơn mài đến những vinh quang cao nhất của một phong cách nghệ thuật riêng, rất bí ẩn, kỳ diệu, sâu thẳm, tưởng là phi hiện thực nhưng lại hoàn toàn gần gũi với đời sống con người, phản ánh hiện thực với quy luật chắt lọc tinh túy riêng của nó".





Đó là sự khẳng định giá trị của sơn mài mỹ nghệ trong lĩnh vực nghệ thuật mà Thành Lễ là cánh chim đầu đàn. Tuy vậy, hầu như đến bây giờ có rất ít tài liệu, bộ phim, triển lãm trong nước chính thức ghi nhận về giá trị mỹ thuật hay tài năng kinh doanh của Thành Lễ, một thương hiệu có tầm vóc vượt ra khỏi biên giới một đất nước đang trong thời chiến tranh.

Nhưng dù sao, trong lòng những người yêu nghệ thuật miền Nam, tên tuổi Thành Lễ vẫn còn vang vọng như một hoài niệm, một quá khứ vàng son. Và chắc chắn, một tình cảm trân trọng giữ gìn dành cho dòng đồ của một xưởng mỹ thuật danh tiếng đã quá vãng này vẫn âm thầm tồn tại.



Ảnh: Đức Trí







Lacquer painting by Thanh Le

Hai Thế Kỷ Thăng Trầm Của Một Dòng Họ

Cách nay hơn năm mươi năm, cô gái Nguyễn Thị Gấm lên xe hoa về nhà chồng. Trước đó, như nhiều cô gái chuẩn bị làm dâu, cô đi coi bói và ông thầy nói: *"Cô sẽ được ở nhà cao, cửa rộng... nhưng không phải là của cô"*. Nửa thế kỷ qua, bà vẫn ở trong cái nhà cao, cửa rộng đó ở đường Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh. Ngôi nhà đã sửa sang lại trước khi bà về làm dâu, và bà không thể hình dung nó đã tồn tại gần trăm năm trước như thế nào. Trong nhà, vẫn còn hai bộ ván gõ đen bóng hai bên, cái tủ thờ cẩn ốc ở giữa và hai tủ buýp phê hai bên có đặt lư hương. Dấu vết thời gian còn nằm trên bức hoành phi thếp vàng, không hợp lắm với bức tường sơn nước sau nhiều lần tu sửa.

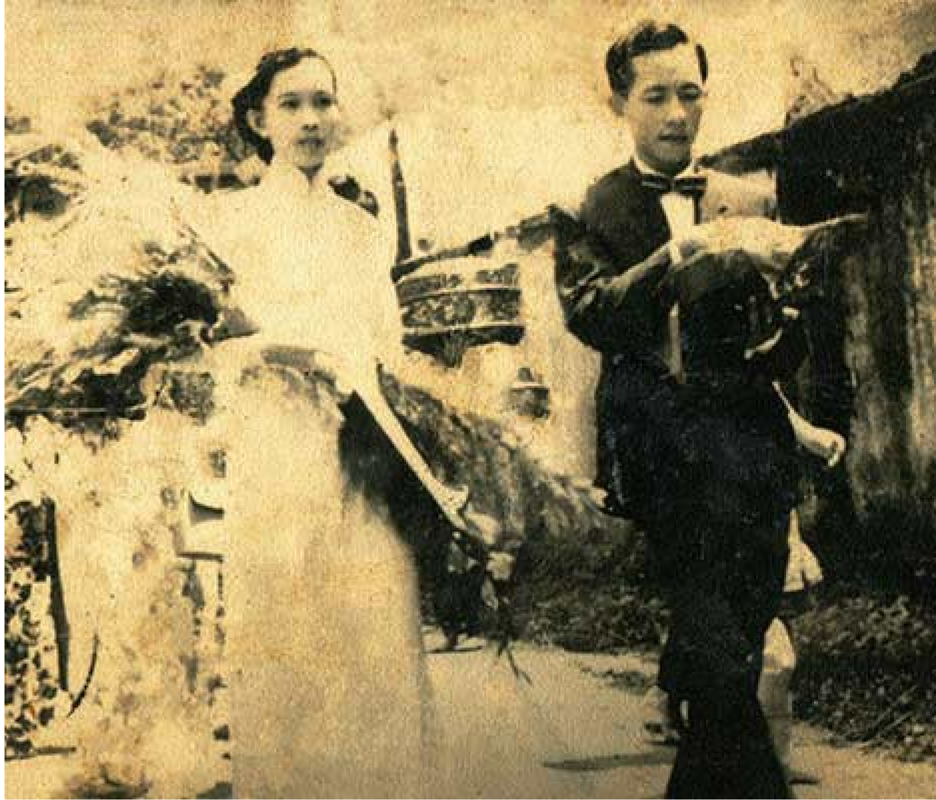
Ngôi nhà là cơ ngơi còn lại của gia đình họ Nguyễn, một gia đình tiêu biểu của đất Sài Gòn - Gia Định xưa. Kể từ ông Nguyễn Văn Vân là thế hệ thứ nhất cho đến đời thứ tám, bao nhiêu người đã sinh ra, lớn lên và mất đi ở khu ngã tư Bình Hòa, tỉnh Gia Định suốt 200 năm nay. Vẫn còn nghĩa trang riêng của dòng họ từ đầu thế kỷ 18, được xây tường rào chung quanh trên đường Hồ Xuân Hương, phường 14 quận Bình Thạnh, với những ngôi mộ đá ong không còn bia, với những cây cột bốn góc mộ nay đã chìm gần sát mặt đất qua thời gian dài.

Xa xưa, khu vực này là làng Bình Hòa, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, thành Gia Định. Đến thời Pháp thuộc 1862-1954, các thế hệ con cháu họ Nguyễn ở đây có người làm việc với Pháp và cũng có người chống lại chính quyền thực dân, hoặc làm nông, làm thợ và kinh doanh. Đến 1954, hầu hết sống và làm việc dưới chế độ miền Nam: viên chức hành chánh, theo binh nghiệp hoặc buôn bán. Sau 1975, con cháu trong họ tản mát đi khắp nơi trên thế giới, một số người vẫn sống trên nền đất cũ của ông bà để lại. Gia đình theo đạo Thờ ông bà nhưng cũng có người trở thành tu sĩ đạo Phật, Cao Đài hay làm mục sư Tin lành.

Cuối thế kỷ 18, một người đàn ông từ Đàng ngoài đi vào đất Gia Định buôn bán. Ông đi bằng ghe bầu, hoặc có lúc đi bằng đường bộ trên lưng voi. Kết duyên với một phụ nữ địa phương, ông định cư ở đây và

hình thành dòng họ Nguyễn này. Ông đã có gia đình riêng từ Đàng ngoài? Đến nay con cháu trong nhà vẫn đặt giả thuyết như vậy. Sau khi có một con trai với người vợ tại đây, ông trở về Đàng ngoài và không bao giờ trở lại. Ông không lưu lại tên, quê quán gốc gác, chỉ còn vết tích ở xóm Lò Vôi gần đình Bình Hòa còn có nơi đất trũng xuống có tên là Bãi Voi Nằm, ghi dấu nơi trú lại của đàn voi đi theo ông. Bà sơ tổ mất, được an táng phía sau Nhà việc làng Bình Hòa (góc Lê Quang Định - Nguyễn Văn Trương trước 1975). Sau dời về nghĩa trang gia đình cho đến nay.





Bà Nguyễn Thị Gấm, ngày về làm dâu nhà họ Nguyễn ở Ngã năm Bình Hoà

Ảnh trong bài do gia đình cung cấp

Thế hệ thứ nhất, con ông sơ tổ là ông Nguyễn Văn Vân "tước Huờn trào Cựu, quyền Chánh cơ" thời vua Thiệu Trị (theo gia phả), sống bằng nghề nông ngay tại Bình Hòa. Con của ông thuộc thế hệ thứ hai có ông Nguyễn Văn Sách làm quan, về sau làm thầy thuốc nên Ngã tư Bình Hòa (Lê Quang Định - Nguyễn Văn Học tức Nơ Trang Long) ngày xưa còn gọi là Ngã tư thầy Sóc (tránh gọi tên Sách).

Một người con khác thuộc thế hệ thứ hai là ông Nguyễn Văn Ân làm nông khá giả, có nhiều điền thổ. Ông muốn các con tự lập, không thích để di sản cho con. Khi các con trưởng thành, ông buộc họ phải mua lại đất của ông để cất nhà, làm ruộng hay canh tác. Ông mất vào đầu thế kỷ 20. Đến thế hệ thứ ba, có người con ông sống trong khu đất bao vi địa không có ngõ thông ra đường cái, hậu quả của việc mua đất chung chỉ để cất nhà ở.

Một bà tên Nguyễn Thị Hòa, thế hệ thứ 4 cháu nội ông Ân sinh năm 1915 ngay tại Bình Hòa nay vẫn còn sống (2013). Năm 2006, bà viết những dòng được đưa vào gia phả dòng họ như sau: *"Mặc dù gia đình đông con nhưng ba má tôi vẫn cố gắng cho tất cả những đứa con được đi học. Tôi theo học trường tiểu học Gia Định từ lớp Năm đến lớp Nhì thì trúng tuyển vào trường Trung học Nữ học đường còn có tên là trường Áo Tím vì đồng phục của trường này là áo dài tím… Tôi theo học trường Áo Tím được bốn năm thì bắt đầu theo học ngành điều dưỡng tại nhà thương Gia Định, sau ba năm tôi lại được Dì Phước giám đốc trường đề nghị đi thực tập tại Nhà thương Hồng Thập Tự, sau đó vì có vốn Pháp ngữ nên tôi lại được chuyển sang làm việc ở nhà thương Đồn Đất, một nhà thương của người Pháp.*

Trong thời gian làm việc ở đây tôi có quen với một Nha sĩ tên là Gabriel. Khi mãn nhiệm kỳ tại nhà thương này, nha sĩ Gabriel mở phòng mạch riêng và ông nhận tôi vào làm nha tá, lúc đó tôi được 20 tuổi (1935). Trong thời gian này, tôi có dịp tiếp xúc nhiều với Hoàng hậu Nam Phương vì bà là bệnh nhân của Nha sĩ Gabriel. Bà rất mến tôi và có tặng một thẻ kim bài của hoàng tộc".

Thế hệ thứ năm có cô Nguyễn thị Tý sinh năm 1924, là công chức viễn thông làm việc ở tổng đài điện thoại của Phủ Toàn Quyền và Dinh Độc Lập. Cô cũng là người phụ nữ lái chiếc Vespa đầu tiên ở Sài Gòn thập niên 50. Đến năm 1978, khi đã lớn tuổi, bà đi tu ở chùa Quán Thế Âm gần nhà.

Nhưng dòng họ Nguyễn có một gia đình khá đặc biệt, từng làm nên, thành đạt và giàu có và có lúc thất cơ lỡ vận xuống tới đáy. Các thế hệ đều có cá tính mạnh, bị cuốn theo cơn lốc thời cuộc và dám làm dám chịu, lên voi xuống ngựa và vẫn trường tồn vì vai trò đảm đang chịu thương chịu khó của những người phụ nữ trong nhà. Đó là gia đình ông Nguyễn Văn Chỏi.

Ông Chỏi thuộc thế hệ thứ tư họ Nguyễn, sinh năm 1886. Ông sinh ra và lớn lên khi miền Nam đã thành thuộc địa của Pháp với tên Cochinchine. Vì trước ông, anh chị đều "sút nôi" nên cha mẹ ký gửi ông cho một thầy Miên và được đặt tên là Chỏi. Học hết bậc tiểu học, ông làm viên chức xã ở làng Bình Hòa, là ủy viên tài chánh nên gọi là Xã

Chỏi. Sau đó ông trúng cử Bang biện tổng Bình Trị Thượng (theo lời ông phải tốn 5 ngàn đồng, thời giá lúc đó xe du lịch chỉ khoảng 2 ngàn).

Sách *Gia Định xưa và nay* của tác giả Huỳnh Minh xuất bản năm 1973 viết về ông như sau: *"Ngôi đình Bình Hòa ngày nay chúng ta thấy được đồ sộ, có ngăn nắp từ trong ra ngoài, một phần lớn nhờ ông Bang biện Nguyễn Văn Chỏi đóng góp rất nhiều về tài chánh cũng như công cán. Từ ngày khởi xướng xây cất lại ngôi Đình thì có mặt ông thường xuyên. Ông được đồng bào địa phương cảm mến đức độ và sự liêm khiết của ông. Lúc bấy giờ dân chúng mới bầu ông làm Hội trưởng kể từ 1946 đến 1951 thì ông mãn phần, năm ấy ông 81 tuổi"* (trang 320).

Theo gia đình, ông Nguyễn Văn Chỏi chính thức giữ chức vụ Hội Trưởng Ban Quí Tế Đình Thần Bình Hòa từ năm 1953. Trước đó, ông tiếp tục nhiệm vụ của thân phụ là ông Nguyễn Văn Ban làm Thủ Chỉ Làng Bình Hòa từ năm 1902. Ông mất năm 1961, thọ 76 tuổi, không như trong sách nêu.

Khi tại chức, trong một vụ bắt bạc, ông lỡ tay bắn chết một bang trưởng người Hoa ở Gò Vấp nên bị bãi chức và suýt bị tù. Sau đó ông trở thành nhà doanh nghiệp có xe đò chạy lộ trình Chợ Lớn - Đức Hòa, Mỹ Tho - Bến Tre, Bà Rịa - Long Hải, Phước Hải. Ông còn khẩn ruộng ở Cà Mau, khẩn đất ở Thị Vải thuộc Bà Rịa. Vào những năm 20, ông trở thành cự phú vùng Gia Định, nhà có xe hơi (kể cả xe Amica Corse cho con trai mới 16 tuổi), ghe máy (ghe bầu), ngựa đua. Sau nhà ông có sân quần vợt, về sau cất thành hai dãy phố ngói. Ông còn là Hội viên sáng lập và cầu thủ đội Ngôi sao Bà Chiểu - Gia Định.



Bức Hoành phi thếp vàng có hàng chữ Cao thăng viễn vọng , đã có trong gia đình gần 90 năm nay.





Ông Nguyễn Văn Ban, cha ông Nguyễn Văn Chỏi. Ông Bang biện Nguyễn Văn Chỏi

Đầu thập niên 30, ông Chỏi và ông Trần Văn Hạnh, y sĩ Đông Dương bảo lãnh nợ ngân hàng cho một người bạn trong Hội đồng quản hạt và khi ông này phá sản thì ông Chỏi cũng mất hết sản nghiệp. Lúc đó, ông chỉ còn 10 mẫu đất mới khẩn ở vùng Thị Vải nhờ người em có quốc tịch Pháp đứng tên nên mới giữ được.

Rồi chiến cuộc tràn lan, kinh tế loạn lạc. Đến năm 1946, Việt Minh tiêu thổ kháng chiến đốt hết nhà ở Thị Vải, ông bỏ về Bình Hòa sống với bản án địa chủ của Việt Minh. Đến đầu thập niên 1950, tình hình an ninh vùng phụ cận Sài Gòn tốt hơn, ông lo phục hồi các nơi thờ phượng đã đổ nát, hoang phế vì chiến cuộc. Ông đã bỏ nhiều công của xây dựng đình Bình Hòa khang trang như ngày nay.

Con ông là Bà Nguyễn Thị Nam sinh 1905, giáo viên trường Nữ công Gia Định nằm trong khuôn viên trường Chi Lăng ngày nay. Bà sống độc thân, nuôi dưỡng cha và đàn cháu. Rất khéo việc bếp núc làm bánh trái, sống bình dị và cần kiệm. Ngoài việc đi dạy, bà còn buôn bán

nữ trang đá quý. Đến năm 1959, trước khi cha là ông Chỏi mất, bà còn cất lại được căn nhà của ông lúc đó đã mục nát. Về hưu, bà theo đạo Cao Đài trong giáo phẩm Phối Sư. Thánh danh là Hương Nam.

Con trai ông Chỏi, em bà Nguyễn Thị Nam là Nguyễn Văn Trường sống một cuộc đời khá độc đáo. Ông Trường là con trai duy nhất của ông Chỏi nên rất được yêu thương chiều chuộng. Bà nội của ông không muốn rời xa cháu nên ông không được ra học ở Hà Nội như những con nhà giàu thời bấy giờ.

Sau khi đậu được bằng C.E.F (Certificate d'etude primaire - Tiểu học Pháp) năm 16 tuổi, tuy muộn mằn nhưng ông vẫn được thưởng chiếc xe hơi thể thao Amica course và súng săn. Ông ham chơi thể thao, mê chơi banh đến gẫy xương chân. Muốn chơi quần vợt thì cha cho làm sân ngay sau nhà mà chơi. Rồi đi săn bắn...

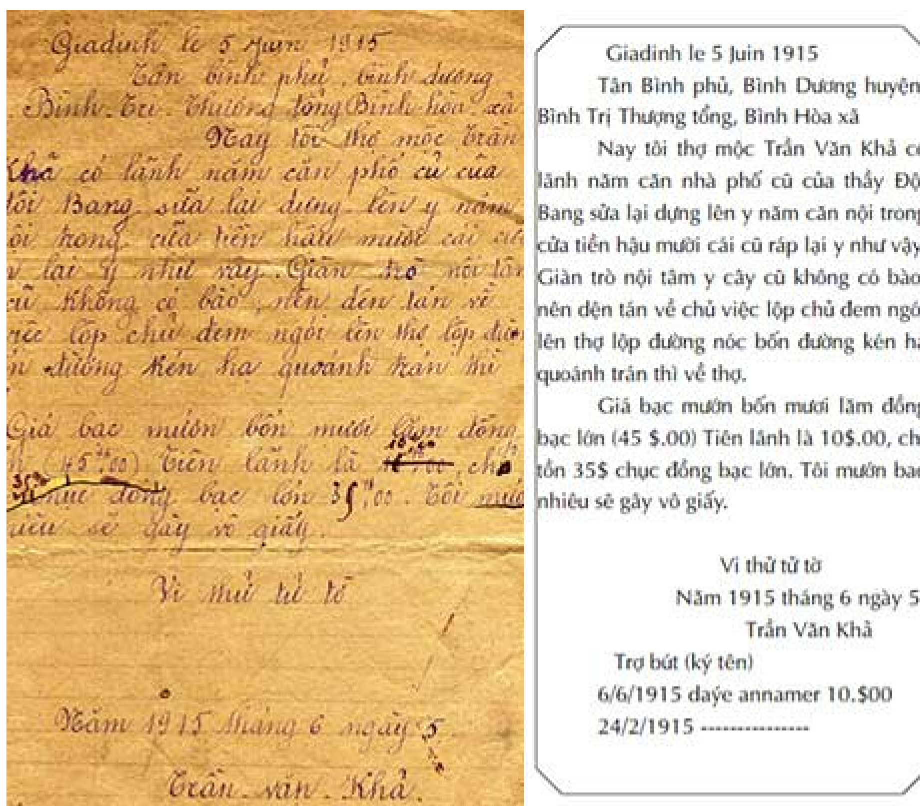
Ông Trường lập gia thất (1932) thì cảnh nhà đã sa sút. Ông lấy vợ là bà Huỳnh Thị Bởi, gốc gác họ Từ Tấn ở Bình Định có quan hệ với nhà Nguyễn Tây Sơn nên vào Nam đổi thành họ Huỳnh. Ông đi làm cho các hãng tư như Bachaud frères, Descours Cabaud, Lò sát sinh Chánh Hưng... Năm 1945, ông tham gia Thanh niên Tiền phong nên bị Công an bắt và khi được thả về năm 1947 thì thất nghiệp, xuống sức. Đến 1949, ông mua chiếc xe vận tải nhẹ hiệu Renault để chở hàng thuê các loại cá tươi, nước đá, bia, nước ngọt... Sau đó ông mở chi nhánh dạy lái xe ô tô tại nhà.



Ban quý tế Đình thần Bình Hoà. Ông Nguyễn Văn Chỏi bận áo the đen đứng giữa.



Đội bóng Ngôi Sao Gia Định trước 1945, chụp chung với các cầu thủ đội bạn. Ông Nguyễn Văn Chỏi, tham gia sáng lập và làm cầu thủ một thời gian đầu đội bóng này (ông ở hàng giữa, thứ ba từ trái qua)



Giadinh le 5 Juin 1915

Tân Bình phủ, Bình Dương huyện, Bình Trị Thượng tổng, Bình Hòa xã

Nay tôi thợ mộc Trần Văn Khả có lãnh năm căn nhà phố cũ của thầy Đội Bang sửa lại dựng lên y năm căn nội trong cửa tiền hậu mười cái cũ ráp lại y như vậy. Giàn trò nội tâm y cây cũ không có bào, nên dện tán về chủ việc lộp chủ đem ngói lên thợ lộp đường nóc bốn đường kén hạ quoành trán thì về thợ.

Giá bạc mướn bốn mươi lăm đồng bạc lớn (45 $.00) Tiên lãnh là 10$.00, chỉ tồn 35$ chục đồng bạc lớn. Tôi mướn bao nhiêu sẽ gây vô giấy.

Vi thử tứ tờ

Năm 1915 tháng 6 ngày 5.

Trần Văn Khả

Trợ bút (ký tên)

6/6/1915 daýe annamer 10.$00

24/2/1915 ---------------

Biên nhận việc sửa nhà cho ông Nguyễn Văn Chỏi cách nay gần 100 năm

Thời gian này, các sòng bạc Kim Chung, Đại Thế giới hoành hành ở Sài Gòn và thu hút mọi người từ giới làm ăn có tiền đến kẻ phu phen và ông Trường không thoát ra khỏi ma lực của nó. Tiền bạc của ông làm được ra đi dần dẫn đến bán xe, nợ nần...

Tuy vậy, nhờ có bà chị Nguyễn Thị Nam thương cha và các cháu nên đã đứng ra lo toan hết chuyện chi xài trong nhà. Lúc ấy, mỗi tháng cả nhà với 10 miệng ăn tốn hết một bao gạo 100kg, mỗi ngày tốn 10$ tiền chợ. Có hôm bà Nam trước khi đi dạy để lại trên bàn 10$, vợ chưa cất thì ông đã lấy đi đánh số đề thua sạch, cả nhà đành ăn cơm với nước tương. Bà chịu thua trước cá tính của ông chồng. Nợ nần chồng chất,

đến năm 1955 bà phải bán 4 mẫu ruộng di sản của cha ruột bà để lại mới sạch nợ. Ngay nơi bàn ăn, bà ghi hai câu thơ:

Hẹn nợ lắm khi trào nước mắt

Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi

Đầu thập niên 1950, ông Chỏi nhờ bạn là Đốc phủ Hồ Quang Hoài đưa ông Trường vào làm Cơ quan tiếp liệu toàn Đông Dương (Salle Dépot). Bây giờ lương và phụ cấp của ông trên 5 ngàn đồng. Gia đình bớt túng quẫn thì ông có vợ thứ vào năm 1951 là một bà gốc Hoa. Bà Nguyễn Thị Nam giận em trai, không ăn cơm chung nữa. Lúc này ông có chiếc xe hơi nhỏ hiệu Rose en gas nhưng đến trận bão năm Thìn 1952 thì gốc me nơi đậu xe đổ đè bẹp nó. Sau đó, ông mua một chiếc Citroen mới tiếp tục làm việc đến các chành gạo, kho thực phẩm để nhận hàng gửi đi các nơi như Côn Đảo, Phú Quốc, Đà Nẵng, Hải Phòng…



Ông Nguyễn Văn Trường bên xác voi vừa săn được

Đến năm 1954, một biến cố xảy ra với ông đốc phủ Hồ Quang Hoài khiến ông này lánh ra nước ngoài nên ảnh hưởng đến công việc của ông Trường. Ông Trường thuyên chuyển về tòa Hành chánh tỉnh Gia Định và làm việc đến nghỉ hưu. Vốn mê săn bắn từ hồi trai trẻ, có lúc đi săn ở Bình Tuy ông Trường bị ai đó bắn gãy cả hai chân, nằm bệnh viện hai tháng. Đến khi đã về hưu, chiến cuộc đang khốc liệt, ông lại vác súng săn lên đường. Và ông mất tích trong một buổi đi săn ở Đồng Xoài, Phước Long chỉ vài ngày trước khi xảy ra trận chiến Bình Long - An Lộc khốc liệt.

Khi đến thăm nhà, tôi ngắm tấm hình của ông Trường trên bàn thờ, là gương mặt một người đàn ông tráng kiện, đầy đặn, có vẻ vui tính và lịch lãm.

Trải qua những biến cố trong gia đình, gia đình này vẫn giữ được ngôi nhà trong khoảng sân lớn nay đã cất thêm vài căn cho con cháu ở. Các con của ông Trường là thế hệ thứ sáu, có người đã mất và những người khác sống ở nước ngoài vẫn thường về chơi. Một người đã kỳ công lập nên cuốn gia phả dòng họ rất quý báu để kể lại chuyện sống qua hai thế kỷ của gia đình dòng họ Nguyễn.

Khu nhà với con cháu vây quanh, nên trong ngôi nhà chính không bao giờ thiếu bóng dáng đám trẻ nít, đứa nào cũng lanh lợi, tự tin như thể hiện trong vô thức bản lãnh sống trên đất nhà lâu đời của ông cha mình. Cô con gái của bà Gấm thỉnh thoảng vẫn viết trên facebook kể chuyện những ngày Tết vui trong ngôi nhà của gia đình, hay những lần đi viếng một ông bà tổ tiên, đầm ấm và đầy tự hào.

Nhà họ Nguyễn là một gia đình bình thường ở thành phố này, nhưng khi hiểu thêm qua cuốn gia phả, tôi thấy như sống lại lịch sử vùng đất Sài Gòn - Gia Định, qua lát cắt một gia đình.



Sau khi nghỉ hưu, bà giáo Nguyễn Thị Nam đã có thể đi du lịch khắp nơi. Bà đi Nhật, Hongkong và các nơi trong nước. Trong ảnh là chiếc xe đưa khách du lịch tham quan thành phố Huế, và tờ chương trình du lịch vẫn còn giữ được đến nay.

Ảnh trong bài: tư liệu của gia đình họ Nguyễn

CUỘC DU NGOẠN SAIGON-HUẾ ngày 4/6/60
do Nhà Hỏa Xa Việt-Nam tổ chức.

LỜI CẦN DẶN.-

Muốn cho cuộc du ngoạn được hào hứng và vui vẻ, Nhà Hỏa Xa Việt-Nam xin trân trọng lưu ý quý khách về những điểm sau nầy :

1o/-Trong cuộc du ngoạn quý khách nên luôn luôn đi với đoàn và theo đúng chương trình đã ấn định. Vị nào muốn tách rời khỏi đoàn xin cho Ban hướng dẫn biết trước.

2o/-Tại HUẾ quý khách đi xe cars nào, xin đi luôn xe ấy trọn ngày. Xin đừng đổi xe để tránh lộn xộn.

3o/-Trong lúc viếng cảnh, xin quý khách tuân theo hiệu còi của Ban hướng dẫn để chương trình được thi hành trọn vẹn trong thời gian ấn định.

4o/-Hành trình bằng xe cars tại HUẾ :

a)-Ngày 5/6/1960 ,- 21g25, khi chuyến xe số 4 tới HUẾ đưa du khách từ Ga HUẾ đến khách sạn nghỉ đêm.

b)-Ngày 6/6/1960 - 6g00, đưa du khách từ khách sạn đến Câu Lạc Bộ HUẾ.

6g30 - Du khách điểm tâm tại Câu Lạc Bộ.
7g00 - Đưa du khách đi viếng cảnh : Đại Nội - Viện Bảo Tàng - Chùa Linh Mụ - Lăng Minh Mạng.
11g30 - Đưa du khách về Câu Lạc Bộ.
12g00 - Du khách dùng cơm trưa tại Câu Lạc Bộ.
13g00 - Đưa du khách từ Câu Lạc Bộ về khách sạn nghỉ trưa.
14g00 - Đưa du khách đi hóng mát tại bãi biển THUẬN-AN.
18g00 - Đưa du khách về khách sạn tắm rửa thay đồ.
~~19g00 - Đưa du khách từ khách sạn đến Câu Lạc Bộ.~~
19g30 - Du khách dùng cơm chiều tại Câu Lạc Bộ.

6o/-Khi xe lửa ngừng tại các Ga, quý khách không nên xuống xe, nhất là tại các Ga nhỏ, đoàn xe suốt chỉ ngừng có một phút, để khỏi xảy ra nhỡ chuyến xe.

7o/-Trên xe lửa mỗi khi quý khách cần dùng gì như mở cửa, đóng cửa, mua đồ vật v.v... xin gọi Tùy dịch.

8o/-Mỗi khi quý khách thấy khó chịu, mệt nhọc xin cho Ban Y-Tế biết ngay.

9o/-Trên xe lửa cũng như tại Câu Lạc Bộ HUẾ, nhà thầu bữa ăn đã được chỉ thị tiếp tế đầy đủ quý khách về thực phẩm.



Nếp nhà xưa của dòng họ Nguyễn ở Bình Thạnh vẫn còn giữ đến ngày nay.



Nghĩa trang riêng của dòng họ từ đầu thế kỷ 18.





Tranh Thái Công điếu vị vẽ bằng thuốc nước, là quà tặng tân gia nhà ông Nguyễn Văn Chỏi năm 1935. / Cặp ngà có từ thời ông Sơ tổ 200 năm trước, vẫn còn lưu giữ trong nhà ông Nguyễn Văn Luận, dòng họ Nguyễn đời thứ 5.

Trường Nữ Công Gia Định

Đây là Trường dạy môn nữ công, gia chánh cho nữ sinh được chính quyền thuộc địa thành lập khoảng thập niên 1940 hoặc có thể sớm hơn, nằm trong khuôn viên trường Chi Lăng ở khu vực Bà Chiểu thuộc quận Bình Thạnh (nay là trường cấp 2 Hà Huy Tập trên đường Phan Đăng Lưu, cạnh Đại học Mỹ thuật TPHCM).

Theo ký ức của các bậc lão niên ở Ngã tư Bình Hòa, thời điểm 1946-1952, Hiệu trưởng là bà Gauzé (người Pháp) và ban đầu có hai giáo viên, cô Lê Thị Tài (còn gọi là Ba Tài) và Cô Nguyễn Thị Nam (cô Hai Nam). Cô Ba Tài dạy thêu may, cô Hai Nam dạy nấu nướng, làm bánh mứt và các việc bếp núc kể cả phương pháp chọn lựa thức ăn khi đi chợ.

Năm 1952 bà Gauzé về hưu, người kế nhiệm là bà Huỳnh Hữu Hội. Bà Gauzé và bà Huỳnh Hữu Hội kiêm nhiệm hai chức hiệu trưởng Trường Nữ công và Trường Nữ Tiểu học Gia Định (Ecole des filles de Gia Định). Trường còn quản trị một Ấu Trĩ Viện Gia Định, tiền thân của lớp Mẫu Giáo sau nầy. Khoảng cuối thập niên 1950 (?), khi bà Hội được bổ nhiệm Hiệu Trưởng Trường Nữ Trung Học Gia Long, Sài Gòn thì trường nữ công có hiệu trưởng mới, Bà Ngành (không rõ họ của bà), một giáo viên của trường Nam tỉnh lỵ Gia Định. Bà Ngành nổi tiếng là vị giáo chức nghiêm khắc nhất tỉnh Gia Định.

Khi thành lập, trường có tên là Ecole d’Enseignement Menager de Gia Định. Thời gian học tập 2 niên khóa, chứng chỉ tốt nghiệp gọi là Diplôme (!). Mỗi lớp độ trên dưới 30 học sinh. Điều kiện dự tuyển phải có bằng Tiểu học (Certificat d’etude primaire complementaire d’Indochine, viết tắt là CEPCI). Ngoài các môn học về nữ công gia chánh, còn có các môn như Luân lý, Văn, Sử Địa... nhưng “nhẹ” hơn chương trình trung học. Trường dạy học sinh các kỹ năng nấu ăn, làm bánh mứt, tỉa hoa quả, may, thêu. Mỗi giáo viên phụ trách một môn.

Học sinh đến từ các nơi trong vùng Sài Gòn – Gia Định. Nữ sinh đi học bận đồng phục với áo bà ba trắng, quần đen hay trắng, tóc tai được bới cao hay cột đuôi gọn gàng. Giáo viên toàn bộ là nữ và là người Việt, bận áo dài đủ màu sắc đi dạy. Bà Gauzé, hiệu trưởng là người Pháp duy nhất. Các giáo viên trong trường ngoài việc dạy học còn tham gia nhiều hoạt động khác như tham gia hoạt động từ thiện (lúc đó gọi là đi ủy lạo). Mỗi khi có tổ chức hội chợ, Ban Giám hiệu đem những sản phẩm do học sinh làm ra để triển lãm cho khách tham quan...

Đến 1975, Ngôi trường đặc biệt này bị giải tán.



Bà Gauzé (ngồi giữa) cùng các giáo viên.



Chính quyền đương thời đến thăm trường đầu thập niên 1960.



Lớp học khá rộng như một hội trường, trần cao và thoáng, đủ chứa hai dãy bàn theo chiều dọc bức tường cho học sinh ngồi đối diện nhau và một số bàn ghế cuối dãy cùng máy may.



Các Giáo viên chuẩn bị vật phẩm cứu trợ người nghèo.



Một trận thi đấu bóng bàn giữa các nữ sinh.

Hồ Con Rùa Không Có Rùa

Năm 1986, tôi ra Hà Nội và có người hỏi: Hồ Con Rùa trong ấy ra sao, có đẹp và giống hồ Gươm ngoài này không? Giải thích rằng Hồ Con Rùa là cách gọi khác của Công trường Quốc tế, thì bị nghĩ là nơi đang xây dựng công trình gì đó với cát gạch xi măng. Cuối cùng phải tả rõ là diện tích chỉ có bấy nhiêu, có cái trụ nở xòe hình bông hoa, bệ xi măng chạy vòng quanh, dưới có ít nước... Nghe xong, ai cũng buột miệng: *"Thế à, sao lại gọi là hồ nhỉ?"*. Nếu hỏi tiếp: *"Vậy con rùa ở đâu"* thì càng khó. Con rùa màu đồng đã thành bụi đất trước đó gần chục năm sau một vụ nổ. Chỉ còn con rùa trong cái tên.

Với các thế hệ tuổi trẻ ở Sài Gòn, Hồ Con Rùa là nơi lui tới gần gũi đáng yêu. Giở ảnh đen trắng trong các album gia đình ở Sài Gòn, thường có tấm hình một nhóm bạn gái ngồi từng cụm quanh các bệ xi măng tròn ốp gạch mosaic, bận quần ống loe, áo ôm.

Chắc chắn chụp xong mấy tấm hình, họ sẽ đi rảo quanh đó, ngắm lá me bay ở "con đường Duy Tân cây dài bóng mát" rồi ăn bò pía, ốc len xào dừa hay bắp nướng mỡ hành. Từ đó, lang thang lên khu tam giác đại học Đinh Tiên Hoàng gặp bạn bè, ra khu nhà thờ Đức Bà xem và mua thiệp Tết góc Hàn Thuyên...

Nhiều người ở tuổi trung niên, khi rời Sài Gòn vẫn nhớ khoảng trời thơ mộng khi không tiền trong túi, vậy mà vẫn vui khi ra ghế đá Hồ Con Rùa ngồi ngắm các cô chụp hình, con gái trường Việt bận áo dài và dân trường Tây thì bận đầm...

Tôi nhớ khoảng sau Tết Mậu Thân 1968, lúc bảy hay tám tuổi, theo anh cả đi mua sách ở Khai Trí trên đường về có ghé mua bong bóng ở đây. Bức tượng con rùa màu vàng trông như bằng đồng, đội trên lưng tấm bia cao có ghi tên một số quốc gia. Sau này đọc tài liệu mới biết Công trường này do ông kiến trúc sư Nguyễn Kỳ thiết kế và tên các nước viện trợ xây dựng Công trường được khắc trên tấm bia, có lẽ vậy nên mới gọi là Công trường quốc tế hay nôm na là "Đài quốc tế viện trợ". Nhìn từ xa, công trường là một khối kiến trúc hình thành một vòng xoay chung quanh, có một cái Tháp cao nhất ở giữa nhìn như một

bông hoa xòe ra. Có người lại cho là hình bàn tay đón nhận viện trợ. Bên cạnh tháp là một bệ tròn có cột trụ đỡ phía dưới, cắm thẳng vào một hồ nước cạn. Từ bệ tròn có một cầu thang dài đi xuống khá đẹp với mấy nhịp ngắt.

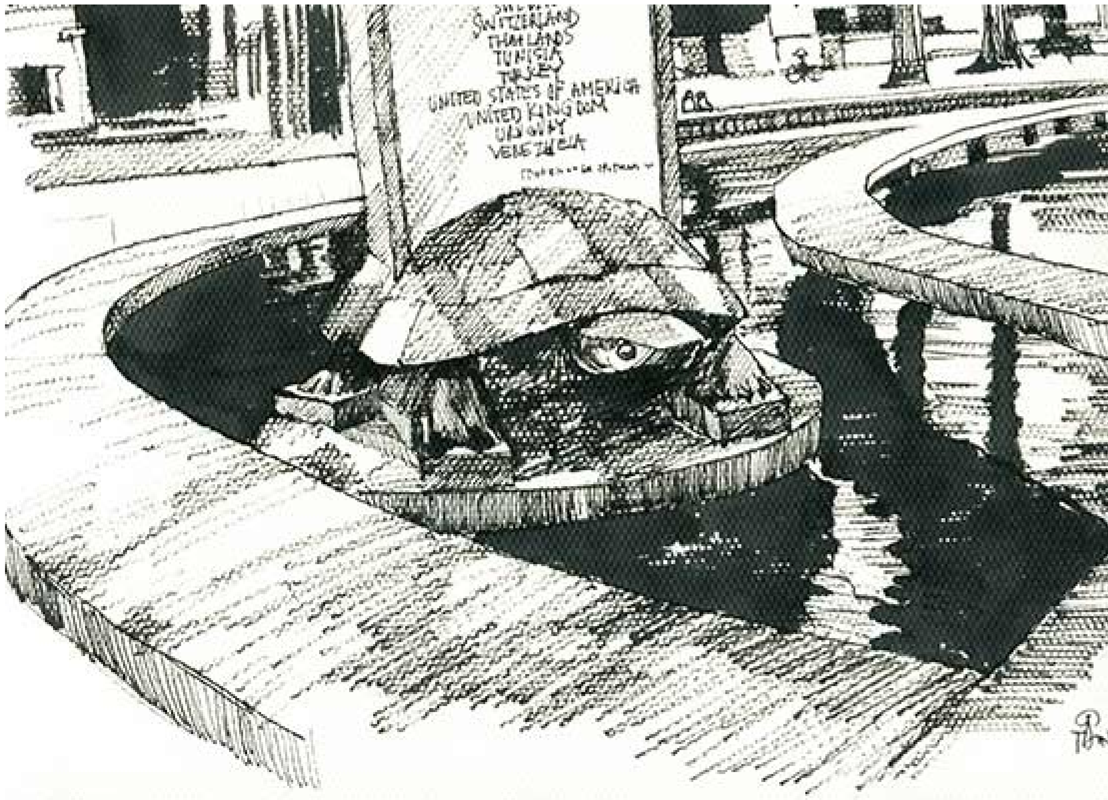
Buổi chiều đi ngang qua đó, cảm giác thật là mát mẻ khi nước dưới hồ được phun lên, nhiều cây cao chung quanh và không khí thoáng mát.



Ảnh: Nguyễn Đình

Tấm hình bưu thiếp xưa, có hình một cái tháp nước có kiến trúc rất đẹp ghi hàng chữ "Saigon - Le Château d'Eau" được vẽ lại bằng bút sắt bên cạnh được xác định là tháp nước nằm trong hệ thống nhà máy nước đầu tiên ở Sài Gòn. Ông Vương Hồng Sển trong Sài Gòn năm xưa cho đó là "một kỳ công kiến trúc". Tháp nước này được ghi nhận xây xong năm 1880 và bị phá bỏ năm 1921. Vị trí của nó chính là nơi có Hồ Con Rùa hiện nay. Sau 1921, Pháp cho xây ở đó Tượng đài Chiến sĩ Trận vong Đại chiến Thế giới lần thứ nhất – được dân gian gọi là "Tượng Ba hình" vì có tượng ba người lính, cho đến năm 1964 mới bị phá bỏ.

Hồ Con Rùa đến nay vẫn còn nhưng dường như không mấy khi được tu bổ. Trong mắt người viết sống từ nhỏ ở thành phố này, đây là một kiến trúc đẹp và đầy gắn bó với người dân thành phố từ nhiều năm qua với hình tượng thanh thoát, có nét riêng biệt. Nó trở thành một ký ức đẹp khó phai, và mong rằng sẽ không bị phá bỏ như đã từng xảy ra với một số kiến trúc xưa cũ khác ở Sài Gòn.



Bức tượng con rùa đội trên lưng tấm bia cao có ghi tên một số quốc gia viện trợ cho việc xây dựng Công trường này.



Tháp nước (château d' eau) ở công trường Marechal Joffre vào khoảng cuối thế kỷ 19 (vị trí Hồ con Rùa ngày nay)

Xe Điện Sài Gòn

Vài năm trước, trên một tờ nhật báo ở Sài Gòn có bài viết về xe điện Hà Nội và cho rằng *"Sài Gòn xưa và TP. HCM ngày nay chưa có hệ thống tàu điện"*. Bài báo lập tức bị phản ứng từ một độc giả gần chín mươi tuổi nguyên là nhân viên của Công ty xe điện Pháp tại Đông Dương khẳng định sự tồn tại của hệ thống tàu điện, hay thường được gọi là xe điện Sài Gòn trước năm 1945.

Chú Lý, nhân viên một ngân hàng của Sài Gòn trước đây kể thêm cho người viết những điều tai nghe mắt thấy về hệ thống xe điện Sài Gòn. Điều đáng nói là hệ thống này tổ chức khá tốt, các tuyến lan tỏa đi chung quanh thành phố khá thuận lợi cho người dân cần di chuyển với giá rẻ nhưng chu đáo và thuận lợi.

Trước năm 1945, chú Lý theo ông anh vô Chợ Lớn. Lúc đó xe điện đang phổ biến. Hai anh em lên xe đi từ đường Galliéni (Trần Hưng Đạo). Xe chạy suốt con đường này từ Sài Gòn vô Chợ Lớn mà hai trạm chính là ga Nancy (Nguyễn Văn Cừ bây giờ) và ga Arras (đường Cống Quỳnh).

Lúc đó, có lẽ do hình dáng na ná với xe lửa đầu máy hơi nước chạy tuyến Sài Gòn - Đà Lạt hay Sài Gòn - Mỹ Tho (do Sở Hỏa xa Đông Dương quản lý), xe điện ở Sài Gòn cũng được dân chúng gọi là "xe lửa". Tuy vậy, xe điện hình dáng thon gọn hơn, màu sơn đẹp hơn. Trên đầu xe có cái cần câu điện bằng thép cao khoảng hai mét hình chữ U lật ngược, khi xe chạy thì rà theo đường dây điện chạy dọc theo đường rầy, xẹt ra tia lửa xanh xanh đỏ đỏ vui mắt. Chiếc xe chỉ có mỗi một toa, vừa là đầu máy vừa là toa chở khách. Toa xe có hai đầu, không có đuôi. Hai bên thành xe còn có hình quảng cáo, phổ biến nhất là: "Một viên Cửu Long Hoàn bằng 10 thang thuốc bổ" của nhà thuốc Võ Văn Vân, thuốc dưỡng thai Nhành Mai, dầu khuynh diệp Bác sĩ Tín và kem đánh răng Hynos anh Bảy Chà có hình anh da đen nhe hàm răng trắng bóc. Bên trong xe có hai dãy ghế bằng gỗ nằm dọc theo chiều dài xe. Khoảng trống ở giữa khá rộng nên mọi người đa số là giới bình dân, kẻ đứng người ngồi chồm hổm. Xe chạy khá chậm, sắp tới trạm nào thì kêu leng keng vui tai.



Hình ảnh xe điện Sài Gòn ở Đại lộ Galliéni (Trần Hưng Đạo) trước 1945, in trên bưu thiếp xưa.

Khách lên xe phải mua vé bằng tấm bìa cứng màu xanh đậm hình chữ nhật khổ cỡ ba phân, dài sáu phân. Lên xe đưa cho nhân viên soát vé, họ sẽ xé ở một cạnh một hình tam giác, coi như vé đã dùng xong. Chú Lý lúc đó còn trẻ con thủ ngay vào túi vì đó chính là thứ đồ chơi phổ biến của con nít Sài Gòn, đứa nào cũng thích sưu tầm cả xấp để chơi tạt giấy. Đặc biệt là vé mua ở ga nào thì có hình biểu trưng (logo) của ga đó vẽ trên một tấm bảng trắng bằng kim loại tráng men, theo kỹ thuật làm đồ pháp lam vốn chịu được mưa nắng nhờ lớp men phủ bảo vệ kim loại bên trong. Chú Lý nhớ ga Sài Gòn có hình biểu trưng là con cò trắng, ga An Bình có hình con khỉ, ga Arrat Cống Quỳnh hình... cây cào cỏ và ga Chợ Lớn có hình... cái xe bồ ệch. Vào trong xe, khách có thể thấy một ông tài xế luôn lái xe trong tư thế đứng (có lẽ để dễ quan sát), làm nhiệm vụ giật cái gọng xe điều khiển xe dừng lại hay chạy tới. Sau lưng ông tài xế có một cái bảng bằng men trắng chữ đen ghi rõ bằng ba thứ tiếng Pháp, Quốc ngữ và chữ Nôm. Nội dung “Xin đừng nói chuyện với người coi máy”. Do có hai đầu, khi xe đi theo chiều ngược

lại, ông tài xế trở qua đầu kia và lái tiếp.

Do xe điện chạy với tốc độ chậm, khách trên tàu thường nhảy ra ngoài khi nó chạy gần vào ga. Kinh nghiệm là lúc đó phải bước xuống bậc thấp nhất, quay đầu nhìn về phía cuối xe và bước xuống. Lần đầu nhảy, chú Lý bị chúi nhủi về phía trước và suýt tông vào cột điện.

Theo ông Phụng Nghi, trong cuốn *Sài Gòn trong mắt tôi* xuất bản tại hải ngoại thì Sài Gòn có các tuyến xe điện sau:

Tuyến *xe lửa mé sông* chạy từ Sài Gòn đến Bình Tây, dọc theo các đường Bến Chương Dương, Bến Hàm Tử, đường Trần Văn Kiểu (theo mé sông Sài Gòn, rạch Bến Nghé, kinh Tàu Hủ, kinh Bến Nghé)

Tuyến *xe lửa giữa* (vì nằm giữa hai tuyến nội đô) có lộ trình từ Boulevard de la Somme (Hàm Nghi), gần mé sông Sài Gòn chạy theo lộ trình Boulevard de la Somme, Galliéni (Trần Hưng Đạo A), Marins (Trần Hưng Đạo B), Tổng đốc Phương (Châu Văn Liêm), Bonhoure (Hải Thượng Lãn Ông) qua các ga Cuniac, Arras, Nancy, An Bình, Jaccaréo, Rodier.

Tuyến *Sài Gòn - Phú Nhuận* theo lộ trình: Đường Bonard (Lê Lợi), Paul Blancy (Hai Bà Trưng), qua Cầu Kiệu, đến chợ Xã Tài, nay là chợ Phú Nhuận.

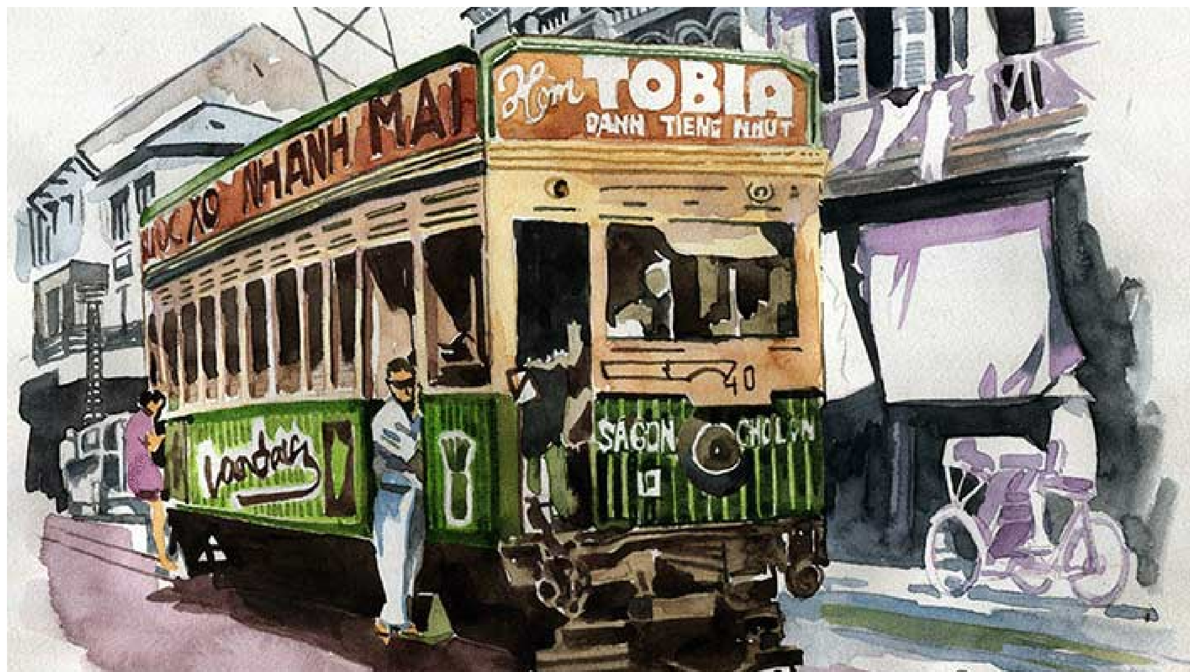
Tuyến *Sài Gòn - Hóc Môn* qua các ga Đa Kao, Bà Chiểu, Bình Hòa, Gò Vấp, Hạnh Thông Tây, Chợ Cầu, Quán Tre, Trung Chánh.

Tuyến *Sài Gòn - Lái Thiêu - Búng* (nay thuộc Bình Dương).

Hệ thống này do Công ty xe điện Pháp tại Đông Dương CFTI (Compagnie Francaise des Tramways de l' Indochine) đảm trách và từ năm 1896 bắt đầu khởi công. Nhưng cho đến cuối năm 1912 từ các toa xe sử dụng đầu máy hơi nước mới chuyển sang các toa xe chạy bằng điện (voitures à l' électricité), kể từ đó dân chúng mới gọi là xe điện.

Năm 1914, tuyến đường xe điện đi từ Sài Gòn qua chợ Bến Thành rồi đi dọc theo đường Galliéni vào Chợ Lớn (Trần Hưng Đạo) (như hình) mới có. Xe điện tồn tại đến thời ông Diệm thì bị dẹp. Lúc đó dư luận Sài

Gòn cho rằng các ông trong chính phủ làm kinh doanh - mở hãng taxi - nên dẹp xe điện. Nhiều người nghèo luyến tiếc một phương tiện giao thông thân thiện vì rẻ và tiện lợi.



Hai bên thành xe điện cách nay gần trăm năm đã được tận dụng để quảng cáo các sản phẩm gia dụng và cả... quan tài của hãng Tobia.

Bến Xe Thổ Mộ

Những năm Trung học ở trường Nguyễn Thượng Hiền trước 1980, tôi có dăm người bạn từ một vùng có cái tên ngộ nghĩnh là Bà Quẹo về học. Đó là một vùng quê yên tĩnh, vắng vẻ, nhiều cây cối, lắm ngõ đương đất len lỏi giữa những bụi tre trúc dày đặc. Mấy đứa bạn Bà Quẹo, với giọng miền Nam chân chất, mang không khí thôn dã nơi mình sống vào lớp. Tụi nó kể về những món ăn cơm ngon lành như đầu cá thác lác kho nước dừa ăn rất hao cơm, rồi kể chuyện đi tìm bắt ngay tại sân nhà những con rắn mối về nướng lên, thịt trắng ngon hơn thịt gà. Chuyện đi bắt dế cơm to bằng ngón tay, bằng cách bắt kiến đen bỏ xuống hang, dế chịu không nổi chui lên. Có cả chuyện mùa hè sáng dậy sớm bắt ve sầu từ đất chui lên, mình toàn sữa, chiên ăn thật là đã! Một đứa khác thích đi chơi nhưng luôn về sớm, vì còn phải đan giỏ cần xé.

Một đứa khác khoe có ba đánh xe ngựa, hay chở nó đi học mỗi ngày hồi còn nhỏ.

Những điều đó thật lạ lẫm. Những năm học cấp 3 là thời gian hoa mộng và lãng mạn. Trong lớp có những đứa bạn nói tiếng Anh giỏi, biết chơi piano, mê nhạc Cung Tiến, Từ Công Phụng, Phạm Duy... Tôi mải mê đọc truyện của Stendhal, truyện ngắn Tchekhov, Gogol... nhưng những câu chuyện về một vùng quê sát nách thành phố luôn giục giã tôi. Tôi không bỏ qua một cơ hội đạp xe về Bà Quẹo chơi. Có những chiều trở về sau một trận banh, thấy có những chiếc xe thổ mộ chạy lóc cóc trên con đường Lê Văn Duyệt hướng về chợ. Một buổi sáng sớm, đi cắm trại ngang qua khu chợ lập lòe đèn của những năm sau 1975, thấy bóng dáng to lớn của những con ngựa bồn chồn đứng đợi chất hàng lên xe. Thành, bạn tôi kể trong hai năm 1979 và 1980, nếu dậy sớm từ hai giờ rưỡi sáng, ra đường là thấy mấy chiếc xe ngựa đi từ bến thổ mộ Bà Quẹo và xa hơn nữa là Hóc Môn đổ hàng xuống ở gần Cư xá Tự Do, khoảng giữa ngã tư Bảy Hiền và chợ Ông Tạ. Trong ánh đèn chai leo lét treo hai bên thành xe, dân buôn đưa hàng nông sản xuống, có gà, heo bó trong mấy cái bu đan bằng tre, rau quả trong các giỏ cần xé. Đến năm giờ sáng, mấy chiếc xe ngựa lên ngã ba Ông Tạ và tiếp tục đổ xuống rau củ cho bạn hàng bán lẻ chợ Ông Tạ. Thỉnh thoảng có mấy chiếc xe bò đi qua, chai đèn treo dưới gầm xe. Xe bò chở lu khạp, thường đổ hàng xuống chợ Tân Bình.



Bạn bè gặp lại nhau tóc đã hoa râm, nhắc lại thời đi học và cái bến xe quen thuộc. Chỗ ngã tư đường Lạc Long Quân và Âu Cơ bây giờ, năm 1970 trở về trước chỉ là hai con đường đ□t đỏ giao c□t nhau với tên gọi Hương lộ 14 (Lạc Long Quân) và Hương lộ 15 (Âu Cơ). Bến xe ngựa, thường gọi là bến xe thổ mộ nằm ngay ngã tư này. Đã có cả trăm chiếc xe ngựa hoạt động ở đây, mỗi xe chỉ do một con ngựa kéo. Bến xe hoạt động r□m rộ hàng ngày từ nửa đêm cho đ□n 12 giờ trưa ngày hôm sau, r□i trả lại sự v□ng lặng tĩnh mịch cho con đường quê từ đầu giờ chi□u đ□n nửa đêm. Theo quy luật hoạt động của các phiên chợ quê, mọi người thường họp chợ r□t sớm.

Bến xe thổ mộ tại chợ Bà Quẹo ngưng hoạt động năm 1972 khi chánh phủ có chương trình hỗ trợ thay thế những chiếc xe ngựa thô sơ, hiện đại hóa các phương tiện di chuyển. Một người bạn khác kể rằng ba của anh được giúp chuyển đổi thành tài xế xe Lambro ba bánh. Hai bên thành xe của ông có ghi rõ hàng chữ “Thay thế mã xa”. Xe ngựa bị cấm cho đến 1975. Sau đó, do khan hiếm nhiên liệu, những chuyến thổ mộ lại được tái lập một thời gian cho đến khi mất hẳn.

Trong số các bức ảnh chụp quang cảnh Sài Gòn đầu thế kỷ 20, nhiều bức có hình ảnh chiếc xe ngựa bên cạnh các dinh thự kiểu Tây. Đến cuối thế kỷ vừa qua, xe ngựa vẫn hiện diện rồi dần lụi tàn. Cùng với những chiếc ghe đưa hàng từ dưới miền Tây lên, xe ngựa cung cấp cuộc sống đủ đầy cho dân Sài Gòn - Gia Định. Đó là dĩ vãng, một dĩ vãng rất đẹp.

Tôi thích nhìn hình ảnh chiếc xe ngựa, với dăm giỏ cần xé buộc hai bên, mấy người phụ nữ quấn khăn, mặc áo bà ba và một hai chú bé đi học ngồi vắt vẻo. Những hình ảnh gợi lên một không khí sống thanh bình, đơn sơ và cần cù, đầy tương phản với dáng hình phố thị Sài Gòn chung quanh nó.



Hồi còn nhỏ, mỗi khi má tôi muốn cho cả nhà ăn chả lụa, mà người Bắc gọi là giò lụa, tôi phải lấy chiếc xe cà tàng đạp lên chợ Ông Tạ để mua. Mỗi lần như vậy, thế nào tôi cũng la cà nhà bạn bè ở quanh khu ấy cho đã rồi mới về. Có lần, vào nhà đứa bạn trong hẻm Vinh Sơn gần đó, tôi được mời nếm thử thịt cầy, được xem là đặc sản ở đây. Ăn xong một miếng, tôi về không dám kể cho má nghe vì bà kiêng món này.

Hơn ba mươi năm trôi qua, khi có dịp tụ lại với nhóm bạn cũ, chúng tôi lại nhắc về ngã ba Ông Tạ. Mấy người bạn ở xứ người nhớ rõ nhất, từng chi tiết. Dường như đối với họ, sau bao nhiêu năm được đậy điệm trong một góc tâm hồn, những kỷ niệm cũ còn nguyên không chút sứt mẻ. Một trời kỷ niệm nơi Hẻm Khuông Việt, Ngõ Cổng Bom, đám tang tướng cướp Sơn Đảo đông nghịt người. Lại còn rủ nhau về ăn bún mọc Bà Hân, cháo huyết rạp Đại Lợi, chả lụa Tuyết Hương như hồi đi học... Những giấc mơ tưởng chừng đơn giản sao mà khó thế ở tuổi năm mươi hoa râm.

Người gốc Bắc vào Sài Gòn từ 1954 bảo nhau, ở Sài Gòn có hai khu người Bắc vào sống rất đông, là Xóm Mới ở Gò Vấp và khu ngã ba ông Tạ. Và họ đồng ý với nhau rằng cư dân ngã ba Ông Tạ sống thanh lịch hơn, biết ăn biết mặc và chăm chú chuyện học hành nên có nhiều người thành danh... Những năm mới ra trường và đi làm, lúc đất nước còn rất nghèo, gần Tết tôi lại chạy lên khu Ông Tạ, ngắm không khí nhộn nhịp nơi đây. Ban ngày có hàng đống lá dong được bày ra lề đường để bán cho nhà nào muốn gói bánh chưng. Buổi tối tháng Chạp, ngay góc ngã ba, hiệu nữ trang sáng trưng đèn chiếu xuống rực rỡ những vòng kiềng, dây chuyền óng ánh...

Ngã ba ông Tạ lúc đó như cố lưu giữ những ngày nhộn nhịp lúc thịnh vượng nhất những năm 1960. Trong mùi hương trầm, thoảng cả mùi thuốc thơm ấm nấu trong siêu từ nhà thuốc Ông Tạ bay ra... Tôi nhớ đứa bạn cũ cùng thích làm đồ thủ công trong căn nhà bên bờ rạch Nhiêu Lộc ngay cầu Ông Tạ, và một đôi mắt con gái dưới hàng mày rậm trong hẻm Vinh Sơn. Những ký ức đẹp, thơm ngát ấy còn dịu nhẹ trong

lòng.

Nằm gần ngã ba Ông Tạ, lối vào hiệu thuốc nam Trần Thái Đường là một cái cổng nhỏ đường Phạm Văn Hai, quận Tân Bình với bảng hiệu phải đứng bên kia đường mới xem rõ. Khu Ông Tạ quanh đó đã thay đổi rất nhiều, các gia đình người Bắc vào đây từ 1954 đã dần ra nước ngoài sinh sống. Những hàng thịt cầy nổi tiếng ở đây không còn mấy. Tuy nhiên, khi bước vào khoảng sân trong của Trần Thái Đường, thời gian phong kín lại như cách nay mấy chục năm. Vẫn là mùi thuốc tỏa ra thơm ấm, ngôi chùa nhỏ Thánh Thọ kế bên nằm trong khuôn viên vẫn sáng nhang đèn. Từ hơn nửa thế kỷ trước đến nay, Phòng khám Trần Thái Đường vẫn khám chữa bệnh, bốc thuốc Đông y. Như còn thấy cảnh tấp nập người ra kẻ vào từ sáng sớm cho đến tối mịt như hồi thầy thuốc chủ trì là ông Trần Văn Bỉ còn sống. Nhiều khách đến khám bệnh từ miệt Cà Mau lên, từ ngoài Trung vào, ở lại để chữa dứt hẳn rồi mới trở về.

Không mấy người Sài Gòn, trừ dân địa phương, biết phòng thuốc này là nơi phát tích cái tên ngã ba Ông Tạ, rồi chợ Ông Tạ, cầu Ông Tạ.

Trước năm 1947, ngã ba này thuộc làng Tân Sơn Hòa, dân quanh vùng gọi là Ngã ba Tháp do ở đó có một tháp canh do người Pháp dựng lên để kiểm soát con đường từ miệt Tây Ninh, Củ Chi vào Sài Gòn. Lúc đó, chung quanh còn cây cối thưa thớt, ngã ba là bãi đất trống chỉ có mỗi cái chùa nhỏ tên Thánh Thọ.

Năm 1947, chàng trai Trần Văn Bỉ 29 tuổi đến vùng đất này và mua miếng đất gần hai ngàn mét vuông. Ngôi chùa nhỏ Thánh Thọ nằm trong cuộc đất, rất phù hợp với anh vì anh là người tu hành theo Cổ sơ môn, một nhánh của Đạo Phật nơi Linh sơn cổ tự trên núi Bà Đen, Tây Ninh. Cũng nhờ thời gian sống trên núi học được nghề xem mạch bốc thuốc chữa bệnh bằng thuốc nam nên sau khi xuống núi, anh tiếp tục sở nguyện là mở chùa, chữa bệnh và mơ xa hơn là lập trường dạy trẻ nghèo. Anh đọc được sách thuốc chữ Hán, biết kết hợp cách chữa bệnh của người Việt và Hoa, thuốc nam và thuốc bắc.

Tuy còn là một vùng hẻo lánh ngoại thành Sài Gòn, khu Tháp canh dần trở nên sầm uất. Năm 1954, nhiều người từ miền Bắc di cư vào

Nam và lập nghiệp tại đây. Lúc đó, nhà thuốc Đông y Trần Thái Đường của ông Trần Văn Bỉ đã nổi tiếng.

Ngoài số đông bệnh nhân là dân quanh vùng, lớp lớp người từ miền Tây tìm đến chữa bệnh, nhiều nhất là phụ nữ và trẻ em - sở trường nghề thuốc của ông. Dân gian kháo nhau “con bị bệnh, bồng đến cho ông Tạ nắm tay một cái là hết bệnh” hay “Không con cứ đến chữa ở nhà thuốc ông Tạ là có”. Mỗi ngày, ông Bỉ cùng gần chục nhân viên khám bệnh bốc thuốc từ sáng đến tối hơn cả trăm người. Với người nghèo, ông không lấy tiền chữa trị và cho nằm lại miễn phí những người bệnh nặng. Nguồn thuốc ông có chủ yếu là Nam dược nên giá không cao, mua từ Tây Ninh, Cà Mau và một số vị mua từ Hương Cảng qua đường Chợ Lớn.

Tiếng lành đồn xa, biết ông tu hành lại thương người, thỉnh thoảng ngôi chùa Thánh Thọ trong khuôn viên Hiệu thuốc lại có một đứa bé sơ sinh của ai mang đến bỏ đó. Ông cho mang vào nhà chăm sóc rồi đưa đến cô nhi viện, gửi gắm thêm tiền bạc để phụ cơm nước. Nhiều người nghèo bệnh nặng mất đi không có quan tài để chôn, ông ký giao kèo với Trại hòm Tân Lợi cung cấp quan tài để người xấu số yên nơi ấm chỗ và chịu hết chi phí. Năm 1968 xảy ra trận đánh Mậu Thân, quân lính hai bên bị thương rất nhiều, ông cho đưa vào chăm sóc tận tình không hề phân biệt bên nào, miễn là giúp người bị thương qua cơn đau đớn.

Tiếng đồn ở khu ngã ba Tháp có ông Thượng tọa tướng mạo cao to chữa bệnh rất hay lan ra xa và được nhiều người mách nhau khi có ốm đau. Bảng hiệu trước cửa Hiệu thuốc ghi là Trần Thái Đường - Đông y sĩ Thủ Tọa (Thủ: ở đây là xem mạch bằng tay. Tọa: Thượng tọa). Dân gian, theo thói thường gọi tắt là khu ông Thủ Tọa, biến âm thành ông Thủ Tạ, và dần dần là ông Tạ. Tuy nhiên, cầu Ông Tạ hay chợ Ông Tạ chỉ vì ở gần đó nên hình thành tên như vậy, không liên quan trực tiếp đến ông.



Chân dung ông Tạ - Trần Văn Bỉ trong trang phục tu hành.






PHÒNG CHẨN TRỊ ĐÔNG Y TƯ NHÂN
TRẦN THÁI ĐƯỜNG
(NHÀ THUỐC ÔNG TẠ CŨ)
388 PHẠM VĂN HAI - P.5 - Q.TÂN BÌNH - TP.HCM
Lương Y Đa Khoa: NGUYỄN VĂN ĐỒNG
Lương Y Đa Khoa: NGUYỄN VĂN HUỆ
KHÁM CHỮA BỆNH ĐA KHOA VÀ CHÂM CỨU BẰNG YHCTDT
Giờ Làm Việc:
SÁNG TỪ 08h00 - 11h30
CHIỀU TỪ 14h00 - 17h30
272
388



Ảnh: Nguyễn Đình

Năm 1983 ông Tạ mất. Trước đó, tuy tuổi đã cao ông vẫn tiếp tục khám bệnh và tham gia Ban cố vấn Hội Đông dược và châm cứu của thành phố, nói chuyện về đông y tại trường Đại học Y dược. Từ 1975 đến khi ông mất là những năm tháng đầy khó khăn của đất nước, thiếu thốn đủ bề nhất là thuốc chữa bệnh. Phòng khám của ông với nguồn dược liệu từ cây thuốc trong nước là niềm hy vọng của nhiều bệnh nhân, nhất là bệnh nhân nghèo vì biết ông sẵn sàng giúp họ mà không lấy chi phí. Những vị đứng đầu ngành y tế như bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, nguyên Bộ trưởng bộ Y Tế, lúc đó là Viện trưởng Viện Y học cổ truyền dân tộc Thành phố, bác sĩ Trương Thìn đang phụ trách Trung tâm cai nghiện Bình Triệu nghe tiếng ông Tạ từ lâu đã nhiều lần đến hỏi ý kiến ông về chữa bệnh và thuốc men.

Tôi tìm đến Trần Thái Đường khi thầy đông y Nguyễn Văn Huệ, chủ trì Phòng khám đang chữa bệnh cho một thanh niên người Mỹ. Khuôn viên Trần Thái Đường rộng rãi với phòng khám, khoảng sân và một ngôi chùa nhỏ. Tuy nhiên, đây là phần đất còn lại của mảnh đất cũ đã bị

cắt đi phân nửa. Sau khi ông Tạ mất, một người phụ nữ vốn là người chịu ơn ông Tạ chiếm và đòi quyền lợi phần đó. Ngôi mộ của ông giờ nằm trên phần đất cắt cho người phụ nữ kia.

Ông Nguyễn Văn Huệ cho biết cha của ông là Nguyễn Văn Đông được ông Tạ là cậu ruột nuôi nấng và dạy nghề từ nhỏ. Ông Huệ lớn lên tiếp tục học nghề thuốc và xem ông Tạ như ông nội của mình dù là vai ông cậu.

Những năm sau 1975, ông Huệ đang tuổi thanh niên thường theo ông Tạ đến các cơ sở y tế để trao đổi nghề nghiệp, nên ông không chỉ học ông Tạ về chuyên môn mà còn là cách ứng xử khiêm tốn của người tu hành.

Đảm nhận việc duy trì phòng khám có truyền thống hơn 60 năm, và còn đảm nhận công việc của Chủ tịch Hội đông y quận Tân Bình, ông Huệ có niềm tự hào là duy trì được những gì ông Tạ truyền lại, chuyên tâm chữa bệnh như một việc giúp đời, không nặng về kinh doanh, không quảng cáo rùm beng và giữ được cơ ngơi rộng rãi còn lại của gia đình giữa lúc tấc đất tấc vàng ở một khu thị tứ trung tâm như vùng Ông Tạ.

Thỉnh thoảng ở phòng khám, ông vẫn nhận được những món quà nhỏ, như một bức tranh chân dung ông Tạ... quà từ những người được ông Tạ chữa hết bệnh, hay chữa không lấy tiền lúc nghèo khó xưa kia. Có lúc là lời cảm ơn từ những người lính biệt động thành đánh vào Sài Gòn năm 1968 mà ông Tạ đã cứu khi bị thương... Những điều đó như nhắc nhở ông Huệ tiếp tục giữ vững Trần Thái Đường như một địa chỉ chữa bệnh có ích cho đời, nhất là cho người nghèo, như con đường ông Tạ Trần Văn Bỉ đã vạch ra.



Thuốc được chế biến hằng ngày, như từ hơn sáu mươi năm trước...

Hồi nhỏ tôi có đọc một truyện ngắn có tên Những khúc bánh mì của anh Tấu . Trong đó, tác giả là một cậu học trò rất mê ăn bánh mì của người bán rong trước cổng trường tên là Tấu. Bánh được ủ trong một cái giỏ, luôn nóng, kẹp miếng chả bò thơm ngon ở giữa. Cậu bé ăn bánh mì anh Tấu hoài mà không biết ngán, nhất là những ngày trời lạnh có trong tay ổ bánh mì nóng. Cho đến khi anh Tấu bị ho lao, vừa bán vừa ho sù sụ giữa gió lạnh, học trò trường đó tẩy chay không ai dám mua bánh mì của anh nữa. Trừ cậu bé kia bất chấp căn bệnh của anh vẫn tiếp tục gặm bánh mì. Tôi còn nhớ câu anh Tấu hỏi cậu bé: *“Bây giờ chắc cậu không dám ăn bánh mì của tôi nữa phải không?”*. Cuối cùng anh Tấu cũng nghỉ bán vì bệnh nặng, để lại trong cậu bé niềm nuối tiếc.

Ai cũng có một người bán hàng lý tưởng của mình trước cổng trường. Tôi cũng có một anh Tấu hồi mới lớn trong những buổi sáng đi

học thêm. Con hẻm trên đường Hai Bà Trưng, gần khách sạn Quê Hương trước kia, có hai ông cùng đi bán bánh mì với nhau. Thật ra, chỉ có một ông bán và ông kia làm gì không rõ, lúc nào cũng đứng cạnh bên. Ông bán bánh mì có đặc điểm là hút thuốc bằng lỗ mũi. Lúc nào cũng thấy ông nhét một điếu thuốc lá vào lỗ mũi bên phải và thở ra khói bằng mũi bên trái một cách kỳ cục. Vừa hút, tay ông vừa thoăn thoắt lấy bánh mì trong rổ ra, dùng dao xẻ một cái rãnh ở giữa, nhét miếng chả lụa vào. Đặc biệt, bánh mì của ông luôn giòn, xốp và thơm, chả lụa luôn được xắt to. Cả miếng dưa leo cũng to, miếng ớt đi theo cũng to. Chả thơm, dưa tươi, thêm tí muối tiêu nữa nên rất ngon, cắn một cái là ngập răng. Bánh của ông luôn luôn đắt, hết trước chín giờ sáng. Thỉnh thoảng ông dùng con dao cắt xoẹt một miếng chả, rất trìu mến đưa cho ông phụ bán đứng chầu rìa kia: “Này, ăn đi!”. Ông kia ngay lập tức bỏ vào mồm, nhai ngon lành. Lần đầu đến mua bánh mì, tôi trố mắt nhìn kiểu hút thuốc kỳ cục và miếng chả “tình thương mến thương” giữa hai ông. Riết rồi cũng quen. Và những người khách khác chẳng thấy ai thắc mắc gì. Sau đó vài năm, hai ông biến mất không để lại dấu vết. Con hẻm vẫn đông, có thêm mấy cái ghế cóc bán cà phê vỉa hè và khách đành đi ăn sáng ở chỗ khác.

Có một bài viết nói về chuyện người Nhật đến Việt Nam du lịch. Tổng kết về sở thích ăn uống của họ ở đây, tác giả cho biết món mà họ mê nhất không phải là món phở mà là... bánh mì kẹp thịt. Lý do là nó thơm ngon và có hương vị khác lạ so với bất kỳ loại thực phẩm nào tương tự trên thế giới. Hai nữa là tiện dụng. Và chắc là lý do thứ nhất quan trọng hơn. Bánh mì ở các nước có thể rất mềm, hoặc rất cứng, đen hoặc trắng, nóng hoặc nguội ngắt nhưng vừa giòn, xốp, có cái cạnh bánh giòn thơm, hơi cháy vàng thì lại là kiểu cách rất riêng của bánh mì Sài Gòn. Loại bánh mì giòn ấy vẫn ngon lành từ những năm bao cấp nghèo khổ, dù chỉ gặm bánh mì không. Là bánh mì lạt nhưng có vị hơi ngọt, lại hơi mặn. Trong suốt tuổi thơ của nhiều người Sài Gòn, tôi tin nó có vị trí đáng nể. Sáng không có nhiều tiền, mua ổ bánh mì luôn có giá rẻ rề. Lấy hộp sữa đặc Ông Thọ chế vào dĩa và bẻ từng miếng bánh để quết đưa vào mồm. Sữa ngọt,thơm và béo, bánh mì giòn, còn muốn gì nữa! Hôm nào không tất bật đến lớp, đi làm thì pha một ly sữa nóng, bỏ tí cà phê theo kiểu pha pạc-xỉu. Lại bẻ bánh mì chấm sữa. Món này hương vị khác món trước. Bánh mì chấm sữa nóng hương vị toả ra

thơm, hơi chua nhẹ, dễ nuốt hơn và ăn xong cũng no nê.

Bánh mì đi với người nghèo, nhất là con nít nhà nghèo. Hôm nào không kịp ăn ở nhà thì mua bánh mì bì. Chẳng có gì bổ béo ở thứ bánh này nhưng ngon và có hương vị riêng. Bì (da) heo trộn thính thơm phức, ăn dai dai. Nước mắm pha loãng có thêm tỏi ớt chan vào thấm ổ bánh mì. Hôm nào có tiền thì cho phối hợp ba thứ: bánh mì, fromage đầu bò và chuối già. Ăn kiểu này thì cắn một miếng bánh, đớp một miếng chuối và nhai một miếng fromage. Ngon và béo ngậy. Kiểu ăn chuối kết hợp fromage với bánh mì đã có từ thời Nam kỳ còn là thuộc địa Tây. Tuy nhiên, bây giờ không mấy ai ăn kiểu này. Bánh mì bì thì vẫn còn bán trước mấy cổng trường tiểu học và thỉnh thoảng trên xe đẩy ngoài đường.

Cách nay vài năm, khi vào chơi một xóm làm đồ gốm ở Lái Thiêu - Bình Dương, lỡ bữa, tôi được anh bạn ở đó mua cho một ổ bánh mì giá chỉ ba ngàn đồng, ăn sao thấy ngon và nhớ tuổi thơ quá chừng.

Bánh mì chơi được với mọi người. Tiệm bánh Như Lan ở Hàm Nghi xuất thân từ bán bánh mì, giờ nổi tiếng với đủ món ăn chơi như đùi gà rán, bánh bao, xôi lá sen, xôi khúc, xúc xích... Dù vậy người ta vẫn quen gọi cái tiệm to đùng ấy là bánh mì Như Lan, kiểu như *"ra bánh mì Như Lan mua cái bánh bao"*.

Bất cứ tiệm ăn hay quán cà phê nào của Sài Gòn xưa nay đều có bánh mì trong thực đơn. Bánh mì ăn với trứng ốp la, ốp lết, bò kho... Cái dĩa sứ Minh Long trắng bong, trứng cũng trắng, lòng đỏ vàng. Ăn xong thấy khô khan cả họng, chiêu vội miếng cà phê đá. Tôi không cảm thấy ngon. Bánh mì với đặc tính xốp, thẩm thấu nước nên khi kẹp thịt, pa tê hay thậm chí kẹp miếng ốp la ở giữa chắc chắn ngon hơn so với ăn kiểu Tây, bánh ra bánh và thịt ra thịt.

Bánh mì kẹp thịt với giá hai chục ngàn đồng đó chính là loại bánh mì mà người Nhật ba lô, trong đó có dăm người bạn của tôi, cảm thấy mê mẩn khi ngồi gặm trong một quán bình dân nhưng sạch sẽ ở khu phố Tây Phạm Ngũ Lão giữa lúc cắm đầu vào những cuốn sách dày cộp như Lonely Planet.

Khi trào lưu thức ăn nhanh đến đất nước này, đã thấy có sẵn một người khổng lồ chễm chệ, từ hang cùng ngõ hẻm cho đến quán hàng sang trọng, có khả năng đáp ứng khẩu vị bao người với lắm thứ nhân bên trong như vậy. Ổ bánh mì vàng ruộm và thơm phức, dù đôi khi phải ngoảnh mặt làm ngơ trước bàn tay người bán hàng vừa nhét thịt vào ổ bánh vừa cầm tiền thối cho mình, thì vẫn dễ chịu làm sao khi đến lớp hay cơ quan, mở cặp ra đã thấy bát ngát một vùng khứu giác. Lúc đó, miếng ớt cũng thơm khi đi cùng patê hay thịt quay, thịt xá xíu và vài cọng ngò. Đến lúc này, vị giác đã bị bánh mì kẹp thịt đánh gục để bắt đầu một ngày làm việc hăng say cùng với ly cà phê đá tỏa hương.



Ảnh: uckyo

Khi so sánh với vùng miền khác, người ta thường nói "Ẩm thực Sài

gòn không có bản sắc riêng". Người Sài Gòn bản tính vốn "sao cũng được", dễ chấp nhận ý kiến khác biệt với mình nên không mấy khi tranh cãi với nhận xét này. Và cho dù mang tiếng "thiếu bản sắc", ẩm thực Sài Gòn vẫn lừng lững phát triển, ngày càng đa dạng và hấp dẫn đến nỗi nhiều người mê ẩm thực, từng cất công du lịch qua nhiều nước để thỏa mãn thú vui này phải kết luận "Ở Sài Gòn nếm cho hết các món ngon cũng đủ sướng miệng!".

Hàng quán Sài Gòn vẫn cứ phát triển với cung cách phục vụ ngày càng chuyên nghiệp. Các tên tuổi ẩm thực ở vùng miền khác đã đến Sài Gòn mở quán kinh doanh như phở Lò Đúc, chả cá Lã Vọng, nem Ninh Hòa, gà Tam Kỳ rồi đến quán ăn Hàn, Thái, Ấn, Nhật, Ý... không kể xiết. Để giữ chất lượng và uy tín cho tên tuổi của mình, nhiều quán đặc sản sẵn sàng tận dụng những tiện ích của ngành hàng không nhằm duy trì nguồn nguyên liệu "chất" nhất và "nguyên gốc" nhất. Người sành ăn ở miệt quận 1, quận 3 hay Phú Nhuận, Bình Thạnh chưa chắc sành sỏi về những món ăn ở Chợ Lớn, mảnh đất phía Tây Nam. Chợ Lớn với nền ẩm thực Trung Hoa phong phú luôn là một điểm đến hấp dẫn. Món Chợ Lớn qua thời gian đã được cải biên cho hợp khẩu vị và phong thổ ẩm nóng của Sài Gòn, trở nên đỡ ngấy vì không nhiều dầu mỡ nước xốt như món ăn Hoa trên đất Trung Hoa. Vả lại, bản thân ẩm thực ở Chợ Lớn cũng quá phong phú với các trường phái của người Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hẹ. Có một ca khúc hài (nhái bài hát *Bến Thượng Hải*) đã phác họa vẻ phong phú này:

Người Chợ Lớn, người bên Tàu, người Hồng Kông

hễ thấy nhau là mời bánh bao.

Tuy Phúc Kiến, tuy Hải Nàm, dù Triều Châu tới đâu cũng mời ăn mì

Mì xá xíu, mì vịt tiềm, mì bồ câu, cái tô sau là hoành thánh tôm

Kêu thêm dĩa hủ tíu xào, xào mực tôm, cá viên hẩu xực làm sao

....

Còn ngon nữa, thì tả pín lù

Người Phúc Kiến nổi danh là vịt nấu chao

Dê bát bửu thêm yến sào

Người già nua tới đâu cũng trẻ lại mau...

Đã vậy, thực đơn Tàu luôn được bổ sung các món từ Đài Loan, Singapore hay Hồng Kông, đều là những thiên đường ẩm thực. Từ những dịp gần Tết Nguyên đán hồi trước 1975, dân Sài Gòn đã thích vào Chợ Lớn mua sản vật lạ như trái hồng khô Hồng Kông, rượu Ngũ Gia Bì, lạp xưởng Đài Loan... nhập về từ các xứ đó.

Món ăn Sài Gòn thiếu bản sắc vì không ngại du nhập món ăn xứ khác để làm thành của mình. Món hủ tíu người Tiều (Triều Châu) vào Nam bộ cuối thế kỷ 19 và chỉ nấu bằng thịt heo, xương heo và sau này với cá, gà ăn cùng bánh tráng ướt thái sợi. Có người cho rằng đây là món điểm tâm đặc trưng của người Tiều Nam Bộ, không thấy có ở Hồng Kông, Đài Loan, Singapore, Thượng Hải... Rồi hủ tíu chia thành nhiều nhánh, đều nổi tiếng như Hủ Tíu Mỹ Tho, Hủ Tíu Nam Vang và không ai nấu với thịt bò. Bây giờ người Việt, người Hoa gốc Quảng Đông, Hải Nàm cũng nấu hủ tíu.

Khu Chợ Cũ Hàm Nghi có nhiều Tiệm nước (tên cũ của quán bán nước trà có ăn nhẹ) của người Quảng Đông từ đầu thế kỷ 20. Tiệm của người Hải Nàm gọi là Trà gia thường có chữ Viên, tỷ như Yến Phương Viên bán Hủ tíu cá. Người Hải Nàm (gốc đảo Hải Nam) thường đi tàu biển, làm bồi cho Tây nên khi mở tiệm nước thường có bán kèm bánh tây như patéchaud, soux cream...



Ở đường Tôn Thất Đạm, quận 1 giờ vẫn còn quán hủ tíu cá Nam Lợi, một quán của người Hoa tồn tại khoảng 60 năm nay. Quán bán hủ tíu cá, hủ tíu gà. Sợi hủ tíu có loại nhỏ và loại to bản, lớn hơn bánh phở và có cả mì sợi tươi. Cá lóc tươi bỏ xương, xắt lát mỏng. Gà thịt dai vừa phải, ngọt thịt. Tô hủ tíu rắc nhiều tiêu, nước lèo có vị ngọt dịu của cá gà, mùi thơm mực khô và xương hầm. Trên bàn, bày thêm bánh Patéchaud, ai thích thì ăn. Bánh ngon, mềm nhưng không dai, nhân đầy, thịt đậm đà. Việt kiều về đây chen chúc trong không gian chật hẹp cùng dân Sài Gòn, xì xụp ăn giữa tiếng hô ì xèo của chủ tiệm *"Cá liệu!"* (Thêm đồ ăn!), *"Dùy phảnh!"* (Hủ tíu cá!).

Về món ăn ai cũng biết - phở. Nhưng con đường nào để phở Bắc vào Nam còn rất lờ mờ. Ông Lý Lược Tam, gốc Triều Châu, từng sống ở Lái Thiêu trước 1945 kể trong một dịp hàn huyên, phở thoạt đầu là thức ăn của người bình dân, bán trên xe đẩy đi khắp hang cùng ngõ hẻm. Trước 1945, người ta nấu phở khi có thịt trâu bò đưa về do chết vì bom đạn. Phở theo chân những người Bắc vào ký công tra làm phu cao su ở Lộc Ninh, nay thuộc Bình Phước. Đến năm 1945, do loạn lạc, số người này bỏ đồn điền chạy về vùng Lái Thiêu và được những đồng hương ở đó

giúp vốn mở quán hay xe đẩy đi bán phở. Lúc đó người Bắc (dễ nhận ra do nhuộm răng đen) bị Tây lùng bắt nên một nhóm trốn về Sài Gòn đông đúc. Họ vào cái hẻm bên cạnh rạp hát Casino (góc Lê Lợi – Pasteur, nay không còn) bày bàn bán phở. Lúc đầu chỉ có món phở tái nêm nước mắm. Sau bán thịt tái không hết, họ luộc thịt làm thêm phở chín. Đầu những năm 1960, người Tàu Chợ Lớn chế ra tương đỏ, tương đen và phở tiếp nhận luôn yếu tố ngoại lai này. Sau đưa lát chanh tươi vắt vào nước lèo tạo vị ngọt thanh, thêm giá trụng, hành chần, rau ngò gai, quế... và bây giờ có cả rau ngò om, giá sống và hành Tây xắt mỏng. Phở Sài Gòn đi một hành trình dài để lột xác, ăn kèm nhiều thứ nhưng không đi quá xa kiểu nấu từ miền Bắc... giữ hương vị đậm đà, dù ít hay nhiều béo, có hay không rau.

Giới trẻ Sài Gòn thích món bò pía. Nó hấp dẫn vì có vị thơm mát của rau, củ sắn luộc chín và có rau xà lách gói trong bánh tráng mỏng. Bò pía chấm với tương ngon có trộn đậu phộng giã nhỏ, được cung cấp thêm vị mặn ngọt của con ruốc rang, vị béo của lạp xưởng ướp. Có người thắc mắc sao không có thịt bò mà gọi "bò pía". Xuất phát từ tiếng Triều Châu, Pò nghĩa là bạc, mỏng. Pía là bánh. Bò pía hay Pò pía là cái bánh cuốn mỏng trong có thức ăn. Món này của người Triều Châu, có hai loại mặn và ngọt. Bánh ngọt có nhân kẹo bột, rắc mè, dừa... ít phổ biến hơn bánh mặn.

Bên cạnh đó còn có món gỏi đu đủ khô bò cay cay đậm đà từ Bắc vào Nam cũng xuất phát từ người Hoa sống ngoài đó. Danh xưng là gỏi khô bò nhưng miếng thịt lại là phổi, gan, lá lách bò vốn mềm mại, thẩm thấu tốt hương vị đậm đà của hắc xì dầu, gừng.

Khu Chợ Cũ Hàm Nghi hình thành một món ăn kỳ lạ và khoái khẩu với người Sài Gòn bình dân cách nay nửa thế kỷ. Đó là món xà bần, hay còn gọi là món lâm vố (rabiot). Lai lịch như sau, trong tiệm nước, ngoài đồng lương, người phục vụ hưởng được quyền lợi khác tùy theo công việc. Anh bồi bưng bê thức ăn hưởng tiền bo từ khách. Chú đầu bếp không tiếp xúc với khách thì hưởng... thức ăn dư. Mỗi ngày, họ đổ thức ăn dư vào xô và bán ra. Người mua cho tất cả vào nồi, bắc lên lò nấu thành một món xà bần sền sệt. Trong đó, có nhiều cục thịt bò còn nguyên, cá bống chiên, thịt quay... có khi là cục nấm đông cô thơm lừng. Do nấu đi nấu lại, thêm gia vị và muối, món này càng đậm đà, giữ

được lâu. Giới phu phen và cả công chức thời đó thiếu chất thịt trong bữa ăn nên không ngại ăn đồ thừa, buổi trưa ra mua một tô ăn tại chỗ với bánh mì hay cơm giá 2 cắc, rẻ hơn giá tô hủ tíu, ai cũng ăn được và thường hết sớm. Sau 1975, món này hoàn toàn biến mất.

Người sống ở Sài Gòn có thể kể vanh vách những món ăn đặc trưng ở nhiều vùng đất khác nhưng nói về món đặc sản Sài Gòn thì dễ phân vân. Nhưng có hề chi, khi ra đường sẽ gặp bao món ăn thơm ngon. Nhớ chuyến du lịch Singapore thì ăn cháo ếch đường Lê Anh Xuân, thích cơm Hàn thì đến phố Thăng Long, cơm Nhật thì ra Lê Thánh Tôn, ăn dim sum thì vô Hà Tôn Quyền, cơm Thái thì ra Bùi Viện. Về món Việt, thích cơm Huế thì đến quán Ruốc, Ngự Bình, cơm Bắc thì vô khu sân bay, thích mì Quảng thì về Bảy Hiền, muốn Mì vịt tiềm thì ra chợ Lacaze – Nguyễn Tri Phương. Còn chè ngọt, cà ri, cháo lòng, bột chiên, cơm tấm bán theo quán riêng.

"Ẩm thực Sài Gòn thiếu bản sắc", nhưng không thể chối cãi rằng món ngon ở khắp nơi thích tụ về Sài Gòn (cũng như người đẹp, ca sĩ hay nhân tài các ngành nghề thích tụ về) để tồn tại và phát triển trong một hành trình riêng của nó, để làm nên một khuôn mặt đa sắc cho đời sống ẩm thực Sài Gòn. Sự đa sắc đó có thể gọi là bản sắc ẩm thực kiểu Sài Gòn được chăng?



Ảnh: Minh Tang

Trong chồng báo cũ của gia đình, tôi tìm thấy tờ báo Xuân xưa, báo Xuân C.L năm Kỷ Dậu 1969 khổ lớn với bìa có khuôn mặt tươi cười của nghệ sĩ Kim Loan. Bài vở trong đó ít đặc sắc nhưng có một bài lý thú. Bài "Mùa xuân mười tám" của Hà Mai Lan trình bày dưới dạng hai bài nhật ký, nhật ký của Mẹ và nhật ký của con gái. Nhật ký của Mẹ kể về những ngày Tết 1943 ở Hà Nội. Trời rét Xuân đất Bắc, cô con gái theo mẹ lên xe kéo ra chợ Đồng Xuân ngày hăm ba tháng Chạp vào buổi sáng sớm, trong lòng vẫn lo chợ hết món ngon để mua cúng ông Công ông Táo. Về nhà, cả nhà xúm vào gói bánh chưng cùng với người bà con ở quê ra. Cô con gái cả ở nhà trông nom mọi việc, mua sắm cho em út. Phần nhật ký này trình bày một mùa xuân tuyệt đẹp trên đất Bắc rất gợi nhớ cho những người xa quê hương miền Bắc đã lâu.

Phần nhật ký cô con gái thì thể hiện nếp nghĩ hiện đại của một cô gái

tân thời trong xã hội Sài Gòn giữa cơn lốc hưởng thụ thời chiến tranh tao loạn. Cô gái mong đợi đến ngày mở tiệc bum - ban khiêu vũ Tết với đám bạn bè và lo mua sắm quần áo. Đám bạn cô thì đi mượn nhà để mở tiệc khiêu vũ.

Cô phàn nàn là bị ông bố xé bức ảnh tứ quái Beatles treo ở phòng ngoài. Ông càu nhàu "Ảnh ông bà cha mẹ không treo, lại rước cái thằng mủi lõ đầu bù ấy..." và cô chê ông bố là "quê" quá cỡ... Cô ra phố Bô – na (tức là đường Lê Lợi) chơi và gặp ông thầy cũ, giờ đã chuyển xưng anh với cô. Cô gật đầu nhận lời vào thương xá Tax với ông và "thương hại cho túi tiền của lão vì mình chỉ mua có một hộp dầu thơm Essence và một ve Eau De Cologne". Cuối cùng cô nhận lời tối mai đi phòng trà với thầy nhưng biết mình sẽ từ chối vì không thích đi với "lão già khần đó".

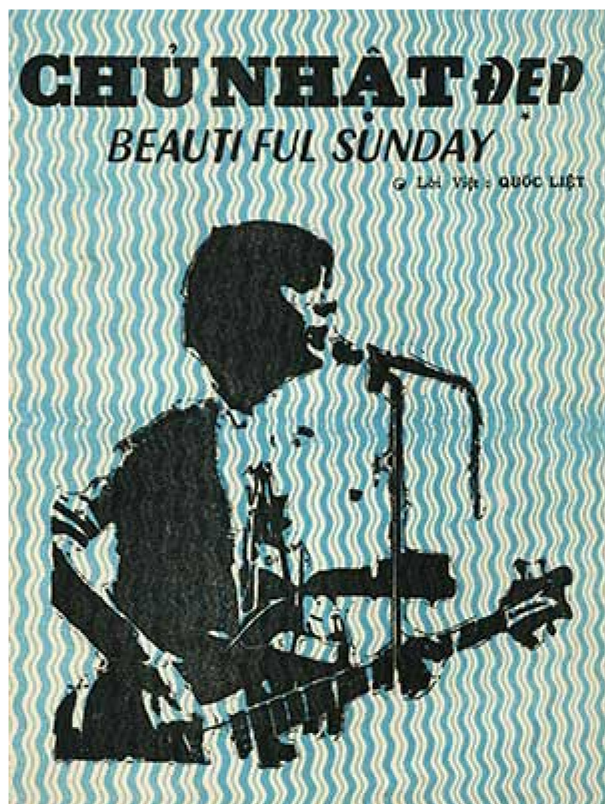
Người đọc dễ hình dung rằng lớp trẻ cách nay bốn mươi năm ở Sài Gòn ăn chơi quá, thực dụng không kém thời bây giờ. Hình ảnh cô bé trong bài có là tiêu biểu cho lớp trẻ Sài Gòn lúc đó hay không?

Từ năm 1969 đến đầu những năm 70, nhiều người thờ ơ với thời cuộc không biết vì sao ngoài đường phố Sài Gòn sao lắm hình ảnh hoa đến thế. Hoa được vẽ khắp nơi, trên áo, trên thân xe của giới trẻ như Suzuki, Vespa, xe hơi, dán cả trên mắt kính râm tròng lớn. Chỉ có một dạng hoa duy nhất với nhụy tròn, bao quanh là những cánh hoa nhiều màu sặc sỡ cũng tròn như được kẻ compas. Người ta gọi đó là hoa hippy.

Phong trào hippy của giới trẻ Mỹ, bắt nguồn từ thành phố San Francisco năm 1967, khi có gần cả trăm ngàn người tụ lại tại đại hội Montery Pop để tạo ra một ý tưởng chống đối văn hóa và chính trị đương thời, đã lan qua tận Châu Á. Bằng con đường y hệt của nhạc trẻ phương Tây, tức là đi theo sách báo và lính Mỹ, phong trào hippy lan đến Sài Gòn và các tỉnh miền nam như một thứ dịch. Hình ảnh bông hoa trên là hình tượng phổ biến của phong trào hippy, "Flower Power" (Sức mạnh của hoa) mang tư tưởng chống chiến tranh Việt Nam, chống bom hạt nhân của giới trẻ Mỹ. Nó cũng tượng trưng sức mạnh hòa bình khi thể hiện hình ảnh bông hoa gắn trên đầu mũi súng. Bên cạnh những triết lý đó, phong trào này cổ vũ "Make love not war". Khẩu hiệu

khiến giới trẻ theo phong trào sống khá thoải mái, bầy đàn và dễ dính tới nạn hút chích.

Qua tới Việt Nam, phong trào hippy phản chiến còn lại gì? Những năm đó, giới trẻ miền Nam đa phần lo lắng cho tương lai trên một đất nước đang có chiến tranh. Ngoài số thanh niên có lý tưởng hoạt động bí mật hay ra chiến khu, đa số lo học hành, tìm cách tránh bị bắt lính. Tuy nhiên, một bộ phận thanh niên khá giả, học trường tư thục, thích nhạc trẻ - như cô gái nói trên - đã tìm thấy ở phong trào hippy mới du nhập một triết lý sống khá hiện sinh, thoải mái, vui nhộn và nhiều cơ hội thể hiện cái tôi của mình. Vui nhất là được rủ nhau đi nhảy nhót và hát nhạc ngoại quốc. Nhiều thanh niên con nhà nghèo cũng đua đòi theo. Bắt chước một hiện tượng, dễ nhất là từ hình thức của nó. Hình ảnh của hoa hippy là một sự bắt đầu.



Nhạc nước ngoài lời Việt với hình ảnh ca sĩ cầm đàn guitar điện rất thịnh hành trong phong trào hippy đầu thập niên 1970.

Một bài báo thời ấy tường thuật về giới trẻ Sài Gòn, lược lại như sau, chiều thứ Bảy và Chủ Nhật thì phải ăn mặc thật gồ ghề để lên đường phố

Sài Gòn trình diễn thời trang. Kiểu áo thịnh hành lúc đó là cổ áo giống như áo của ông râu kẽm (ám chỉ ông Kỳ), với cái cổ được đặt tên là A la Mao (áo kín cổ của Trung Hoa ngày nay). Ngoài ra có các kiểu như: Kangouru (có nẹp dài từ trên vai xuống cườm tay), Procol Harum (áo dài gần sát đầu gối, xẻ khá dài hai bên hông), Napoléon (cổ tay tua rua, trước ngực cũng tua rua).

Giày thì thịnh hành giày kiểu Torpedo, Bally như thế hệ cuối thập niên 40 và quần kiểu cigarette thẳng từ trên xuống dưới. Váy may như quần xà lỏn, quần patte áo pull hoặc nguyên bộ patte. Ngoài ra có kiểu giày Cléopatre dây nhợ quấn chằng chịt hay mốt mang dép cao su Nhật màu trắng, có cả mốt đi chân đất nhưng không thọ vì sợ uốn ván.

Trang phục phổ biến dễ nhận ra giới hippy nhất là quần jeans rách, gấu bung tua rua mặc với áo sô mỏng, mắt kính gọng tròn kiểu John Lennon, con trai và con gái đều để tóc dài, tới vai hoặc hơn. Anh nào có râu rậm thì râu quai nón, băng buộc đầu, đeo chuỗi hạt tình yêu. Con gái diện váy dài và đeo vài thứ lằng nhằng như dân digan. Sau đó ra đời kiểu cổ áo bà ba, nút áo được cài từ trên cổ xuống đến tận eo. Sau khi ca sĩ Mai Lệ Huyền bận mini jupe hát nhún nhảy trên truyền hình, đường phố Sài Gòn tràn ngập mini của các cô. Kế đến là kiểu áo dài vạt cực ngắn gọi là áo dài mini.

Trước đó, phong trào nhạc trẻ đã phát triển tại miền Nam vào đầu thập niên 1960, qua sách báo, dĩa nhạc du nhập từ Pháp và rất thu hút giới trẻ đô thị, đặc biệt là giới hippy. Từ đó xuất hiện những thần tượng ca nhạc trẻ như Sylvie Vartan, Francoise Hardy, Christophe... từ nước Pháp. Tiếp nối ngay sau đó là sự nổi lên của các ca sĩ Việt Nam hát nhạc nước ngoài như Elvis Phương, Paolo, Jo Marcel, Thanh Lan... cùng với các ban nhạc trẻ như Les Vampires, Enterprise, The Peanuts, CBC, The Uptight, The Hammers, The Dreammers hoặc Les Fanatiques...



Sau Đại hội nhạc trẻ Woodstock, đại hội của giới hippy, diễn ra trong 3 ngày tại New York năm 1969, vào tháng Tư, năm 1971 tại Sài Gòn đã diễn ra buổi đại hội nhạc trẻ ngoài trời đầu tiên ở Việt Nam tổ chức tại sân vận động Hoa Lư với gần 20 ngàn người và hơn 20 ban nhạc trẻ đến từ Hoa Kỳ, Phi Luật Tân, Úc Đại Lợi, Thái Lan, Đại Hàn, Mã Lai, Indonesia và nước chủ nhà.

Khi đã ăn mặc, giải trí khác lạ so với số đông, dân hippy đương nhiên cũng tạo dựng ngôn ngữ riêng và thích thú khi dùng chúng. Lúc đầu nó phổ biến trong giới ăn chơi, dần dà lan ra ngoài xã hội vì bắt chước lời nói thì không tốn kém gì. Họ nói ghế (con gái), ghế tơ (con gái nhỏ tuổi), ghế linh (con gái đẹp), ghế mục (con gái xấu), khứa lão (ông già lớn tuổi), khứa mục (đàn ông ngu đần không xài được), lặn đi khứa (bỏ đi tám, tức là cho qua đi), cảo dược (hút thuốc lá), ghế cảo dược (con gái hút thuốc), mông tại (cóc có tiền)... và nhiều từ không tiện kể ra đây.

Dân hippy Sài Gòn, như những thân gỗ đã bị bật gốc gia đình, vẫn trôi lững lờ trên dòng xã hội đầy sôi động. Đa số còn rất trẻ, chán

chường và lo lắng, đua đòi và thích hưởng thụ. Họ không tin vào xã hội đương thời, chỉ tin vào tuổi trẻ của mình và cho rằng "Trên ba chục tuổi thì hết là kẻ đáng tin!". Một số người buông thả, vướng vào chích hút và tàn đời. Nhưng rất may, hầu hết đã quay lại cuộc sống thực tế, không tiếp tục thể hiện mình là "bất cần đời" nữa và trở lại trường học sau một mùa hè rong chơi. Họ tu tỉnh, quên đi một thời "yêu cuồng, sống vội". Lúc đó, trong mắt họ, hình ảnh gia đình và quê hương hiện rõ dần lên. Họ tỉnh lại.

Cách nay vài năm, tôi gặp lại chị Hồng Đào, cựu nữ sinh trung học tư thục Hoài An ở Phú Nhuận, một hippy choai choai của Sài Gòn năm 1970 và là bạn học của chị tôi. Lúc đó chị đi xe Suzuki xanh nước biển, jeans xanh bó sát với ống loe và gắn đầy hoa trên xe, túi xách và mắt kính. Ở tuổi gần sáu mươi, chị còn giữ được tính sôi nổi của một thời trẻ, thích nghe nhạc và từng cố gắng mua vé đi xem Bob Dylan hát ở RMIT gần đây. Chị bảo, đó là một thời kỷ niệm, ngốc ngếch và ham vui của tuổi trẻ. Chị đã vui, nhưng may là biết thoát ra một kiểu cách sống tuy rất hấp dẫn nhưng đầy bất trắc và cạm bẫy với người mới lớn. Dù sao, nó đã qua và chị mong con của chị có thể vượt qua được giống như vậy. Vì hiện tại, cuộc sống còn có gấp nhiều lần những cám dỗ đối với người trẻ...



Ảnh: Igor Kolos

Bốn mươi năm trước, bà chị của tôi đang học lớp Đệ Ngũ (lớp 8 hiện nay) trường Trung học Lê Bảo Tịnh mang về một cái thẻ nhỏ và bảo trống không: *"Thích vô Thi văn đoàn thì dán cái hình, tìm một cái bút hiệu mà ghi vô!"*. Rồi chị nói một cái tên nghe rất điệu, đại loại là Thi văn đoàn Mưa Thu hay Hoa Thiên Lý gì đó...

Tôi cũng tìm cho mình một bút hiệu, dán hình vào và gửi thẻ đi. Vài ngày sau nhận lại cái thẻ, có dán hình của tôi rất oách và dấu vuông xác nhận mình là thành viên của Thi văn đoàn này. Từ đó, không thấy ai nhắc đến nó nữa khiến tôi đợi miết và buồn mấy hôm vì mất cơ hội trở thành... văn sĩ.

Trước đó, tên các Thi văn đoàn đã khiến tôi sôi sục khi đọc các bài báo đăng trên các trang thiếu nhi hay trên báo dành cho học trò như

Tuổi Ngọc, Thằng Bờm, Thiếu Nhi, Tuổi Hoa. Đó là nhóm Áo Trắng ở trường Gia Long, Hoa Phượng của trường Trưng Vương, nhóm Hoa Quê Hương... Thành viên các nhóm có nam nữ đủ cả, nhưng các cây bút nữ có nội lực dồi dào, đều tay, sâu lắng hơn. Thật là dễ hiểu vì lúc đó các chị đã chững chạc hơn so với các anh đồng tuổi còn ham chơi.

Các Thi văn đoàn là cái nôi cho một hoạt động ngoại khóa rất sôi nổi ở trường học lúc đó là làm bích báo (báo tường) và Nội san. Đến giờ chắc nhiều người ở các đô thị miền Nam còn nhớ những cuốn Nội san hầu hết in ronéo, nét vẽ và trình bày phần nhiều ngô nghê, vụng dại và thường có "Lời nói đầu" của một vị giáo sư với giọng văn nghiêm cẩn, đôi khi khô khốc và cũng lơ tơ mơ với nghiệp viết lách như học trò. Các cuốn Nội san đó, hình thành ý tưởng từ mùa Noel, bắt đầu nhận bài lai rai cho đến khi thi xong là một nhóm học trò bắt đầu lo vẽ minh họa, trình bày, quay ronéo, đóng tập.



Ông anh thứ năm của tôi, người vẽ một số tranh minh họa trong cuốn sách bạn cầm trên tay, lúc đó đang học trường Trung học Hoài An ở Phú Nhuận đã vẽ nhiều tranh trên giấy stencil để minh họa bài. Anh

bảo các bài viết thường chán và sáo, tìm ý mãi không ra nên thường vẽ đại với hình thiếu nữ tóc dài mộng mơ đang nghiêng đầu, hay ôm cặp đi dưới hàng cây. Vậy là đủ, học trò ai cũng thích những hình ảnh như vậy, đọc bài thì ít nhưng mê tranh vẽ, để sau đó còn vẽ cóp lại trên vở lưu bút cuối năm.

Tuy vậy, làm nội san cuối năm là một hoạt động rất hấp dẫn, nên cho đến gần Tết Ất Mão năm 1975, nhà nước thời đó chính thức tổ chức một cuộc thi làm báo Xuân học đường hẳn hoi với nhiều giải thưởng. Ban giám khảo là các nhà văn nổi tiếng ai cũng biết như Minh Quân, Minh Đức Hoài Trinh, Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Tố Oanh, Lê Tất Điều, Nguyễn Mộng Giác... Các trường ở Sài Gòn gửi thẳng đến ban Giám khảo, các trường ở tỉnh lỵ, quận lỵ thì Ty giáo dục phải tuyển chọn trước khi gửi về. Lúc đó, báo Xuân học đường là cơ hội của các cây bút học đường do báo chí người lớn thu hẹp dần đất dành cho tuổi trẻ, nhiều tờ báo khác bị đóng cửa do tình hình khó khăn thời chiến nên học trò thích viết lách rất háo hức.

Ngay sau Tết năm đó, bà chị tôi đã mang về cuốn sổ có chép bài thơ sau đây:

Thôi thưa thầy con đi

Năm cuối cùng đã hết

Chưa sang một mùa thi

Đã nghe đầy thương tiếc

Vở chưa phai mực thầy

Những lời phê nho nhỏ

Sáng lên màu tươi đỏ

Thâm trầm nỗi tin yêu

Trong màu xanh biển chiều

Của những dòng nước lặng

Thầy bảo đời rất đẹp

Nhưng cũng lắm gian nan

Bao ô đời còn khép

Chưa mở rộng thênh thang

Như những ô tập vở

Cần những kẻ khai hoang

Áo cơm là hơi thở

Mơ mộng là son vàng

Mai con đi thầy ở

Những lớp học lại đầy

Có những cánh chim non

Và những chồi non chớp

Con chưa là người lớn

Con muốn ở lại trường

Như ở lại quê hương

Đầy hoa thơm trái ngọt

Có con chim nào hót

Ngoài cửa sổ chiều nay

Hỏi rằng chim có hay

Phấn buồn trên bảng trống

Ta sắp vào cuộc sống

Chào bảy năm mây trôi

Không một ngày biển động

Mai giữa trời cao rộng

Phải tìm thấy bình minh

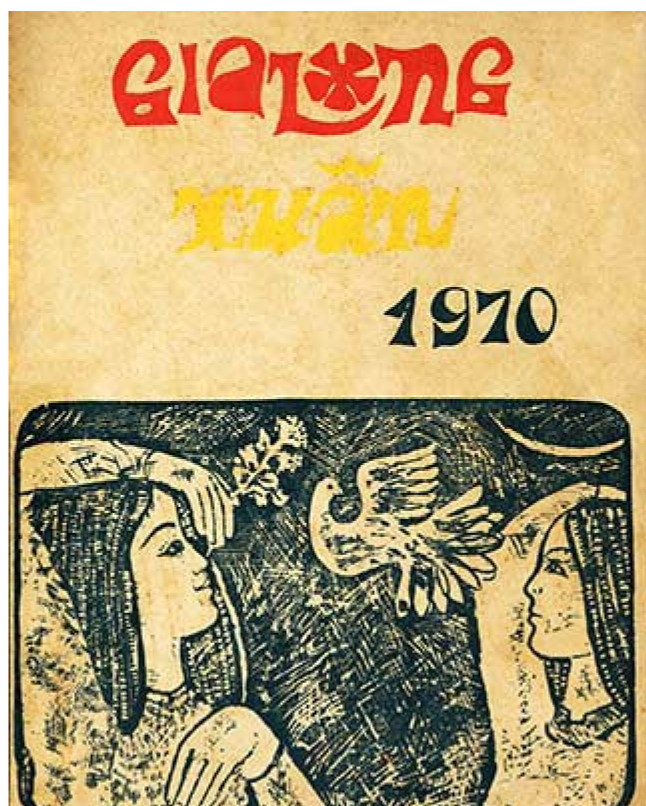
Phải lo cuộc mưu sinh

Không còn thầy chỉ lối

Bây giờ là Xuân cuối

Thôi thưa thầy con đi.





Bài *Bây giờ là xuân cuối* của nữ sinh Vũ Thị Gio Linh, lớp 12A4, nghe tên là biết tác giả người gốc Quảng Trị, được đánh giá cao trong đợt thi này. Chung cuộc, có trên 50 tờ dự thi, từ những tập in ronéo của các trường quận lỵ thiếu thốn mọi mặt đến các tập in off-sette rực rỡ bìa láng bốn năm màu. Trường Nữ trung học Gia Long với bài thơ trên đoạt giải nhất. Giải nhì cho trường Nữ trung học Bùi Thị Xuân ở Đà Lạt, giải ba cho trường Võ Trường Toản, giải khuyến khích cho trường Nữ Trung học Sương Nguyệt Anh, trường Trương Vĩnh Ký và Nữ trung học Lê Văn Duyệt. Các trường Nữ trung học chiếm 4 trên 6 giải thưởng.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác sau khi đọc các ấn phẩm trên đã cho rằng *"chúng ta tìm thấy được nhiều điều đáng suy nghĩ"*. Các Giai phẩm Xuân trường Gia Long và Bùi Thị Xuân có giá trị văn chương và trình bày. Xét riêng từng bài thì tác phẩm tương đối có giá trị của nữ cũng nhiều hơn, tình cảm trong thi ca phong phú hơn, đối thoại trong truyện ngắn linh hoạt hơn.

Bài thơ của Vũ Thị Gio Linh ở trên được chọn để đọc trong Lễ phát thưởng cho các Hiệu đoàn có báo Xuân xuất sắc.

Ngoài ra, còn có những bài hay khác như *Gửi người em lớp 6* của Trần Bích Tiên, nữ sinh lớp 10C2 trường Bùi Thị Xuân, Đà Lạt. Báo Bách Khoa, tờ tạp chí rất có uy tín của miền Nam trước kia, thường đăng bài của các ông Trần Văn Khê, Phạm Ngọc Thảo, Nguyễn Hiến Lê, Vũ Hạnh... đã không cưỡng lại ý định đăng lại bài này trên số 424.

Này em lớp sáu này em nhỏ

Gặp em rồi không quên em đâu

Chiều nay hai đứa về qua phố

Rất tự nhiên mà mình quen nhau

Em chạy tung tăng không mắc cỡ

Chị thì bước bước chậm theo sau

Tuổi mười hai chị xa xôi quá

Chị gọi em chờ, em chạy mau.

Này em lớp sáu này em nhỏ

Em hãy dừng chân một chút lâu

Chị vuốt tóc em rồi chị nhớ

Tóc em thơm ngát mùi hương cau.

Hương cau vườn chị xa như tuổi

Ba má chị nằm dưới mộ sâu

Vườn cũ nhà xưa tàn với lửa

Chị đi về hai buổi âm u.

Gặp em ngoài phố mình như bạn

Thơ mộng trong bàn tay nắm nhau

Chị ngắt cho em bông cúc nhỏ

Em cười cái miệng mới xinh sao.

Ngày xưa chị cũng như em chứ

Cũng rất ngây thơ rất ngọt ngào

Chị nhớ mỗi chiều tan học sớm

Bạn bè đuổi bướm thật xôn xao

Những con bướm lượn trên bờ cỏ

Chị cũng như em đuổi bắt mau

Bây giờ bướm biệt trên đường phố

Chị đuổi sương mù chơi chiêm bao.

Này em lớp sáu này em nhỏ

"Gặp em rồi muôn thuở không quên"

Trời ơi, câu đó ngày hôm trước

Ai rót vào hồn chị hỡi em?

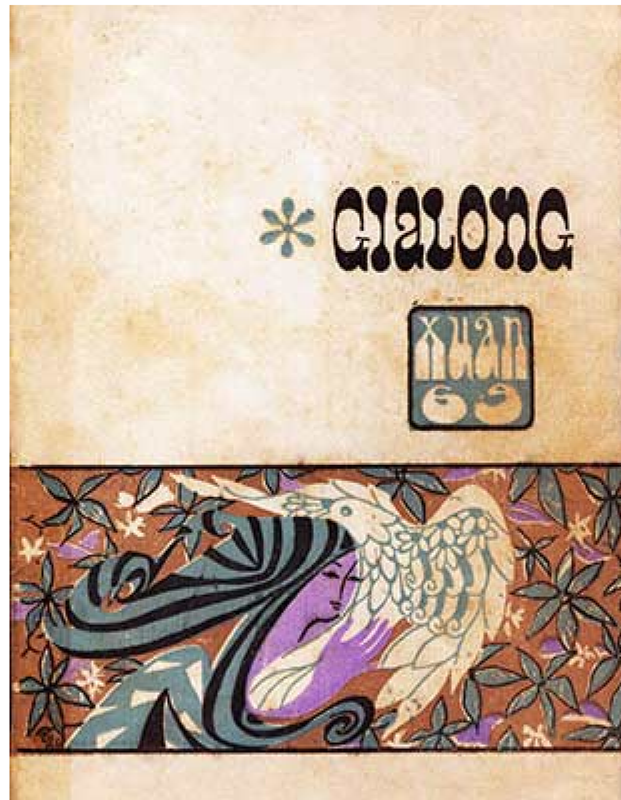
Sách trên tay chị nghe chừng nặng

Sao cặp em đầy vẫn nhẹ tênh

Thôi nhé em về con phố dưới

Giữ hoài cho chị tuổi hoa niên.

(Trần Bích Tiên lớp 10C2)





Hay thơ của nam sinh Nguyễn Đăng Châu:

Anh nói bé nghe chuyện làng chuyện xóm

Chú Bảy anh Ba ngã xuống hôm nào

Đường quê mình đi dày công nuôi nấng

Bằng xác bà con sữa mặn má đào

Lơ lửng lá trời anh nói bé nghe

Mình lại xóm quê một bữa đầu hè

Yêu lắm bé thơ, chiều thương dấu cũ

Có mẹ ngồi chờ trên chiếc chõng tre

(*Giai phẩm Đất Hồng*, trường Phan Chu Trinh, Đà Nẵng)

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác nhận xét trên Bách Khoa số 425 rằng báo Xuân học đường ở thành thị rực rỡ sang trọng in *offsette* trên giấy trắng láng, bìa nhiều mầu, khổ lớn như các tập báo của các trường Sương Nguyệt Anh, Võ Trường Toản, Lê Quý Đôn, Hồng Bàng... Còn báo Xuân tỉnh lẻ hoặc tỉnh lỵ in ronéo trên giấy hẩm. Chiến tranh các vùng nông thôn khác nhau nên có sự cách biệt về đề tài hay hình thức giữa nội thành và ngoại ô, sắc thái "an toàn" của văn chương học đường ở Sài Gòn và sắc thái "hiện thực" của tập báo Xuân Đất Hồng của trường Phan Chu Trinh, Đà Nẵng và trong thơ của các cây bút học trò như Quảng Điền, Nguyễn Đại Bường, Lê Văn Quang, Nguyễn Đăng Châu, Nguyễn Hoàng Thư. Thân phận của các học sinh trong chiến tranh trôi dạt từ nơi này sang nơi khác nên có thể tìm được những tiếng "mô, tê, răng, chừ" trên báo Xuân của quận lỵ hẻo lánh cực nam, "Hổng thèm" ngúng nguẩy hay "à nheng" thân ái trên trang báo học sinh ở Huế hay Quảng Trị.

Nội san Xuân học đường trước 1975 là một hiện tượng văn hóa đơn lẻ, âm thầm ít ai quan tâm, nhưng đó chính là nơi ươm mầm văn chương, bày tỏ nỗi lòng vừa chớm, háo hức trước cuộc đời rộng mở nhưng cũng đầy lo lắng của giới trẻ học đường trong thời chiến tranh tao loạn và bất trắc. Đó là một sân chơi đàng hoàng. Ở đó, ngoài công

sức của học trò, có các thầy cô mẫn cán bên các em có năng khiếu, khuyến khích và miệt mài cùng học trò trên một vùng đất hồn nhiên, trong trẻo mà ai cũng chỉ trải qua một lần.



Năm 1972, Sài Gòn đang vui vẻ trẻ trung với hippy choai choai đầy đường phố. Nhạc Phạm Duy đang được hát khắp nơi và nhạc ngoại quốc lời Việt thịnh hành với những bài Đồng Xanh, Trong nắng trong gió, Những mùa nắng đẹp. Xã hội đầy lo lắng từ các bậc phụ huynh khi con cái bị ảnh hưởng văn hóa phương Tây, yêu cuồng sống vội.

Lúc ấy, tôi còn là đứa con nít đang học lớp Nhứt (bây giờ là lớp Năm) ở trường Võ Tánh, Phú Nhuận. Tuy còn nhỏ nhưng nhờ có sẵn tủ sách của Ba và ông anh học Văn khoa nên tôi đọc được nhiều. Đã vậy, các hiệu sách cho thuê mướn truyện đang phổ biến. Tôi ngốn từ

sách của nhà xuất bản Phượng Giang với truyện cuả Thạch Lam, Khái Hưng, Nhà xuất bản Huyền Trân với tác giả Nhật Tiến... đến sách của Tủ sách Tuổi Hoa. Sách dịch có Con Nai Tơ của Rawlings, Phiêu lưu trên lưng ngỗng của Selma Lagerlof, cả lô truyện trinh thám Z.28 như Kashmir sông máu thuyền hoa, Bhutan đêm dài không sáng, Hồng Loan Hồng Ngọc... Tôi đọc mà nhớ nhớ quên quên, nhưng ham quá nên đích thị là con mọt sách.

Biết tôi ham đọc nên dù học không gioỉ giang gì, tôi được cô giáo lớp Năm giao cho trọng trách là "quản thủ tủ sách" của lớp. Thời đó, mỗi lớp được một khoản tiền hằng tháng để mua sách báo thi□u nhi xếp loại là lành mạnh (không dùng ngôn ngữ lóng, thô tục hay có cảnh đấm đá) để học trò đọc bên cạnh ổ bánh mì to và ly sữa hằng ngày cho mỗi đứa (chương trình viện trợ từ nước ngoài). Sách thì có cô lo, còn báo, tôi được giao mua hằng tuần. Từ đó, tôi phát hiện tờ Tuần báo Thiếu Nhi. Trước đó, tôi toàn đọc ké sách người lớn nên một ấn phẩm được coi là báo dành cho thiếu nhi đẹp nhất nhì miền Nam khiến tôi mê tít. Tranh màu nước của họa sĩ Vi Vi trên trang bìa, do được in trên khổ lớn nên đẹp hơn mấy bức của ông vẽ in trên tạp chí Tuổi Hoa của Linh mục Chân Tín. Bài vở thì do nhà văn Nhật Tiến chăm sóc cùng vợ là nhà văn Đỗ Phương Khanh, vốn là cây bút của các tạp chí Tân Phong, Văn Hóa Ngày Nay từ cuối thập niên 1950 nên rất có nghề. Mỗi kỳ báo có bài viết của "ông Khai Trí" Nguyễn Hùng Trương, cũng là Chủ nhiệm báo, nhẹ nhàng và sâu sắc trong mong muốn định hướng lối sống lành mạnh cho giới trẻ. Truyện tranh thì có truyện Tintin của Hergé, Tí hon thần lực của Peyo. Bài của các nhà văn Thùy An, Minh Quân, Kim Hài, Vũ Hạnh, Phan Khương Thái viết hay, sâu và luôn có tính giáo dục. Nhà văn Nhật Tiến thì đăng phơi-ơ-tông dạng như Thuở mơ làm văn sĩ. Mỗi tuần, tôi mua báo trên đường đi học về và sáng hôm sau mang vào lớp cất vào tủ sách để các bạn xem vào mỗi cuối buổi.

Qua suốt năm đó và đến đầu hè sau năm lớp Đệ thất (lớp 6), dù nghỉ học nhưng tôi vẫn được đọc báo Thiếu Nhi vì ông anh bắt đầu lo tôi sẽ ham mấy truyện tranh gọi là nhảm nhí như Quỷ một giò, Chú Thoòng bán đầy vỉa hè. Với tiền anh cho, tôi tiếp tục mua báo Thiếu Nhi và đoc̣ được thông báo là Tòa soaṇ sẽ mở một khóa học đặc biệt ở Tru ̣sở tòa báo số 159 Thiệu Trị (nay là đường Trần Hữu Trang), Phú

Nhuận. Lớp mang tên “Căn bản gấp giấy Origami”. Cái tên Nhật Bản này không lạ vì trên báo Thiếu Nhi đã đăng lai rai dăm kiểu x□p gi□y và gọi đích danh như vậy.

Ba má tôi, quá ngán thằng con lêu lổng suốt ngày ngoài đường trong ba tháng hè nên đồng ý ngay khi tôi mở miệng xin học. Tôi cùng ba thằng bạn trong xóm lần mò đến Tòa soạn mà lòng hồi hộp, hoặc có mình tôi cảm thấy vậy vì ba thằng kia chả quan tâm gì, đi theo tôi cho vui. Chúng tôi ghi danh và học luôn buổi đầu.

Lớp b□t đ□u khi một ông nhỏ người đeo kính bước ra chào mừng đám học viên, đa số là người lớn ra dáng giáo viên. Ông giới thiệu là Nhật Tiến, thần tượng của tôi, người từng làm khổ tôi vì phải soạn bài “tr□n thuy□t” (tập cho học sinh thuyết trình tác phẩm văn học) cu□n Thềm Hoang của ông trong năm lớp 6.



“Ông Khai Trí” Nguyễn Hùng Trương



Nhà văn Nhật Tiến

Sau đó, có một ông đầu hói, dáng bệ vệ trong bộ vest, da ngăm đen và có nụ cười như ông Địa bước ra. Đó chính là ông chu ̉nhà sách Khai Trí, tức Chủ nhiệm báo Nguyễn Hùng Trương. Một ông thứ ba là người Nhật từ Đại sứ quán Nhật Ban ̉tại Sài Gòn.

Cả ba ông phát biểu ngắn gọn, ca ngợi môn nghệ thuật và cũng là thú vui gấp giấy này. Sau đó ông Nhật Tiến giới thiêụ chương trình hoc̣ trong su□t ba tu□n, tu□n vài buôỉ, gi□y thì ban tô ̉chức lo. Ai g□p đ□y đu ̉các mẫu hình và nôp̣ cho th□y sẽ được c□p b□ng t□t nghiêp̣.

Hoc̣ được vài buôỉ thì ba th□ng baṇ cuả tôi, dù không có “mưa một ngày” nào nhưng lại bỏ tôi đi chơi đá dế tạt lon, dễ hiểu hơn là ngồi choc̣ ngoáy mấy tờ giấy.

Phần tôi tiếp tục ngồi học, tuần mấy lần đi ngang qua nghĩa địa Phong Thần (nay là chợ Trần Hữu Trang) là nơi yên nghỉ của bà ngoại tôi để đến Tòa soạn. Ở đó, tôi học từ các mẫu căn bản đến xếp được

những con phức tạp như con cọp, con gà trống bằng hai mẩu giấy và xếp dần đến con cua, con rồng rất khó.

Thầy Nhật Tiến hiền hậu, kiên nhẫn và luôn hết lòng khi hướng dẫn học viên. Thỉnh thoảng cô Đỗ Phương Khanh cũng ra giúp thầy. Cô Phương Khanh có làn da trắng, dáng đầy đặn và sang trọng. Đám con thầy khá đông, con trai thì gầy, con gái trắng bóc và mũm mĩm. Con trai đầu của thầy, hình như tên Khiết, thỉnh thoảng ra ngồi cùng chúng tôi và xếp biểu diễn những con vật rất khó.

Ra vô tòa soạn, thỉnh thoảng tôi xem được những bức tranh bìa chuẩn bị cho số tới của họa sĩ Vi Vi, r□t nổi ti□ng ở mi□n Nam lúc đó. Có lần, tôi thấy anh bước ra, dáng cao ráo và hơi nghiêm nghị. Một anh học viên quay về lớp khoe là đã xin chữ ký của anh. Lúc khác thì thấy báo chở về tòa soạn bằng xe ba gác, xếp đều tăm tắp và mới tinh tươm. Không khí làm báo lúc đó đối với đứa con nít mười một tuổi như tôi thật lạ lẫm, hấp dẫn và gây ấn tượng đến nỗi lớn lên tôi lỡ bước theo nghề này luôn.

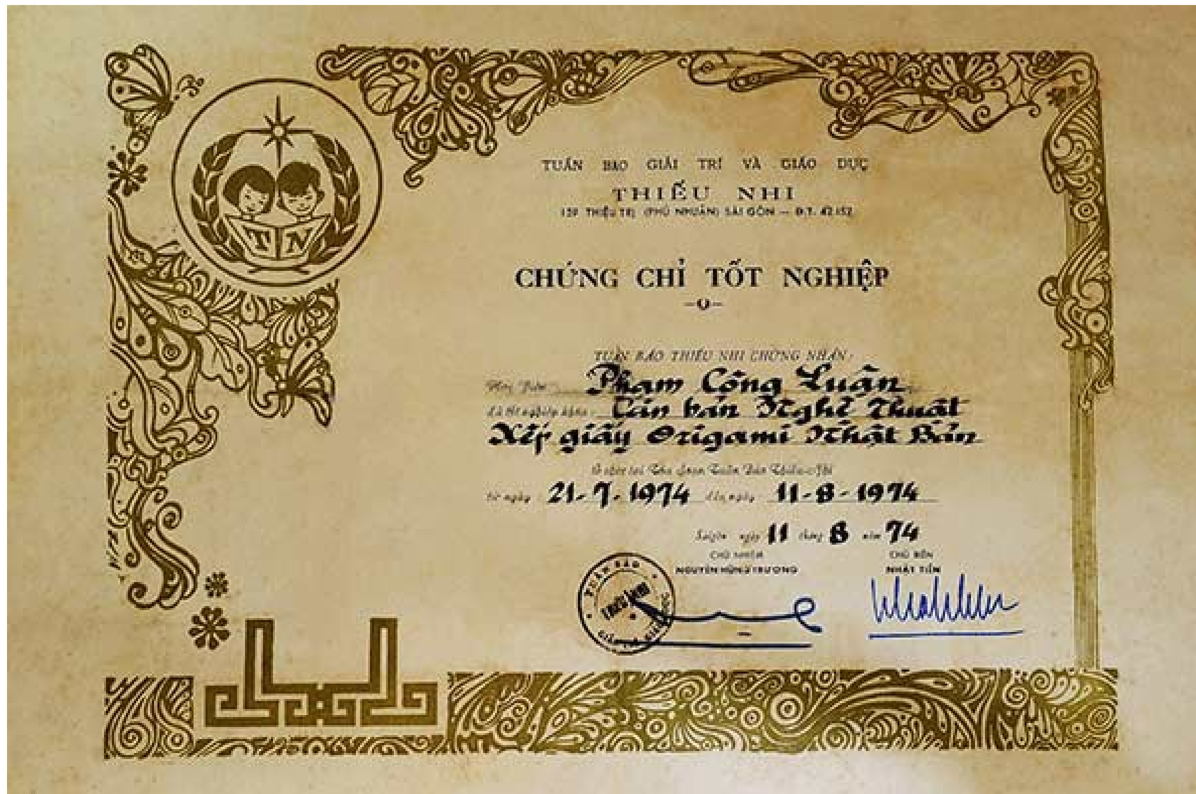
Kết thúc khóa học, chỉ còn mỗi mình tôi là đứa con nít duy nhất được cấp Chứng chỉ tốt nghiệp vì học đủ, nộp bài đủ. Vài học viên lớn tuổi được tặng quà vì xếp đẹp quá. Còn tôi thì thấy buồn vì hết được lui tới tòa soạn thân yêu này, và chưa có lần nào dám nói được một câu với chú Nhật Tiến hay anh Vi Vi.





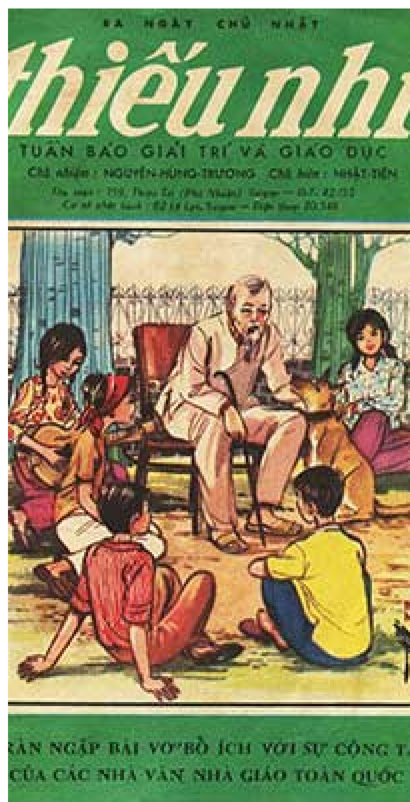
Tám tháng sau thì đến 30 tháng 4 năm 1975 và tờ báo Thiếu Nhi ngưng hoạt động. Nhi□u năm sau, tôi nghe nói gia đình nhà văn Nhật Tiến đã ra nước ngoài sống. Năm 1979, tôi được dự trại tổng kết hè dành cho những cá nhân ưu tú trong đợt hoạt động hè. Mỗi trại viên được một họa sĩ vẽ ký họa chân dung để triển lãm trong trại. Tôi được một họa sĩ tên Giang, tự là "Giang chảy" vẽ chân dung. Bên cạnh tôi, một đứa chưa chắc đẹp trai hơn tôi lại do chính họa sĩ Võ Hùng Kiệt tức Vi Vi vẽ. Tôi ghen tức biết chừng nào, nhất là khi nhìn lại bức chân dung một thanh niên mười tám tuổi quá đạo mạo do ông Giang Chảy thể hiện.

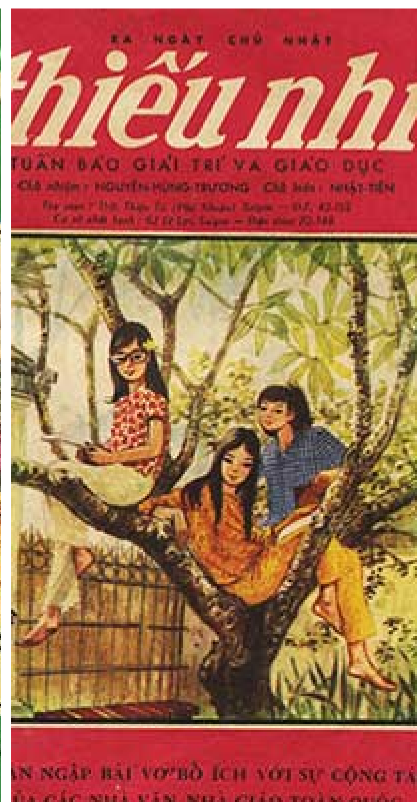
Cách nay vài năm, khi dọn nhà, tôi soạn lại sách vở giấy tờ và tìm được tấm chứng chỉ Tốt nghiệp rất đẹp này, dù giấy đã úa vàng qua hơn ba chục năm. Tờ chứng chỉ do họa sĩ Vi Vi trình bày, có chữ ký của ông Khai Trí và nhà văn Nhật Tiến, toàn những người tôi ngưỡng mộ.


TUẦN BÁO GIẢI TRÍ VÀ GIÁO DỤC
THIẾU NHI
CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
TUẦN BÁO THIẾU NHI CHỨNG NHẬN
Phạm Công Luận
Căn bản Nghệ Thuật Xếp giấy Origami Nhật Bản
21-7-1974 11-8-1974
11 8 74
CHỦ NHIỆM
NGUYỄN HÙNG TRƯƠNG
CHỦ BÚT
NHẬT TIẾN

Kể chuyện này cho chị Thư bán sách cũ trên đường Lê Văn Sỹ, chị bảo bà Đỗ Phương Khanh có về Việt Nam, tìm mua lại dăm tờ báo Thiếu Nhi ngày xưa. Tôi mang ra nhờ chị gửi tặng bà vài số. Tờ báo hay cái chứng chỉ cũ này đều gợi lên những ngày tươi đẹp và trong trẻo, mối duyên nhỏ giữa những người tâm huyết làm báo cho thế hệ tương lai và số đông độc giả, là tôi và bạn bè đồng lứa.


thiếu nhi
Ta thà làm quỉ nước Nam, còn hơn làm vương xứ Bắc
Danh tướng TRẦN BÌNH TRỌNG
114


RA NGÀY CHỦ NHẬT
thiếu nhi
TUẦN BÁO GIẢI TRÍ VÀ GIÁO DỤC
NGUYỄN-HÙNG-TRƯƠNG NHẬT-TIẾN
ẢN NGẬP BÀI VỞ BỔ ÍCH VỚI SỰ CỘNG
CỦA CÁC NHÀ VĂN NHÀ GIÁO TOÀN QUỐC


RA NGÀY CHỦ NHẬT
thiếu nhi
TUẦN BÁO GIẢI TRÍ VÀ GIÁO DỤC
NGUYỄN-HÙNG-TRƯƠNG NHẬT-TIẾN
N NGẬP BÀI VỞ BỔ ÍCH VỚI SỰ CỘNG



Không có nhiều đất đai cho Phú Nhuận, một quận nhỏ xíu chỉ rộng hơn quận 4 - vốn là cái cù lao trên sông - một chút. Phú Nhuận là "thị trấn giữa đàng", để mọi người băng ngang về Tân Bình, Gò Vấp, đi sân bay hoặc ra miệt quận 1, quận 3 để làm việc. Phú Nhuận xưa chỉ là một làng nhỏ có cha con ông Louis Vidal, là người Pháp nhưng lần lượt làm hương cả, nói tiếng Việt, ăn mắm, bận áo the đen, dùng cơm bằng đũa và được gọi tên Việt là hương cả Đành. Có bến Tắm Ngựa dưới chân cầu Kiệu mà nhà thơ Nguyễn Hồi Thủ nhớ hoài khi lang thang khắp Nhật, Pháp.

Phú Nhuận xưa, ở đường Louis Berland (nay là Phan Đình Phùng) có tiệm hát ả đào, du nhập từ miền Bắc vào để ông Nguyễn Tuân khi vào Nam đến hát cho đỡ ghiền. Phú Nhuận là nơi đội bóng xưa nhất Việt Nam - Ngôi sao Gia Định đóng đô, đến những năm 1950 sân banh chỉ còn là bãi đất trống. Phú Nhuận chứng kiến những chuyến xe ngựa đầu thế kỷ XX, chở những ông Tây bà Đầm chạy dọc theo đường Hai Bà

Trưng từ bến Bạch Đằng xuống Gò Vấp, mong tìm được chút hơi hướm khí hậu ôn đới vào buổi sáng sớm mù sương.

Những ngày tuổi thơ ở Phú Nhuận mới đây mà vèo qua bốn mươi năm. Nhớ trường Đình có cây đa to sát bên Đình làng Phú Nhuận nhìn ra đường sắt. Những đêm diễn hát bội ở Đình có nhóm Đồng ấu Minh Tơ toàn là các diễn viên nhỏ tuổi ca rất nghề. Tiếng chuông chùa Kỳ Quang, chùa Đại Giác và mùi nhang thơm luôn làm hồn trẻ nao nức những ngày giáp Tết. Xóm Mả Đỏ, xóm I Wai, xóm Mô, những cái tên bí ẩn nhưng hấp dẫn gắn liền những tệ nạn thời nào cũng có. Xóm nhà nghèo với ánh điện câu *"Đêm khuya sâu, ngõ như không màu"*, những cuộn ống nước nằm bên hè những nhà mới nhập cư đợi lúc câu nước nhờ. Nhà nào trong xóm cũng mơ một nền nhà bằng gạch bông hoặc cái mái bằng có mặt dựng thay cho mái tôn dốc xuống. Buổi trưa bầy trẻ nhỏ lang thang đi bắt chuồn chuồn, hái trái mồng tơi hay lượm trái điệp vàng, đi qua những xóm đìu hiu, hàng rào bông bụp, mái tôn nóng hực buông cái mành che nắng hướng tây. Những người vợ trẻ có chồng đi lính hát ru con sao mà não nuột trong cái trưa hè xóm nghèo với câu *"Ví dầu…"*. Tiếng máy may đạp xành xạch. Buổi tối, cha con lên giường nằm nghe cải lương, ở giữa nhà cái đèn tròn tỏa ánh sáng vàng ệch sao mà buồn giữa tiếng hát Út Bạch Lan hay Thành Được. Tiếng còi tàu từ cổng xe lửa số 9 kéo dài tô đậm thêm không khí bàng bạc và lo lắng của hậu phương thời chiến. Người Phú Nhuận lắng tiếng cánh quạt hay tiếng ì ì của động cơ máy bay trực thăng, chiến đấu cơ mà đoán chuyện chiến cuộc.

Xóm vui khi giáp Tết, nhà nào xênh xang thì mua được cái Tivi mới hiệu Denon hay National, coi như năm qua làm ăn thành công. Nghèo thì sắm cái radio chạy pin nghe cải lương hay không sắm gì hết. Dù sao, bầy con nít vẫn có áo mới. Con gái thích đồ bộ có in bông. Con trai may quần Tây, áo sơ mi kiểu người lớn, mặc qua Tết còn tiếp tục bận đi học đỡ tốn. Đi chơi Tết thì ít tốn tiền nhất là đợi hăm tám, hăm chín Tết ra đường Võ Di Nguy gần chợ Phú Nhuận xem hàng Tết bày đầy các Kiosk mới mọc. Về nhà thì vui như mở cờ khi thấy có mấy xâu lạp xưởng ba má mới mua, bánh phồng tôm Sa Giang, thấy cây đèn cầy bự chưng bàn thờ cũng đẹp mướt mát, đỏ tươi. Hôm nào đi gặp một kép hát, đào hát hay tài tử dạo chợ Tết là về khoe inh ỏi. Ông hề Thanh Hoài ở ngoài hay cười như trong kịch. Ông Xuân Phát, ba của Dustin Nguyễn bây giờ, với

đôi mắt nhỏ giống hệt ông Ba Tàu thứ thiệt khi hát bài *Tình chú Thoòng* với câu *“Ngộ có chết đi thì cũng theo trời theo Phoọt…”*.

Phú Nhuận nhỏ nhưng nghệ sĩ không thiếu. Nhớ cái nhà rộng có sân vườn của nhạc sĩ Phạm Duy ở cư xá Chu Mạnh Trinh, đám con trai hay ra chơi bên cái hồ nước. Thỉnh thoảng lại có mở tiệc, bầy trẻ ngóng mỏ nhìn những ca sĩ đẹp rực rỡ dưới ánh đèn điện đến dự tiệc. Gần đó là nhà của ông văn sĩ người Bắc, thần tượng của học trò Sài Gòn vì là người viết truyện *Chương còm, Dũng Đakao, Mơ thành người Quang Trung*. Ca sĩ Phương Hồng Ngọc xinh như mộng vẫn theo mẹ ra khu chợ Ga đường Trương Tấn Bửu nối dài mua vải, mua xà bông thơm. Nhà nghệ sĩ Kim Cương ở Hoàng Diệu kín cổng cao tường, thỉnh thoảng lại có người tò mò ngóng ngó, ao ước nhìn thấy kỳ nữ nổi tiếng làm rơi nước mắt đêm qua với mấy vở *Lá sầu riêng, Dưới hai màu áo*. Thỉnh thoảng lại thấy ca sĩ Thanh Phong ban Tam ca Sao Băng mặc quần tây trắng đứng hút thuốc với dáng vẻ hào hoa dưới dãy phố lầu đối diện Nhà thờ Nam. Cách đó vài trăm mét trên đường Trương Tấn Bửu (nay là Trần Huy Liệu) là nhà của ca sĩ Kim Loan, cô ca sĩ xinh đẹp với giọng khàn hát tuyệt hay bài *Đan áo mùa xuân* của Phạm Thế Mỹ.

Quanh quẩn đâu đó ở Phú Nhuận những năm sau này, người Phú Nhuận quen với sự có mặt của những nghệ sĩ như họa sĩ Nguyễn Gia Trí, Năm Châu, Dương Thiệu Tước. Những người chọn Phú Nhuận để sinh sống như một vùng đất nội thành tiện lợi đi lại nhưng êm đềm.

Dù phố phường chật chội mấy vẫn có những khoảnh khắc lắng dịu khi đi qua dăm ngôi nhà đường Nguyễn Trọng Tuyển, Đặng Văn Ngữ. Giữa lúc tấc đất tấc vàng, một miếng đất mặt đường rộng ba mươi mét bề ngang nằm “trơ gan tuế nguyệt” với hàng rào cũ kỹ, bên trong thấp thoáng sau mấy cây vú sữa tím là ngôi nhà nhỏ đặt vài chậu kiểng trước nhà như một thứ bình phong. Cái bàn thiên trước sân đặt mấy trái vú sữa chắc là cây nhà lá vườn, sân vẫn là sân đất, thấm nước khi mưa về và bốc lên mùi đất ẩm, mùi cỏ lá. Khách đi ngang qua chợt thèm có dịp thăm ngôi nhà vào một dịp giỗ Tết gì đó để biết đâu có thể tìm lại không khí của Sài Gòn cũ những năm sáu mươi ở Phú Nhuận, hay xa hơn là cảnh sống miệt vườn Mỹ Tho, Cao Lãnh. Bà cụ già ra thắp nhang bàn thiên vẫn giữ nét mộc mạc của người Nam bộ xưa, cái khăn rằn vắt vai. Mấy người con trai đi làm cơ quan nhà nước về nhà lo tưới cây,

quét lá. Họ sống không ồn ào, ít tham vọng, rất lặng lẽ như rất nhiều người gốc gác từ lâu ở Sài Gòn, để mặc đất cũ đãi người mới đến.

Một thế hệ người cũ của một thời Phú Nhuận đang trôi dần về quá khứ. Ngôi nhà cô giáo lớp ba trường Võ Tánh của tôi nép mình dưới bóng cây vẫn là cái mái ngói dột nát. Hồi cuối những năm sáu mươi đến nhà cô cả đám học trò mê mẩn khi nhìn thấy những cái trứng chim cút kỳ lạ nhỏ xíu có đốm màu nâu, khác hẳn với trứng gà trứng vịt ở nhà. Một đứa chìa ra mấy đồng xu keng xin mua một trứng cút để mang về chơi nhưng cô chỉ mỉm cười. Phong trào chim cút làm giàu rồi cũng sập tiệm và cô vẫn sống một mình đến cuối đời. Ngồi trên bộ ván cũ mà giờ đây quá mỏng mảnh, khác với cái nhìn con nít hồi xưa, tôi nhìn dáng cô cóm róm pha trà nước mà thấy thời gian như bóng câu qua cửa. Xe lửa lại sầm sập đi qua. Tiếng còi tàu không thay đổi khi đi ngang qua Phú Nhuận, từ cổng số 6 Lê Văn Sĩ, số 7 Nguyễn Văn Trỗi, số 8 Nguyễn Trọng Tuyển và số 9 Hoàng Văn Thụ. Đó là chút thanh âm ngày cũ còn sót lại của quận Phú Nhuận, chốn quê nhà nhỏ của người sinh ra trên đất Sài Gòn rộng lớn này.



Một góc lăng mộ ông Trương Tấn Bửu, Phó tổng trấn Gia Định thành đầu thế kỷ 19, nằm trên đường Nguyễn Thị Huỳnh, Phú Nhuận. Ảnh: Đức Trí



Cổng xe lửa số 8. Ảnh: Đức Trí

Xóm Ngụ Cư

Xóm nhỏ nhưng đông đúc như mọi cái xóm ở Gia Định, miệt Phú Nhuận. Họ có đủ gốc gác khác nhau. Người nói giọng Nam đông nhất, sống truyền đời ở đất này cả dăm bảy thế hệ, thích lặng lẽ, ngại bon chen nhưng rất xởi lởi khi chuyện trò. Trong đó, có dăm gia đình từ đồng bằng sông Cửu Long chạy lên đây hồi chiến tranh. Họ làm lụng phu phen, chuộng nhậu ba xị đế hơn uống bia, tính thiệt thà và đàn ông thì nóng nảy, ăn nói thẳng tuột. Dăm nhà gốc ngoài Bắc, nền nếp và kín đáo. Hai nhà gốc Hoa và một nhà người Khơ-me.

Nhà tôi là một gia đình lâu đời ở đây. Má tôi kể, khi nhà ông A Xồi, gốc Quảng Đông dọn đến xóm này cách nay nửa thế kỷ, má và dì Út đang tuổi con nít chạy đến tò mò ngó vào và hoảng sợ chạy về nhà la lên *"Ôi, cẳng củn, cẳng củn!"*. Bà ngoại tôi hỏi ra mới biết là A Xồi có đưa bà mẹ của ông về ở chung. Đó là một phụ nữ Hoa đã già yếu, mí mắt dưới sụp xuống trơ lòng mắt trắng và ít lòng đen nên bà có cái nhìn cực kỳ mệt mỏi. Lúc nào cũng thấy bà ngồi trên ghế không đi đâu, có cơm bưng nước rót tận tay và trà Phổ Nhĩ uống trong cái bát sứ có nắp đậy. Đặc biệt, chân bà bỏ trong đôi hài vải bé xíu như của con nít. Mỗi ngày đôi hài được cởi ra để A Xồi rửa chân cho bà. Một lúc nào đó, dì và má tôi đã thấy được đôi chân bị bó lại, co rút và đầy những nếp gấp trông rất ghê sợ. Đó là tục bó chân của người Trung Hoa xa xưa mà bà là chứng tích sống. Từ đó, má và dì ít dám ngó vào căn nhà đó cho đến khi bà mất vài năm sau.

Ngày Tết là những ngày vui nhất, cho dù xóm vắng vẻ hơn. Một số gia đình thu xếp về quê. Trước đó, họ đến chúc Tết từng nhà trong xóm và nhờ ngó dùm cái nhà, hẹn sẽ cùng nhậu nhẹt sau Tết. A Xồi vốn bận bịu cả năm cho cái tiệm nước bán bánh bao, sủi cảo ở chợ La Kai thì gần Tết cũng bỏ chút thì giờ lo trang trí nhà cửa, thay liễn đối. Nhìn vào nhà ông đã thấy bàn thờ sáng choang thờ đủ các vị Thần mà ông gọi là Môn Thần, Thổ Thần, Táo Quân... với màu đỏ là chính. Bà vợ A Xồi nấu món bát trân bằng những với những cái tên kỳ lạ như *tung cua*, thiệt ra là nấm đông cô, *phù chúc* tức là tàu hũ ky, *phát choi* tức rong đen,

xáng choi tức là rau xà lách. Ba tôi nói món nào cũng có nghĩa hết, tên của các thứ đó chính là phát tài, làm ăn tấn tới, có tiền...



Ảnh: Sam d’cruz

Trong xóm ai cũng biết A Xồi nhất định không ăn thịt vịt dịp Tết. Ông bảo không ăn được vì xui lắm, làm ăn chậm chạp cả năm như vịt vậy.

Ngôi nhà còn lại của ông già người Tiều mà hàng xóm gọi là A Căng thì khác. Vốn làm rẫy cải hồi xưa, giờ đã già yếu, vợ mất từ lâu, A Căng sống một mình với cậu con trai độc thân. Khác với ngày thường thích ăn mặn, ăn cơm với món mặn như củ cải muối, măng khô, cá khô, mắm khô, ngày Tết cả nhà ông lại làm món thịt vịt, có đem qua mời hàng xóm vài miếng trừ nhà A Xồi. Đó là những miếng vịt ram mỡ để nguội, ăn béo và mặn. Riêng với A Xồi, ông sai con trai mang qua biếu Chỉn túi , một thứ bánh chiên tròn như bánh cam của người Việt, có nhân bắp rang, thơm và béo mà tôi đã có dịp ăn. Riêng chị Neáng người Khơ me cuối xóm thì không ăn Tết Việt. Chị bảo Tết của tụi tui tới tháng Tư lận, nhưng thế nào tui với đứa con gái cũng đi chùa mùng Một Tết cho

dzui.

Một bữa sáng, người ta nghe ông A Căng khóc rống lên. Anh con trai thức dậy hốt hoảng chạy tới chạy lui xem chuyện gì xảy ra. Thì ra đêm qua nhà ông bị ăn trộm đột nhập. Thật ra, không phải trộm. Một người đi nhặt ve chai nào đó thấy trong sân nhà ông, trên cái đi văng ông hay nằm chơi có một cái gối mây mà đêm qua ông quên cầm vào nên lấy đi. Ông nói: "Có khi nào ngộ rời cái gối đâu. Nó là của vợ ngộ đan cho, bằng trúc hạng nhứt. Đêm qua ngộ cảm nên vào nhà nấu thuốc uống, xong mệt quá lăn ra ngủ. Bà vợ mất rồi, ngộ còn bao nhiêu đó mà tụi nó lấy mất!". Ông vò đầu bứt tóc khổ sở. Cả xóm lắc đầu thương ông cụ xa quê hương, luyến tiếc hoài những phong vị xưa. Ông gọi cái gối là Trúc phu nhân, gối đầu riết, nó thành bóng lưỡng.

Người ta bắt đầu râm ran chuẩn bị đi dự đám cưới của con trai A Căng và con gái bà Neáng. Ai cũng thắc mắc, vậy làm đám cưới theo phong tục của người Hoa hay Khơ me há? Đám con nít vui lắm vì sắp được xem đám cưới và vỗ tay hát bài *"Cô dâu chú rể đội rế trên đầu... "*. Bà Neáng bảo: *"Con trai Tiều giỏi lắm, hồi tôi ở miệt Bạc Liêu người ta chỉ thích gả con gái cho trai Tiều, họ giỏi làm ăn lại cưng vợ..."*. Còn ông già A Căng thì rất vui vì bề gì cũng sẽ có cháu nội để hủ hỉ. Từ hồi xưa tới giờ, con của cha Hoa, mẹ Khơ Me đẹp có tiếng đó. Chúng sẽ có da trắng của cha và mắt to hai mí, miệng nhỏ, hàm răng trắng tinh, vóc người tròn trịa của mẹ. Ông gần như quên chuyện buồn về cái gối âm ỉ trong lòng ông mấy tháng nay.

Đó là câu chuyện cũ. Những câu chuyện lặt vặt của cái xóm nhỏ thật kỳ lạ. Tôi sống ở đó, vui với từng ngày Lễ Tết. Ngày Đoan Ngọ tháng Năm bắt thằn lằn bỏ vào thau nước có đựng lá cây, rồi nháy mặt trời. Rồi Tết Trung thu đốt đèn cầy trong lon, ăn bánh dẻo. Tết Nguyên Đán vui đậm đà. Tôi cũng buồn theo từng đám đưa ông cụ bà cụ về với đất đai hay thành tro bụi trên chùa. Cái xóm ngụ cư thân thương với những người tứ xứ đổ về, dầu cách sống khác nhau mà sao thân tình và độ lượng đến vậy!



Ảnh: Jackmalipan

Đẹp Xưa

Chiều Hăm chín ở phố Lê Công Kiều, chúng tôi nhìn ra con đường nhựa giờ đã bắt đầu loang màu tím của hoàng hôn. Sài Gòn đã vắng đi rất nhiều sau mấy đợt người về quê ăn Tết. Một bác gầy gò, năm nào cũng viết thư pháp chữ Hán ở Miếu Thành Hoàng Bổn Cảnh khu Đồng Mả Lạn ngày 23 Tết, cất giọng đọc khẽ:

Đêm khuya nơi xóm Bạch Vân

Bốn người luộc bánh chưng xuân chuyện trò

Lửa bừng lách tách reo hò

Chú miêu nằm cạnh co ro sưởi mình

Một chàng mảnh khảnh thi nhân

Một người áo vải nông dân hiền từ

Một Tráng sĩ, một Thiền sư

Vây quanh bếp lửa hồng như ráng chiều

Thuốc lào nhả khói đăm chiêu

Rung đùi sư bác lẩy Kiều ngâm nga

"Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài"...

Đoạn thơ Phạm Thiên Thư sáng tác chỉ vài chục năm trước mà nghe như rất xa xưa. Câu chuyện quanh bộ bàn ghế Louis của gia chủ bày bán trong khu chợ "đồ cũ thì nhiều, đồ cổ thì ít" trở nên râm ran vì không khí hào sảng cổ xưa gợi lên từ thơ. Cũng có thể do hiệu ứng từ chiếc đèn măng-xông của Đức cũ kỹ, vài chậu Cây Mai sứt sẹo hay chồng chén Nhật hiệu Đại Nam giờ đã thành quê mùa nhưng vẫn kiêu hãnh trong tủ, với nước men trắng tinh phủ lên lớp sứ mỏng. Sài Gòn, vùng đất luôn bị xem là mới, ký ức ba trăm năm vẫn là thiếu thâm sâu, lịch sử luôn là ngắn ngủi. Thôi thì nhấm nháp chút trà lài, nhắc nhớ nhau những cái Tết mới nửa thế kỷ thôi mà đã "khác hoắc" bây giờ.

Ông Tám nhắc về ba cái đồ sứ thời ông Diệm. Chỗ góc Đồng Khởi - Đông Du bây giờ có một chỗ bán đồ ba-da nhưng to rộng như siêu thị mang tên Departo, có bán đồ sứ Nhật mang thương hiệu Noritake. Thời đó, đồ sứ mang thương hiệu này chưa đẹp sắc sảo như hàng Noritake bán cho lính Mỹ của PX sau này. Vậy mà ông thợ may đắt khách đất Sài Gòn chỉ biết đứng nhìn ngẩn ngơ dù thèm thuồng muốn chết. Đồ trà Nhật luôn gợi nhớ dĩ vãng tươi đẹp khi gia đình chưa tan tác, còn ăn Tết vui, sum họp đầu năm uống trà Tàu.

Nhớ năm 1942, nước Phù Tang tấn công nước Trung Hoa. Người Hoa yêu nước trong Chợ Lớn thể hiện hành động bằng cách tẩy chay hàng Nhật Bổn, chủ yếu là đồ sứ. Đó là thứ đồ sứ vốn được ưa chuộng vì mỏng nhẹ, men trắng tinh lại được vẽ bằng tay rất đẹp, khác với loại đồ sứ do Công ty Đại Nam nhập về sau Thế chiến, in họa tiết, rập hiệu bằng chữ Hán. Một người Hoa ở Lái Thiêu chộp ngay cơ hội, về Chợ Lớn thầu mua hết hàng Nhật đang ế trong các kho, mang về Lái Thiêu bán. Ở đó,

người Hoa xa Sài Gòn thiếu thông tin, ít hiểu thời cuộc cùng với người Việt đổ xô đi mua. Năm đó, số hàng đẹp Nhật Bổn từ bộ đồ trà, bình đựng rượu Sa kê, chậu hoa nhỏ, dĩa bàn các hiệu danh tiếng như Imari, Satsuma vẽ tay màu sắc tuyệt đẹp tụ về đây rất nhiều, tha hồ mua về bày uống trà, chưng lan ăn Tết. Chiến cuộc lan xa, nhà ông dần dà không còn gì ngoài cái ấm sứt vòi vẽ tay công bút, hình cô Nghệ giả cầm dù, xa xa là Phú Sĩ sơn.

"Hồi xưa người ta không có mua mai về chưng Tết đâu à nghen!" - Chú Lý, nhân viên ngân hàng Việt Nam Thương Tín nhớ lại. Hồi còn trẻ trung phong độ, Tết chú nhắm la - de LaRue với củ kiệu, ăn dưa giá vợ làm. Chú mê Tết đến độ luôn đặt chương trình ăn Tết trước đó hai tháng. Phải có hồng khô chưng bàn thờ dù có người chê dở, nhạt thếch. Khi ngâm nước nóng cho mềm rồi nhấm nháp miếng hồng, chú lại nhớ ba chú hồi ở Mỹ Luông mới lên Sài Gòn, thích chưng hồng ngày Tết. Rồi phải có mấy chậu cây quan trọng là Vạn thọ và Mồng gà. Mồng gà sặc sỡ, Vạn thọ thơm. Ai có cây mai trồng trước sân thì vẫn chăm sóc cho nở bông, nhưng chẳng mấy ai cắt cành chưng trong nhà. Đến khi người Pháp quay trở lại miền Nam sau khi thua trận Điện Biên, Sài Gòn phát triển việc kinh doanh, chú mới thấy người ta bắt đầu chưng mai, với mong muốn may mắn cát tường. Mấy người lính sẵn có phương tiện xe cộ và quyền di chuyển, vào tận rừng sâu miệt Hớn Quản, Lộc Ninh, Chơn Thành chặt mai rừng về, cho người nhà đem ra chợ bán. Đến giờ, nhà nào cũng chưng mai cành, hoặc thuê hay đặt chăm sóc mai ở vườn rồi bưng cả chậu đặt trong nhà. Đó là điều "khác hoắc".

Người thứ ba góp chuyện về mấy cây mai rừng. Hồi thập niên 60, về Dĩ An có nhiều vườn mai lắm. Lúc đó anh còn là chú bé mười tuổi, về nhà ông nội có khu vườn lớn trồng mai để bán cành. Trong không khí mùa xuân mát mẻ, nắng vàng và hương thơm hoa mai, hoa Vạn thọ nhè nhẹ trong gió, chú bé ra đứng ở vườn sau, ngắm nghía từng gốc mai xù xì. Ngẫu hứng, chú bé vạch quần tè xuống đất cho thật xa và thấy sướng đến ngất ngây vì làm chuyện "tầm thường" này giữa một cảnh thiên nhiên tuyệt vời như vậy. Có vậy thôi mà đến giờ vẫn còn nhớ cảm giác đó.

Câu chuyện của anh trung niên khiến mọi người cười rộ xong lại lặng im ngẫm nghĩ. Chú Lý mơ màng nhớ hồi còn trẻ, làm ngân hàng

có tiền, diện đồ chẳng khác thầy Hai trong bài tập đọc của tụi nhỏ:

Đồng hồ đã điểm tám giờ

Thầy Hai sửa soạn mặc đồ đi chơi

Bộ y phục kẻng ôi thật kẻng

Quần bi-canh ống bén như dao

Vét-tông ôm sát thân cao

Chiếc cà vạt đỏ như chào gió xuân

Giày xám mới nện rung thềm gạch

Nón lát-sê như thách không gian

Điểm thêm cái kính gọng vàng

Thầy Hai đắc chí xênh xang phố phường



Ảnh: PCL

Thời đó chẳng khác nào bây giờ, có tiền, diện kẻng là thấy vui rồi, cơ hội kiếm một cô vợ ngon lành cũng nhiều. Lúc đó, vẫn nhớ câu "trai khôn kiếm vợ chợ đông". Chú thích diện đồ lên rồi ra chợ Bến Thành xem mấy bà mấy cô đi mua sắm Tết. Nhiều cô diện áo dài, nhưng chú lại thích cô nào diện quần Mỹ A đen. Ôi cái quần vải Mỹ A miệt Tân Châu nước bóng nhè nhẹ, đen rức, càng bận lại càng mềm. Vải nặng nên đằm, cô nào có dáng đẹp, đùi đẹp thì ôi thôi, nó thể hiện ra hết dù nhẹ nhàng kín đáo. Ống quần mềm mại, làm nổi bật bàn chân trắng lấp ló trên đôi guốc sơn màu trắng quai nhựa trong.

Ông Tám cũng có thời vui đẹp của ông. Thời mà những người gốc Bắc bạn ông còn thưa thớt ở miền Nam. Vốn là chú nhỏ học nghề may, ông giao du với họ và học được nhiều điều thú vị. Ở quê nhà Lái Thiêu, ông lân la chơi với các chú thợ người Hà Đông về Bình Dương làm nghề sơn mài, quả tráp, làm gốm... Lên Sài Gòn, ông gặp lại họ sau 1946, khi Tây trở lại ruồng bố người gốc Bắc. Họ chạy về Sài Gòn nấu phở bán và làm giày ở miệt Khánh Hội, quận 4 hay Đa Kao và mở nhiều tiệm bán vải, vàng y, giày ở đường Lê Thánh Tôn. Ở đó, người ta gọi "anh em họ Cự" vì tiệm nào cũng có chữ Cự trên bảng hiệu như Cự Phách, Cự Thành, Cự Tiên... Họ cần mẫn làm từng cái quạt giấy màu tím và dùng kim châm từng lỗ để trang trí cho đẹp, dễ bán. Rảnh còn bày ra việc sơn guốc, làm việc không ngơi tay. Họ buôn bán nhiều nhất ở đường Sabourain và Espagne, mở cửa hàng thêu, đăng ten ở phố Catinat, d'Ormay, Bonard và xa tít trên đường Chasseloup – Laubat, trước nhà "sẹc" Tây. Khoảng gần chiến tranh thế giới thứ hai, ông còn là chú nhỏ học may, chủ sai mua vải tusso tơ tằm dệt ở Nam Định may cho khách, mua ở các hiệu đường Lagrandière gần chợ Mới Bến Thành. Sau có tusso Nhật có pha sợi nhân tạo bận không mát bằng. Có khi khách thích bận sơ mi bằng vải lụa Hà Đông mát, hơi vàng ngà mua ở dãy quán trên đường Espagne, Chợ Cũ và dãy hàng bên Chợ Mới.

Tiếng nhạc của xe bán dĩa DVD ca nhạc sầm sập đến con phố yên tĩnh. Có chút trăng xanh cuối tháng gần tàn ở phía tây, lấp ló trên khoảng trời hiếm hoi của thành phố. Lời ca từ những người nghệ sĩ sống tha hương vọng lên, nghe vui mà lại buồn *"Ngày 22 dọn cửa quét nhà, trưa 23 nấu xôi chè đưa ông táo, sáng 24 chôm mấy cái nhánh mai,*

đợi 25 bày trái cây mâm quả, đến 26 lau chùi bộ lư đồng…”

Có những ký ức giờ như đã xa và nhóm khách chiều cuối năm thấy như mấy ngày xuân đã trôi qua rồi, kể từ khi họ ngồi ôn chuyện cũ trong một góc phố, và tưởng như mình đã trở thành cũ kỹ vì chỉ nhớ những ký ức về dăm thứ di sản vật chất, nay chỉ là những dư âm không mấy ai buồn nhớ…







Ảnh: Nguyễn Đình

Một Biểu Tượng Của Sài Gòn

Tấm sơn mài cũ ở nhà anh bạn, tôi đã thấy từ nhiều năm trước. Đó là một tấm tranh nhỏ hình chữ nhật đứng, trên nền sơn then đen bóng vẽ vài cây thốt nốt bên cạnh cái cổng tam quan của Lăng Đức thượng công, mà tên thường gọi là Lăng Ông. Ở dưới bức tranh, có chừa một khoảng nhỏ. Mỗi năm, anh bạn tôi lại mua một bloc lịch dán vào chỗ đó. Bloc lịch mới trên nền tranh cũ đã bay lớp bóng. Giữa ngôi nhà mới cất sáng đẹp của anh, bức tranh này lạc lõng lắm. Anh biết vậy nên treo nó trong phòng ăn, và mỗi khi có dịp uống trà cùng, chúng tôi lại nhắc nhớ nhau những hồi ức cũ. Cùng thế hệ lớn lên trên đất Gia Định, ngoại vi Sài Gòn, chúng tôi đầy ắp kỷ niệm với khu lăng mộ rộng lớn và có khuôn viên xanh mát này.

Khác với những lăng miếu lạnh lẽo, nghiêm trang thường thấy, Lăng Ông thật gần gũi, ấm áp, nhất là trong những dịp lễ hội. Ba tôi nói, lăng miếu chỗ khác tuy cũng thờ trung thần hay danh tướng nhưng không khí rất tĩnh lặng, uy nghiêm, còn người dân Sài Gòn xem lăng thờ Đức Thượng Công này như thờ một vị thần hay thờ ông Bụt trong chùa vậy, nên vừa xa lại vừa gần gũi.

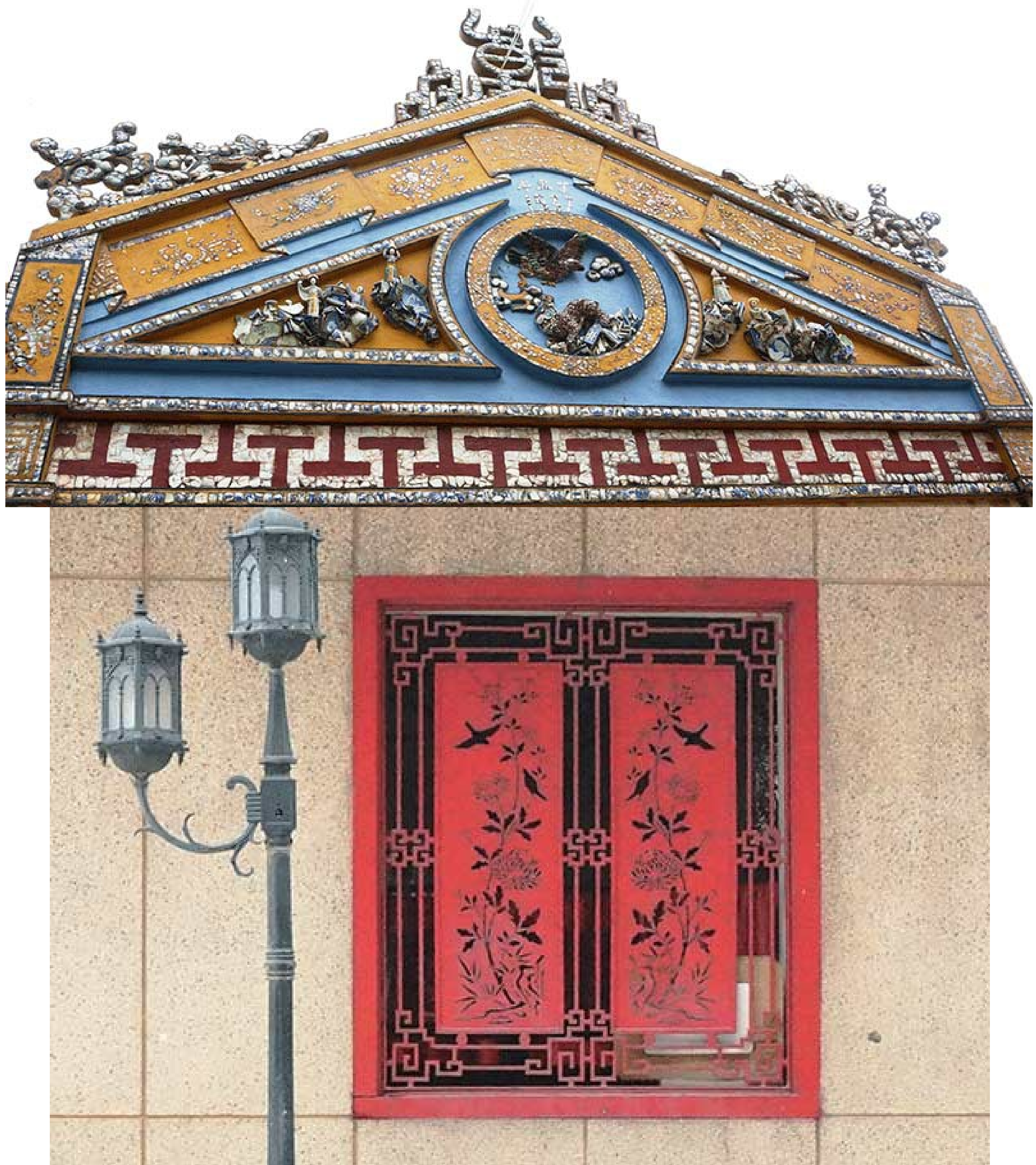
Suốt những năm làm Tổng trấn Gia Định thành thế kỷ 19, Đức ông đã biến miền Nam thành một nơi làm ăn trù phú, cuộc sống bình yên. Sau khi mất, ông được người Việt và người Tàu vùng Chợ Lớn xem như là vị thần linh hiển phù hộ cuộc sống hằng ngày và việc làm ăn. Nên ngày Tết, ngày rằm tháng bảy, người ta lũ lượt kéo đến cúng bái.

Lũ trẻ chúng tôi nhờ vậy mà có nhiều kỷ niệm vui khi được xem lễ thượng nêu ngày Tết. Đêm giao thừa phải đi xích lô xuyên qua các dãy phố khu Bà Chiểu thơm mùi nhang và xuống xe từ xa mới mong chen chân vào đám đông hái lộc, cúng bái và xin xăm. Còn mùa nghỉ hè, khoảng sân quanh lăng là công viên, nơi dạo mát, ngắm những bức tranh đắp nổi bằng sứ. Chúng tôi nhận ra những mảnh sứ của đồ Nhật hiệu Đại Nam, sứ tàu hiệu Ngoạn Ngọc ở nhà cũng có, ghép thành bức tranh phượng, rồng, lân, bát bửu... Hai nấm mộ hình mai rùa của Đức ông Lê Văn Duyệt và phu nhân giản dị gần gũi chẳng khác chi nấm mộ cổ ở quê nhà. Khu lăng do người Việt xây dựng và trùng tu từ hơn 170

năm trước, không phải do thực dân Pháp dựng nên như các kiến trúc tiêu biểu khác của vùng đất này.

Bạn tôi tiếc nuối rằng, ngày xưa cái cổng tam quan Lăng Ông là biểu tượng của đất Sài Gòn - Gia Định. Hình ảnh đó đâu cũng thấy, trên gốm Biên Hòa, tranh sơn dầu của họa sĩ trường mỹ thuật Gia Định, trên thiệp xuân, vậy mà bây giờ hầu như chỉ là hình ảnh của một thời vang bóng. Anh nói, mỗi lần ngắm tấm tranh gắn bìa lịch mới, anh lại thấy như mình còn nhỏ, luôn được má ưu tiên cho bóc tờ lịch cuối cùng của năm trong đêm giao thừa, ngay sau buổi đi xin lộc Lăng Ông.




























上公靈廟







Từ quê hương Hải Dương, năm 1927, nhà báo Thiếu Sơn Lê Sĩ Quý vào Gia Định để làm công chức Sở Bưu điện. Sau đó, ông trở thành một nhà báo, nhà văn và hoạt động chính trị tại vùng đất này cho đến cuối đời. Nhà báo Thiếu Sơn viết bài *Thành phố Sài Gòn* dưới đây vào năm 1943, sau 16 năm sống trên mảnh đất đô thị mới mẻ này. Bảy mươi năm đã trôi qua, nhưng khi đọc lại bài viết này, chúng ta nhận ra rằng những điều căn bản về cuộc sống ở Sài Gòn vẫn chưa thay đổi. Tác giả xin mượn bài viết này làm Lời bạt cho cuốn sách *Sài Gòn - Chuyện đời của phố*.

Thành Phố Sài Gòn

Ở Thổ Nhĩ Kỳ có một chuyện cổ tích tóm tắt như sau:

Một ông giáo sư một ngày nọ cho ba người học trò đi chơi ở thành Badgad. Thành Badgad thuở xưa là ở trong số những thành phố lớn nhất hoàn cầu. Ít tháng sau ba đồ đệ về, ông thầy hỏi về cách sinh hoạt ở nơi đó thì mỗi cậu đều trả lời một cách khác nhau. Cậu thứ nhất trả lời:

- Thật là điên cuồng hết chỗ nói! Họ nhảy, họ chơi thâu đêm, suốt sáng.

Cậu thứ hai nói:

- Rõ buồn hiu! Cả từ con ruồi đậu trên nhà cũng ủ rũ.

Cậu thứ ba nói:

- Khoa học, văn học, mỹ thuật, triết học nhứt nhứt đều thành đạt vô cùng. Có lẽ ở thế gian này không đâu được siêng năng như ở đó.

Ông giáo kết luận:

- Cả ba trò đều có lý cả. Mỗi trò đều thấy những cái mình tìm kiếm

theo ý thích của mình.

Tôi không dám so sánh Sài Gòn với Bagdad, nhưng Sài Gòn cũng có nhiều tình trạng ta không nên chỉ chú trọng ở cái hình thức mà chẳng tìm hiểu cái đời sống tinh thần thiệt của nó.

Ăn chơi đúng thực là Sài Gòn.

Kiểu cách lố lăng là Sài Gòn.

Ở Sài Gòn, người ta trác táng một cách điên cuồng, người ta sa ngã vào những vực sâu hang thẳm.

Nhưng ở Sài Gòn người ta cũng chịu cực vì miếng ăn, chịu khổ để nuôi sống gia đình thân tộc, người ta cũng siêng năng hoạt động để nâng cao địa vị và để tô điểm cuộc đời.

Đối với khách bàng quan thì Sài Gòn náo nhiệt lắm, lộn xộn lắm, bác tạp lắm.

Nhưng Sài Gòn vẫn có những nơi thanh tịnh, những đầu óc thanh cao và những tâm hồn đẹp đẽ.

Trong bài này, tôi không cần đưa các bạn tới những nhà lộng lẫy ở Sài Gòn, những tửu quán nguy nga ở Chợ Lớn. Tôi cũng không cần đưa các bạn đến các tiệm nước, tiệm buôn, tiệm nhảy, tiệm hút, những nơi mà các bạn có thể tự mình kiếm lấy một cách rất dễ dàng.

Tôi chỉ muốn các bạn theo tôi tới một gia đình nền nếp ở những căn phố nhỏ, hay ở những tòa nhà riêng.

Ở những nơi đó người già được tôn kính, trẻ nhỏ được yêu thương, chồng lo làm ăn, vợ lo cơm nước và gia đình, hết thảy đều sống một cách đầm ấm hòa vui, không nhiễm một chút gì gọi là bụi nhơ ở nơi đô hội.

Nhưng cao hơn một tầng nữa, lại có những nhà có thêm được một cái thơ viện, một bàn piano, một phòng khách thanh lịch.

Chồng là một nhà trí thức, vợ là một khách tài hoa. Có khi chồng

đọc sách, vợ ngồi nghe. Có khi vợ ngồi đàn, chồng dự thính. Nhưng thỉnh thoảng vẫn có những chúng bạn đến chơi, rồi chủ, khách quây quần ở khay trà, dĩa bánh cùng nói những chuyện văn chương hay cùng nghe những bài đàn thanh nhã.

Nhiều lần tôi có dịp để chơn đến những cuộc hội hữu này, tôi cảm thấy những người gần tôi đều là những nhơn vật khả ái, và ngoài cái trí thức và cái thông minh của họ, họ còn có những thái độ mà ở các tỉnh nhỏ ít khi thấy biểu lộ ra, tôi muốn nói họ giản dị và khiêm nhường.

Những bác sĩ, kỹ sư, trạng sư, giáo sư, hoặc những viên quan cao cấp đều là những người được xã hội kính trọng đã đành.

Nhưng ở tỉnh nhỏ vì họ ít quá nên họ dầu không muốn mà họ vẫn cứ phải cách biệt đối với những người thấp hơn họ.

Ở Sài Gòn những bức tường ngăn cách hầu như không kiên cố là bao, vì ở đây thiên hạ đông đảo, cá nhân như cảm thấy bị hút ở trong một hoàn cảnh to lớn, như cảm thấy ở đời không phải "duy ngã độc tôn" và như muốn hòa đồng với xã hội.

Chính vì những liên lạc về xã giao như thế mà Sài Gòn có được một hoàn cảnh tinh thần tốt đẹp đủ đương đầu với cái hoàn cảnh vật chất xa hoa.

Chính có nhiều nhà được người ta gọi mình là trí thức mà vẫn tự mình cho mình còn thiếu kém.

Họ thấy rằng đời học vấn chưa ngừng được ở những mảnh bằng cao đẳng. Họ còn thấy rằng những kiến văn của mình không phải chỉ là những món đồ trang sức của trí khôn.

Nhân đó mà họ hùn hiệp nhau lại để lập ra những hội học, để mở ra những tờ báo, để in ra những cuốn sách, để tổ chức những cuộc nói chuyện, và hết thảy đều là để gây nên một cái không khí tinh thần có bổ ích.

Trong những công việc làm chung lẽ tất nhiên là vẫn có những sự hơn kém về trí thức, những sự chênh lệch về tài ba. Bởi thế nên lại càng

nẩy ra những ganh đua chánh đáng, những nỗ lực của những kẻ biết tự lương tự tri.

Trong khi có những thanh niên phóng đãng đã tiêu phí đời mình một cách vô ý thức thì vẫn có vô số bạn trẻ khác lui tới thơ viện một cách siêng năng, ham đọc sách, ham viết văn, chịu để linh hồn vào những vấn đề có quan hệ đến văn học và văn hóa.

Nhơn những hoạt động đó mà nảy sinh ra một hạng công chúng có ý thức, có thị hiếu để công nhận những việc làm tốt đẹp, để thưởng thức những tài ba xuất sắc. Thành ra muốn xuất đầu lộ diện, kẻ thanh niên có tài ở khắp nơi đều phải tới Sài Gòn để dự thi trước những vị giám khảo vô danh, tiêu biểu cho một cái thông minh công cộng.

Cái thông minh công cộng đó kết tụ lại bằng những phần tử bác tạp vì Sài Gòn là nơi hội hiệp của khách tứ phương. Người mỗi xứ, mỗi nước, đều có những đặc tánh riêng, nhưng về phương diện tinh thần thì người xứ nào, nước nào cũng đều có một phần trí khôn cống hiến vào cho cái trí khôn của công chúng Sài thành.

Chúng ta đã thấy những tay ký giả Pháp cộng sự và những nhà viết báo người Nam. Chúng ta còn thấy trong làng văn khăn khít những anh em Trung-Nam-Bắc. Trước đây ở Sài Gòn người ta đã chờ từng kỳ tàu một để đọc những sách vở, báo chí từ Paris gửi qua.

Đó là đời sống tinh thần của kinh thành ánh sáng truyền tới cho hòn ngọc Viễn Đông. Nhưng hòn ngọc đó vẫn không tham lam mà giữ lấy một mình. Nó thâu vào rồi nó phát ra ở những báo chí, sách vở, mà khắp nơi người ta đều thiết tha trông đợi.

Nay sự giao thông với chánh quốc tạm dừng, song những phần tử trí thức vẫn luôn luôn hoạt động để giữ cho đời sống tinh thần của thành phố Sài Gòn được đẹp đẽ thanh quang giữa cảnh tối tăm gây nên bởi thời cuộc.

Mỗi lần có dịp đi chơi xa, tôi thường hăng hái lúc ra đi, nhưng lại lật đật mong trở về để hô hấp cái không khí tinh thần của nơi thủ phủ miền Nam đất Việt.

THIẾU SƠN

Nam Kỳ tuần báo*, số 77, tháng 3/1944*

(Theo Phóng sự Việt Nam 1932-1945 , NXB Văn Học trang 1137)

Tư Liệu Tham Khảo

I. BÁO VÀ TẠP CHÍ

- Nguyệt san Quản trị Xí nghiệp bộ I Phạm Tieu II - số 4 (tháng 10 năm 1972).

- Tập san Xuân Việt Nam Quý Tỵ 1953 - Thư xã Đẹp Sài Gòn – Nùng Sơn Thư xã Hà Nội xuất bản.

- Tập san Sáng Dội Miền Nam, số 6 (36) tháng 6 năm 1962 và số 31 Tết Nhâm Dần 1962.

- Báo Xuân Chính Luận năm Kỷ Dậu 1969.

- Báo Nông Cổ Mín Đàm năm 1915.

- Tạp chí Bách Khoa, số 424. Năm 1975.

II. SÁCH

- Viet Nam, where East & West meet - Do Van Minh - Edizioni Quattro Venti, Rome.

- Khảo luận Nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại - Huỳnh Hữu Ủy. Vietnamese American Art & Letters Associalion (VAALA), California 2008.

- Tự điển phân loại nghề nghiệp Việt Nam (Bộ Lao Động VNCH 1973).

- Quyển sách, nghề xuất bản và nghề bán sách - Lê Thái Bằng dịch từ phần Le Livre tập 18 bộ Bách khoa toàn thư Pháp. Viện Đại học Huế 1962.

- Những người bạn cố đô Huế. NXB Thuận Hoá, 2001.

- Nghệ thuật Huế. NXB Thuận Hóa.

- L'Art à Hué. Nouvelle Edition autoriseé par l'Association des Amis du Vieux Hué, 1930.

- Thú chơi sách - Vương Hồng Sển. NXB Tự Do, 1961.

- Gia Định xưa và nay - Huỳnh Minh xuất bản năm 1973....

- 300 năm Phú Nhuận - Trần Bạch Đằng chủ biên. Các tác giả Nguyễn Đình Đầu, Sơn Nam, Đỗ Chí Long, Khánh Giang. Ban sưu tầm lịch sử quận Phú Nhuận.

- Sài Gòn trong mắt tôi - Phụng Nghi. NXB Văn Nghệ - California, 1997.

- Hạ tầng đô thị Sài Gòn buổi đầu - Trần Hữu Quang. NXB Tổng hợp TPHCM.

- Nam bộ đất và người tập IV - Nhiều tác giả. NXB Trẻ, 2006.

- Những người bạn cố đô Huế tập VII. NXB Thuận Hóa, 2002.

- Gốm sứ Sông Bé - Nguyễn An Dương chủ biên - Trường Ký - Lưu Ngọc Vang. NXB Tổng hợp Sông Bé, 1999.

- Chỉ nam về Viện Bảo tàng quốc gia Việt Nam tại Sài Gòn - Thái Văn Kiểm và Trương Bá Phát. Tủ sách Khảo cứu, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên VNCH ấn hành, 1974.

- Những xóm bình dân trong vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Tủ sách Pháp luật

- Kinh tế - Xã hội học phổ thông. Quyển thứ ba. Nhâm Thìn 1953.

- Phóng sự Việt Nam 1932-1945, NXB Văn Học.

- Lăng Ông Bà Chiểu và lễ hội văn hóa dân gian - Sơn Nam. NXB Long An 1990.

- Nguyễn Bính, một vì sao sáng - Hoàng Tấn. NXB Đồng Nai & Hội Nghiên cứu và giảng dạy văn học Đồng Nai, 1999.

- Theo chân những tiếng hát - Hồ Trường An. Tổ hợp xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ, 1998.